

Cuốn sách này được sưu tầm, đóng eBook và gửi tới bạn bởi thư viện sách điện tử online:

wWw.VietLion.Com



Cùng bạn đọc

Cuốn “Mao Trạch Đông ngàn năm công tội” do nhà xuất bản Thư Tác Phường ấn hành, ra mắt tại Hồng Kông tháng 7-2007 và tới bạn tháng 6-2008, là một trong những cuốn sách đang được dư luận Trung Quốc hết sức quan tâm, với những luồng ý kiến nhận xét trái ngược nhau, từ hoan nghênh đến bất đồng, thậm chí phản đối gay gắt.

Tác gia Tân Tử Lăng nguyên là cán bộ nghiên cứu và giảng dạy tại Học viện quân sự cấp cao, Đại học Quân chính, Đại học Quốc phòng Trung Quốc. Ông nhập ngũ năm 1950, từng tham gia các phong trào chính trị do Mao phát động, về hưu năm 1994 với quân hàm Đại tá.

Đầu năm 2008, khi đề cập đến bối cảnh ra đời cuốn sách trên, Tân Tử Lăng nêu rõ: Công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc đã thu được những thành tựu lớn lao, đồng thời cũng nảy sinh nhiều vấn đề nghiêm trọng, đáng chú ý là việc không thể ngăn cản có hiệu quả nạn tham nhũng, việc phân phối của cải không công bằng dẫn đến xã hội bị phân hóa, khiến dân chúng rất bất mãn, nhiều người thậm chí công khai tỏ ra luyến tiếc thời đại Mao. Các thế lực cực tả ở Trung Quốc hiện nay muốn lợi dụng tâm trạng bất mãn này để phát động cuộc “Đại cách mạng văn hóa lần thứ hai”, gây cản trở cho việc thực thi các chính sách hiện hành. Nhân ngày giỗ Mao Trạch Đông 13-9-2005, nhiều cuộc mít tinh đã được tổ chức tại 18 thành phố lớn trong đó có Bắc Kinh, Thượng Hải, Thiên Tân... với mục đích phê phán ban lãnh đạo hiện nay đã phản bội chuyên chính vô sản, phục hồi chủ nghĩa tư bản. Những người tham gia các cuộc mít tinh đã công khai hô các khẩu hiệu thời Đại cách mạng văn hoá, kêu gọi dấy lên bão táp cách mạng.

Tình hình trên khiến tác giả thấy cần phải làm cho mọi người thấy rõ thực trạng đời sống chính trị, xã hội và kinh tế của Trung Quốc dưới thời Mao, để từ đó có thể đánh giá một cách công bằng những công lao cũng như sai lầm của Mao đối với đất nước Trung Hoa, nhằm loại bỏ sự chống đối của phái cực tả đối với tiến trình cải cách mở cửa. Tuy nhiên, trong khi cố gắng làm điều đó, tác giả lại làm nổi lên một vấn đề quan trọng khác là: quan điểm của Trung Quốc về “chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc” thực chất là gì? Và đâu là lối thoát khỏi Trung Quốc hiện nay?

Nhiều trong số những vấn đề được nêu ra trong cuốn sách như đánh giá về công lao và sai lầm của Mao, cuộc Đại cách mạng văn hoá, cái gọi là chủ nghĩa xã hội không tưởng dựa trên bạo lực của Mao, chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc, hay việc chuyển từ chủ nghĩa xã hội không tưởng sang chủ nghĩa xã hội dân chủ... hoàn toàn là những quan điểm riêng của tác giả.

Đây là cuốn sách có tính chất tham khảo về nhiều vấn đề liên quan đến lịch sử và vấn đề lý luận của nước Trung Hoa đương đại, nhằm giúp bạn đọc có được những cái nhìn nhiều chiều về những vấn đề đang được nhiều người quan tâm này.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

Lời nói đầu

Nhà cách mạng vĩ đại - người xây dựng thất bại

Cuốn sách này tiếp theo cuốn “Mao Trạch Đông toàn truyện” (Nhà xuất bản Lợi Văn, Hồng Công. Bản in đầu tiên năm 1993), bổ sung sử liệu về Đại tiến vọt và Đại cách mạng văn hoá, tăng thêm phần bình luận, nhằm ủng hộ việc Tổng bí thư Hồ Cẩm Đào cam kết sẽ đánh giá lại Mao Trạch Đông trong nhiệm kỳ của ông.

Cuộc đời Mao Trạch Đông dựng nước có công, xây dựng mắc sai lầm, Đại cách mạng văn hoá có tội. Đó là lời Trần Vân, bậc nguyên lão chỉ nói chân lý, không nói thể diện, rất được kính trọng trong Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đánh giá Mao sai lầm lớn hơn công lao đó có cơ sở quần chúng. Năm 1994, Ban Tuyên truyền Trung ương ĐCSTQ, Phòng Nghiên cứu chính trị Trung ương, Phòng Nghiên cứu chính sách Viện Khoa học Xã hội và Ủy ban Giáo dục quốc gia đã phối hợp tiến hành một cuộc thăm dò dư luận về hai vấn đề. Một là Mao Trạch Đông công lao lớn hơn sai lầm, hay ngược lại? Hai là con sói Mao Trạch Đông có bình thường không? Kết quả là:

a- Cán bộ cấp cao: 37% cho rằng sai lầm lớn hơn công lao. 30% cho rằng công lao lớn hơn sai lầm. 33% không trả lời.

b- Trí thức cấp cao: 67% cho rằng sai lầm lớn hơn công lao, 8% cho rằng công lao lớn hơn sai lầm, 25% không trả lời.

c- Nhà báo và những người làm công tác lý luận: 48% cho rằng sai lầm lớn hơn công lao 18% cho rằng công lao lớn hơn sai lầm, 34% không trả lời.

d- Giáo chức và học sinh: 40% cho rằng sai lầm lớn hơn công lao, 34% cho rằng công lao lớn hơn sai lầm, 26% không trả lời.

Khái niệm chung là sai lầm lớn hơn công lao

Về vấn đề con sói Mao Trạch Đông, 63% đến 72% cho rằng không bình thường.

Những người không trả lời trên thực tế cho rằng sai lầm lớn hơn công lao, nhưng họ sợ công khai bày tỏ sẽ gặp rủi ro. Nếu gộp những người không trả lời vào số người cho rằng Mao Trạch Đông sai lầm lớn hơn công lao, thì số người này chiếm 70% cán bộ cấp cao, 92% trí thức cấp cao, 82% nhà báo và những người làm công tác lý luận, 66% giáo chức và học sinh, bình quân số người cho rằng Mao Trạch Đông sai lầm nhiều hơn công lao là 77,5%. Khái niệm chung là 3 phần công lao, 7 phần sai lầm.

Mao Trạch Đông là nhà cách mạng vĩ đại và người xây dựng thất bại. Trách nhiệm lịch sử của chúng ta là khẳng định và phát triển công lao của Mao thành lập nhà nước cộng hoà dân chủ mới, phủ định và uốn nắn sai lầm của ông khiến đất nước lạc lối vào chủ nghĩa xã hội không tưởng.

Trong thời kỳ cách mạng dân chủ mới, ĐCSTQ đứng đầu là Mao Trạch Đông đã lãnh đạo nhân dân cả nước lật đổ ách thống trị của đế quốc, phong kiến và tư bản quan liêu, sáng lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa vĩ đại. Là nhân vật lịch sử đã làm cho nhân dân Trung Quốc từng chịu đủ mọi sự áp bức và hà hiếp được ngẩng cao đầu, đứng thẳng người trước toàn thế giới, Mao Trạch Đông sẽ được nhân dân Trung Quốc tưởng nhớ đời này qua đời khác. Cuộc cách mạng dân chủ mới thắng lợi và nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời là đỉnh cao huy hoàng trong sự nghiệp cách mạng của Mao, cũng là đỉnh cao sáng chói của tư tưởng Mao Trạch Đông. Sự nghiệp trên được ghi lại trong 3 cuốn "Mao Trạch Đông toàn truyện", chúng tôi không nhắc đến nữa. Cuốn sách này điểm lại quá trình phát triển của Mao Trạch Đông từ chủ nghĩa xã hội không tưởng tới chủ nghĩa xã hội phong kiến.

Chủ nghĩa xã hội phong kiến đương nhiên cũng là chủ nghĩa xã hội không tưởng nhưng lạc hậu và phản động hơn, nó trương chiêu bài chủ nghĩa xã hội để thực hiện nền độc tài chuyên chế và thể chế cha truyền con nối, gia đình trị. Dựa vào sử liệu đã nắm được, chúng tôi sẽ vạch trần nhưng không chút thối phòng những sai lầm và tội ác của chủ nghĩa xã hội bạo lực Mao Trạch Đông, chú trọng phân tích nguồn gốc lịch sử và lý luận dẫn đến những sai lầm lớn đó. Đây là việc rất cần thiết để chúng ta cải cách-mở cửa sâu rộng hơn, phân rõ cái đúng, cái sai trong lịch sử và trên lý luận, loại trừ sự quấy rối "tả" khuynh.

Trong báo cáo chính trị miệng (không văn bản) tại Đại hội 7 ĐCSTQ ngày 24-4-1945, Mao Trạch Đông nói:

“Chúng ta khẳng định phát triển rộng rãi chủ nghĩa tư bản như vậy chỉ có lợi, không có gì hại cả. Trong thời gian khá dài, một số người trong đảng ta không hiểu rõ vấn đề này, tồn tại tư tưởng phái dân tụy. Tư tưởng này sẽ tồn tại lâu dài trong một đảng mà đa số đảng viên xuất thân nông dân. “Chủ nghĩa dân tụy” muốn phát triển trực tiếp từ kinh tế phong kiến lên kinh tế xã hội chủ nghĩa, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”.

Đáng tiếc là sau khi nắm chính quyền, Mao Trạch Đông đã làm ngược lại ý kiến đúng đắn trên: theo con đường dân tụy.

Ngày 15-6-1953, Mao Trạch Đông chủ trì định ra đường lối chung của ĐCSTQ trong thời kỳ quá độ. Ông đã từ bỏ lý luận kiến quốc dân chủ mới, xoá bỏ cương lĩnh kiến quốc dân chủ mới được các tầng lớp nhân dân ủng hộ rộng rãi - “Cương lĩnh chung” có vai trò hiến pháp lâm thời, vội vã xoá bỏ chế độ tư hữu, tiến hành “cải tạo xã hội chủ nghĩa” đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, khiến chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất trở thành cơ sở kinh tế duy nhất của nhà nước và xã hội. Một bước ngoặt sang trái (tả), Trung Quốc đi theo con đường chủ nghĩa xã hội không tưởng dựa vào bạo lực. Tiếp đó Mao phát động phong trào Đại tiến vọt và Công xã hoá, tiến hành cuộc thực nghiệm chủ nghĩa xã hội không tưởng lớn chưa từng thấy và cũng gây ra tấn thảm kịch lớn chưa từng thấy trong lịch sử loài người: 37,55 triệu người chết đói.

Nghiên cứu những sai lầm cuối đời Mao Trạch Đông phải nắm lấy sự kiện lịch sử lớn này. Đây là chìa khoá để khám phá những bí ẩn về Mao.

Mọi hành động chính trị của Mao những năm cuối đời đều nhằm che đậy những sai lầm không tiền khoáng hậu này, trốn tránh trách nhiệm của bản thân. Cái gọi là “chống xét lại, phòng ngừa xét lại”, “ngăn chặn diễn biến hoà bình” và “ngăn chặn phục hồi chủ nghĩa tư bản” nhằm thần thánh hoá chủ nghĩa xã hội không tưởng làm bao người chết đói; cái gọi là “tiếp tục cách mạng dưới nền chuyên chính vô sản “chống phái đương quyền đi con đường tư bản chủ nghĩa trong Đảng” và “lôi ra nhân vật kiểu Khrusev” là muốn chủ động xuất kích, đánh đổ các nhà lãnh đạo theo đuổi chính sách kinh tế thực tế, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng, cứu nhân dân khỏi nước sôi lửa bỏng. Vì vậy, Mao ngang ngược phát động “Đại cách mạng văn hoá” quyết một trận sống mái. Không có sai lầm của ba năm Đại tiến vọt thì không có Đại cách mạng văn hoá. Mao chơi con bài người kế tục, bức hại Lưu Thiếu Kỳ đến chết) đưa Lâm Bưu lên rồi lại ép Lâm Bưu phải bỏ đi, sử dụng Đặng Tiểu Bình rồi lại đánh đổ Đặng Tiểu Bình, chọn một Hoa Quốc Phong “kém cỏi nhất”, mặt chiếu của Mao cho Hoa là “Đồng chí làm việc tôi yên tâm, có vấn đề gì hỏi Giang Thanh”. Mục đích cuối cùng của Mao là muốn đưa Giang Thanh lên cầm quyền. Mao khoác chiếc áo lý luận hiện đại nhất, cách mạng nhất, làm cái việc Hoàng đế khai quốc Triều Minh từng làm hơn 600 năm trước: để Giang Thanh lên cầm quyền thuận lợi, thông qua Đại cách mạng văn hoá, Mao hầu như đã trị hết các công thần danh tướng. Mười năm tai hoạ, các nhân vật trên vũ đài chính trị lớp này đến lớp khác như chạy tiếp sức trên một vòng cung lớn nhằm chuyển chiếc gậy “Đại vương” đến tay Giang Thanh, để Giang kịp thời kế vị lúc Mao nhắm mắt xuôi tay. Âm mưu gia đình trị của Mao bị phơi trần đã làm nát vụn những phỏng đoán của các nhà trí thức lương thiện về động cơ cao thượng của cuộc Đại cách mạng văn hoá do Mao phát động. Nếu không có sai lầm của ba năm Đại tiến vọt, chưa chắc Mao đã phải dùng đến hạ sách này. Mao truyền ngôi cho Giang Thanh có phần bất đắc dĩ. Mao không tin vào ngàn đời vạn thế mà tính toán chỉ cần hai thế hệ (Giang Thanh và Mao Viễn Tân) là đủ thời gian hoàn toàn viết lại lịch sử, chối phát trách nhiệm làm 37,55 triệu người chết đói. Không thể xoá bỏ, cũng không thể sửa đổi phần lịch sử này. Phải đánh dấu đậm nét vào đây. Với cái giá bi thảm nặng nề qui mô lớn nhất, thời gian dài nhất, hy sinh nhiều nhất, người Trung Quốc đã chứng minh “chủ nghĩa cộng sản” ấy không ổn. Cuộc thực nghiệm này là một cống hiến lớn cho nền văn minh của loài người.

Đây là một toạ độ lịch sử, toạ độ chủ nghĩa xã hội không tưởng hoàn toàn thất bại ở Trung Quốc, trên thế giới, và trong lịch sử văn minh của loài người. Ý nghĩa chính diện của toạ độ này là; làm cho những người đời sau mơ tưởng về một thế giới đại đồng (thuật ngữ mác xít là chủ nghĩa cộng sản) đi tới đây sừng sốt mà dừng bước. Để trên thế giới này không còn nảy sinh việc mấy triệu, mấy chục triệu người chết đói vì sai lầm khi lựa chọn lối đi.

Chẳng có mục tiêu cao đẹp của “chủ nghĩa cộng sản” nào hết, đây là một mệnh đề do người sáng lập Chủ nghĩa Mác nêu ra hồi trẻ và đã từ bỏ vào những năm cuối đời. Tháng 10-1847, Ăng ghen viết tác phẩm “Nguyên lý chủ nghĩa cộng sản” phác hoạ ước mơ của chàng trai 27 tuổi về một xã hội lý tưởng trong tương lai. Ngày 11-5-1893 khi 73 tuổi, nói chuyện với phóng viên báo Pháp “Le Figaro”, Ăng ghen đã phủ định mô hình xã hội tương lai do mình thiết kế hồi trẻ. Ông nói:

“Chúng tôi không có mục tiêu cuối cùng. Chúng tôi là những người theo thuyết không ngừng phát triển. Không tính chuyện áp đặt cho loài người quy luật cuối cùng nào. Còn cách nhìn, dự định chi

tiết trên phương diện tổ chức xã hội tương lai ư? Ngài không thể tìm thấy ở chỗ chúng tôi ngay cả hình bóng của chúng”

Theo hồi ức của Liuba, cháu gái cố Tổng bí thư Brezhnev, sinh thời Brezhnev từng nói với người em trai: “Chủ nghĩa cộng sản cái quái gì, đều là những lời nói trống rỗng lừa bịp dân chúng”. Sai lầm của nhà lãnh đạo Liên Xô cũ không phải ở chỗ từ bỏ mục tiêu của chủ nghĩa cộng sản, mà ở chỗ ông tiếp tục lấy cái lý luận mà bản thân không còn tin nữa làm ý thức hệ chính thức để lừa gạt nhân dân. Một chính đảng lãnh đạo nhân dân tiến lên phải như Ăng ghen điều chỉnh mục tiêu phấn đấu của mình cho kịp thời đại, và trình trọng công bố trước nhân dân.

Trong một bức thư tháng 9- 1890, Ăng ghen viết: “Theo quan điểm duy vật, nhân tố mang tính quyết định trong quá trình lịch sử nói cho cùng là sản xuất và tái sản xuất trong đời sống hiện thực. Mác và tôi đều chưa khẳng định được gì nhiều hơn thế”. Trước khi ra đời, chủ nghĩa tư bản đã tạo ra năng suất lao động cao hơn chế độ phong kiến, nên chế độ tư bản đã hoàn toàn chiến thắng chế độ phong kiến. Chế độ xã hội chủ nghĩa bạo lực - giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản - trải qua hơn 70 năm nỗ lực hết sức mình để đuổi kịp và vượt các nước tư bản chủ nghĩa, chỉ riêng Liên Xô và Trung Quốc đã phải trả giá 50 triệu người chết đói (Liên Xô 13 triệu, Trung Quốc trên 37 triệu), mà cũng không đuổi kịp các nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu trên phương diện “sản xuất và tái sản xuất trong đời sống hiện thực”. Chế độ xã hội chủ nghĩa bạo lực của Lenin, Stalin và Mao Trạch Đông thi thố hết tài năng cũng không tạo ra nổi năng suất lao động cao hơn chủ nghĩa tư bản, đương nhiên bị lịch sử đào thải, giai đoạn cao hơn của nó là chủ nghĩa cộng sản tất nhiên cũng diệt vong.

Xu thế tiến hoá tự nhiên của lịch sử loài người không phải chủ nghĩa tư bản, cũng không phải chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa tư bản hiện đại do tiếp thu chính sách của chủ nghĩa xã hội mà nảy sinh tự cải lương, đi tới nền kinh tế hỗn hợp về chế độ sở hữu. Chủ nghĩa xã hội thông qua cải cách, tiếp thu các chính sách của chủ nghĩa tư bản cũng từ chế độ công hữu đơn nhất đi tới nền kinh tế hỗn hợp. Mô hình kinh tế hỗn hợp này gọi là chủ nghĩa tư bản mới, cũng gọi là chủ nghĩa xã hội dân chủ. Tình hình trên đã diễn ra ở Mỹ, Nga, Trung Quốc và nhiều nước phát triển khác.

Trong cuốn “Chủ nghĩa tư bản mới”, học giả Mỹ W.E Harral viết:

Kinh tế hỗn hợp: Một trật tự thế giới nối liền chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội. Vượt trên ý thức hệ xơ cứng của “chủ nghĩa tư bản cũ” và “chủ nghĩa xã hội cũ”, hai loại chế độ xã hội đều đang tiến tới mục tiêu chung: lợi dụng đặc điểm hấp dẫn của xí nghiệp tự do để tránh mọi khuyết tật của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn độc quyền và chủ nghĩa xã hội nhà nước tập quyền trung ương.

Nhà kinh tế học Pháp J. Rafael cũng nêu rõ: “Trong phần lớn các nước phát triển, toàn bộ nền kinh tế quốc dân đều đã trở thành kinh tế hỗn hợp, thậm chí xem ra đã trở thành một thể chế tổ chức xã hội nhất định. Là mô hình hỗn hợp của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, về lý luận, kinh tế hỗn hợp chính là biện pháp bổ cứu có ý nghĩa kép nhằm vào thất bại rõ rệt của nền kinh tế kế hoạch quốc hữu hoá toàn diện, và trào lưu tư tưởng tự do cổ động xoá bỏ sự quản lý của nhà nước, thực thi tự do hoá toàn diện.

Ông còn vạch rõ:

“Theo niên báo Thế giới phát triển 1982, thể chế kinh tế của 19 nước công nghiệp phát triển đều là kinh tế hỗn hợp. Bởi vậy, nếu lấy thành tích kinh tế cụ thể chứ không phải những lời cam kết trống rỗng để thảo luận chế độ nào có khả năng giải quyết vấn đề hơn, thì không nghi ngờ gì nữa, kinh tế hỗn hợp lấy thị trường làm trung tâm là chế độ tương đối ưu việt”.

Nước Anh đã hai lần thực hiện quốc hữu hoá trong thời gian 1945- 1951 và 1971, tập trung trong tay nhà nước hàng loạt xí nghiệp lớn, kể cả Ngân hàng Anh, khiến kinh tế nước này trở thành nền kinh tế hỗn hợp điển hình kết hợp giữa kinh tế tư nhân và kinh tế quốc doanh. So với Anh, kinh tế quốc doanh của Pháp chỉ hơn, không kém. Từ năm 1944 đến 1946 căn cứ vào kế hoạch nhà nước lần thứ nhất, Pháp đã quốc hữu hoá các ngành than, điện, vận tải, Ngân hàng Pháp và 4 ngân hàng thương nghiệp toàn quốc. Đầu thập kỷ 80 thế kỷ 20, Pháp một lần nữa thực thi quốc hữu hoá, các xí nghiệp quốc hữu hoá không chỉ liên quan đến các ngành cơ sở, mà còn mở rộng sang các ngành công nghiệp mũi nhọn tính cạnh tranh rất mạnh, như công ty máy bay Taso(?), công ty vũ khí Matra. Các thành viên EU khác như Ý, Đức cũng thực hiện quốc hữu hoá ở mức độ khác nhau.

“Quyết định một số vấn đề cụ thể về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa” của Hội nghị Trung ương 3 khoá 16 ĐCSTQ chỉ rõ: “Phải ra sức phát triển kinh tế chế độ sở hữu hỗn hợp với sự tham gia của các nguồn vốn quốc doanh, tập thể và phi công hữu, khiến chế độ cổ phần trở thành hình thức thực hiện chủ yếu của chế độ công hữu”. Mỗi bước tiến triển lớn của công cuộc cải cách thể chế kinh tế Trung Quốc đều là sản phẩm nhận thức sâu hơn về chế độ sở hữu, và việc điều chỉnh quan hệ chế độ sở hữu. Là sản phẩm cải cách chế độ sở hữu, kinh tế hỗn hợp tất sẽ ảnh hưởng lớn lao tới công cuộc cải cách kinh tế và phát triển, trở thành luồng tư duy hoàn toàn mới mẻ trong công cuộc cải cách kinh tế của Trung Quốc.

Kinh tế hỗn hợp hoàn toàn không phải một loại chế độ do con người chủ quan tạo ra, mà là sản phẩm lịch sử ảnh hưởng và diễn hoá lẫn nhau giữa chế độ tư bản chủ nghĩa và chế độ xã hội chủ nghĩa. Chế độ do lịch sử hình thành tự nhiên mới hợp lý và tồn tại lâu dài. Kinh tế hỗn hợp là cơ sở kinh tế của chế độ xã hội chủ nghĩa dân chủ. Con đường của chủ nghĩa xã hội dân chủ đang trở thành con đường được loài người cùng chấp nhận, đưa loài người vào một thế kỷ mới phát triển hoà bình.

Ý nghĩa lớn nhất của công cuộc cải cách mở cửa 27 năm qua là thoát khỏi con đường của chủ nghĩa xã hội không tưởng dựa trên bạo lực của Mao Trạch Đông, từng bước hội nhập với nền văn minh chủ lưu trên thế giới, trở thành một thành viên được tôn kính trong đại gia đình quốc tế. Quá trình chuyển đổi mô hình do Trung Quốc, Liên Xô cũ và các nước Đông Âu hội tụ nên lần này đã từ con đường sai lầm của chủ nghĩa xã hội không tưởng quay trở lại chủ nghĩa xã hội dân chủ, là bước tiến lớn thứ hai của xã hội loài người từ khi nền văn minh hiện đại phương Tây ra đời đến nay. Cải cách-mở cửa đã hoàn toàn phủ định chủ nghĩa xã hội không tưởng. Đưa ra khái niệm “giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội” có nghĩa là ngấm ngấm khôi phục chủ nghĩa dân chủ mới. Ngấm ngấm khôi phục không bằng công khai giương ngọn cờ dân chủ mới. Khi sáng lập lý luận dân chủ mới, Mao Trạch Đông nói chủ nghĩa dân chủ mới là chủ nghĩa tư bản mới. Tiếp nối vào điểm này, tiến lên theo chủ nghĩa xã hội dân chủ, là đã triệt để giải quyết tính hợp pháp và chính thông công cuộc cải cách-mở cửa.

Thành tựu lớn lao của cải cách-mở cửa 27 năm qua đã đặt cơ sở hợp pháp cho ĐCSTQ cầm quyền. Nhắc lại giọng điệu “tả” khuynh là tự phủ nhận mình. Bảo vệ những sai lầm của Mao Trạch Đông,

tìm kiếm tiếng nói chung với “phái tả”, thực hiện chính sách kinh tế “hữu khuynh” đi đôi với ý thức hệ “tả khuynh thì chỉ chứng minh lược rằng 27 năm qua mình đã làm sai, không tăng cường mà chỉ có thể làm suy yếu vị trí cầm quyền của ĐCS TQ; không thể mang lại tính hợp pháp cho cải cách mở cửa, mà chỉ có thể mang lại tính hợp pháp cho chủ trương chính trị phản đối cải cách mở cửa. Thách thức vị trí cầm quyền của ĐCS TQ không phải các thế lực phương Tây ở chốn xa xôi, mà là “phái tả” trong đảng vung vẩy ngọn cờ sai lầm của Mao Trạch Đông bên trong bức tường của Đảng. Xin hãy đọc những lời lẽ sát khí đằng đằng, mê hoặc lòng người trên lá cờ của chúng. Trong bài “Chỉ có Tư tưởng Mao Trạch Đông mới cứu được Trung Quốc”, chúng viết:

“Không phải Đại cách mạng văn hoá sai, mà là Đặng Tiểu Bình hoàn toàn phủ định Đại cách mạng văn hoá. Những người kế thừa Đặng đã theo đuổi đường lối xét lại, và chính vì thế cần phát động cuộc Đại cách mạng văn hoá nữa để loại trừ”. Lúc lâm chung, Đặng Tiểu Bình dặn dò phải cảnh giác hữu, chủ yếu phản đối “tả”, ông thật có tầm nhìn lịch sử sâu xa. Mưu toan cùng “phái tả” bảo vệ những sai lầm của Mao để đòi lấy việc họ ủng hộ cải cách-mở cửa chỉ khiến họ càng hung hăng phản đối cải cách-mở cửa. Sách lược “bật tín hiệu rẽ trái, bẻ tay lái sang phải” đã đi đến điểm tận cùng.

Tháng 3-2004, kỳ họp thứ 2 Quốc hội Trung Quốc khoá 10 đã đưa điều khoản quan trọng bảo vệ chế độ tư hữu vào hiến pháp, tiếp nối quỹ đạo với “Cương lĩnh chung Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc” năm 1949, đánh dấu sau khi trải qua chặng đường quanh co, Trung Quốc đã trở lại điểm xuất phát đúng đắn, đi lên con đường chủ nghĩa xã hội dân chủ.

Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc là sản phẩm kết hợp giữa tư tưởng chủ nghĩa xã hội dân chủ của Mác-Ăng-ghe-những năm cuối đời và thực tiễn cụ thể cải cách-mở cửa của Trung Quốc, sẽ xây dựng Trung Quốc thành một nước xã hội chủ nghĩa dân chủ giàu có, văn minh, công bằng và hài hoà như châu Âu ngày nay. Đảng Cộng sản Trung Quốc chuyển sang chủ nghĩa xã hội dân chủ là tuân theo lời dạy của Mác và Ăng-ghe-những năm cuối đời, kế thừa truyền thống cách mạng dân chủ mới, triệt để thoát khỏi mô hình Liên Xô, trở lại với chủ nghĩa Mác tiến cùng thời đại. Đó là định vị lịch sử của chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc.

Thời kỳ đầu cải cách-mở cửa để phát triển kinh tế nhiều thành phần, phái cải cách đưa vị trí chủ đạo của kinh tế quốc doanh vào hiến pháp nhằm làm yên lòng phái “tả” đến nay thành ra tự tròng dây vào cổ mình, phái “tả” đứng ra “bảo vệ hiến pháp”, dựa vào hiến pháp để chống lại. Tháng 3-2006, trong thời gian họp Quốc hội và Hội nghị hiệp thương chính trị toàn quốc, có uỷ viên Hội nghị hiệp thương chính trị chất vấn: “Điều 6 hiến pháp qui định cơ sở chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa nước CHND Trung Hoa là chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, tức chế độ sở hữu toàn dân và chế độ sở hữu tập thể của quần chúng lao động. Kinh tế quốc doanh năm 1992 chiếm 48% kinh tế quốc dân Trung Quốc, nay còn chiếm tỉ trọng bao nhiêu? Những năm qua, kinh tế quốc doanh ào ạt bán rẻ cho tư nhân, hoặc chuyển thành sở hữu tư nhân. như vậy có vi phạm hiến pháp không?” Chính phủ tự biết mình đuối lý, chẳng ai dám đứng ra đối đáp.

Từ ngày cải cách-mở cửa đến nay, các khoá lãnh đạo các cấp ra sức tìm cách giữ cho được vị trí chủ đạo của kinh tế quốc doanh, đây là “trận địa cuối cùng của chủ nghĩa xã hội”. Tuy kinh tế cá thể và kinh tế tư nhân đã ra đời, các xí nghiệp vốn nước ngoài cũng đã len chân vào, song phái cải cách vẫn phải nắm chặt con bài “xí nghiệp quốc doanh chiếm vai trò chủ đạo” để đối phó phái “tả” coi mình là “người bảo vệ đường lối cách mạng của Mao Chủ tịch”. Song các xí nghiệp quốc doanh

thể hiện tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội này làm ăn chẳng ra gì, liên tục thua lỗ. Thế là tài chính nhà nước và địa phương cấp vốn không hoàn lại, dùng tiền thuế do nông dân và các xí nghiệp tư nhân đóng góp để nuôi xí nghiệp quốc doanh. Khi nhà nước nuôi không nổi, liền đẩy cho ngân hàng.

Ngân hàng mỗi năm cho vay khoảng 1.500 tỉ NDT (Nhân dân tệ - đơn vị tiền tệ của Trung Quốc), 70% số này rót vào các xí nghiệp quốc doanh. Do các xí nghiệp quốc doanh chỉ vay không trả, nợ đọng một khoản tiền khổng lồ, hề bù đắp nổi số tiền tệ, thế chế nhà nước tất sẽ lung lay, thế là nhà nước lại đẩy các xí nghiệp quốc doanh sang thị trường chứng khoán. Các công ty lên sàn mấy năm trước hầu như toàn là xí nghiệp quốc doanh. Những người chơi cổ phiếu ham phát tài, bị cuốn phẳng 1.500 tỉ NDT để tiếp máu cho các xí nghiệp quốc doanh, nhưng cũng không cứu sống nổi các xí nghiệp này. Theo báo cáo của người phụ trách Ủy ban kinh tế thương mại ba tỉnh Cát Lâm, Liêu Ninh, Hắc Long Giang, có xí nghiệp quốc doanh máy móc khởi động, chỉ phí than - điện - nước rót vào rồi, nhưng tiền lương công nhân viên chức, tiền lãi các khoản vay và lợi nhuận sau thuế đều không lo nổi, đành giảm tài sản tịnh để duy trì đời sống của công nhân viên.

Có xí nghiệp đi vay để chi trả lương công nhân viên và tiền lãi ngân hàng. Có xí nghiệp máy móc, nhà xưởng dần dần giảm giá, thống kê trong sổ sách trên thực tế trở thành “tài sản không”. Có xí nghiệp tỉ lệ lợi nhuận chỉ có 1 đến 3%, cơ bản ngang tiền lãi công trái kỳ hạn 5 năm, có nơi còn thấp hơn.

Để chuyển lỗ thành lãi, các phương án cải cách lần lượt được đưa ra, cơ cấu quản lý nhiều lần chấn chỉnh, làm trong 20 năm mà vẫn thua lỗ, do đó mới có phương án cải cách, cổ phần hoá, tư hữu hoá.

Con đường cải cách các xí nghiệp quốc doanh sau Đại hội 15 ĐCSTQ là “nắm cái lớn, thả lỏng cái nhỏ”. Các xí nghiệp lớn nhập vốn tư nhân và vốn nước ngoài, thực hiện chế độ cổ phần; các xí nghiệp nhỏ thực hiện tư hữu hoá, nay Chính phủ trung ương chỉ nắm 1.200 (trước đây là 9.000) xí nghiệp quốc doanh cỡ lớn liên quan đến vận mệnh và an ninh quốc gia.

Cách làm này tương tự các nước tiên tiến trên thế giới. Các nước phát triển trên thế giới thực hiện thể chế kinh tế hỗn hợp đều có các xí nghiệp quốc doanh, chủ yếu là các nhà máy do nhà nước độc quyền (như đường sắt, hàng không, ngân hàng), các xí nghiệp tư nhân không đủ sức xây dựng (như điện hạt nhân, dầu khí), cùng các xí nghiệp mang tính công ích (như giao thông công cộng, điện nước). Các xí nghiệp này không lấy lãi làm chính, một số xí nghiệp mang tính phúc lợi toàn dân, phải dựa vào nhà nước đầu tư và trợ giá. Nhưng các xí nghiệp này không được chiếm tỉ trọng lớn, càng không thể chiếm vị trí chủ yếu trong nền kinh tế quốc dân, mà đại thể chỉ 15 đến 20%. Theo Công ty Tài chính-tiền tệ quốc tế, năm 1996, Trung Quốc có 114.000 xí nghiệp quốc doanh, năm 2005 còn 27.000. 77% số công ty đã tư hữu hoá một phần hoặc toàn bộ. Tỉ trọng kinh tế quốc doanh tụt xuống còn 23%, gần bằng quan hệ tỉ trọng các nước phát triển. Đây là việc từ không bình thường chuyển sang bình thường, nhưng theo phái “tả” nó đã đụng chạm đến mạng sống của chủ nghĩa xã hội.

Phải sửa đổi hiến pháp. Lý do là: năm 1978, kinh tế quốc doanh Trung Quốc chiếm 99,1%, nhưng tổng sản phẩm quốc nội chỉ có 362,4 tỉ NDT. Năm 2005, kinh tế quốc doanh không chiếm vị trí chủ

đạo nữa, song tổng sản phẩm quốc nội cả năm đạt 18,230 tỉ NDT. Chúng ta đứng trước sự lựa chọn cần 17.867,6 tỉ NDT, hay cần cái hư danh vị trí “chủ đạo” kia?

Đừng nhìn nhận quan hệ tỉ lệ đó quan trọng đến thế, ngày nay, chủ nghĩa tư bản mới và chủ nghĩa xã hội dân chủ đã trở thành hai mặt của đồng tiền vàng, đều theo thể chế kinh tế hỗn hợp, chúng ta cần thoát khỏi xiềng xích xí nghiệp quốc doanh chiếm vị trí chủ đạo do mình tạo ra.

Phải nói thẳng là công cuộc cải cách thể chế xí nghiệp quốc doanh cũng nảy sinh một số vấn đề, như hàng loạt công nhân viên mất việc, quần thể yếu kém gặp nhiều khó khăn trong việc khám chữa bệnh, học hành, dưỡng lão, quan chức tham nhũng, nhất là phân phối không công bằng dẫn đến phân hoá hai cực, khiến lòng người xôn xao.

Công cuộc cải cách thể chế xí nghiệp quốc doanh cơ bản do chính quyền các cấp chủ trì. Chính quyền tham gia thiết kế bộ máy quản lý công ty, tìm kiếm người kinh doanh, định giá tài sản quốc doanh, thậm chí gánh vác một phần tiền nợ. Các xí nghiệp quốc doanh tương đối lớn có nhiều tài sản tồn đọng, khó mà bán được, liền mặc cho các quan chức chủ sự “giới định” nó từ sở hữu toàn dân sang sở hữu nội bộ, trong nội bộ lại chỉ định sau cải cách thể chế xí nghiệp quốc doanh, “người kinh doanh nắm cổ phần lớn”. Người ta gọi lối làm ăn này là “cải cách kiểu giới định”, nói trắng ra là chia bôi hành chính, lưu lại không gian vận hành rộng rãi cho các quan chức và thương nhân cấu kết với nhau phát tài qua cải cách. Nếu người chủ trì là một quan tham, thì cuốn “kinh” cải cách thể chế nhằm đưa xí nghiệp quốc doanh thoát khỏi nghèo nàn này liền bị đọc chệch hẳn đi. Trước sự dụ dỗ của lợi ích lớn lao nằm trong tầm tay, các quan chức rất khó giữ mình trong sạch. Chỉ cần nội bộ tập đoàn lãnh đạo chia đều lợi ích theo quyền lực lớn nhỏ, thì chính quyền, đảng uỷ, hội đồng nhân dân đều bật đèn xanh, mọi người vừa có tiền, lại có thành tích chính trị; vừa phù hợp chính sách, vừa đúng với luật pháp. Thế là hình thành “tập đoàn lợi ích” được thể chế, chính sách và luật pháp hiện hành bảo hộ.

Những vấn đề nảy sinh trong cải cách thể chế xí nghiệp quốc doanh cũng từng xảy ra trong các nước theo chủ nghĩa xã hội dân chủ. Họ không lùi bước để xí nghiệp quốc doanh tiếp tục thua lỗ rồi “hoá” sạch, mà lấy tư hữu hoá dân chủ phản đối tư hữu hoá quyền quý, phương hướng tư hữu hoá không thay đổi. “Tư hữu hoá quyền quý” là gì? Là quan chức cấu kết với thương nhân vơ vét tài sản của nhà nước và nhân dân. Thực hiện kinh tế thị trường mà không đồng bộ với dân chủ hoá chính trị, tất sẽ nảy sinh quan chức cấu kết với thương nhân, muốn đánh giá xí nghiệp quốc doanh thế nào cũng được, muốn đem tài sản quốc doanh cho ai thì cho, muốn đẩy công nhân ra đường thì đẩy ra ngoài đường, đây là chỗ tệ hại của chủ nghĩa tư bản quan liêu. Giả dụ chúng ta khởi động tiến trình dân chủ, tiến hành cải cách chính trị, thật sự trao cho công nhân quyền dân chủ qui định trong hiến pháp, ủng hộ công nhân xí nghiệp quốc doanh giám sát công cuộc cải cách thể chế, dựa vào dân chủ giành lấy công bằng và chính nghĩa, bảo vệ quyền lợi của mình, thì vấn đề sẽ được giải quyết dễ dàng. Ở đây cần nhấn mạnh nhất định không phải là Đảng và Chính phủ thay mặt công nhân để chủ trì công bằng và chính nghĩa, anh cử một cán bộ Uỷ ban kiểm tra kỷ luật hoặc Viện kiểm sát đến giám sát quan chức chủ sự, một khi cán bộ này bị lôi kéo, liền biến thành đôi bàn tay đen khác lớn mạnh hơn.

Làm thế nào ủng hộ công nhân. Chẳng hạn cho phép công nhân thành lập công đoàn độc lập, tự do báo chí... Chỉ cần có tự do báo chí, kịp thời phơi trần hộp đen thao túng việc phân chia tài sản quốc doanh, thì có thể chặt đứt bàn tay đen mượn cải cách thể chế để vơ vét tài sản nhà nước. Mượn có

“ổn định áp đảo hết thảy” không cho công nhân tham gia và nắm tình hình, kiểm soát báo chí, trên thực tế là bảo vệ cho các quan chức ăn chia, khiến công nhân giương cao ảnh Mao Trạch Đông biểu tình thị uy, dẫn đến không ổn định hơn. Chỉ có cải cách chính trị mới giải quyết được vấn đề này. Đây là kết quả tốt đẹp nhất phù hợp mong muốn của những người quan tâm ổn định và dân chủ, thị trường hoá và công bằng, tự do và trật tự ở Trung Quốc.

Do cải cách chính trị không theo kịp, làm nổi bật mặt tiêu cực của cải cách mở cửa, khiến số người phản đối và bất mãn với cải cách mở cửa tăng nhanh. Từ 1979 đến 1982, cả nước có 2 vạn vụ kiện cáo lên cấp trên, năm 2005, con số này là 30 triệu vụ, tăng gấp 1.500 lần, cũng có nghĩa là nhân tố không ổn định trong xã hội Trung Quốc tăng gấp 1.500 lần. Một số phần tử phái “tả” cho rằng đây là tình hình có thể lợi dụng. Họ xúi nguyên giục bị, tạo gió gây mưa, lừa dối quần chúng, lôi kéo lớp trẻ. Họ cho rằng “nước lùi, dân tiến” là đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, họ cổ động quay lại thời đại Mao, lại gây ra cuộc tranh luận Trung Quốc nay là xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa. Một khi nắm được số quần chúng trên, lý luận “tả” khuynh có thể chuyển hoá thành lực lượng phá hoại khổng lồ. Củi kho Đại cách mạng văn hoá còn chất đống nơi đây. Phái “tả” tạo gió gây mưa vẫn đi theo con đường Đại cách mạng văn hoá, trương lá cờ phản đối “con đường tư bản chủ nghĩa”, trước tiên đẩy các nhà tri thức lên đàn tề, điếm tên phê phán một số “học giả chủ lưu” từng góp ý kiến hiến kế, có công hiến cho cải cách-mở cửa, nói họ chủ trương thúc đẩy xây dựng kinh tế thị trường là “tự do hoá tư sản”, lại chia cán bộ lãnh đạo các cấp chủ trì cải cách-mở cửa thành “phái cải cách tự do hoá tư sản” và “phái cải cách xã hội chủ nghĩa”, xúi giục triển khai cuộc đấu tranh lớn ở trong và ngoài Đảng, đoạt quyền của “phái cải cách tự do hoá tư sản” và đánh đổ phái này. Điều đặc biệt cần cảnh giác là Trường phòng Tổng hợp Ban nghiên cứu chính sách Trương Cán Đức đã gióng lên hồi trống trận về cuộc Đại cách mạng văn hoá lần thứ hai. Y tuyên bố: “Trận quyết chiến sắp tới về thực chất là cuộc vật lộn sống chết giữa hai tiền đồ, hai số phận: đi con đường tư bản chủ nghĩa hay con đường xã hội chủ nghĩa, phái cải cách tự do hoá tư sản nắm quyền hay phái cải cách xã hội chủ nghĩa nắm quyền, phụ thuộc vào đế quốc Mỹ hay bảo vệ được độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia”. Phải xem tên Trương Cán Đức này đại diện cho ý kiến của những người nào và đại diện đến mức nào. Đây là một động hướng vô cùng nguy hiểm. Tính chất dã man, tàn khốc, chuyên chế và không tương của Đại cách mạng văn hoá có thể phá hoại tan tành những gì hiện có. Một khi dân chúng bị phái “tả” kích động, gửi gắm hy vọng tìm ra lối thoát vào vong hồn Mao Trạch Đông, bộc lộ sự bất mãn của mình theo phương thức do Mao dạy bảo, trương ngọn cờ Mao Trạch Đông mà nhà cầm quyền không dám phản đối, lôi “phái cải cách tư bản chủ nghĩa” ra đấu tố, thì tình hình khó mà dàn xếp được. Đây là ẩn hoạ lớn nhất ở Trung Quốc trong 10 năm tới. Chỉ có tiến hành cuộc cải cách chính trị thật sự chứ không hời hợt, bao gồm cải cách ý thức hệ là cải cách thể chế chính trị, mới có thể tránh được một đại hoạ mới. Không thực hiện hiến chính dân chủ, sớm muộn sẽ bùng nổ cuộc Đại cách mạng văn hoá lần thứ hai.

Bài học lịch sử là không dễ gì nắm bắt được thời cơ cải cách chính trị khi cho rằng mình có đủ lực lượng kiểm soát tình hình, người cầm quyền thường ngoan cố cự tuyệt cải cách, hoặc chần chừ, coi nhẹ, đến khi tình thế qua đi, mới nghĩ đến cải cách nhưng lúc đó khủng hoảng đã bùng phát, họ không còn tư cách chủ đạo công cuộc cải cách chính trị nữa, chỉ còn cách bị dòng thác lịch sử cuốn phăng. Chẳng hạn nửa cuối năm 1945 và nửa đầu năm 1946 là thời cơ của Quốc Dân Đảng Tưởng Giới Thạch. Nếu Tưởng nắm lấy cơ hội hai đảng Quốc Cộng cùng bàn việc nước, không gây nội chiến, tiến hành cải cách chính trị, từ bỏ một đảng độc tài, cùng Đảng Cộng sản tổ chức Chính phủ Liên hợp, thì không đến nỗi bị đuổi khỏi Hoa lục, tình hình xấu nhất là hai đảng luân phiên cầm quyền, và để tranh thủ cử tri, đảng nào cũng lo làm việc tốt, chẳng bên nào dám làm bừa. Trung

Quốc từ đó lập nên thể chế dân chủ tuần hoàn tốt đẹp. Một ví dụ khác: năm 1961 là thời cơ của Lưu Thiệu Kỳ. Khi ấy, Đại tiến vọt thất bại thảm hại, mấy chục triệu người chết đói, Mao Trạch Đông mất hết thể diện trên thế giới và mất sạch lòng người trong nước, tại Đại hội 7.000 người, lực lượng thúc giục hạ bệ Mao Trạch Đông từng có lúc chiếm đa số. Đó là giờ phút Mao suy yếu nhất về chính trị, nếu Lưu Thiệu Kỳ thừa thế triệu tập Đại hội 9, đoàn kết toàn đảng, triệt để thanh toán đường lối chủ nghĩa xã hội không tưởng tổng kết bài học đau đớn mấy chục triệu người chết đói, sắp xếp cho Mao một chức vụ danh dự để dưỡng lão, xoá bỏ thể chế chính trị độc tài cá nhân, thực hiện hiến chính dân chủ, thì có thể đẩy chính sách cải cách-mở cửa sớm lên 20 năm, đất nước tránh được một tai hoạ lớn, bản thân Lưu cũng không đến nỗi đi đến một kết cục bi thảm như vậy. Lưu Thiệu Kỳ khi phải quyết đoán lại không quyết, đợi đến khi Mao hoàn hồn, chuẩn bị phát động Đại cách mạng văn hoá, Lưu mới nghĩ đến triệu tập Đại hội 9; và đến khi bị phái tạo phản lôi ra đấu ở Trung Nam Hải, ông mới nghĩ đến hiến pháp.

Bởi vậy, một bước trọng đại phải thực hiện trong khi có thời cơ là đánh giá lại Mao Trạch Đông. Tổ hợp chủ nghĩa cơ hội “bật tín hiệu rẽ trái, bẻ tay lái sang phải” (đề cao ý thức hệ nhưng chống lại chính sách kinh tế của Mao) có thể tạm yên ổn một thời, nhưng sớm muộn sẽ lật xe. Các nhà lãnh đạo hiện nay cần biết rằng: các vị giương ngọn cờ Mao Trạch Đông trong tinh vực ý thức hệ càng cao, thì “sai lầm” của các vị về chính sách kinh tế càng lớn, phần “tả” về chính trị làm nổi bật phần “hữu” về kinh tế. Thật sự lấy cái đúng, cái sai của Mao làm tiêu chuẩn đúng sai, thì các vị là “phái theo con đường tư bản chủ nghĩa đang đi trên con đường tư bản chủ nghĩa”. Đề cao Mao như vậy là vác đá ghè chân mình. Cần xác lập vị trí chính thống của đường lối cải cách-mở cửa trong lĩnh vực ý thức hệ. Phái cải cách chỉ có quyền hành chính không có quyền phát ngôn, là không được.

“Quyền phát ngôn” ở Trung Quốc ngày nay là quyền giải thích chủ nghĩa Mác. Kế thừa quyền giải thích chủ nghĩa Mác của Mao Trạch Đông để cải cách-mở cửa, tất sẽ gặp muôn vàn trở lực, làn sóng phản đối không dứt. Những người phản đối cải cách mở cửa nằm ngoài chính quyền khí thế như hổ, những người cầm quyền chủ trì cải cách-mở cửa lo ngại, thiếu tự tin thể là đề ra sách lược “bật tín hiệu rẽ trái, bẻ tay lái sang phải”. Chỉ có chính sách kinh tế cải cách-mở cửa mà không có ý thức hệ bảo vệ chính sách đó thì không thể thành công, Lưu Thiệu Kỳ đã thất bại ở chỗ này. Chính sách “ba tự, một bao” (đất phần trăm, thị trường tự do, tự chịu lỗ lãi, và khoán sản tới hộ) của Lưu đã cứu vãn tình hình đang bên bờ vực thẳm, cứu trăm họ, cứu đất nước, nhưng lại trở thành chiếc vòng kim cô trên đầu ông, mắc phải cái gọi là “sai lầm đi theo con đường tư bản chủ nghĩa”. Còn “lãnh tụ vĩ đại” được Lưu cứu giá đã niệm chú xiết chặt vòng kim cô trên đầu Lưu, đẩy ông vào chỗ chết.

Nay những người kế thừa chính sách “ba tự, một bao” tuy đã tiến hành cải cách-mở cửa rất thành công, nhưng thường xuyên bị phê phán, ý thức hệ truyền thống coi họ là “phái cải cách tự do hoá tư sản”. Việc cấp bách là phải khôi phục bộ mặt vốn có của lịch sử, nói rõ với quần chúng nhất là thế hệ trẻ nguồn gốc sai lầm của chủ nghĩa xã hội không tưởng Mao Trạch Đông, nhìn lại thời kỳ đại hoạ “tả” khuynh tác oai tác quái, sinh linh lầm than, vạch trần chủ nghĩa Mác giả hiệu của Mao Trạch Đông, giành lại quyền phát ngôn, khiến chủ nghĩa xã hội không tưởng của Mao Trạch Đông mất sạch sức hấp dẫn ở Trung Quốc. Đó là tính toán mưu lược lâu dài, sâu xa của Đặng Tiểu Bình khi ông để lại lời căn dặn một số năm sau phải đánh giá lại Mao. Cuốn sách này phải hoàn thành nhiệm vụ lịch sử ấy.

Chúng tôi viết dưới hình thức sinh động để mọi người cùng thưởng thức, khiến các chính khách đọc không cảm thấy thô thiển, nông cạn, sinh viên đọc không thấy quá sâu xa. Các tài liệu và sự kiện

lịch sử đều có chứng cứ, nguồn gốc. Cuốn sách này là tác phẩm học thuật nghiêm túc, xuất bản lần thứ 2 có thêm mấy trăm chú thích. Cuốn sách dài 70 vạn chữ muốn dùng những sai lầm lịch sử của Mao Trạch Đông nhắc nhở đời sau: không thể đi và cũng không đi nổi con đường chủ nghĩa xã hội không tưởng, “thiên đường của chủ nghĩa cộng sản” không có giai cấp, không có bóc lột. không có áp bức trong tưởng tượng là địa ngục trần gian đã làm chết đói 37,55 triệu người. Đi bước này rồi mới có thể đánh bại tận gốc rễ những giáo điều cực tả thiêng liêng bất khả xâm phạm, phá cải cách và đường lối của họ mới có thể thoát khỏi trạng thái uồn ẻo trong điệu múa ương ca “bật tín hiệu rẽ trái, bẻ tay lái sang phải” đứng vững trên đôi chân lịch sử.

Tôi năm nay ngoài 70 tuổi, đã trải qua những năm tháng của chủ nghĩa xã hội không tưởng ở Trung Quốc, từng tham gia các phong trào chống phái hữu, ba cuộc cải tạo lớn, Đại tiến vọt và Đại cách mạng văn hoá, làm công tác giảng dạy và nghiên cứu ở Học viện quân sự cấp cao trong thời gian dài, hành trình tư tưởng bám sát Mao Trạch Đông, nếu không, không thể trải qua bấy nhiêu cuộc vận động chính trị mà vẫn tồn tại. Mao Trạch Đông là thần tượng của tôi thời trai trẻ, khi giảng dạy và viết bài, tôi từng thật lòng cổ vũ sùng bái cá nhân Mao Trạch Đông, cổ vũ chủ nghĩa xã hội không tưởng mà ông ta thực hiện; thậm chí, tôi từng xuyên tạc chủ nghĩa Mác để biện hộ cho sai lầm của Mao, coi đó là thiên chức của người làm công tác lý luận, là tính đảng của người cộng sản.

Trong làn sóng cuồng nhiệt ca ngợi Mao cũng có bọt nước của tôi. Trên ý nghĩa đó, tôi cũng có phần trách nhiệm đối với sai lầm của Đảng. Xuất phát từ trách nhiệm ấy, tôi sẵn sàng kể với thế hệ sau lịch sử chân thực mình đã trải qua, mong họ đừng cuồng nhiệt như tôi hồi trẻ. Đánh giá lại Mao Trạch Đông sẽ là một đề tài lớn trong thế kỷ 21. Nhiều hồ sơ lịch sử về những sự kiện trọng đại chưa được giải mật, đó là hạn chế lịch sử mà cuốn sách này không có cách nào vượt qua, khó tránh khỏi những sai sót về sử liệu và bình luận không thoả đáng, hoan nghênh bạn bè chỉ giáo, để những ý kiến thô thiển của tôi đổi được những lời vàng ngọc.



Chương 1

Muốn trở thành lãnh tụ phong trào cộng sản quốc tế

Tháng 7-1949, trong thời gian Lưu Thiệu Kỳ bí mật thăm Liên Xô, Stalin kiến nghị: Hai nước cần gánh vác nghĩa vụ lớn hơn trong phong trào cách mạng thế giới. Trung Quốc cần giúp đỡ nhiều hơn cho phong trào cách mạng dân tộc dân chủ ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Sau khi Mác và Ăng-ghe-nơ qua đời, trung tâm cách mạng thế giới đã từ phương Tây chuyển sang phương Đông, nay lại chuyển sang Trung Quốc và Đông Á. Do đó, Trung Quốc cần gánh vác trách nhiệm đối với cách mạng các nước Đông Nam Á.

Ý kiến của Stalin về trung tâm cách mạng chuyển sang Trung Quốc và muốn Trung Quốc giữ chiếc ghế thứ hai trong phe xã hội chủ nghĩa đã cổ vũ Mao Trạch Đông rất nhiều. Mao cho rằng ông ta có sứ mệnh lịch sử mở rộng con đường cách mạng “lấy nông thôn bao vây thành thị” sang các nước Á, Phi, Mỹ Latinh, lấy nông thôn thế giới bao vây thành thị thế giới, cuối cùng giành lấy châu Âu, tiêu diệt nước Mỹ lật đổ toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng chế độ cộng sản chủ nghĩa, hoàn thành cách mạng thế giới và trong quá trình này, Mao Trạch Đông trở thành người thầy vĩ đại và lãnh tụ vĩ đại của nhân dân cách mạng thế giới. Mao quyết không cam tâm chỉ làm lãnh tụ của

Trung Quốc mà cho rằng thắng lợi của cách mạng Trung Quốc chỉ là bước đầu tiên trên con đường trường chinh vạn dặm. Các hoạt động nội chính và ngoại giao, văn trị và vũ công, thành công và thất bại, công lao và tội lỗi của Mao đều trực tiếp hoặc gián tiếp gắn liền với dã tâm muốn làm lãnh tụ thế giới của ông ta. Trong bối cảnh lịch sử ấy, Mao ngã hẳn sang Liên Xô, và việc lần đầu tiên của Mao sau khi thành lập nước CHND Trung Hoa là sang thăm Moskva, mừng thọ Stalin, ký Hiệp ước đồng minh tương trợ Trung-Xô.

Nhưng Stalin không hoàn toàn yên tâm về Mao Trạch Đông, lo ngại Mao trở thành “Tito phương Đông”. Một nước cờ quan trọng của Stalin là kéo Mao vào cuộc chiến tranh Triều Tiên.

Sau thế chiến II, bán đảo Triều Tiên bị phân chia làm hai miền Nam Bắc, lấy vĩ tuyến 38 làm ranh giới, miền Nam do Mỹ cai quản, ngày 15-8-1945 đã thành lập Chính phủ Đại Hàn Dân quốc do Lý Thừa Vãn làm tổng thống; miền Bắc do Liên Xô cai quản, ngày 9-9-1948 đã thành lập Chính phủ Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên do Kim Nhật Thành làm thủ tướng. Theo thoả thuận Yalta, quân đội Xô, Mỹ đã rút khỏi Triều Tiên vào cuối năm 1948 và tháng 6-1949. Lấy cớ hợp nhất, Kim Nhật Thành đã xoá bỏ Đảng Cộng sản mà ông ta từng gia nhập, thành lập Đảng Lao động Triều Tiên, xây dựng quân đội do Liên Xô trang bị và huấn luyện. Chính phủ hai miền đều có ý đồ dùng vũ lực nuốt chửng đối phương, nhưng Bắc Triều Tiên nổ súng trước.

Từ 30-3 đến 25-4, Kim Nhật Thành mang theo phương án tác chiến sang Liên Xô gặp Stalin, Stalin chấp nhận, hứa giúp đỡ vũ khí và cố vấn quân sự, nhưng nói rõ nếu Mỹ can thiệp, Liên Xô không thể ra mặt tham chiến, mà Triều Tiên phải dựa vào Trung Quốc. Từ 13 đến 15-5-1950 Kim Nhật Thành bí mật sang Bắc Kinh hội đàm với Mao Trạch Đông, giới thiệu kế hoạch tấn công chi tiết, và yêu cầu giúp đỡ. Mao nói: Trung Quốc vốn định giải quyết vấn đề Đài Loan rồi mới giúp Bình Nhưỡng giải phóng miền Nam, nay Stalin quyết định giải quyết vấn đề Triều Tiên trước. Trung Quốc cũng không có ý kiến gì. Tác chiến phải chuẩn bị kỹ. Binh quý thần tốc, phải bao vây các thành thị chủ yếu, tập trung binh lực tiêu diệt địch. Nếu Mỹ can thiệp, Trung Quốc có thể xuất quân.

Vào thời điểm đó, Bắc Triều Tiên có 135 ngàn quân, gồm 10 sư đoàn bộ binh với đầy đủ quân số và vũ khí, trang bị, 1 sư đoàn xe tăng với 150 chiếc T-34, nhiều pháo hạng nặng, 1 sư đoàn không quân với 180 máy bay chiến đấu tính năng cao. Trong khi đó, Hàn Quốc có 95 ngàn quân, 8 sư đoàn chỉ có 4 sư đoàn gần đầy đủ quân số, 24 máy bay huấn luyện, không có xe tăng và vũ khí hạng nặng, thậm chí không có cả mìn chống tăng.

Rạng sáng 25-6-1950, quân đội của Kim Nhật Thành mở cuộc tấn công dữ dội xuống phía nam, chỉ 3 ngày đã chiếm Seoul, thủ đô Hàn Quốc. Ngày 30-6, tổng thống Mỹ ra lệnh cho lực lượng quân Mỹ tham chiến ở Triều Tiên. Ngày 1-7, Sư đoàn 24 bộ binh Mỹ được không vận từ Nhật Bản sang Pusan ở mạn nam Hàn Quốc. Ngày 7-7, Liên hợp quốc thông qua nghị quyết tổ chức quân đội LHQ giúp Hàn Quốc tác chiến, ngoài quân Mỹ ra, 39 ngàn quân của 15 nước được cử sang Triều Tiên. Tướng Mỹ McArthur được cử làm Tổng tư lệnh quân đội LHQ, trung tướng Walker, tư lệnh Quân đoàn 8 Mỹ trực tiếp chỉ huy liên quân trên chiến trường. Ngày 5-7, quân đội Triều Tiên đụng độ sư đoàn 24 Mỹ tại khu vực cách Seoul 48 km về phía nam. Rồi với thế chẻ tre: tiếp tục tiến sâu về phương nam, chỉ trong 2 tháng đã tràn ngập phần lớn lãnh thổ Hàn Quốc, đẩy quân Mỹ ra bán đảo Pusan trên vĩ tuyến 35.

Tướng Waiker tổ chức phòng ngự tại Pusan, Lữ đoàn 1 lính thủy đánh bộ hỗn hợp và sư đoàn 2 bộ binh Mỹ đã kịp thời sang tham chiến. Ngày 15-8, Kim Nhật Thành ra lệnh phải hoàn toàn giải phóng Nam Triều Tiên trong tháng 8. nhưng quân đội của ông lúc này đã như tên bay hết tâm, bị thương vong nặng nề mà không vượt qua nổi phòng tuyến Pusan.

Ngày 28-6, Hạm đội 7 Mỹ từ Philippines đi vào eo biển Đài Loan nhằm kiềm chế Trung Quốc. Mao Trạch Đông nhậy bén nhận ra Mỹ đưa quân sang Triều Tiên có thể đảo ngược cục diện chiến tranh. Từ giữa tháng 7 đến đầu tháng 9, Mao đã ba lần nhắc nhở Kim phải quan tâm đến hậu phương, bảo vệ đường giao thông, đề phòng Mỹ đổ bộ lên Incheon. Nhưng Kim Nhật Thành hy vọng đánh nhanh thắng nhanh, không chịu điều chỉnh chiến lược.

Ngày 15-9, McArthur cho Quân đoàn 10 Mỹ và 5.000 lính thủy đánh bộ Hàn Quốc được 260 tàu chiến và 500 máy bay phối hợp đổ bộ chiếm Incheon, cắt đứt đường tiếp tế của quân đội Bắc Triều Tiên. Mười ngày sau, quân Mỹ chiếm Seoul, rồi chia làm hai cánh tiến ra vĩ tuyến 38 theo ven biển miền đông và miền tây. Tám sư đoàn chủ lực Bắc Triều Tiên bị cô lập tại mặt trận Pusan, đã bị thương vong 58.000 người khi phá vây rút lui, ngày 1-10 rút về bắc vĩ tuyến 38, ngày 19-10 rút khỏi thủ đô Bình Nhưỡng. Kim Nhật Thành và cơ quan lãnh đạo đầu não Bắc Triều Tiên chạy ra Kangke cách Trung Quốc 50 km. Sau khi chiếm Bình Nhưỡng, quân đội LHQ theo nhiều ngả tiến về phía biên giới Trung-Triều, Tướng McArthur tuyên bố “sông Áp Lục không phải là trở ngại không thể vượt qua”.

Từ đầu tháng 7, Stalin đã nhiều lần thúc giục Trung Quốc xuất quân. Đây là một vấn đề gay gắt đặt ra trước Mao Trạch Đông và ban lãnh đạo Trung Quốc. Mao quyết tâm kháng Mỹ viện Triều, bởi gánh vác nghĩa vụ quốc tế là điều kiện để sau này trở thành lãnh tụ của phong trào cộng sản quốc tế. Nhưng hầu hết các nhà lãnh đạo khác không tán thành vì vừa giải phóng được một năm, Trung Quốc còn đầy rẫy khó khăn, nội chiến chưa chấm dứt, nạn thổ phi vẫn hoành hành, kho tàng trống rỗng, được Bành Đức Hoài ủng hộ, qua phân tích chỗ mạnh chỗ yếu của mỗi bên, nhất là lợi ích an ninh tạo ra khu đệm giữa Trung Quốc và Mỹ, đánh Mỹ ở bên ngoài còn hơn phải đánh Mỹ trên đất Trung Quốc, Mao Trạch Đông đã thuyết phục được các nhà lãnh đạo khác tán thành đưa quân sang Triều Tiên. Liên Xô cam kết yểm trợ về không quân và giúp Trung Quốc trang bị 40 sư đoàn.

Ngày 19-10-1950, 4 quân đoàn Quân tình nguyện Trung Quốc gồm 26 vạn người do Bành Đức Hoài chỉ huy vượt sông Áp Lục, sau 3 chiến dịch đã xoay chuyển tình thế, đẩy lùi quân Mỹ và LHQ. Ngày 31-12, Liên quân Trung-Triều vượt vĩ tuyến 38, chiếm Seoul. Quân Mỹ phải lùi tới vĩ tuyến 37.

Ngày 13-1-1951, Ủy ban chính trị LHQ thông qua “báo cáo bổ sung” về nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề Triều Tiên trên cơ sở đề án của 13 nước (Anh, Thụy Điển, Ấn Độ), đề nghị ngừng bắn ngay, quân đội nước ngoài rút khỏi Triều Tiên, tổ chức bầu cử để thống nhất Triều Tiên, sau đó họp Hội nghị 4 bên Anh, Mỹ, Xô, Trung giải quyết vấn đề Viễn Đông, bao gồm vị trí của Đài Loan và quyền đại diện của Trung Quốc tại LHQ. Mỹ rất lung túng trước đề nghị này, chấp nhận thì mất tín nhiệm với người Triều Tiên, khiến Quốc hội và dư luận Mỹ tức giận không chấp nhận sẽ mất sự ủng hộ của đa số trung LHQ. Mỹ chỉ mong Trung Quốc bác bỏ đề nghị trên.

Đối với Trung Quốc, đây là cơ hội tuyệt vời. Nếu Trung Quốc đóng quân gần vĩ tuyến 38, bắt đầu thương lượng ngừng bắn, thì có lợi cả về chính trị, quân sự, ngoại giao. Việc thông qua đề án trên

cũng thể hiện sự đồng tình và thái độ hữu nghị của đa số các nước trên thế giới đối với Trung Quốc. Nhưng hồi ấy Stalin quyết tâm đánh tiếp. Ngày 17-1, Chu Ân Lai tuyên bố cự tuyệt đề án ngừng bắn, ông còn chỉ trích đây là âm mưu của Mỹ, làm tổn thương tình cảm của nhiều nước.

Hậu quả là ngày 30-1, với đa số 44/7 (có 7 phiếu trắng), Ủy ban Chính trị LHQ đã thông qua đề án do Mỹ đưa ra, tố cáo Trung Quốc xâm lược. Tuy trong đó có nhiều nhân tố do Mỹ thao túng, nhưng nó cũng chứng tỏ nhiều nước thất vọng với Trung Quốc, vấn đề chiếc ghế của Trung Quốc ở LHQ cũng bị gác lại rất lâu.

Theo chỉ thị của Stalin, Liên quân Trung-Triều mở tiếp chiến dịch thứ 4 và thứ 5. Hai bên liên tục tăng quân, tổng binh lực trên chiến trường lên tới gần 3 triệu. Riêng Trung Quốc đã đưa sang Triều Tiên 27 quân đoàn bộ binh, 15 sư đoàn pháo binh, 12 sư đoàn không quân, 3 sư đoàn xe tăng, 14 sư đoàn công binh, 10 sư đoàn đường sắt, 2 sư đoàn công an... tổng cộng 1,34 triệu quân. Chiến tranh giằng co, thương vong nặng nề của quân tình nguyện Trung Quốc chủ yếu diễn ra sau khi Trung Quốc vượt vĩ tuyến 38. Cuối cùng quân Mỹ lại đẩy quân Trung Quốc ngược trở lại bắc vĩ tuyến 38.

Ngày 30-6-1951, Mỹ đề nghị thương lượng ngừng bắn. Một ngày sau, Bành Đức Hoài và Kim Nhật Thành trả lời đồng ý ngay. Stalin chỉ thị “không được có biểu hiện vội vã kết thúc đàm phán”, cục diện vừa đánh vừa đàm kéo dài.

Ngày 5-3-1953, Stalin từ trần. Ban lãnh đạo mới của Liên Xô yêu cầu Trung-Triều chủ động ngừng bắn. Ngày 27-7-1953, Hiệp định ngừng bắn được ký kết, trong cuộc chiến này. Phía Trung-Triều thương vong 1,03 triệu người, riêng Trung Quốc thương vong trên 30 vạn người (có 11,5 vạn chết trận), thương vong phi chiến đấu trên 41 vạn người.

Vào ngày đầu dựng nước, với đội quân đã mệt mỏi do chiến trận lâu dài, với nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá, mà Mao dám quyết tâm tham chiến ở Triều Tiên, quả là đại trí, đại dũng. Từ đó, nhân dân Trung Quốc ngẩng cao đầu, chẳng ai dám đến hà hiếp họ nữa. Đây là trận đánh đặt nền móng cho nước Trung Hoa mới, là đỉnh cao huy hoàng trong sự nghiệp cách mạng của Mao Trạch Đông.



Chương 2

Sai lầm của Mao Trạch Đông về lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội

Ban lãnh đạo Trung Quốc chưa chuẩn bị đầy đủ về lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhược điểm lớn nhất của Mao là “không đọc có hệ thống Tư bản luận, đó là chứng bệnh phổ biến của lãnh đạo cấp cao”. Chịu ảnh hưởng của cố vấn lý luận Trần Bá Đạt, Mao đưa ra quan điểm hợp tác xã sản xuất nông nghiệp có thể dựa vào phân công để nâng cao năng suất lao động như các công trường thủ công thế kỷ 17. Theo lý luận đó, Mao lãnh đạo toàn dân thực hiện hợp tác hoá, công xã hoá, đại tiến vọt. Trong giai đoạn cách mạng dân chủ, Mao đã sáng tạo con đường nông thôn bao vây thành thị, giải quyết vấn đề các nước tiền tư bản chủ nghĩa công nghiệp chưa phát triển, giai cấp công nhân quá nhỏ yếu làm thế nào tiến hành cách mạng, giành chính quyền, những người cộng sản Trung Quốc và toàn thế giới đều cho rằng đây là sự phát triển trọng đại đối với chủ nghĩa Mác. Nếu

trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Mao có thể bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, một bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng nên một nước Trung Hoa hùng mạnh, giàu có, văn minh trên biển cả mệnh mông của nền kinh tế tiểu nông, thì không nghi ngờ gì nữa, đây sẽ là sự phát triển trọng đại hơn đối với chủ nghĩa Mác. Có hai cống hiến lý luận này, Mao có thể làm lu mờ Stalin, mà sánh vai Lenin, trở thành người thầy và lãnh tụ vĩ đại của Phong trào cộng sản quốc tế. Đến khi phong trào cưỡng bức nông dân vào hợp tác xã bị nông dân phản kháng tiêu cực, dẫn đến sản lượng nông nghiệp sụt giảm, Mao vẫn không hiểu vì sao các hợp tác xã nông nghiệp Trung Quốc thế kỷ 20 lại không thể dựa vào phân công tạo ra lực lượng sản xuất mới cao hơn như các công trường thủ công Âu Mỹ thế kỷ 17.

Thật ra, hai hình thái tổ chức sản xuất trên bề ngoài giống nhau, nhưng khác nhau về bản chất.

Làm việc trong các công trường thủ công là những người lao động làm thuê với hai bàn tay trắng. Họ vào đây là tự nguyện, là biện pháp mưu sinh, không có sự lựa chọn nào khác. Nông dân Trung Quốc là những người tư hữu nhỏ có ruộng đất, nông cụ thậm chí cả gia súc kéo, có tư liệu sản xuất và khả năng kinh doanh độc lập, gia nhập hợp tác xã đồng nghĩa với việc họ bị tước đoạt (ngay lập tức hoặc từng bước) tư liệu sản xuất, không được phép giàu lên. Mác coi nông dân, những người làm việc trong ngành chế tạo và thương nhân là sự phân công lớn, tạo thành cơ sở kinh tế của xã hội, nông dân cá thể nắm trong khái niệm phân công lớn, tức phân công trong nội bộ xã hội, nó khác với phân công trong nội bộ công trường thủ công. Hai sự phân công này khác nhau cả về mức độ và bản chất. Tiền đề của phân công trong công trường thủ công là tư liệu sản xuất tích tụ trong tay một nhà tư bản, nhà tư bản có quyền uy tuyệt đối đối với con người, con người chỉ là một phần trong tổng cơ cấu mà nhà tư bản chiếm hữu. Tiền đề của phân công xã hội là tư liệu sản xuất phân tán trong tay nhiều người sản xuất hàng hoá không dựa vào nhau, họ chỉ thừa nhận quyền uy cạnh tranh, không thừa nhận bất cứ quyền uy nào khác.

Qua nghiên cứu, Trần Bá Đạt nhận thấy xã viên hợp tác xã và công nhân công trường thủ công khác nhau ở chỗ một bên là người tư hữu nhỏ, một bên là người lao động làm thuê hai bàn tay trắng, vậy chỉ cần đẩy nhanh cải tạo XHCN đối với xã viên, cắt bỏ “cái đuôi” người tư hữu nhỏ, biến họ thành công nhân nông nghiệp không có ruộng đất, thành người vô sản từ đầu đến chân, cộng thêm tuyên truyền giáo dục lâu dài trên qui mô lớn, để họ “phá tư, lập công”, thì chắc chắn có thể làm cho các hợp tác xã nông nghiệp tạo ra kỳ tích nâng cao hiệu suất lao động như các công trường thủ công thế kỷ 17, bởi tập thể hoá đẻ ra phân công, phân công sẽ nâng cao hiệu suất. Trần Bá Đạt nói với Mao phát hiện trên. Mao liền gấp rút đẩy nhanh tiến trình “cải tạo xã hội chủ nghĩa” đối với nông nghiệp, từ tổ đổi công tới hợp tác xã bậc thấp, từ bậc thấp lên bậc cao, rồi công xã nhân dân, chỉ trong 3 năm đã tách nông dân khỏi ruộng đất, thu lại toàn bộ những ân huệ mà cải cách ruộng đất mang lại cho họ. Theo kế hoạch của Mao Trạch Đông và Trần Bá Đạt, chuyển này nông dân trần như nhộng, chỉ còn mỗi con đường hùng hục làm việc trong các đội sản xuất. Để tạo hiệu quả sản xuất, người ta cho tổ chức “hội thảo”, cờ đỏ rợp trời, trống chiêng dậy đất, các tiểu đội “cô gái thép”, “lão Hoàng Trung” ngày đông giá rét bắt xã viên trần đôi vai run rẩy làm việc. Nhưng hình thức tổ chức càng cao, năng suất càng thấp, lương thực làm ra càng ít, xã viên càng nghèo thêm. Mao không ý thức được rằng phong trào hợp tác hoá đã tách rời quần chúng cơ bản ở nông thôn từng theo ông ta làm cách mạng. Động cơ, nguyện vọng của Mao là cao cả, nhưng ông đã cản trở, bóp nghẹt sự phát triển của lực lượng sản xuất ở nông thôn, chẳng thấy đâu một xã hội thái bình, an khang, thịnh vượng, mà chỉ thấy cảnh nghèo nàn, bệnh phù thủng và đầy rẫy người chết đói. Sự hạn

chế của lịch sử và thiên kiến ý thức hệ hẹp hòi khiến Mao vẫn say sưa với cuộc thực nghiệm chủ nghĩa xã hội không tưởng.



Chương 3

Giang Thanh bước đầu tỏ ra lợi hại

Mao Trạch Đông lên làm Chủ tịch nước, Giang Thanh khi ấy 35 tuổi thật sự trở thành đệ nhất phu nhân, nhưng Mao vẫn không cho bà ta xuất hiện trên vũ đài chính trị. Cùng sống ở khu Phong Trạch Viên trong Trung Nam Hải, song mỗi người một phòng, vì Mao đã đam mê những người đàn bà khác.

Mục tiêu lớn của Giang là giữ vững vị trí của mình, muốn vậy, phải góp phần củng cố và phát triển quyền lực tối cao của Mao. Giang đã từng bước thành công trong 20 năm sau đó. Được Mao công khai và ngầm ngầm ủng hộ, Giang đã từ lĩnh vực văn nghệ đi vào chính trị từ phê phán các bộ phim “Chuyện kín trong cung nhà Thanh” (1950), “Truyện Vũ Huân” (1951), phê phán “Hồng Lâu Mộng” (1953), vụ án Hồ Phong (1955)... , giúp Mao loại trừ hoặc kiểm chế các nhà lãnh đạo khác. Mao thỉnh thoảng cũng giả vờ phê bình Giang trên thực tế ngày càng tin cậy, cho đến khi Giang được cử giữ chức Tổ phó thứ nhất Tổ Cách mạng văn hoá trung ương, có quyền lực thực tế hơn cả Chủ tịch nước, Tổng bí thư, Thủ tướng.



Chương 4

Vận dụng thuật cầm quyền của vua chúa

Mọi sai lầm lớn của Mao những năm cuối đời, như giết hại công thần, gây bè phái trong đảng, bám chặt lấy chế độ lãnh đạo suốt đời và gia đình trị, dung túng phe đảng Giang Thanh, đều thuộc thuật cầm quyền của vua chúa.

Từ Đại hội 7 ĐCSTQ (1945), Lưu Thiếu Kỳ và Chu Ân Lai là trợ thủ chủ yếu của Mao. Họ hiểu nhau, nhất trí về tư tưởng và đường lối, phối hợp rất ăn ý, vinh nhục có nhau. Nhưng sau khi vào Trung Nam Hải, mối quan hệ thân thiết ấy dần dần thay đổi. Lưu và Chu ngày càng thấy khó nắm bắt được ý đồ của Mao, ngày càng thấy lo ngại, phải thận trọng giữ gìn từng ly một. Cao Cương phụ trách 3 tỉnh Đông Bắc, là ngôi sao mới nổi lên thời kỳ đầu thành lập CHND Trung Hoa, thuộc phái thân Liên Xô, Mao cần dựa vào ông ta để khai thông quan hệ với Stalin. Tháng 6-1949, khi cùng Lưu Thiếu Kỳ và Vương Gia Tường sang Liên Xô thông báo tình hình và xin viện trợ, Cao Cương đã đề nghị sáp nhập 3 tỉnh Đông Bắc thành nước cộng hoà thứ 17 của Liên Xô. Nhận được báo cáo của Lưu Thiếu Kỳ, Mao Trạch Đông nổi giận, gọi Cao Cương về nước ngay.

Nhưng khi họ Cao có mặt tại Trung Nam Hải, Mao lại vờ vờ, hứa cho Cao giữ chức Phó Chủ tịch nước. Tiếp đó Mao điều Cao Cương lên trung ương, cử giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch nhà

nước, đưa 15 cán bộ cấp cao như Trần Văn, Bành Đức Hoài, Lâm Bưu, Đặng Tiểu Bình, Bành Chân, Lý Phú Xuân... về Ủy ban này làm việc dưới quyền Cao Cương.

Trong khi đó, Mao vẫn cho Cao Cương kiêm nhiệm 4 chức vụ chủ chốt ở Đông Bắc (Bí thư thứ nhất đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban quân chính, Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân khu). Mao lại cho phổ biến rộng rãi “kinh nghiệm Đông Bắc”, tỏ ra ngày càng không tin cậy Lưu Thiệu Kỳ và Chu Ân Lai... Tất cả những động thái đó khiến Cao Cương lầm tưởng rằng ông ta có vị trí và vai trò đủ để thay thế Lưu Thiệu Kỳ, khi Mao đi theo đường lối thân Liên Xô. Ông ta vẫn mưu toan dựa vào Stalin để củng cố thế đứng cho mình. Cao Cương và bạn đồng minh chủ yếu là Trưởng ban Tổ chức Trung ương Nhiêu Thấu Thạch tưởng đã nắm được ý đồ của Mao, họ trở thành những nhân vật quan trọng trong làn sóng ngầm chống Lưu Thiệu Kỳ và Chu Ân Lai do Mao phát động. Nào ngờ, Stalin vừa qua đời, Mao liền tính sổ họ ngay với vụ án “Tập đoàn chống Đảng Cao Cương - Nhiêu Thấu Thạch”. Mao chẳng những trừ khử Cao-Nhiêu, mà còn làm suy yếu Lưu Thiệu Kỳ-Chu Ân Lai. Thủ đoạn của Mao lợi hại và đáng sợ đến mức các cán bộ cấp cao run rẩy, dù được tin cậy hay bị nghi ngờ, chỉ có tuyệt đối trung thành với Mao mới có thể giữ mình.



Chương 5

Thiết lập thể chế chính trị chuyên chế một đảng

Thắng lợi trong cuộc chiến tranh Triều Tiên và việc Stalin qua đời khiến Mao cảm thấy mình là người hùng số một trên thế giới ngày nay, chỉ cần ông ta quyết tâm, vung tay lên là chẳng có việc gì không làm nổi trên đời này. Mao phải dựa vào vũ đài lịch sử là Trung Quốc, chỉ huy 600 triệu dân tiến hành sự nghiệp lớn long trời lở đất, ai bàn ra tán vào, ai kiểm chế, cản trở, phản đối Mao, ông ta sẽ đoạn tuyệt với người đó, bất kể là bạn cũ, chiến hữu cũ, bất kể nhân sĩ ngoài đảng hay đồng chí trong đảng. Mao cho rằng ông là người hiểu nông dân nhất, song người mà ông ta hiểu là nông dân thời đại “báo cáo khảo sát phong trào nông dân Hồ Nam”, ông ta không thật sự hiểu lý tưởng, ước mơ, những ưu tư và lo ngại của nông dân được chia ruộng sau cải cách ruộng đất. Địa vị chí tôn đã ngăn cách ông khỏi nông dân rất xa. Mấy năm sau, Mao đã ngã bật ngựa ngay trên địa bàn nông dân, nông nghiệp và nông thôn, lĩnh vực ông cho rằng mình hiểu nhất, thông thạo nhất.

Trung ương ĐCSTQ vốn định xây dựng xong chủ nghĩa xã hội mới định ra hiến pháp. Stalin cho rằng nếu “Chính phủ liên hiệp” tồn tại lâu dài, Trung Quốc có thể phát triển theo hướng dân tộc chủ nghĩa, nên ông kiên trì đòi Trung Quốc sớm định ra hiến pháp. Liên Xô đã thiết kế cho Trung Quốc mô hình chuyển đổi thể chế theo kinh nghiệm các nước Đông Âu.

Tháng 9-1954, Kỳ họp thứ nhất Quốc hội Trung Quốc khóa 1 đã thông qua hiến pháp do Mao Trạch Đông khởi thảo. Tại kỳ họp này, chính phủ liên hiệp đổi thành chính phủ một đảng, các nhân sĩ dân chủ cơ bản bị gạt khỏi cơ cấu quyền lực. Hội nghị hiệp thương chính trị vốn có chức năng Quốc hội nay biến thành cơ quan tư vấn; Hội đồng Chính vụ và Hội đồng Chính phủ nhân dân trung ương thành phần chủ yếu là các nhân sĩ dân chủ bị xoá bỏ, thay vào đó là Hội nghị Quốc vụ tối cao; Chính Vụ Viện đổi thành Quốc vụ Viện (Chính phủ), quyền hạn tăng thêm, nhưng trong hàng Phó thủ tướng không có một nhân sĩ dân chủ nào. Tháng 9-1954, tái lập Quân ủy Trung ương, quyền thống soái và chỉ huy quân đội nằm trong tay một mình Mao Trạch Đông.

Cơ cấu quyền lực mà Mao thiết kế về bản chất giống thể chế độc tài của Tưởng Giới Thạch. Đảng đứng trên Quốc hội, lãnh tụ đứng trên Đảng. Về lý luận nói sự lãnh đạo của Đảng nhất trí với nhân dân làm chủ. Vấn đề là khi nảy sinh tình trạng không nhất trí thì quyền quyết định cuối cùng thuộc về ai? Nói Đảng quyết định cũng không phải Ban chấp hành trung ương thảo luận, biểu quyết, mà do lãnh tụ độc đoán quyết định. Đây là một thể chế dân chủ giả, chuyên chế thật. Nó đã không ngăn cản nổi 50 vạn tri thức bị qui thành phái hữu và bị đàn áp, không ngăn chặn được việc điên cuồng phát động phong trào Công xã hoá và Đại tiến vọt, cũng không có phản ứng nào khi cuộc Đại cách mạng văn hoá kiểu phát xít xoá bỏ hiến pháp, đình chỉ hoạt động của Quốc hội.

Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất phát triển kinh tế quốc dân đã được soạn thảo khá nghiêm túc. Tháng 8-1952, dự thảo khung kế hoạch đã được Chu Ân Lai, Trần Vân, mang sang xin ý kiến Stalin và Chính phủ Liên Xô. Tháng 10-1954, Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai đã dành một tháng cùng nhau thảo luận, sửa đổi bản thảo kế hoạch chi tiết, tháng 11 Bộ Chính trị thảo luận trong 11 ngày. Tháng 3-1955, Hội nghị toàn quốc của Đảng thảo luận, tháng 7 Quốc hội chính thức thông qua, tháng 11 và 12, Chính phủ ban bố lệnh thực hiện trong cả nước. Nhưng kế hoạch thực hiện được hơn 2 năm thì Mao Trạch Đông gạt Thủ tướng và Chính phủ sang một bên, với tư cách Chủ tịch đảng cầm quyền, đích thân đứng ra chỉ huy công cuộc xây dựng kinh tế. Thế là vừa ngủ dậy, Mao đã có một chủ ý mới, đang bơi hứng lên liền quyết định tăng sản lượng gang thép lên gấp 2 lần, chỉ tiêu kế hoạch thay đổi từng ngày, làm rối loạn cả nông nghiệp và công nghiệp, cuối cùng làm rối loạn kinh tế cả nước.



Chương 6

Ba cuộc họp, một cuốn sách làm bùng lên cao trào hợp tác hoá nông nghiệp

Công cuộc hợp tác hoá, cộng thêm việc thu mua lương thực và cải tạo tư thương khiến tình hình nông thôn rất căng thẳng.

Trong cuộc họp Ban Bí thư ngày 20-4-1955, Mao và các nhà lãnh đạo Trung Quốc cho rằng cả nước đã có 67 vạn hợp tác xã lực lượng chủ quan kiểm soát không nổi, cần ngừng phát triển một năm rưỡi, để củng cố. Mao đưa ra mục tiêu cả nước hợp tác hoá xong trong 15 năm mỗi kế hoạch 5 năm hoàn thành 1/3. Nhưng chỉ hơn mười ngày sau, Mao lại hoàn toàn thay đổi ý kiến, yêu cầu tăng gấp rưỡi số hợp tác xã hiện có vào cuối năm 1957, và hơn một tháng sau lại đưa ra mục tiêu mới: tăng gấp đôi (lên 130 vạn) vào mùa xuân năm 1956. Ông chỉ thị 5 tháng cuối năm 1955, lãnh đạo các cấp từ tỉnh đến xã phải tập trung vào vấn đề hợp tác hoá. Cơ sở để Mao đưa ra quyết định trên là “cao trào xã hội chủ nghĩa đang xuất hiện ở nông thôn Trung Quốc”.

Tổng kết Hội nghị Trung ương 6 khoá 7 ĐCSTQ bàn về hợp tác hoá nông nghiệp tháng 10-1955, Mao kêu gọi làm cho phong kiến, đế quốc, tư bản và sản xuất nhỏ “tuyệt chủng” trên trái đất. Qua đó người ta thấy Mao coi đế quốc tư bản và sản xuất nhỏ đều là khái niệm chính trị, biện pháp tiêu diệt những thứ đó cũng là thủ đoạn chính trị, thể hiện ông không hiểu biết lý luận kinh tế đến mức ngạc nhiên.

Sau hội nghị trên, những ai dám nói thẳng, nói thật, nêu lên hiện trạng sản xuất và đời sống ở nông thôn đều bị phê phán, bị qui là hữu khuynh, nhiều người bị cách chức. Những ai biết lựa ý cấp trên, báo cáo dối trá bịa đặt, không cần biết đến “nhân từ, lương tâm”, được coi là đã “theo kịp tư tưởng, đường lối” của Mao. Lãnh đạo nhiều tỉnh gửi báo cáo lên Trung ương phản ánh tình hình “rất tốt đẹp”, chứng minh “cao trào xã hội chủ nghĩa ở nông thôn” mà Mao dự báo quả thật đã đến rồi!

Tạo ra cao trào hợp tác hoá nông nghiệp không phải do “tích tích cực xã hội chủ nghĩa” của đông đảo nông dân, mà do mệnh lệnh, cưỡng bức. Bi kịch của Mao là khác với thời kỳ chiến tranh, ông không có cách nào tiếp cận quần chúng, cũng có một số cuộc tiếp xúc, nhưng gặp ai, ở đâu, người được gặp ăn mặc ra sao, nói gì, đều được thao diễn trước, và sẽ diễn ra trong hàng rào bảo vệ dày đặc của lực lượng an ninh từ cơ sở tới trung ương ông rất khó biết được quần chúng nghe gì, cũng như nỗi lo âu và khát vọng của nông dân. Ông chỉ có thể dựa vào báo cáo của các tỉnh gửi lên. Trong tình trạng “báo tin vui được vui, báo tin buồn phải chịu buồn”, các Bí thư thứ nhất Tỉnh uỷ phải lần mò mẫm được ý hướng của Mao, rồi mới dám gửi tài liệu lên Trung Nam Hải. Họ lựa theo thuyết “cao trào” của Mao, phản ánh nông thôn đã xuất hiện cao trào xã hội chủ nghĩa, nông dân quả thật tích cực đi theo con đường XHCN.

Đến cuối tháng 11-1955, nông thôn cả nước đã thực hiện hợp tác hoá, 116,74 triệu hộ nông dân tham gia hợp tác xã, chiếm 96,1 số hộ nông dân trong cả nước, trong đó có 488.500 hợp tác xã cấp cao với 83% số hộ nông dân. Thế là kỳ tích xuất hiện: chỉ 4 năm đã hoàn thành kế hoạch cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, vốn dự định làm trong 15 năm: Giữa lúc đang trông đợi hợp tác hoá nông nghiệp đưa đến sản xuất đại phát triển, thì Mao nhận được nhiều thông tin xấu: nông dân nhiều nơi xin ra khỏi hợp tác xã vì thu nhập quá thấp. Mao cho rằng đây là cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở nông thôn. Cần có một cuộc độ sức giai cấp quyết liệt, phải đẩy lùi “cuộc tấn công điên cuồng của các thế lực tư bản chủ nghĩa ở nông thôn”. Mao không có cách nào nâng cao năng suất lao động cho các hợp tác xã, tăng thu nhập cho xã viên, nhưng ông lại có cách hạ thấp năng suất lao động, giảm thu nhập của trung nông giàu. Số liệu phát triển kinh tế có thể bịa ra, nhưng bình quân lương thực, dầu ăn, phiếu vải đến tay mấy trăm triệu người thì không thể bịa ra được. Qua 20 năm vất vả trong nghèo nàn, sau khi Mao chết, hoàn bộ Công xã nhân dân đã sụp đổ, quay lại khoán sản tới hộ, khôi phục làm ăn riêng lẻ. Đó là sự lựa chọn của lịch sử.

Nay lại có người la lối khoán sản tới hộ là sai lầm, muốn nông nghiệp phát triển, nông dân giàu lên, vẫn phải tập thể hoá và hợp tác hoá. Khoán sản tới hộ là khởi đầu, không phải kết thúc tiếp sau bước khởi đầu, đó là tư hữu về ruộng đất (nông dân có thể mua, bán, thuê ruộng đất), hợp nhất, phân hoá, ruộng đất tập trung vào tay những người sản xuất giỏi, tư nhân, hình thành những hộ nông dân lớn, cuối cùng là nông trang tư nhân, đó là nội dung của chính sách nông nghiệp, đương nhiên không thể khoán sản tới hộ rồi kết thúc. Vấn đề hiện nay là không ai dám làm tiếp bài thơ mà Đặng Tiểu Bình đã phá đề. Lãnh đạo cấp cao sợ phải gánh trách nhiệm phục hồi chủ nghĩa tư bản ở nông thôn; ở cấp dưới thì chính quyền nắm trong tay quyền sở hữu ruộng đất, có thể tùy tiện khai thác, lợi dụng tài nguyên đất đai, tước đoạt ruộng đất vốn phải thuộc về nông dân (chỉ bồi thường chút ít mang tính tượng trưng).

Thế là “vấn đề tam nông” ngày càng nghiêm trọng. Nguồn gốc vấn đề “tam nông” ở Trung Quốc hơn 50 năm qua là nông dân bị tước quyền sở hữu ruộng đất trong phong trào hợp tác hoá, “Toàn bộ đất đai thuộc sở hữu nhà nước” đã treo cơ sở của “tam nông” lơ lửng trên không. Từ khi cải cách

mở cửa đến nay đã ra 8 văn kiện số 1 của Trung ương vẫn chưa giải quyết được, bởi trong tư tưởng chỉ đạo vẫn lảng tránh vấn đề bản chất là “người cày có ruộng”. Trên cơ sở khoán sản tới hộ, phải thực hiện chính sách lớn người cày có ruộng, tư hữu hoá ruộng đất với 2 tiêu chí chủ yếu: một là quyền sở hữu không thời hạn có thể thừa kế, hai là có thể mua, bán, cho thuê.

Khi thức tỉnh về những sai lầm trong quá khứ, ĐCSTQ mưu toan lấy cuộc Đại tiến vọt năm 1958 làm ranh giới, cho rằng hợp tác hoá cơ bản đúng đắn, công xã hoá mới làm hỏng mọi chuyện. Như vậy là không đúng. Các nước trong tập đoàn Liên Xô tìm cách thông qua hợp tác hoá nông nghiệp để nông dân thoát khỏi nghèo nàn, cũng chẳng có nước nào thành công.



Chương 7

Các nhà tư bản giống trống, khua chiêng đi lên chủ nghĩa cộng sản

Sau mùa hè năm 1955, “cao trào” hợp tác hoá nông nghiệp ảnh hưởng mạnh mẽ đến cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong ngành thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh. Đến cuối năm 1956, ngành này đã cơ bản hoàn thành việc chuyển sang kinh tế tập thể, 92% số người làm nghề thủ công đã được tổ chức trong gần 10.000 hợp tác xã. Từ cuối năm 1955, Thượng Hải, tiếp đó là Bắc Kinh, Thiên Tân, cùng nhiều tỉnh và thành phố khác đã xuất hiện cao trào công ty hợp doanh trong toàn ngành công thương. Đến tháng 6-1956, đã hoàn thành toàn diện công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản trong cả nước.

Xoá bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất ở nước Trung Hoa 600 triệu dân, một biến đổi xã hội long trời lở đất như vậy mà Mao Trạch Đông đã làm xong trong thời gian ngắn ngủi. Sức hấp dẫn chính trị của ông ta quả đáng thán phục. Tạo ra được một tình thế chính trị đặc biệt, trào lưu xã hội đặc biệt, để các nhà tư sản “giống trống, khua chiêng” đi lên chủ nghĩa cộng sản, Mao Trạch Đông quả là một cao thủ trong đấu tranh chính trị.

Xét về chính trị, công cuộc cải tạo XHCN đối với công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa và cải tạo các nhà tư sản của ĐCSTQ rất thành công: không đổ máu; không “tước đoạt”, mà thực hiện chính sách “trung mua”, đều là việc chưa từng có trong lịch sử. ĐCSTQ tự hào về điều đó. Nhưng người ta nghi ngờ tính tất yếu và tiến bộ của biện pháp này, xét về kinh tế về giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất về sáng tạo văn minh vật chất và thúc đẩy tiến bộ xã hội...

Kinh điển để Mao cải tạo xã hội chủ yếu là “Tuyên ngôn Đảng Cộng sản”. Tư tưởng chủ nghĩa xã hội không tưởng của “Tuyên ngôn Đảng Cộng sản” kết hợp với quan điểm “đại đồng” của Trung Quốc hình thành mô hình chủ nghĩa xã hội không tưởng Mao Trạch Đông. Sự phát triển của nó là Mác + Tàn Thuỷ Hoàng, thêm thắt nhiều thứ mang tính chất phong kiến, cuối cùng biến chất thành chủ nghĩa xã hội phong kiến.

Vừa cầm quyền liền tính chuyện tiêu diệt chế độ tư hữu, tiêu diệt giai cấp tư sản, tiêu diệt phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, vội vã tiến hành ba cuộc cải tạo, dựa vào chính quyền nhà nước lấy bạo lực làm hậu thuẫn, không sợ giai cấp tư sản dân tộc chống lại, không sợ nông dân không nghe

lời. Một số ý kiến và quan điểm của Mao về cải tạo xã hội chủ nghĩa và cách mạng xã hội chủ nghĩa có vẻ đúng đắn, song khảo sát tổng hợp thì đây là hệ thống tư tưởng chủ nghĩa xã hội không tưởng. Sai lầm cơ bản là nghiêm trọng xa rời thực tế, đi ngược lại quy luật kinh tế, chủ quan muốn đẩy mạnh phát triển lực lượng sản xuất, trên thực tế đã phá hoại và huỷ diệt hàng loạt lực lượng sản xuất, bóp nghẹt, cản trở lực lượng sản xuất ra đời và phát triển. Tuy chế độ tư bản chủ nghĩa có hàng ngàn, hàng vạn tội ác, đáng bị lật đổ hàng trăm lần, nhưng nó có cái hay như đã nêu trong “Tuyên ngôn Đảng cộng sản” là sáng tạo ra lực lượng sản xuất cao hơn tổng lực lượng sản xuất của mọi thời đại trước đây. Mao muốn làm tuyệt chủng chủ nghĩa tư bản và sản xuất nhỏ, nhưng không làm nổi. Mao có thể tổ chức quân tình nguyện đánh bại người Mỹ trên chiến trường Triều Tiên, có thể dùng chính quyền trong tay tước đoạt tài sản của các nhà tư sản và những người sản xuất nhỏ, nhưng ông ta không tạo ra được lực lượng sản xuất cao hơn chủ nghĩa tư bản. Thậm chí không tạo ra được lực lượng sản xuất cao hơn sản xuất nhỏ ở nông thôn, nên không thể làm tuyệt chủng chủ nghĩa tư bản và sản xuất nhỏ. Bất cứ nhân vật vĩ đại nào cũng bắt lực trước qui luật kinh tế, chỉ có thể thuận theo, không thể chống lại.

Động cơ cá nhân khiến Mao Trạch Đông vội vã từ bỏ lý luận đúng đắn của chủ nghĩa dân chủ mới và đường lối đúng đắn của Hội nghị Trung ương 2 khoá 7 là ông ta nôn nóng muốn làm lãnh tụ của Phong trào Cộng sản quốc tế. Sau khi Stalin từ trần, Mao cho rằng Trời sẽ trao nhiệm vụ lớn cho ông ta, chỉ có Mao đủ tư cách lấp chỗ trống do Stalin để lại. Muốn lãnh đạo Phong trào cộng sản và phe xã hội chủ nghĩa, mà nước mình lại thực hiện chủ nghĩa dân chủ mới, hình thái xã hội lạc hậu một thời đại so với các nước xã hội chủ nghĩa, thì không đủ tư cách lãnh tụ, do đó, phải nhanh chóng trở thành một nước XHCN hùng mạnh. Đó là nguồn gốc tư tưởng khiến Mao mắc phải chứng bệnh nóng vội trong vấn đề xây dựng.

“Ba cuộc cải tạo lớn” là việc làm rất sai lầm và ngu xuẩn của Mao với động cơ cao cả và lý luận thiêng liêng.

Cả đời Mao chưa hề đến thế giới tư bản chủ nghĩa chưa nhìn thấy phương thức sản xuất qui mô lớn và nền văn minh vật chất của chủ nghĩa tư bản. Khái niệm của ông về chủ nghĩa tư bản cố định ở mô than An Nguyên năm 1921. Ông chưa chuẩn bị đầy đủ về lý luận cho xây dựng kinh tế. Là những người tham gia quyết sách tối cao, Lưu Thiếu Kỳ và Chu Ân Lai cũng có phần trách nhiệm về những sai lầm của Mao làm cho đất nước rối tung lên.



Chương 8

Đường lối Đại hội 8 sát thực tế

Đại hội 8 ĐCSTQ họp tháng 9-1956 trong tình hình quốc tế và trong nước phức tạp. Đại hội 20 Đảng Cộng sản Liên Xô phê phán Stalin làm cho Mao Trạch Đông rất vui vì Stalin từng ủng hộ Vương Minh chống lại Mao, nhưng cũng khiến ông ta lo ngại làn sóng chống tể sùng bái cá nhân trên thế giới sẽ ảnh hưởng đến vị trí của mình trong ĐCSTQ. Mao cho rằng sau khi Stalin qua đời, không ai đáng ngồi vào chiếc ghế lãnh tụ Phong trào cộng sản quốc tế hơn ông ta, Nhưng với sự kiện trên, một số cách nghĩ và cách làm của ông ta phải chậm lại.

Muốn làm lãnh tụ thế giới, làm người cầm cờ của Phong trào cộng sản, phải làm tốt mọi việc của Trung Quốc, tạo ra kỳ tích chấn động thế giới trong thời gian ngắn.

Đại hội đã đề ra đường lối thực tế xây dựng chủ nghĩa xã hội gồm 10 chính sách lớn với đặc điểm lấy mô hình phát triển kế hoạch 5 năm của Liên Xô làm mẫu, lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm.

Theo chỉ thị của Mao, Điều lệ đảng không nêu “Tư tưởng Mao Trạch Đông” nữa, bởi nội dung của nó đồng nhất với chủ nghĩa Mác-Lenin. Mao làm như vậy không phải do khiêm tốn, mà vì ông sợ bên ngoài hiểu lầm, cản trở ông ta trở thành lãnh tụ thế giới bởi sau thế chiến II, danh tiếng của Stalin lớn hơn Mao nhiều, mà Stalin chỉ nêu chủ nghĩa Mác-Lenin, không nêu chủ nghĩa hoặc “tư tưởng Stalin”.

Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành trung ương mới gồm 97 uỷ viên chính thức, 73 uỷ viên dự khuyết. Ban chấp hành trung ương đã bầu ra Bộ Chính trị gồm 37 uỷ viên chính thức, 6 uỷ viên dự khuyết. Thường vụ Bộ Chính trị gồm Chủ tịch Đảng Mao Trạch Đông, 4 phó Chủ tịch Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Chu Đức, Trần Vân. Tổng Bí thư Đặng Tiểu Bình.

Khi bầu Chủ tịch Đảng, Mao không được 100% số phiếu, kiểm tra nét chữ trên các lá phiếu, phát hiện Mao không bầu mình, mà bỏ phiếu cho Lâm Bưu, dẫn đến nhiều phỏng đoán. 20 tháng sau, tại Hội nghị Trung ương 5 khoá 8, Lâm Bưu được bầu làm Phó Chủ tịch Đảng và Thường vụ Bộ chính trị.

Điều đáng tiếc nhất là Mao đã quay lưng lại với đường lối thực tế của Đại hội 8. Trong mấy năm sau đó, Mao lần lượt lật đổ 10 chính sách lớn, thay bằng 10 chính sách tương phản, hình thành đường lối chủ nghĩa xã hội không tưởng của ông ta.



Chương 9

Địa ngục văn chương lớn nhất trong lịch sử loài người

Tháng 11-1956, Mao Trạch Đông tuyên bố chuẩn bị chỉnh phong, chống các bệnh chủ quan, bè phái, quan liêu.

Ngày 27-4-1957, Trung ương ĐCSTQ chính thức ra chỉ thị tiến hành chỉnh phong. Ngày 30-4, Mao gặp gỡ các nhà lãnh đạo các đảng phái dân chủ và đại diện giới trí thức, động viên họ góp ý kiến với ĐCSTQ, giúp chỉnh phong, sửa chữa khuyết điểm, sai lầm. Nhiều cuộc họp đã được tổ chức để lấy ý kiến phê bình. Đồng đảo trí thức ngoài đảng từ giáo viên tiểu học tới giáo sư đại học, nhiều nhân vật có tên tuổi không những ở Trung Quốc mà cả trên thế giới đã thẳng thắn, chân thành, thiện chí vạch ra những yếu kém, sai lầm của ĐCSTQ từ trung ương đến địa phương. Thông tin về các cuộc họp này được đăng tải trên báo chí hàng ngày. Trưởng ban Mật trận thống nhất trung ương Lý Duy Hán ba ngày một lần báo cáo Mao và Thường vụ Bộ Chính trị. Tình hình diễn biến xem ra không như Mao mong đợi. Đến khi Lý phản ánh ý kiến của La Long Cơ rằng ở Trung Quốc hiện nay “tiểu trí thức của chủ nghĩa Mác-Lenin lãnh đạo đại trí thức của giai cấp tiểu tư sản, người mù chỉ đường người sáng mắt”, thì Mao nổi giận dữ dội. Mao vốn định thông qua cuộc vận động này

để từng bước xác lập vị trí lãnh đạo tư tưởng của mình trong giới trí thức, nay thấy họ khác công nông, trong khi các nhà lãnh đạo cấp cao đều coi Mao là nhà lý luận và nhà tư tưởng vĩ đại, thì họ lại coi ông là “tiểu trí thức”. Xem ra không thể làm cho những người này sùng bái mình. Thế là Mao quyết tâm đánh đổ “những phần tử đại trí thức của giai cấp tư sản”, dùng quyền lực tạo dựng quyền uy của bản thân. Ông ta tiếp tục cho tổ chức các cuộc hội đàm nhằm “dụ rắn ra khỏi hang”, khiến phong trào chinh phong nửa đường biến chất, không còn là thành tâm phát động quần chúng góp ý kiến cho đảng cầm quyền, mà là trị những quần chúng góp ý kiến, lòng bất phái hữu trong số đó. Mao dựng lên “vụ án chống đảng Chương-La”, (Chương Bá Quân, Chủ tịch Đảng Dân chủ Công Nông, Bộ trưởng Giao thông; và La Long Cơ, Phó Chủ tịch Đồng minh Dân chủ, Bộ trưởng Lâm nghiệp, lãnh tụ tinh thần của giới trí thức từ Âu Mỹ về). Theo thống kê chính thức, trong cuộc đấu tranh này, có 552.877 trí thức bị qui là phái hữu, bị đày đoạ trong 20 năm trời. Đến khi sửa sai (1980), chỉ có 96 người thật sự là phái hữu, chiếm 1,8 phần vạn, nghĩa là trong 1 vạn người chưa đến 2 người.



Chương 10

Hai đảng lớn Trung-Xô từ bạn thành thù

Giữa năm 1957, sau khi loại “tập đoàn chống đảng” Molotov, Malenkov, Kaganovic ra khỏi Trung ương, Khrusev cử Mikoyan sang Hàng Châu gặp Mao Trạch Đông, thông báo những thay đổi trong nội bộ ĐCSLX, được Mao cam kết ủng hộ. Đáp lại, Khrusev đồng ý giúp Trung Quốc phát triển bom nguyên tử, tên lửa, và nghiên cứu chế tạo máy bay tiêm kích kiểu mới. Ngày 15-10 sau 35 ngày thương lượng, hai nước ký hiệp định về việc Liên Xô viện trợ kỹ thuật tên lửa và hàng không cho Trung Quốc. Ngày 2-11, Mao dẫn đầu Đoàn đại biểu Trung Quốc tới Moskva dự kỷ niệm 40 năm Cách mạng Tháng Mười và Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân thế giới.

Tại cuộc họp các đảng cầm quyền 13 nước xã hội chủ nghĩa từ 14 đến 16-11, Mao đã giúp Khrusev khẳng định và ghi vào tuyên ngôn của hội nghị vấn đề “Liên Xô đứng đầu Phe xã hội chủ nghĩa”. Mao chẳng coi Khrusev ra gì, nhưng Trung Quốc còn yếu, Mao muốn giành cho mình “vị trí thứ 2 trên danh nghĩa, vị trí thứ nhất trên thực tế”. Khi khởi thảo tuyên ngôn, phía Liên Xô nêu vấn đề “quá độ hoà bình từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội”. Mao coi đây là quan điểm phi mác xít. Qua tranh luận, sửa hai điểm lớn: một là trong khi chỉ ra khả năng quá độ hoà bình, cũng chỉ ra con đường quá độ không hoà bình; hai là trong khi tranh thủ đa số trong nghị viện, cũng triển khai cuộc đấu tranh quần chúng bên ngoài nghị viện.

Từ 16 đến 19-11-1957, Khrusev chủ trì Hội nghị 64 đảng cộng sản và công nhân. Khi phát biểu, mọi người đều lên bục, riêng Mao cứ ngồi nói tại chỗ, để thể hiện thân phận mình khác người. Mao nói về quan hệ đồng chí, chiến lược sách lược chiến tranh thế giới, tình hình Trung Quốc. Một số người lắc đầu nhưng nhiều người giơ tay nghe, coi Mao như Lenin thời nay. Với quá trình hoạt động truyền kỳ, vị trí lãnh tụ nước lớn, học vấn uyên bác, phong độ lãnh tụ không ai sánh kịp, Mao trở thành trung tâm của hội nghị này. Tuyên ngôn viết “Liên Xô đứng đầu, nhưng trong hội nghị Mao là trung tâm”.

Mỗi buổi họp kết thúc, Mao đứng dậy mọi người mới đứng dậy, và họ đứng yên chờ Mao đi trước. Đó là điều Khrusev không chịu nổi. Chuyến đi này khiến Mao rất hài lòng, cảm thấy lãnh tụ Phong trào cộng sản quốc tế trong tương lai chẳng thể là ai khác ngoài ông ta. Vấn đề là kinh tế Trung Quốc khiến Mao lực bất tòng tâm, xem ra không thể phát triển kinh tế theo con đường thông thường, thế là Mao nghĩ ra con đường mới là “Đại tiến vọt”.

Trong cuộc luận chiến sau đó, không phải Liên Xô hiệp đáp Trung Quốc, Khrusev ức hiếp Mao Trạch Đông, mà do Mao cố tình gây ra, nhằm giành giật vị trí minh chủ Phong trào cộng sản quốc tế. Do cần Mao Trạch Đông ủng hộ, trong quan hệ với Trung Quốc, Khrusev đã không tỏ thái độ kẻ cả như Stalin trước đây, mà thận trọng khiêm nhường, có gì trực trặc liền giải quyết qua con đường hiệp thương.

Khrusev đã từ bỏ một số đòi hỏi của Stalin đối với Trung Quốc, như đưa Tân Cương và khu Đông Bắc Trung Quốc vào phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô, áp đặt công ty hợp doanh không bình đẳng. Ông cử chuyên gia sang giúp Trung Quốc phát triển vũ khí hạt nhân và công nghiệp quân sự. Tám tháng sau cuộc gặp gỡ Moskva, “tuần trăng mật” Xô-Trung lên đến tột đỉnh, rồi bắt đầu xấu đi, kể từ chuyến thăm Trung Quốc của Khrusev.

Ngày 31-7-1958, Khrusev tới Bắc Kinh. Mao Trạch Đông bất chấp mọi lễ nghi ngoại giao tối thiểu, bố trí hội đàm với nhà lãnh đạo Liên Xô ngay cạnh bể bơi riêng trong Trung Nam Hải. Khi được mời vào, Khrusev thấy Mao mặc quần tắm, khoác khăn tắm, nhàn nhã hút thuốc lá, giống như Quốc vương Roma gặp sứ thần thuộc quốc, khác một trời một vực với sự tôn trọng và lễ nghi đặc biệt ông dành cho Mao mùa đông 1957 tại Moskva. Cách làm cố ý chọc tức này nhằm làm xấu quan hệ Trung-Xô, buộc đối phương trở mặt trước.

Tháng 9-1959, trước khi Khrusev sang thăm Mỹ, mượn cớ Xô-Mỹ đang thảo luận ký Hiệp ước cấm thử vũ khí hạt nhân, Liên Xô quyết định huỷ hợp đồng cung cấp mẫu bom nguyên tử và tư liệu kỹ thuật sản xuất bom nguyên tử cho Trung Quốc, khiến ĐCS và nhân dân Trung Quốc rất tức giận, sự tan vỡ giữa hai bên không còn cứu vãn được nữa. Sau chuyến thăm Mỹ, Khrusev điều chỉnh chính sách, về đối ngoại đề xướng chung sống hoà bình, thi đua hoà bình, quá độ hoà bình; về đối nội đề xướng xây dựng đảng toàn dân và nhà nước toàn dân, làm mờ nhạt màu sắc chuyên chính của Nhà nước và màu sắc giai cấp của Đảng.

Lúc đó, trong ĐCSQT tuyên truyền “thuyết trung tâm cách mạng, chuyển dịch”: thế kỷ 19 ở Đức, nửa đầu thế kỷ 20 chuyển dịch sang Nga, sau khi Stalin qua đời chuyển dịch sang Trung Quốc; ĐCSQT do Mao lãnh đạo giương cao ngọn cờ Mác-xít-Leninnít, phê phán chủ nghĩa xét lại Khrusev sẽ hoàn thành sự chuyển dịch này. Đầu năm 1960, nhân kỷ niệm 90 năm ngày sinh Lenin, Trung Quốc mở màn phê phán toàn diện Liên Xô. Nhưng Trung Quốc rất cô lập, ở châu Âu chỉ có Anbani ủng hộ, ở châu Á chẳng có ai. Mao Trạch Đông nghĩ đến Việt Nam.

Từ 1950 đến 1954, Trung Quốc đã giúp Việt Nam 116.000 khẩu súng các loại, 420 khẩu pháo, nhiều khí tài thông tin và công binh. Năm 1956, Trung Quốc ưu tiên viện trợ Việt Nam 50.000 khẩu tiểu liên và súng trường nửa tự động vừa định hình sản xuất, chưa kịp trang bị cho quân đội Trung Quốc. Từ năm 1953 đến 1963, Trung Quốc đã giúp Việt Nam xây dựng 6 tiểu đoàn pháo cao xạ, 1 trung đoàn công binh, 1 trung đoàn cầu nổi, 1 trung đoàn xe tăng, 1 trung đoàn máy bay tiêm kích, bổ xung nhiều vũ khí trang bị quân sự khác. Trung Quốc còn giúp 90.000 khẩu súng máy và súng

trường để triển khai chiến tranh du kích ở miền Nam. Nhằm lôi kéo Việt Nam ủng hộ Trung Quốc trong cuộc đấu tranh với Liên Xô, Mao cử Đặng Tiểu Bình sang Hà Nội, mang theo lời hứa giúp Việt Nam 20 tỉ NDT (tương đương 20% thu nhập quốc dân hoặc 60% thu nhập tài chính của Trung Quốc năm 1963), nhưng vẫn không lôi kéo được Việt Nam. Mao Trạch Đông cho rằng cuộc đấu tranh Trung-Xô sẽ diễn ra lâu dài, nên tiếp tục tác động đến Hồ Chí Minh, chính Mao nói với ông Hồ: “Chúng ta là người một nhà, cần người có người, cần vật tư có vật tư, cần bao nhiêu có bấy nhiêu. Việt Nam thiếu máu chữa chạy thương binh, Mao Trạch Đông chỉ thị: “Mạng người là quan trọng, viện trợ 2 triệu lít. Số máu này được chuyển từ Thượng Hải đến Côn Minh, qua Hà Khẩu, rồi đưa sang thị xã Lào Cai. Nó không như lúa mạch có thể nhập khẩu, mà là từng giọt máu rút từ cơ thể những người may mắn sống sót sau một nạn đói lớn.

Tháng 5-1965, Mao Trạch Đông tiếp Hồ Chí Minh tại Hàng Châu, phía Việt Nam đề nghị Trung Quốc giúp sửa đường bộ. Mao nhận lời ngay. Tám vạn công binh ăn cơm Trung Quốc, làm việc cho Việt Nam trong ba năm trời, quả thật là viện trợ vô tư. Do nhu cầu đấu tranh chống địch trên vùng biển Vịnh Bắc Bộ, Mao Trạch Đông còn khinh suất cho Bắc Việt Nam sử dụng đảo Bạch Long Vĩ, thuộc Hải Nam, trên đảo có 2.000 dân Trung Quốc sinh sống, vùng biển xung quanh là mỏ dầu lớn trữ lượng dồi dào. Đến nay lâu ngày qua đi, nảy sinh ý kiến khác về chủ quyền. Thế là tình hữu nghị “vừa là đồng chí, vừa là anh em” cũng không giữ nổi.

(Tác giả Tân Tử Lãng sai ở đoạn này. Năm 1955, theo hiệp nghị Genève, sau khi quân đội Pháp rút khỏi Bắc Việt nam phải giao lại đảo Bạch Long Vĩ (cách Hải Phòng 350 km) cho chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, và thuộc tỉnh Hải Phòng cho đến tận ngày hôm nay. Từ ngàn năm trước đến hiện giờ, chưa có một phút nào Bạch Long Vĩ thuộc quyền của Trung Quốc - Chủ thích của người gõ Mõ Hà Nội)

Sau thất bại của phong trào “Đại tiến vọt”, Mao vẫn chưa từ bỏ dã tâm làm lãnh tụ cách mạng thế giới, ngược lại, ông ta còn cho rằng đó là lối thoát để đánh lạc hướng chú ý của nhân dân, thoát khỏi tình thế khó khăn của bản thân. Trong 5 năm 1957-1962, Trung Quốc viện trợ nước ngoài tổng cộng 2,36 tỉ NDT, riêng 2 năm 1961-1962 là 1,37 tỉ; trong đó phần viện trợ các nước XHCN Anbani, Triều Tiên. Việt Nam, Cuba, Mông Cổ là 0,87 tỉ, các nước châu Phi 500 triệu NDT.

Tuy nhiên, vẫn không hình thành được trung tâm Phong trào cộng sản quốc tế mới do Mao lãnh đạo, cũng không mua nổi hư danh “lãnh tụ cách mạng thế giới”. Họ chỉ thừa nhận Mao là “lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Trung Quốc”.

Tháng 3-1970, tập đoàn Lon Nol thân Mỹ đảo chính lật đổ chính phủ Vương quốc Campuchia, Sihanouk trở thành con át chủ bài trong tay Mao. Quân đội cộng sản Campuchia được Trung Quốc và Việt Nam nâng đỡ dồi dào với quân đội Lon Nol do Mỹ ủng hộ, chiến tranh kéo dài 4 năm, đến 17-4-1975 giải phóng Phnôm Pênh. Tháng 6 năm đó, Pol Pot sang triều kiến Mao Trạch Đông. Sau khi về nước, thực hiện chỉ thị của “lãnh tụ vĩ đại”. Pol Pot tuyên bố xoả bỏ tiền tệ, đóng cửa thị trường, thực hiện chế độ cung cấp trong cả nước, đuổi 3 triệu dân thành thị kể cả sư sãi và giáo sư đại học về nông thôn làm ruộng. Mọi hành động của ĐCS Campuchia sau khi giành được chính quyền đều mang dấu ấn “tả khuynh” của Mao. Bi kịch “Đại tiến vọt” ở Trung Quốc cuối thập kỷ 50 đã tái diễn ở Campuchia.



Chương 11

Chu Ân Lai bị tước quyền lãnh đạo kinh tế

Nôn nóng muốn làm lãnh tụ cách mạng thế giới, Mao Trạch Đông quyết tâm phát động phong trào Đại tiến vọt, làm cho kinh tế nông nghiệp lạc hậu Trung Quốc xuất hiện “kỳ tích” trong thời gian ngắn. Qua phong trào chống phái hữu, các đảng phái dân chủ và những người trí thức đã bị áp chế, chẳng còn ai dám nói gì. Vấn đề hiện nay là làm thế nào thống nhất tư tưởng và ý chí của cán bộ toàn đảng, từ trung ương tới cấp xã. Nhưng Mao vấp phải một trở ngại lớn là Chu Ân Lai và bộ máy chính quyền do ông lãnh đạo. Thủ tướng Chu Ân Lai là người có tài kinh bang tế thế, nhà lãnh đạo, tổ chức và quản lý kinh tế kiệt xuất. Ông chủ trương tôn trọng các qui luật kinh tế lượng sức mà làm, cân bằng tổng hợp, vững bước đi lên được các Phó thủ tướng Trần Vân, Lý Tiên Niệm, Bạc Nhất Ba... ủng hộ. Không áp chế những người này, thì đừng mong gì thực hiện “Đại tiến vọt”.

Nửa đầu năm 1958. Mao liên tiếp triệu tập các hội nghị Hàng Châu, Nam Ninh, Thành Đô, Vũ Hán... rồi Đại hội 8 kỳ 2, với chủ đề phê phán những người phản đối làm liều chống bảo thủ hữu khuynh, ép Chu Ân Lai kiểm điểm, gạt bỏ những ý kiến đúng đắn phù hợp qui luật kinh tế khách quan của Chu, mở rộng đường thực hiện trong toàn đảng đường lối chủ nghĩa xã hội không tưởng tả khuynh của Mao với đặc điểm làm liều. “Tội chúng” chủ yếu đề phê phán Chu là báo cáo của ông tại Hội nghị Trung ương 2 khoá 8 tháng 11-1956.

Tại Hội nghị Nam Ninh ngày 16-1-1958, trước mặt mọi người, Mao bảo Chu: “Chẳng phải ông phản đối làm liều đó sao? Tôi chống lại những ai phản đối làm liều”.

Tối 19-1, Chu Ân Lai kiểm điểm, thừa nhận phản đối làm liều là sai lầm hoàn toàn đi ngược lại phương châm “xúc tiến” của Mao, và xin nhận trách nhiệm chủ yếu đối với sai lầm trên.

Đến Hội nghị Thành Đô tháng 3-1958, Mao đưa ra khẩu hiệu “loại bỏ mê tín, giải phóng tư tưởng”, và đường lối chung “Dốc hết lòng hăng hái, phấn đấu vươn lên hàng đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội nhiều, nhanh, tốt đẹp”. Mao nói rất nhiều về “tính đúng đắn và sự cần thiết” của sùng bái cá nhân.

Đại hội 8 kỳ 2 họp từ 5 đến 23-5 tại Bắc Kinh. Về dự có 977 đại biểu chính thức, 389 khách mời, bao gồm một số Bí thư Huyện uỷ và cấp tương đương, Bí thư Đảng uỷ các xí nghiệp lớn do các tỉnh và thành phố trực thuộc lựa chọn. Mao Trạch Đông chủ trì, Lưu Thiếu Kỳ đọc báo cáo công tác. Kỳ họp chính thức đưa ra đường lối chung, chính thức tuyên bố khởi đầu phong trào “Đại tiến vọt”.

Chu Ân Lai hiểu rõ kiểm điểm trong phạm vi lớn như thế có nghĩa là công khai tuyên bố từ chức Thủ tướng. Ông quá hiểu Mao Trạch Đông, sau khi tiến vào Bắc Kinh, quan hệ đồng chí và chiến hữu giữa ông và Mao đã chấm dứt, bắt đầu quan hệ vua tôi. Lệnh do Mao ban, công việc do Chu làm, tuy dưới một người và trên vạn người, nhưng làm bạn với vua như chơi với hô, có thể bị hồ ăn thịt bất cứ lúc nào, nên ông cực kỳ thận trọng. Trước mắt Chu có ba con đường. Toàn bộ nền kinh tế quốc dân đang lờng lờng như con ngựa hoang, có thể lượng trước những nguy hiểm, là thủ tướng ông phải thuyết phục Mao, nhưng chưa chắc người ta đã hiểu ý tốt của mình, mà ông rất có thể bị qui là đại biểu của đường lối cơ hội hữu khuynh, đại diện cho phái hữu và giai cấp tư sản. Không thể đi theo con đường này. Con đường thứ hai là từ chức Thủ tướng, không kiểm điểm trái với lòng mình để lịch sử chứng minh ai đúng ai sai. Như vậy chẳng khác gì chơi bài ngựa với Mao Trạch

Đông. Mao đã dám chỉ con hươu bảo là con ngựa, đổi trắng thay đen, trong đảng cũng không hiềm gì kẻ mưu toan xu nịnh, tăng bốc Mao để ngoi lên, như vậy mình sai sẽ bị lật đổ mình đúng càng bị lật đổ nhanh hơn, Còn đường cuối cùng là kiểm điểm trái với lòng mình, lấy Mao làm tiêu chuẩn đúng sai, theo sát Mao, giữ sự nhất trí về đường lối và chính sách. Sau này nếu xảy ra rối loạn, Chu lại đứng ra nhận trách nhiệm về mình, chấn chỉnh tình hình, đặt Mao ở tuyến hai “vĩnh viễn đứng đắn”. Tư duy của Chu dừng lại ở điểm thứ ba này. Ông gọi thư ký riêng Phạm Nhược Ngu đến đêm khuya thanh vắng, ông nói câu nào, thư ký ghi lại câu đó nói rất chậm, có lúc mấy phút liền chẳng nói được câu nào. Bản kiểm điểm viết xong, ông cân nhắc sửa từng câu một, rồi gửi Mao Trạch Đông và các uỷ viên thường trực Bộ Chính trị. Qua mấy ngày, Mao gửi lại sau khi xoá bớt hoặc sửa cho nhẹ đi một số câu chữ quá nặng, hạn chế tính chất của vấn đề trong phạm vi nhận thức, hình như Mao không có ý định thay Thủ tướng. Chu hiểu rằng việc Mao ép mình kiểm điểm lần này cũng như đã làm với Lưu Thiệu Kỳ tại Hội nghị Trung ương 4 khoá 7, bởi Mao cho rằng làm như vậy là tuyệt đối cần thiết để củng cố địa vị lãnh tụ của ông ta, chỉ cần Lưu và Chu không đứng ra phản đối, thì toàn Đảng chỉ có thể đi theo Mao.

Trong tâm trạng rất phức tạp, Chu Ân Lai đã đọc bản kiểm điểm trước hội nghị. Ông thừa nhận sai lầm của mình là nghiêm trọng, nguồn gốc tư tưởng là mắc bệnh chủ quan, siêu hình, giáo điều kinh nghiệm. Ông ca ngợi Mao Trạch Đông đại diện cho chân lý, là người không bao giờ mắc sai lầm, kêu gọi mọi người học tập tư tưởng, tác phong, phương pháp làm việc, các tác phẩm và các chỉ thị của Mao. Ngày 25-5, theo đề nghị của Mao. Hội nghị Trung ương 5 khoá 8 đã bầu Lâm Bưu làm Phó chủ tịch đảng, Kha Khánh Thi, Lý Tinh Tuyên và Đàm Chấn Lâm làm uỷ viên Bộ Chính trị. Trong đảng lan truyền tin Kha Khánh Thi (Bí thư Thành uỷ Thượng Hải) sẽ lên làm Thủ tướng. Chu Ân Lai đệ đơn từ chức, Bành Đức Hoài cũng xin thôi chức Bộ trưởng quốc phòng. Ngày 9-6-1958, Mao triệu tập cuộc họp Thường vụ Bộ chính trị thảo luận vấn đề trên. Lưu Thiệu Kỳ, Chu Đức, Trần Vân, Đặng Tiểu Bình nhất trí giữ hai ông lại, Hội nghị quyết định hai ông tiếp tục giữ cương vị công tác cũ.

Mao Trạch Đông biết rõ Chu Ân Lai là người có lương tâm, mà dựa vào một thủ tướng có lương tâm thì không thể hoàn thành nhiệm vụ lịch sử Đại tiến vọt. Khi ấy, Mao đã quyết tâm tước đoạt nông dân tới mức tối đa, tập trung lương thực trong tay để chi viện cách mạng thế giới, khiến ông ta trở thành lãnh tụ vĩ đại của Phong trào cộng sản quốc tế.

Mao phải đích thân ra tuyến một chỉ đạo sản xuất công nông nghiệp, tổ chức và chỉ huy Đại tiến vọt. Không thể cách chức Thủ tướng Chu, Mao liền thực thi nhiều động tác nhỏ để vô hiệu hoá ông. Trước hết. Mao thành lập 5 tổ trực thuộc Bộ Chính trị và Ban Bí thư:

1. Tổ kinh tế-tài chính gồm 12 người, do Trần Vân làm Tổ trưởng, Đàm Chấn Lâm Tổ phó.
2. Tổ chính pháp 5 người, Bành Chân làm Tổ trưởng.
3. Tổ Ngoại sự 6 người, Trần Nghị làm Tổ trưởng.
4. Tổ Văn Giáo 10 người, Tổ trưởng là Lục Định Nhất.
5. Tổ Khoa học 6 người, Tổ trưởng là Nhiếp Vinh Trăn.

Khi thông báo vấn đề này, Mao đẩy Chu từ vị trí thứ 3 xuống thứ 6. Như vậy Quốc vụ viện (Chính phủ) trở nên hữu danh vô thực, vai trò của thủ tướng trở nên mờ nhạt, bị tước quyền lãnh đạo và quyền quyết sách công việc chính trị, nhất là xây dựng kinh tế của đất nước. Mao Trạch Đông trực tiếp chỉ huy 5 tổ trên, hình thành “Viện thiết kế chính trị” do ông ta đứng đầu, lãnh đạo công cuộc xây dựng kinh tế, phát động phong trào Đại tiến vọt và công xã nhân dân. Các nơi dồn dập phóng “vệ tinh” về sản lượng lương thực và bông.



Chương 12

Mao: Chúng ta phải thực hiện một số lý tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng

Trong cao trào đua nhau “phóng vệ tinh” ấy, tháng 8-1958, Mao tuần du ba tỉnh Hà Bắc, Hà Nam, Sơn Đông. Mỗi chuyến đi như vậy, tùy theo nhu cầu, Mao cho mang theo rất nhiều sách, không khác gì Khổng Tử dọn nhà. Vệ sĩ trưởng Lý Ngân Kiều đã cho đóng hai hòm gỗ lớn để đựng sách mang theo, đến nơi ở, sách lại được bày ra, đảm bảo Mao có thể tìm được ngay những cuốn cần đọc. Trong chuyến đi này, ngoài những bộ sử đang đọc dở như “Tam quốc chí”, “Sử từ”, Mao còn cho mang theo những cuốn sách về luyện kim và thổ nhưỡng.

Tại một số huyện ở ba tỉnh trên, Mao đã nghe báo cáo về tình hình sản xuất và đời sống, xem viện dưỡng lão, nhà trẻ, bếp ăn tập thể không mất tiền, những cánh đồng cao sản đạt năng suất mỗi héc ta trên 187 tấn ngô, hoặc 300 tấn lúa, hoặc 1.500 đến 7.500 tấn khoai. Huyện Từ Thủy tỉnh Hà Bắc, một huyện có 31 vạn dân đã đề ra mục tiêu “tiến lên chủ nghĩa cộng sản trong ba năm”, vụ hè vừa thu hoạch được 45.000 tấn lương thực, đã đề ra mục tiêu sản xuất 1,1 triệu tấn ngay trong vụ thu tiếp theo (tăng gấp hơn 24 lần, bình quân đầu người 1,8 tấn), Mao tin vào tất cả những báo cáo đó, thu hoạch chung của ông trong chuyến đi này là: vấn đề nông nghiệp đã được giải quyết. Hơn thế nữa, ông bắt đầu một mối lo kéo dài mấy tháng liền: “lương thực nhiều quá, làm thế nào đây?” Theo chỉ thị của Mao. Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng họp tại Bắc Đới Hà từ 17 đến 30-8-1958 thảo luận 17 vấn đề, chủ yếu là công xã nhân dân về luyện thép. Phát biểu trong cuộc họp ngày 21, Mao nói: *“Chúng ta phải thực hiện một số lý tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng. Công xã nhân dân có mầm mống của chủ nghĩa cộng sản. Sản phẩm rất phong phú, lương thực, bông... là của chung mọi người. Khoảng 10 năm nữa, có thể sản phẩm hết sức phong phú, đạo đức vô cùng cao thượng, chúng ta có thể thực hiện chủ nghĩa cộng sản về ăn, mặc, ở, ăn tại bếp tập thể không phải trả tiền là chủ nghĩa cộng sản”*.

Ngày 29-8, Hội nghị Bắc Đới Hà ra nghị quyết về thành lập các công xã nhân dân nông thôn, “chiếc cầu đi tới thiên đường cộng sản chủ nghĩa”. Cơ sở thành lập công xã nhân dân là hợp tác liên xã, liên huyện, tổ chức quân sự hoá, hành động chiến đấu hoá, sinh hoạt tập thể hoá, nâng cao hơn nữa giác ngộ cộng sản chủ nghĩa của 500 triệu nông dân. Qui mô công xã nói chung 2.000 hộ là thích hợp, cũng có thể nhiều xã hợp nhất, khoảng 7.000 hộ, thậm chí trên 20.000 hộ. Thành phần tổ chức là phát triển toàn diện nông lâm ngư nghiệp, nghề phụ, chăn nuôi kết hợp công-nông-thương-học-binh”. Điều lệ vấn tất qui định: Các hợp tác xã hợp nhất thành công xã phải nộp toàn bộ tài sản công hữu. Xã viên phải nộp lại đất phần trăm, toàn bộ tư liệu sản xuất của xã viên thuộc sở hữu của công xã, song có thể giữ lại một ít gia súc, gia cầm. Căn cứ vào nhu cầu, công xã có thể dỡ dần nhà

riêng của xã viên để lấy vật liệu sử dụng, nhà mới dựng thuộc sở hữu của công xã, xã viên ở phải trả tiền thuê.

Phần quan trọng của điều lệ này là nông dân bị tước đoạt hết ruộng đất, nhà cửa, gia súc, cây cối..., họ chỉ được một cái: già trẻ, nam nữ, gái trai đều đến ăn tại bếp tập thể không phải trả tiền.

Sau hội nghị trên, “con bão cộng sản” tràn khắp vùng nông thôn Trung Quốc, chỉ trong vòng một tháng, Ban công tác nông thôn đã tuyên bố công cuộc “Công xã hoá đã cơ bản hoàn thành, tại 22 tỉnh và thành phố trực thuộc, 85% đến 100% số hộ nông dân đã tham gia công xã, còn lại 4 tỉnh sẽ cơ bản hoàn thành trước 1-10, tỉnh chậm nhất là Vân Nam cũng cam kết hoàn thành vào cuối tháng 10”.

Mao chưa chuẩn bị đầy đủ về lý luận để lãnh đạo kinh tế, và cũng thiếu kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực này, nhưng lại không khiêm tốn, cho rằng mình biết tất cả, việc gì cũng làm được. Khi sáng lập thể chế công xã nhân dân, Mao Trạch Đông suốt ngày chìm đắm trong “*Truyện Trương Lỗ*”, “*Sách đại đồng*”, mà không đọc lấy một trang “*Tư bản luận*”, do đó, ông ta mới có dũng khí đưa thể chế công xã ra trước lịch sử, coi đó là sự phát triển mới của chủ nghĩa Mác ở Trung Quốc, gây cười cho thiên hạ mà không biết. Bên bãi biển Bắc Đới Hà, Mao không hề biết rằng ông ta đã gây tai hoạ lớn, mà vẫn tràn đầy niềm tin đối với “Đại tiên vọt” và “Công xã hoá”.

Trong bài đăng trên Nhân dân nhật báo ngày 27-8-1958, Lưu Tây Thụy, cán bộ Văn phòng Trung ương Đảng được cử xuống tìm hiểu tình hình huyện Thọ Trường, tỉnh Sơn Đông cho biết: Huyện uỷ đề ra khẩu hiệu đảm bảo 15 tấn, cố gắng đạt 22,5 tấn một héc ta, nhưng thực tế toàn huyện đang có phong trào thi đua mỗi héc ta sản xuất 750 tấn lương thực. Cán bộ quân chúng nơi đây nói đến sản lượng cao mỗi héc-ta làm ra 150 tấn ngô, 750 tấn khoai một cách thản nhiên, loại xoàng cũng nêu năng suất 60 tấn, chẳng ai nói đến mục tiêu 15 tấn nữa.

Mao lo lương thực quá nhiều, ngoài nuôi người và gia súc, chẳng biết để làm gì, ngày 19-11-1958, Mao phê chuẩn báo cáo của Đàm Chấn Lâm quyết định giảm diện tích trồng lương thực từ 122 triệu xuống 100 triệu héc ta, kết quả các địa phương chấp hành, giảm 11,6 triệu héc ta, trong đó diện tích trồng lúa nước giảm 9,1%, tiểu mạch giảm 8,5%. Hai ngày sau, tại Hội nghị Vũ Xương, Mao nêu vấn đề “quá độ lên chủ nghĩa cộng sản”.



Chương 13

Phải kết hợp giữa Các Mác và Tần Thủy Hoàng

Năm 1958 phải nâng sản lượng thép lên gấp 2 lần 1957, câu nói tùy tiện của Mao trong lúc tắm ấy đã làm cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân rối tung lên. Sản lượng thép Trung Quốc năm 1957 là 5,35 triệu tấn, tăng gấp 2 lần là 10,7 triệu tấn. Giữa tháng 8-1958 khi Hội nghị Bắc Đới Hà ra quyết định cuối cùng về vấn đề này, cả nước mới sản xuất được 4,5 triệu tấn thép, hoàn toàn không thể sản xuất thêm 6,2 triệu tấn thép trong 4 tháng rưỡi còn lại. Mao quá tin vào ý chí lãnh tụ của mình, hình như chỉ cần ông ta quyết tâm vung tay lên, là nhân dân cả nước sẵn sàng đi vào nơi nước sôi lửa bỏng, chẳng có việc gì là không làm nổi. Tại hội nghị trên, Mao nói: “Phải chuyên chế. Không thể

chỉ nói đến dân chủ. Phải kết hợp giữa Các Mác và Tần Thủy Hoàng. Hoàn thành 11 triệu tấn thép là việc lớn liên quan đến lợi ích của toàn dân, phải cố sống chết làm cho bằng được. Phải ra sức thu gom sắt phế liệu, có thể tháo dỡ các đường sắt tạm thời không có giá trị kinh tế như đường sắt Ninh Ba, đường sắt Giao Đông”.

Lẽ nào Mao Trạch Đông hoang đường đến mức ra lệnh dỡ đường sắt làm phế liệu đúc thép, để gom đủ số lượng hoàn thành nhiệm vụ “tăng gấp 2 lần”? Nhưng biên bản hội nghị ghi rành rành như vậy đây. Thực tế là Mao ngầm nói với cán bộ lãnh đạo trung ương và các tỉnh rằng phải thực hiện chính sách bàn tay sắt, mệnh lệnh, cưỡng bức, phải hoàn thành nhiệm vụ bằng bất cứ giá nào kể cả đưa các thanh ray đường sắt vào lò nấu thép.

Hội nghị bí thư phụ trách công nghiệp các tỉnh và thành phố họp tại Bắc Đới Hà 7 ngày cuối tháng 8-1958, Bộ trưởng luyện kim Vương Hạc Thọ giao chỉ tiêu cho các tỉnh, tổng cộng cả nước trong 4 tháng cuối năm 1958 phải sản xuất 11,5 triệu tấn gang, 7 triệu tấn thép. Tối 9-4, Ban Bí thư triệu tập hội nghị điện thoại các bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc; đồng viên “Đại tiến vọt” về gang thép. Tổng Bí thư Đặng Tiểu Bình tránh mặt, giao cho Bành Chân và Đàm Chấn Lâm chủ trì cuộc họp này. Bí thư thứ nhất Tỉnh uỷ Hà Nam hăng hái nhất, “Nhân dân nhật báo” đưa tin Hà Nam trước 10-9 mỗi ngày sản xuất 780 tấn gang, nhưng đến 15-9 đã xây dựng được 45.000 lò luyện gang, huy động 3,6 triệu nông dân và 407.000 xe vận tải các loại, một ngày sản xuất 18.693 tấn gang!

Thủ tướng Chu Ân Lai không tin vào thông tin trên. Ông cử Cố Minh, thư ký phụ trách công nghiệp xuống tìm hiểu tình hình. Cố Minh từng lưu học ở Nhật Bản, là người am hiểu sản xuất gang thép. Ông xuống xã Tân Hương nơi báo cáo đã sản xuất mỗi ngày 102 tấn gang, quan sát hiện trường sản xuất gặp gỡ cán bộ quần chúng, rồi mang theo sản phẩm mẫu về báo cáo Chu:

- Thưa Thủ tướng, toàn là chuyện dối trá. Ở Công ty gang thép Yên Sơn, muốn có một tấn gang, phải dùng ba bốn tấn quặng sắt, hai ba tấn than cốc, cộng thêm vật liệu phụ trợ khác, tổng cộng hơn 10 tấn. Một ngày làm ra 102 tấn thép phải vận chuyển trên 1.000 tấn nguyên vật liệu, xã Tân Hương làm gì có khả năng ấy. Xin Thủ tướng xem, sản phẩm tốt nhất là miếng gang xộp này đây.

Ông Chu cầm mẫu sản phẩm lên xem, im lặng rất lâu.

Chu Ân Lai biết rõ chuyện sản xuất gang thép ở Hà Nam là dối trá, nhưng lúc đó chưa thể nói gì. Thứ trưởng Bộ Công nghiệp và Giao thông Cao Dương được lệnh dẫn một tổ công tác xuống tìm hiểu tình hình luyện gang thép ở Hà Nam. Ông phát hiện sản lượng dối trá, chất lượng kém, liền gửi thư lên Trung ương, nêu ý kiến riêng về cách làm phản khoa học này.

Mao đọc báo cáo trên, dùng dùng nổi giận, coi Cao Dương là phản tử cơ hội hữu khuynh, bắt đem theo cả vợ con đi lưu đày ở Quý Châu. Thế là Mao bịt mồm tất cả cán bộ các cấp. Hồi đó cán bộ các cấp có một câu “tự giải thoát”: “phải tính giá thành chính trị, đừng tính giá thành kinh tế”. “Giá thành chính trị” là thể diện của Mao, “giá thành kinh tế” là thiệt hại tài sản của nhân dân. Vì thể diện của lãnh tụ vĩ đại, Đảng cộng sản và nhân dân Trung Quốc đã “phát cuồng”. Cuối tháng 7-1958, lực lượng lao động trong ngành gang thép là vài chục vạn người, cuối tháng 8 tăng lên vài triệu, cuối tháng 9 lên 50 triệu, đến cuối năm lên đến 90 triệu, cộng thêm lực lượng chi viện trực tiếp và gián tiếp, số lao động đổ vào ngành gang thép lên đến trên 100 triệu người.

Ngày 22-12-1958, Tân Hoa Xã công bố cả năm đã sản xuất 11,08 triệu tấn thép, 13,69 triệu tấn gang, hoàn thành vượt mức nhiệm vụ tăng gấp đôi sản lượng thép.

Những điều không công bố: trong đó bao gồm 3,08 triệu tấn thép và 4,16 triệu tấn gang phế phẩm, hoàn toàn không thể gia công sử dụng. Giá thị trường một tấn gang lúc đó là 150 NDT, gang làm ra theo phương pháp thủ công giá thành 315 NDT. Nhà nước phải trợ giá 5 tỉ NDT.

Thiệt hại kinh tế trong ba năm “Đại tiến vọt” là 120 tỉ NDT, tương đương khoản tiền vốn dùng cho 2 kế hoạch 5 năm của Trung Quốc hồi đó.

Năm 1958, Mao còn đề xướng thành lập các nhà ăn tập thể, coi đó là biện pháp có hiệu quả để các công xã nhân dân thực hiện tổ chức quân sự hoá, hành động chiến đấu hoá, sinh hoạt tập thể hoá, là vấn đề then chốt để bồi dưỡng tinh thần tập thể và tư tưởng cộng sản chủ nghĩa cho nông dân. Các nhà ăn tập thể ồ ạt ra đời, đến cuối năm 1959, nông thôn cả nước đã lập được 3,91 triệu nhà ăn tập thể, có hơn 400 triệu người tham gia, chiếm 72,6% số người trong các công xã, riêng Hà Nam lên tới 99%. Cơ sở để Mao đưa ra chủ trương trên là lương thực quá nhiều, không biết dùng vào việc gì nữa. Mao tuyên bố lương thực của Trung Quốc đủ dùng cho tất cả mọi người trên trái đất.

Báo cáo của Đảng đoàn Bộ Nông nghiệp gửi Bộ Chính trị ngày 25-8 viết: tổng sản lượng lương thực cả năm 1958 đạt trên 400 triệu tấn, gấp hơn 2 lần năm 1957. Tháng 10, tại Hội nghị hợp tác nông nghiệp các tỉnh Đông Bắc và Tây Bắc, Đàm Chấn Lâm nhấn mạnh 400 triệu tấn và khẳng định, có khả năng đạt 500 triệu tấn. Về sau mới biết sản lượng lương thực năm 1958 chỉ có 200 triệu tấn.

Lúc đầu nhà ăn tập thể quả cũng “tưng bừng” một thời, khẩu hiệu chung là “ăn thật no” và “không phải trả tiền”, nhiều nơi đề ra “ăn no, ăn ngon, ăn sạch”, “mỗi bữa 4 món thức ăn”, thậm chí có nơi tuyên bố phân đầu một tháng 90 bữa ăn, không bữa nào món ăn trùng lặp, ngang tiêu chuẩn bếp ăn của vua chúa Trung Quốc, có nơi coi nhà ăn tập thể là khởi điểm để “tiến lên chủ nghĩa cộng sản trong vòng ba năm”.

Nhưng chẳng mấy chốc lương thực thực phẩm cạn dần, từ bữa ăn ngày ba bữa cơm chuyển sang ăn cháo, rồi cháo loãng, rau dại. Lãnh đạo địa phương không dám giải tán nhà ăn tập thể vì sợ làm sai chỉ thị của lãnh tụ vĩ đại, bị kết tội hữu khuynh, “đi con đường tư bản chủ nghĩa”. Nông dân không thể bỏ nhà ăn tập thể vì toàn bộ khẩu phần lương thực của họ do nhà ăn quản lý rồi, đành mỗi ngày hai lần đến nhận khẩu phần cháo loãng. Nhà kinh tế học Tiết Mộ Kiều, Cục trưởng Thống kê hồi đó cho biết lãng phí lương thực trong các nhà ăn tập thể lên tới 17,5 triệu tấn, tương đương 11% số lương thực cung ứng cho nông thôn. Ngoài ra, khoảng 10% lương thực bị hư hỏng ngoài đồng do không kịp thu hoạch, bởi phần lớn lao động khỏe mạnh đã bị huy động đi làm gang thép. Huyện Tĩnh Nghiên (Tứ Xuyên) vào lúc thiếu lương thực nghiêm trọng nhất năm 1959, bình quân mỗi người một ngày được phân phối không đến 100 gam lương thực, cứ 8 người có một người chết đói. Đầu năm 1959, đi thăm một số tỉnh, nguyên soái Chu Đức không tán thành nhà ăn tập thể. Ông nói cần chia lương thực cho các hộ nông dân, cần giữ lại một chút chế độ tư hữu cho nông dân làm nghề phụ, chăn nuôi. Ông nói với Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Đông Đào Chú: “Hai việc lớn nhất năm 1958 là ồ ạt làm gang thép và công xã hoá đã gây thiệt hại rất lớn cho nhà nước và cá nhân”. Ý kiến của Chu Đức được lưu truyền rất nhanh trong cả nước. Mùa hè năm đó, Bí thư Tỉnh uỷ An Huy Trương Khải Phong ra lệnh giải tán toàn bộ hơn 4.000 nhà ăn tập thể ở huyện Vô Vi. Sự kiện

này khiến Mao dùng dùng nổi giận. Trong bút phê báo cáo về vụ này. Mao viết: “Trương Khải Phong đứng trên lập trường giai cấp tư sản, mưu toan phá hoại nền chuyên chính vô sản, chia rẽ Đảng cộng sản”. Ý kiến trên còn ngầm phê phán Chu Đức. Hai ngày sau tại cuộc họp Thường vụ Bộ Chính trị. Mao “lo ngại Chu Tổng tư lệnh gây rối loạn”.

Nhưng Mao cũng đã sớm nhận ra nhà án tập thể đang đứng trước nguy cơ nghiêm trọng. Tháng 2-1959, ông cử thư ký riêng kiêm Phó văn phòng Trung ương Điền Gia Anh dẫn một tổ công tác xuống Tứ Xuyên điều tra. Điền Gia Anh đã báo cáo với Mao thực trạng ông ta nghe mắt thấy ở nông thôn trong chuyến đi này.

Tình hình các tỉnh dần dần trở nên nghiêm trọng. Do thiếu lương thực, lao động quá sức, từ nửa cuối năm 1959, vùng nông thôn đã xuất hiện tình trạng bệnh phù thũng và chết đói, nhiều người bỏ nhà ra đi. Tỉnh ủy Hà Bắc báo cáo toàn tỉnh có 44 huyện, 235 công xã đã phát hiện gần 6 vạn người mắc bệnh phù thũng, trên 450 người đã chết. Nhưng Mao vẫn đặt thể diện, uy tín của mình lên trên những hoạn nạn sống chết của mấy trăm triệu nông dân, ngoan cố tiếp tục tổ chức các nhà ăn tập thể. Mao giấu báo cáo của Tỉnh ủy Hà Bắc, nhưng lại cho phân phát trong cả nước, báo cáo của Bí thư Tỉnh ủy Quý châu Chu Lâm miêu tả “80% số nhà ăn tập thể ở tỉnh này là vững chắc” Lựa theo khẩu vị của Mao, Chu Lâm nhấn mạnh “nhà ăn tập thể là trận địa xã hội chủ nghĩa phải giữ vững, để mất trận địa này, không thể củng cố công xã nhân dân, cũng không thể giữ vững phong trào Đại tiến vọt”. Mao yêu cầu các nơi làm theo Quý Châu.

Trước tình hình nghiêm trọng này, tư tưởng chỉ đạo của Mao là “giữ vững thành thị, hy sinh nông thôn”. Mao hiểu rõ chủ nghĩa xã hội không tưởng của ông ta đã gây hậu quả cực kỳ nghiêm trọng, nếu thực sự cầu thị đánh giá “3 ngọn cờ hồng” (đường lối chung, đại tiến vọt, công xã nhân dân) thì ông ta phải từ chức, để tạ lỗi với toàn đảng, toàn dân.

Mao suy nghĩ rất sâu xa. Phải phát minh lý luận, tổ chức đội ngũ, để bào chữa cho sai lầm của mình. Ai bào chữa cho sai lầm của Mao, người đó là chiến hữu thân thiết; ai chuẩn bị uốn nắn đường lối sai lầm “tả khuynh”, người đó là kẻ thù không đội trời chung của ông ta. Từ đó, đã khởi đầu những năm tháng nhiều biến động trong Đảng cộng sản Trung Quốc.



Chương 14

Đủ hiểu biết để cự tuyệt nhưng lời khuyên răn, đủ lời lẽ để tô vẽ cho những sai lầm

Chiều 26-10-1958, đoàn tàu riêng chở Mao Trạch Đông dừng lại ở đường nhánh ga Hiếu Cảm tỉnh Hồ Bắc. Chính ủy Quân đoàn 15 đổ bộ đường không Liêu Quan Hiền đã bố trí cảnh giới dày đặc khu vực xung quanh. Mao tiếp cán bộ lãnh đạo Quân đoàn 15, rồi gặp gỡ đại diện lãnh đạo tỉnh Hồ Bắc, chuyên khu Hiếu Cảm, một đội trưởng sản xuất và một cán bộ Hội Phụ nữ ở cơ sở, nhằm tìm hiểu tình hình thực tế. Được động viên số cán bộ trên đã mạnh dạn phản ánh hiện trạng nông thôn. Về chỉ tiêu 30 triệu tấn lương thực Trung ương giao cho Hồ Bắc năm 1958, đại diện Tỉnh ủy nói chỉ làm được 10 triệu, nhiều nhất là 11 triệu tấn. Mao tỏ ra đau lòng, nói ông ta “có lỗi với nhân dân”.

Nhưng Mao là con người rất phức tạp và nhiều mâu thuẫn, chỉ ít ngày sau, ông không còn là Mao Trạch Đông trên đoàn tàu ở ga Hiếu Cảm nữa. Trong 8 tháng từ 11-1958 đến tháng 6-1959, Mao triệu tập Hội nghị Trung ương 6 và Hội nghị Trung ương 7 khoá 8, các Hội nghị Trịnh Châu, Vũ Xương, Thượng Hải. Tổng hợp những phát biểu của Mao tại các cuộc họp trên, có 5 điểm chính:

1. Quan hệ giữa 9 ngón tay và 1 ngón tay (9 ngón đúng, chỉ có 1 ngón sai). Đông đảo quần chúng tận mắt thấy năm 1958 đã thu thành tích vĩ đại, vấn đề chỉ là chế độ sở hữu của công xã đi quá xa một chút.
 2. Sai lầm của “một ngón tay” là điều không tránh khỏi trung phong trào quần chúng.
- Dựng tấm lá chắn “phong trào quần chúng”, Mao đã lảng tránh trách nhiệm của mình.
3. Với tư thế nhà lý luận mác xít, Mao chỉ đạo cán bộ và nhân dân cả nước uốn nắn những lệch lạc nóng vội.
 4. Giải thích sự cần thiết phải cưỡng chế mấy chục triệu người làm gang thép.
 5. Không cho nêu ý kiến khác đối với nhà ăn tập thể, ăn không phải trả tiền.

Trong một loạt hội nghị do Mao đích thân chủ trì nói trên, nhận thức của phần lớn các uỷ viên Bộ Chính trị, uỷ viên Trung ương, Bí thư tỉnh uỷ bị gò trong khuôn khổ “9 ngón tay và một ngón tay”, không dám nhích ra ngoài một bước. Chỉ có Bành Đức Hoài nói lên nỗi cực khổ và tâm nguyện của nhân dân.

Tại Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng họp ở Thượng Hải từ 25-3 đến 1-4-1959, Bành Đức Hoài đã tổng hợp những điều mắt thấy tai nghe ở 6 Đại quân khu 10 tỉnh và thành phố. Ông nói thẳng:

- Các đồng chí đừng cho là tôi nói quá lời. Chính sách Đại tiến vọt phải chăng đã sai từ gốc rễ? Tôi cho rằng sai rồi. Cái sai không thể chỉ nói trong hội nghị, nếu không có biện pháp sửa đổi, hậu quả của nó chẳng những ảnh hưởng đến việc không có cách nào huấn luyện quân đội chuẩn bị chiến tranh, mà nghiêm trọng hơn là ảnh hưởng đến vận mệnh và tương lai của đất nước. Đến lúc ấy, e rằng nhân dân không còn tin vào chủ nghĩa cộng sản nữa.

Mao Trạch Đông sợ ý kiến của Bành Đức Hoài ảnh hưởng đến người khác, vội chen vào:

- Ông nắm quân đội, không nên can thiệp nhiều như vậy, can thiệp nhiều quá, các đồng chí khác nhìn nhận ra sao? Những vấn đề một số đồng chí nói, tôi thấy chỉ là vụn vặt, chỉ là vấn đề bên dưới quán triệt không đầy đủ

Bành Đức Hoài vội tuyên bố:

- Thừa Chủ tịch, tôi không có ý gì khác, tôi nói như vậy là thật lòng vì uy tín của Chủ tịch và của Đảng ta.

Mao mỉm cười:

Mao Trạch Đông – Ngàn năm công tội

- Tôi hiểu, tôi hiểu, ông xưa nay vẫn vậy.

Sau cuộc họp, Chu Ân Lai sợ Bành Đức Hoài quá thẳng thắn mang vạ vào thân, đã gấp riêng Bành, lưu ý tình hình bây giờ không còn như thời kỳ chiến tranh nữa, phương pháp công tác phương pháp tư tưởng đều phải thay đổi cho phù hợp.

Từ 2 đến 5-4-1959, chuyển sang Hội nghị Trung ương 7 khoá 8, thông qua “Dự thảo kế hoạch kinh tế quốc dân năm 1959” 18 vấn đề về công xã nhân dân”, “Phương án bộ máy nhà nước và nhân sự”, “Kế hoạch hùng vĩ kinh tế quốc dân tiếp tục Đại tiến vọt” với chỉ tiêu 18 triệu tấn thóc, 525 triệu tấn lương thực.

Ngày 5, Mao phát biểu “16 điều về phương pháp công tác”, trong đó vẫn nhấn mạnh ông ta đại diện cho “đường lối đúng đắn” có lúc “chân lý không nằm ở phía số đông, mà nằm ở phía số ít hoặc một người”. Mao còn cảnh cáo những người từng phản đối ông ta. Mao đề cao Hải Thụy, một viên quan đời Minh đã dũng cảm phê bình, can ngăn hoàng đế. Mao đề xướng tinh thần Hải Thụy nhằm buông mồi dụ Bành Đức Hoài và Chu Ân Lai thẳng thắn nói hết ý kiến riêng, để kiểm có trưng trị vào lúc thích hợp.

Theo đề nghị của Mao, Hội nghị Trung ương 6 khoá 8 đã có quyết định tán thành để Mao thôi chức Chủ tịch nước CHND Trung Hoa khoá tới. Theo dự kiến danh sách lãnh đạo bộ máy nhà nước do Ban Tổ chức Trung ương chuẩn bị theo sự uỷ thác của Ban Bí thư, nguyên soái Chu Đức sẽ lên làm Chủ tịch nước, Lưu Thiều Kỳ tiếp tục giữ chức Chủ tịch Quốc hội. Nhưng Chu Đức đã gửi thư cho Tổng Bí thư Đặng Tiểu Bình xin rút lui, và tiến cử Lưu Thiều Kỳ. Trung ương ĐCSTQ và Mao Trạch Đông chấp nhận đề nghị trên. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội Trung Quốc khoá 2 đã bầu Lưu Thiều Kỳ làm Chủ tịch nước, Chu Đức làm Chủ tịch Quốc hội. Mao Trạch Đông về hình thức rút về tuyến 2, Chu Ân Lai tiếp tục được cử làm Thủ tướng. Nhưng mãi đến Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng tháng 6-1960, khi Mao thừa nhận ông ta mắc sai lầm, thì Chu Ân Lai mới được phục hồi danh dự, chính thức gánh vác trách nhiệm Thủ tướng.



Chương 15

Ở chốn vô thanh nghe sấm động

Từ mùa hè 1958 chính quyền và nông dân đã triển khai cuộc đại chiến giành giật lương thực. Do sức ép từ trên xuống, các nơi đều phải khai tăng sản lượng lương thực lên gấp bội.

Dựa vào con số lương thực “tự báo” đó, trên lại giao mức lương thực phải bán cho nhà nước. Cán bộ cơ sở và nông dân đứng trước một thực tế gay gắt: nếu bán lương thực theo chỉ tiêu, thì không còn cái ăn và cũng hết sạch cả hạt giống. Thế là khắp nơi diễn ra chiến dịch nông dân cất giấu lương thực dưới nhiều hình thức: chôn dưới hầm, dưới gốc cây, chân tường, vùi trong thức ăn gia súc, thậm chí chia thành gói nhỏ, cài trong tổ chim trên cây cao, hoặc đặt dưới hồ nước tiểu. Các đội công tác được cử xuống nông thôn truy bức nông dân giao nộp lương thực, phát động mọi người tố giác lẫn nhau, nhiều đội trưởng sản xuất đã bị bắt, bị tra tấn cực kỳ dã man, vì đã đứng về phía nông dân trong cuộc cất giấu lương thực này.

Tình hình nghiêm trọng ở nông thôn thông qua mọi con đường truyền vào thành thị, vào quân đội, vào các cơ quan đảng và chính quyền. Trung ương ĐCSTQ và Mao Trạch Đông kêu gọi toàn đảng “nói thật”. Hưởng ứng lời kêu gọi trên, cán bộ Trường Đảng Giang Tây, Văn phòng Quốc vụ viện, Quân đoàn 42 đã nói thật suy nghĩ của mình. Họ cho rằng “Đại tiến vọt” là bịa đặt, “luyện gang thép” chỉ hao người tốn của, phá hoại qui luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, công xã nhân dân là đưa trẻ đẻ non, nhà ăn tập thể không phải nhân tố cộng sản chủ nghĩa, kinh tế căng thẳng kéo dài do sai lầm về đường lối. Theo báo cáo Bí thư tỉnh ủy Sơn Tây Đào Lỗ Già gửi Mao Trạch Đông, tại hội nghị cán bộ toàn tỉnh, có người nói “cả 10 ngón tay của các ông đều thối rửa rồi, mà vẫn nói 9 ngón còn tốt”, “Trước đây người Nhật đến Trung Quốc thực hiện chính sách “ba sạch” (giết sạch, đốt sạch, cướp sạch), còn công xã nhân dân là chính sách “5 sạch”...

Mao Trạch Đông đã nghe sấm động âm âm dưới chân Trung Nam Hải.

Mùa xuân 1959, 15 tỉnh Sơn Đông, Giang Tô, Hà Nam, Hà Bắc, An Huy... xảy ra nạn đói, trên 25 triệu người không có lương thực. Đến giữa năm 1959, khắp Trung Quốc đầy rẫy người đói khát, tiếng oán hờn thấu tận trời xanh.

Mao quyết định triệu tập Hội nghị công tác tại Lư Sơn. Phần đầu (2-7 đến 1-8) là Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng.

Ngày 2-7, Thường vụ Bộ Chính trị thông qua 18 vấn đề do Mao nêu ra trong hội nghị này, trong đó có vấn đề cán bộ 3 cấp (trung ương, tỉnh, chuyên khu) phải đọc “Sách giáo khoa chính trị kinh tế học Liên Xô”, Mao nhượng bộ đôi chút về đánh giá khuyết điểm (từ chỉ “1 ngón tay” chuyển sang “2,3 ngón tay” có vấn đề), song vẫn khẳng định phải kiên trì đường lối chung, Đại tiến vọt, công xã nhân dân. Mao giao cho Chu Ân Lai chủ trì công việc hội nghị. Các bí thư tỉnh ủy, Thành ủy, các Bộ trưởng đều phát biểu theo khuôn khổ Mao đã định sẵn, nói nhiều về thành tích “Đại tiến vọt” chỉ nói sơ qua về khuyết điểm, năm tới cần tiếp tục Đại tiến vọt ra sao. Tại Tổ Tây Nam, Điền Gia Anh nói đến tình hình chân thực ông nắm được khi về điều tra, nghiên cứu ở Tứ Xuyên, liền bị Tổ trưởng Lý Tinh Tuyền (Bí thư thứ nhất Tỉnh ủy Tứ Xuyên) phê bình và ngăn chặn.

Tại Tổ Tây Bắc, Bành Đức Hoài phát biểu 7 lần, có một số lần gay gắt. Để bảo vệ Bành Đức Hoài, khi đưa vào thông báo tình hình thảo luận ở các tổ, Chu Ân Lai và Dương Thượng Côn đã cho “mài bớt các góc cạnh” hoặc lược bỏ.

Bành Đức Hoài không hiểu điều đó, ông quyết định gửi thư cho Mao Trạch Đông.



Chương 16

Bành Đức Hoài vì dân lên tiếng

Mao Trạch Đông ăn không ngon, ngủ không yên trước dòng nước ngầm trong đảng, quân đội và nhân dân phủ định đại tiến vọt và công xã nhân dân. Phải đánh gục một hai nhân vật có trọng lượng mới có thể chặn đứng dòng nước ngầm này.

Chiều 14-7, “Thư gửi Chủ tịch” của Bành Đức Hoài được chuyển đến bàn làm việc của Mao. Ông ta đọc kỹ hai lần, mừng quá, cầm bút lông viết thêm hàng chữ nổi bật: “Ý kiến của đồng chí Bành Đức Hoài”, rồi trao Ban thư ký Hội nghị in phát cho từng người, làm văn kiện hội nghị.

Bức thư gồm hai phần:

A. Thành tích đại tiến vọt năm 1958 là khẳng định.

Thông qua Đại tiến vọt đã cơ bản chứng minh đường lối chung nhiều nhanh, tốt, rẻ là đúng đắn. Trong phong trào toàn dân làm gang thép đã làm thêm nhiều lò cao nhỏ, lãng phí một số tài nguyên và nhân lực, đương nhiên là một tổn thất khá lớn, nhưng đã bước đầu điều tra trên qui mô lớn tình hình địa chất toàn quốc, đào tạo nhiều nhân viên kỹ thuật. Trong phong trào này, đông đảo cán bộ đã được rèn luyện và nâng cao.

B. Làm thế nào tổng kết bài học kinh nghiệm trong công tác

Mâu thuẫn nổi bật chúng ta gặp phải trong công tác xây dựng là tỉ lệ không cân đối dẫn đến căng thẳng trên các mặt.

Tình hình này phát triển đã ảnh hưởng đến quan hệ giữa công nhân và nông dân, giữa các tầng lớp ở thành thị và các tầng lớp ở nông thôn, nên cũng mang tính chính trị, là vấn đề then chốt liên quan đến việc động viên đông đảo quần chúng tiếp tục Đại tiến vọt trong thời gian tới.

Bành Đức Hoài nêu hai vấn đề:

1. Một hiện tượng giả. Mọi người đều cảm thấy vấn đề lương thực đã được giải quyết, nên có thể rảnh tay làm công nghiệp rồi. Nhận thức về phát triển gang thép phiến diện nghiêm trọng, không nghiêm túc nghiên cứu luyện thép, cán thép, than, quặng, thiết bị nghiền quặng, thiết bị luyện cốc, nguồn than, năng lực vận chuyển, lực lượng lao động tăng, sức mua mở rộng, hàng hoá sắp xếp ra sao. Tóm lại, không có kế hoạch cân bằng cần thiết, mắc chứng bệnh chưa đủ thực sự cầu thị. E rằng đây là nguyên nhân gây ra một loạt vấn đề.

Thói huênh hoang, khoác lác tràn ngập các địa phương, các ngành, một số kỳ tích không tin nổi cũng xuất hiện trên báo chí, quả thật đã làm tổn hại nghiêm trọng uy tín của Đảng.

2- Bệnh cuồng nhiệt tiểu tư sản khiến chúng ta dễ mắc sai lầm tả khuynh. Trong phong trào Đại tiến vọt năm 1958, tôi cũng như nhiều đồng chí khác đã bị mê hoặc bởi thành tích Đại tiến vọt và nhiệt tình của phong trào quần chúng, một số khuynh hướng “tả” phát triển khá mạnh, chỉ muốn một bước lên chủ nghĩa cộng sản, tư tưởng vượt trước người khác từng một dạo chiếm thế thượng phong, quên mất đường lối quần chúng và tác phong thực sự cầu thị của Đảng được hình thành trong thời gian dài.

Ngày 16-7, Mao gọi Lưu Thiệu Kỳ, Chu Ân Lai, Chu Đức đến bàn bạc, quyết định kéo dài hội nghị để bình luận tính chất bức thư của Bành Đức Hoài, đồng thời cho gọi Bành Chân, Hoàng Khắc Thành, Bạc Nhất Ba, An Tử Văn lên Lư Sơn ngay. Đây là 4 nhân vật quan trọng từng phê phán

Bành Đức Hoài trước khi họp Đại hội 7. Mao lợi dụng mọi cơ hội, tranh thủ gấp nốt số người cần gấp, đến lúc này, ông ta đã quyết tâm thanh toán Bành toàn diện, từ lịch sử tới hiện thực.

Từ 17 đến 22-7, các tổ thảo luận thư của Bành Đức Hoài.

Nhiều người hoan nghênh, khen Bành thẳng thắn và trung thành, cho rằng thư trên có tác dụng thúc đẩy cuộc thảo luận ở hội nghị này. Cũng có ý kiến nói Bành nên phân tích sâu hơn, và cũng nên thận trọng hơn khi nói về tính cuồng nhiệt “tiểu tư sản” và sai lầm “mang tính chất chính trị”, để tránh hiểu lầm. Riêng nguyên soái Hạ Long cho rằng ý kiến của Bành không xác đáng, thắng lợi năm 1958 là vĩ đại, chỉ có một số sai lầm về phương pháp công tác, và sai lầm này cũng đang được khắc phục. Hạ Long chẳng những phê phán mà còn tố giác Bành Đức Hoài, đây là một tín hiệu cho thấy cuộc đấu tranh phê phán Bành sẽ tiếp tục leo thang.

Ngày 21-7, phát biểu 3 giờ liền tại Tổ Hoa đăng Trương Văn Thiên điềm lại và khẳng định những ý kiến chủ chốt của Bành Đức Hoài trong thư gửi Mao Trạch Đông. Ông nhấn mạnh cần cảnh giác với bệnh kiêu ngạo, tự mãn, và cần tạo ra bầu không khí dân chủ trong Đảng. Ngay tối hôm đó, Tổ trưởng Tổ Hoa Đông Kha Khánh Thi chạy đến báo cáo Mao: “Đại sự hỏng rồi, nếu Chủ tịch không tỏ rõ thái độ, cán bộ sẽ bị họ lôi kéo hết”.

Mao bước ra khỏi phòng đi bách bộ quanh vườn trúc, trầm ngâm suy nghĩ, 36 kế lướt nhanh trong đầu. Kha Khánh Thi nói đúng, đã đến lúc phát cò, tổ chức đội ngũ rồi. Mao biết kinh tế quốc dân đã bên bờ vực thẳm, nhân dân đang đói khát, tâm lý bất mãn trong dân chúng đang lan tràn, cán bộ các cấp đều đang truy cứu trách nhiệm cấp trên, công xã oán huyện, huyện oán chuyên khu, chuyên khu trách tỉnh, tỉnh trách trung ương... Lúc này, nếu Chu Ân Lai đứng ra lo liệu thì hay biết mấy, có thể đổ hết lỗi cho Chính phủ. Nhưng cái anh Chu này lại chẳng oán trách nửa lời, chỉ chăm lo chỉnh đốn nền kinh tế đã bị xói tung lên. Nay nháy ra hai anh Bành Đức Hoài và Trương Văn Thiên, một nắm quân đội, một phụ trách ngoại giao, nói vòng vèo thế nào thì cũng không đến họ phải chịu trách nhiệm về những sai lầm trong xây dựng kinh tế. Ý kiến của họ phản ánh quan điểm của đông đảo cán bộ và nhân dân, đều nói lên tình hình thực tế, có căn cứ, thực sự cầu thị, nhưng nguy cơ cũng xuất phát từ 4 chữ “thực sự cầu thị” này. Một khi quan điểm của họ thống nhất tư tưởng trên dưới, thì vị trí của mình còn giữ nổi không?

Tư duy của Mao tập trung vào một điểm: tình hình hiện nay là chống “tả” hay chống “hữu”? Bành và Trương đòi triệt để uốn nắn sai lầm “tả” khuynh, nêu khẩu hiệu chống “tả”, thuận theo lòng đảng, lòng dân, để cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân thoát khỏi cơn cuồng nhiệt “Đại tiến vọt”, giảm nhẹ gánh nặng và ổn định đời sống nhân dân, phát triển sản xuất. Nhưng chống “tả” cuối cùng chẳng phải mọi chuyện đều đổ lên đầu mình hay sao? Chẳng lẽ ta rút khỏi vũ đài lịch sử như vậy?

Quyết không thể được! Bảo vệ chiếc ghế “Hoàng đế” của mình cao hơn hết thảy. Các vị vua “hùng tài đại lược” trong lịch sử đều không từ thủ đoạn nào để củng cố ngai vàng của họ. Chu Nguyên Chương hầu như đã giết sạch các công thần giúp ông ta dựng nên nghiệp lớn. Lịch sử xưa nay đều do kẻ thắng viết nên.

Mao Trạch Đông châm tiếp điều thuốc, bắt đầu một vòng tư duy mới. Phải từ gốc rễ xoay chuyển phương hướng hội nghị và phương hướng toàn đảng, toàn dân. Tình hình hiện nay không chống “tả”, mà phải chống “hữu”, chống chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, bảo vệ đường lối chung, Đại tiến

vọt, và công xã nhân dân. Để bảo vệ ba ngọn cờ hồng này, phải tổ chức đội ngũ tác chiến với phe phản động, dẹp cho bằng được sự phẫn nộ và tâm lý bất mãn đang lan tràn, sau đó, trong công tác thực tế, lặng lẽ uốn nắn những lệch lạc “tả” khuynh.

Xem ra phải hy sinh lão Bành rồi. Một nhân vật tầm cỡ như Bành Đức Hoài - uỷ viên Bộ Chính trị, Phó thủ tướng kiêm Bộ trưởng Quốc phòng, nguyên soái thứ hai, anh hùng đánh thắng đế quốc Mỹ - bị đánh đổ sẽ làm chấn động toàn đảng, toàn quân và toàn dân. Ai còn nêu chống “tả”, ai còn đề cập đến sai lầm Đại tiến vọt, Công xã hoá, hãy coi sổ phận Bành Đức Hoài.

Mao đã quyết tâm, khi cần chống “tả”, ông ta chống “hữu” chỉ khác nhau một từ, đã đẩy sự nghiệp xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc vào chỗ bế tắc không còn khả năng thay đổi, chừng nào ông ta còn sống. Từ đó, Mao không còn đại diện cho lợi ích của nhân dân nữa, đang sau một chữ khác nhau ấy là hàng trăm triệu sinh linh lầm than, mấy chục triệu người chết đói, vượt qua bất cứ thiên tai, địch hoạ nào trong lịch sử.

Thêm một ngày đêm Mao suy nghĩ. Sớm 23-7, mọi người được thông báo lên hội trường nghe Mao nói chuyện. Đây là một cuộc tập kích bất ngờ, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Chu Đức cũng không biết Mao định nói gì. Theo biên bản khoảng 6.000 chữ do Lý Nhuệ ghi, trong cuộc họp trên, Mao thừa nhận tình trạng tỉ lệ mất cân đối, nông nghiệp, công nghiệp, và giao thông đều căng thẳng, thiếu hàng tiêu dùng, nhưng ông nói nhẹ đi rất nhiều. Mao nói tình trạng xa rời quần chúng chỉ là tạm thời, kéo dài trong hai, ba tháng, nay quần chúng vẫn ủng hộ ta, kết hợp với chúng ta rất tốt; bệnh cuồng nhiệt tiểu tư sản có nhưng không nhiều, từ tháng 3, tháng 4 đã kiên quyết uốn nắn, ngăn chặn được “làn sóng cộng sản” tước đoạt của cải và thành quả lao động của người khác. Mao tán thành tích cực tổ chức tốt nhà ăn tập thể theo nguyên tắc tự nguyện tham gia, và tỏ ra hài lòng nếu cả nước duy trì được 30% nhà ăn tập thể. Mao đề xướng cán bộ các cấp học tập chính trị kinh tế học, ai mù chữ thì đọc cho họ nghe. Mao khuyên mọi người chớ dao động trong giờ phút khó khăn này, phát biểu phải chú ý phương pháp, nội dung phải chính xác, mọi người phải thấy rõ trách nhiệm của mình...



Chương 17

Lâm Bưu giúp Mao lộng hành

Bài nói của Mao như tiếng sấm kinh hồn “có sức mạnh san phẳng Lư Sơn, khiến trái đất ngừng chuyển động”, người nghe nói chung đã biết phải hướng về đâu, dựa vào đâu.

Song ba đảng viên cộng sản chính trực Chu Tiểu Châu, Chu Huệ, Lý Nhuệ thấy không sao hiểu nổi. Họ chưa quên được 12 ngày trước đó, Mao đã gọi ba người tới “họp đồng hương”, nói chuyện thật thoải mái. Chu Tiểu Châu hồi ở Diên An từng làm thư ký cho Mao Trạch Đông, nên may mắn được cử làm Bí thư thứ nhất Tỉnh uỷ Hồ Nam. Trong phong trào “Đại tiến vọt”, ông đã làm một việc có lợi cho dân là toàn tỉnh xây 50.000 lò cao nhỏ, ông ra mật lệnh không cho 20.000 lò nổi lửa, tránh được tổn thất lớn. Đối với tình hình trước mắt, quan điểm của ông là “thành tích rất lớn, vấn đề khá nhiều, tương lai sáng sủa”. Mao rất tán thưởng câu trên, lấy đó làm quan điểm cơ bản cho hội nghị Lư Sơn. Chu Huệ là Bí thư tỉnh uỷ Hồ Nam, phụ trách lương thực, không chủ trương “ăn thả sức”,

nên Hồ Nam ít người chết đói hơn nơi khác. Lý Nhuệ là Thứ trưởng Bộ thủy điện đã phản đối xây đập Tam Hiệp, được Mao ủng hộ, trở thành Thư ký kiêm nhiệm của Mao.

Trong cuộc “hội đồng hương” này, Mao tỏ ra thẳng thắn thừa nhận sai lầm và trách nhiệm của mình. Ba người kia lòng phoi phới gió xuân, nói thật những suy nghĩ của mình, kể cả những điều rất cảm kỵ. Họ quên mất thân phận “đáng chí tôn” của Mao, quên giới luật cung đình “làm bạn với vua như chơi với hổ”. Ba vị trung thần rút ra kết luận: Chủ tịch quyết tâm sửa chữa mọi sai lầm từ “Đại tiến vọt” đến nay, rất lắng nghe những lời trung thành mà trái tai.

Sáng hôm sau, Chu Tiểu Châu gặp Bành Đức Hoài kể lại cuộc gặp gỡ trên, khuyên Bành trực tiếp gặp Mao.

Trong khi một dạ trung thành giúp Mao khiêm tốn tiếp nhận những lời can ngăn, bước ra khỏi tình thế khó khăn, để cuộc Đại tiến vọt nhẹ nhàng hạ cánh, Chu Tiểu Châu không ngờ bản thân ông lại trở thành miếng mồi để câu “con cá mập lớn” Bành Đức Hoài, tương lai chính trị của ông bị chôn vùi ở Lư Sơn theo Bành.

Nghe xong bài nói ngày 23-7 của Mao, ba thành viên “hội đồng hương” Hồ Nam thấy Mao đã quay ngoắt 180 độ.

Tối hôm đó, họ rủ nhau đến gặp Tổng tham mưu trưởng Hoàng Khắc Thành, nguyên Bí thứ thứ nhất Tỉnh ủy Hồ Nam.

Tâm tư đang nặng nề sau buổi họp, Hoàng từ chối, nhưng sau nghĩ cả ba đều là cận thần tâm phúc của Mao, nên lại nhận lời. Thấy ba người ăn nói bạo mồm bạo miệng quá, Hoàng thất sắc ngăn lại. Vừa lúc đó, Bành Đức Hoài đến gặp Hoàng bàn việc Quân khu Tây Tạng xin cấp thêm ô tô, ba người cáo lui. Trên đường về, họ gặp La Thụy Khanh. La báo cáo ngay với Mao: “Bành Đức Hoài có hoạt động phi tổ chức”. Thế là từ phê phán tư tưởng chuyển sang điều tra tập đoàn chống đảng.

Tối 26-7, Mao Trạch Đông gặp Bành Đức Hoài. Trong quan niệm của Bành, ý thức vua tôi rất mỏng manh, dường như quan hệ giữa hai người vẫn dừng lại ở thời đại Tỉnh Cương Sơn.

Trong phần lớn tình huống, Bành không gọi Mao là “Chủ tịch” mà gọi là “Lão Mao”. Bành rất phản cảm trước bài nói của Mao. Trong cuộc gặp này, chẳng ai nhường ai, Bành tức giận văng ra: “Ồ Diên An ông chửi bố tôi 40 ngày, nay tôi chửi bố ông 20 ngày không được à?” Ý nguyên soái Bành là trước Đại hội 7, ông tổ chức phê phán tôi 40 ngày, nay ông làm cho đất nước ra nông nổi này, hội nghị Lư Sơn họp 20 ngày để tổng kết bài học kinh nghiệm, tôi nêu một số ý kiến với ông, lẽ nào không được? Câu nói đó của Bành không được ghi âm, ghi chép, nhưng nguyên bản được lưu lại trong óc Mao. Ba năm sau tại Hội nghị Trung ương 10 khóa 8, Mao nói: “Hội nghị Lư Sơn lần thứ nhất năm 1959, vốn định bàn công tác, sau Bành Đức Hoài nhảy ra nói ông chửi bố tôi 40 ngày, tôi chửi bố ông 20 ngày không được hay sao? Thế là tình hình rối loạn lên, ảnh hưởng đến công tác, 20 ngày ấy vẫn không không đủ, chúng ta bỏ cả công việc”.

Cuộc đối thoại tan vỡ, Bành Đức Hoài đại bất kính mắng “Hoàng thượng”, đó là điều Mao cần. Thế là “vấn đề Bành Đức Hoài” leo thang.

Sớm 27-7, Mao Trạch Đông triệu tập Ban Thường vụ Bộ chính trị để “định tính” vấn đề Bành Đức Hoài. Chu Ân Lai nói: “Bành Đức Hoài 3 phần sai lầm, 7 phần công lao, không nên phủ định sạch trơn”. Lưu Thiểu Kỳ và Chu Đức tán thành ý kiến trên. Mao một phiếu phủ quyết 3 phiếu. Cả ba ủy viên Thường vụ phục tùng Mao, tán thành đánh đổ Bành.

Sáng 27-7, Lưu Thiểu Kỳ họp các tổ trưởng truyền đạt chỉ thị của Mao “tiếp tục phê phán tập đoàn chống đảng Bành Đức Hoài, Hoàng Khắc Thành, Trương Văn Thiên, Chu Tiểu Châu, vạch rõ ranh giới, không những nhằm vào công việc mà còn nhằm vào con người phải gắn với những sai lầm của Bành trong lịch sử”. Mao nói: Bành đối với Mao bao năm qua “3 phần hợp tác, 7 phần không hợp tác. Ương Đông Hưng tuyên bố với lực lượng bảo vệ: Bành, Hoàng, Trương, Châu không được tự tiện đi vào nơi ở của Mao Trạch Đông và Lưu Thiểu Kỳ, không được tiếp xúc với nhau, ô tô của họ không được xuống núi, máy bay trên sân bay Cửu Giang không được cất cánh nếu không được Mao Trạch Đông và Lưu Thiểu Kỳ phê chuẩn. Ngày 30, Nhiếp Vinh Trăn và Diệp Kiếm Anh, phải đến khuyên Bành Đức Hoài nhận sai lầm.

Ngày 29-7, Lâm Bưu phóng chiếu lên Lư Sơn “cần vương” kịp dự cuộc họp Thường vụ Bộ Chính trị ngày 31-7 và 1-8. Hội nghị do Mao chủ trì, 4 ủy viên Thường vụ Lưu Thiểu Kỳ, Chu Ân Lai, Chu Đức, Lâm Bưu có mặt, ngoài ra còn có ủy viên Bộ chính trị Bành Chân (thực tế là phó Tổng bí thư) người được cử thay Chu Ân Lai phụ trách công việc hội nghị, ủy viên Bộ chính trị, nguyên soái Hạ Long, người đã tố giác Bành Đức Hoài. Bành có mặt với thân phận bị xem xét, Hoàng Khắc Thành, Chu Tiểu Châu, Vương Huệ, Lý Nhuệ có mặt để được giáo dục.

Chu Đức phát biểu, hy vọng việc Bành Đức Hoài nhận sai lầm sẽ được Mao thông cảm. Ông nói từ khi Bành Đức Hoài dẫn Quân đoàn 5 Hồng quân lên Tỉnh Cương Sơn, đã cùng sống chết chung hoạn nạn, phấn đấu quá nửa đời người, đừng chia tay nhau như vậy. Đột nhiên Mao giơ chân trái lên cao hơn mặt bàn, tay phải cầm tẩu thuốc, tay trái sờ vào mặt giày, mọi người đều hiểu Mao muốn nói Chu Đức “gãi ngứa qua giày”. Chu Tổng tư lệnh đỏ mặt, không nói nữa.

Với lời lẽ gay gắt, Lâm Bưu phê phán Bành Đức Hoài là kẻ có dã tâm, có âm mưu, độc đoán chuyên quyền, giả dối, hiếu danh, chẳng có ai ra gì, lợi dụng hình thức thẳng thắn để mê hoặc người khác, trong và ngoài đảng, trong và ngoài nước bàn tán Bành là phản tử đầu cơ...

Bành Đức Hoài thừa nhận mình có biểu hiện anh hùng cá nhân, cộng thêm tư tưởng vô chính phủ, tư tưởng hỗn loạn, lập trường không vững,... Khi Bành tỏ ý xin thôi các chức vụ trong quân đội, Mao nói:

- Chưa bàn việc này, vẫn do ông làm.

Lâm Bưu nói:

- Không phải đánh đổ, không phải từ nay không tín nhiệm. Công việc vẫn do ông làm.

Mao còn tỏ ý “gửi gắm hy vọng” ở Bành.

Dưới đòn vừa đánh (kẻ có dã tâm, có âm mưu, giả dối) vừa xoa (vẫn “do ông làm”, không cách chức) của Mao Trạch Đông và Lâm Bưu, Bành Đức Hoài đã mềm lòng, từ tấn công chuyển sang

phòng ngự, từ nguyên cáo biến thành bị cáo. Từ người góp ý kiến trở thành người bị thanh toán, từ chỗ cân nhắc xem cho người khác đội chiếc mũ nào thì thích hợp, đến chỗ tính xem mình nên nhận chiếc mũ nào, từ đó bước lên con đường kiểm thảo nhận tội dài dằng dặc.

Trị xong Bành Đức Hoài, Mao rảnh tay trị Trương Văn Thiên.

Từ 8-2, Hội nghị Lư Sơn biến thành Hội nghị Trung ương 8 khoá 8, là đại hội đấu Bành Đức Hoài, Trương Văn Thiên, Hoàng Khắc Thành, Chu Tiểu Châu. Cuộc họp ngày 13 do Chu Ân Lai chủ trì. Buổi sáng, Trương Văn Thiên kiểm điểm sai lầm. Trương nói nay ông “đã nhận thức được đường lối Mao Trạch Đông là đường lối duy nhất đúng đắn”. Hội nghị Lư Sơn chứng minh “ai không đi theo Mao Chủ tịch, người đó sẽ mắc sai lầm”, và nguyện từ nay “thật thà làm học trò” của Mao.

Buổi chiều, đấu Bành Đức Hoài. Bằng giọng trầm đục đầy bi thương, Bành kiểm điểm đối với chủ trương của Mao, ông “không hiểu, không tán thành, hoặc ủng hộ không mạnh, quán triệt không hết”, và nâng lên thành mấy lần sai lầm đường lối. Ông buộc phải thừa nhận lá thư ngày 14-7 trên thực tế là phản đối đường lối chung, phản đối Trung ương Đảng và Mao Chủ tịch. Bành biết rõ không nhận tội danh này thì không xong, mà nhận tội danh này thì bản thân cũng chẳng còn gì nữa.

Bành nói:

- Quan điểm hữu khuynh của tôi chủ yếu biểu hiện ở coi nhiệt tình cao xây dựng chủ nghĩa xã hội của đông đảo quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng là bệnh cuồng nhiệt tiểu tư sản, phiên diện thời phong nguyệt điểm đã và đang được uốn nắn là “tả” khuynh, coi ý nghĩa lớn lao của 90 triệu người làm gang thép là có mất, có được, càng sai lầm hơn nữa là dùng biện pháp bóng gió làm tổn hại uy tín cao cả của đồng chí Mao Trạch Đông. Cuộc công kích này diễn ra trong tình hình Đảng bị giáp công từ bên trong và bên ngoài, nên nguy hại càng nghiêm trọng. Những lời lẽ cơ hội hữu khuynh của tôi xuất phát từ lập trường giai cấp tư sản, phản đối sự nghiệp của giai cấp vô sản, trên thực tế tôi đã trở thành đại diện cho giai cấp tư sản ở trong Đảng. Tính chất nghiêm trọng của sai lầm này còn ở chỗ đây không phải là sai lầm ngẫu nhiên của cá nhân tôi, mà là một hành động có chuẩn bị, có tổ chức. Câu lạc bộ quân sự mà đồng chí Mao Trạch Đông chỉ ra là bộ tư lệnh của cuộc tấn công này.

Bành kiểm điểm xong, Lý Tinh Tuyên, Khang Sinh, Đàm Chân Lâm và nhiều người khác đua nhau lên tiếng phê phán Bành và bày tỏ trung thành với Mao Trạch Đông. Chỉ có Chu Đức Lưu Bá Thừa và một số ít người khác giữ im lặng. Hai vị nguyên soái đau lòng nhớ đến câu “cung nô tốt cũng vứt đi, khi trên cao không còn chim nữa”. Lưu Bá thừa lo cho số phận các công thần: sắp tới sẽ đến lượt ai đây?

Nguyên soái Bành Đức Hoài từng đánh bại tướng 5 sao McArthur trên chiến trường Triều Tiên đã ngã xuống bởi xung đột ý kiến với Chủ tịch Mao Trạch Đông. McArthur cũng từng va chạm, tranh cãi kịch liệt với Tổng thống Truman, và trên tiền tuyến Triều Tiên, ông đã công khai phê bình chính sách châu Á của đương kim Tổng thống Mỹ. Truman ra lệnh cách chức McArthur. Điều khiến McArthur cảm thấy mất mặt hơn là Tổng thống không hề thông báo trước, ông chỉ biết mình bị mất hết binh quyền khi nghe bản tin thời sự trên đài phát thanh. Chính phủ có uy quyền, quân nhân kể cả những người lỗi lạc như McArthur cũng không thể đứng trên Chính phủ. Mặt khác, việc xử phạt McArthur cũng chỉ có thể thôi. McArthur không chịu, sau khi về Mỹ, ông đã thuyết trình trước

Quốc hội và khắp nơi trong cả nước phê phán chính sách châu Á của Truman, về sau còn ra tranh cử Tổng thống Mỹ, mưu toan thay thế Truman. Tuy không đắc cử, nhưng McArthur đã qua những năm tháng cuối đời trong thể diện. Mọi hoạt động của ông sau khi bị cách chức đều được coi là bình thường, được luật pháp và thể chế bảo hộ, không bị coi là “kẻ có dã tâm”, càng không bị gán cho tội danh “cướp đảng, cướp nước”, bị phê phán đến tận cùng.

Cảnh ngộ khác nhau trong những năm cuối đời của nguyên soái Mỹ và nguyên soái Trung Quốc đã phản ánh hai thể chế chính trị, hai truyền thống lịch sử, hai bối cảnh văn hoá khác nhau. Tội phạm hàng đầu tạo ra vụ án oan Bành Đức Hoài đương nhiên là Mao Trạch Đông, nhưng không chỉ có ông ta, mà là hợp lực lịch sử của một thể chế, một truyền thống, một nền văn hoá. Chính Lưu Thiếu Kỳ, Lâm Bưu, Hạ Long, Đào Chú, La Thụy Khanh, Lý Tinh Tuyên trong mấy năm sau đó lại bị hợp lực lịch sử không thể kháng cự mà họ đã góp phần tăng cường ấy làm cho thân tàn ma dại, tan cửa nát nhà.

Ngày 16-8-1959, Hội nghị ra nghị quyết nêu rõ cần đưa Bành Đức Hoài, Trương Văn Thiên, Hoàng Khắc Thành, Chu Tiểu Châu ra khỏi các cương vị công tác của họ trong cơ quan quốc phòng, ngoại giao và tỉnh Hồ Nam, song vẫn giữ các chức vụ của họ trong Bộ Chính trị và Ban chấp hành trung ương, để xem xét hiệu quả. Đồng thời, Hội nghị còn ra nghị quyết về triển khai phong trào tăng sản xuất và tiết kiệm. Nghị quyết viết:

“Đường lối chung, Đại tiến vọt và công xã nhân dân biểu hiện quyết tâm vĩ đại và trí tuệ vĩ đại của 650 triệu nhân dân cần cù, dũng cảm, là sản phẩm lãnh tụ vĩ đại Mao Trạch Đông kết hợp sáng tạo chân lý phổ biến của Chủ nghĩa Mác-Lenin với tình hình thực tế Trung Quốc. Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, như tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, kiên trì chính trị thống soái, kiên trì đường lối quần chúng, giữ vững ngọn cờ vẻ vang đường lối chung. Đại tiến vọt, công xã nhân dân, chúng ta đã giành được thắng lợi vĩ đại năm 1958 và nửa đầu năm 1959. Thời gian tới, chúng ta sẽ dũng cảm tiến lên trên con đường vẻ vang này, phấn đấu giành thắng lợi vĩ đại mới”.

Đoạn trên bề ngoài có vẻ như những lời lẽ sáo rỗng ĐCSTQ quen dùng, thật ra nó mang ý nghĩa đánh dấu giai đoạn lịch sử. Đảng hoàng dưới danh nghĩa văn kiện trung ương, nó tuyên cáo ĐCSTQ đoạn tuyệt với nguyên tắc thực sự cầu thị. Sai lầm có thể nói thành đúng đắn, thất bại có thể bảo là thắng lợi. “Ba ngọn cờ hồng” mà 600 triệu nhân dân ghét cay ghét đắng lại nói liều đó là “biểu hiện quyết tâm vĩ đại và trí tuệ vĩ đại” của họ. Nhận thức và nghị quyết của Đảng hoàn toàn đi ngược lại lương tri của lòng đảng, lòng dân, lờ đi ĐCSTQ đi vào ngõ cụt của chủ nghĩa xã hội không tưởng Mao Trạch Đông. Để thay đổi đường lối “tả” khuynh đem lại tai hoạ nặng nề cho nhân dân này, sau Bành Đức Hoài, hàng loạt đảng viên cộng sản lên tiếng vì nhân dân đã phải trả giá thể thảm, nhiều người hy sinh cá tính mạng. Chỉ riêng “khoản sản tới hạn” mà biết bao cán bộ tốt muốn cho trăm họ được một bữa ăn no đã bị tan cửa nát nhà.

Ngày 17-8, với tư thế người chiến thắng, Mao Trạch Đông triệu tập Hội nghị công tác Bộ Chính trị, các cán bộ cấp cao có mặt tại Lư Sơn đều tham gia. Mao chỉ nói về tầm quan trọng của lãnh tụ. Sau đó, theo gợi ý trước của Mao. Lưu Thiếu Kỳ nói nhiều về sự cần thiết và đúng đắn của sùng bái cá nhân, phê phán Bành Đức Hoài từ sau Đại hội 20 ĐCSLX đã phản đối sùng bái cá nhân ở Trung Quốc, mấy lần đề nghị không nên hát “Đông phương hồng”, phản đối hô “Mao Chủ tịch muôn năm”, lần này Bành còn nói nào là “không có lãnh đạo tập thể”. “Mao Trạch Đông không tự phê bình, lại nhận hết công lao về mình”.

Lưu Thiếu Kỳ nói xưa nay ông vẫn đề xướng sùng bái cá nhân, đề cao uy tín lãnh đạo của Mao, trước Đại hội 7 đã tuyên truyền vai trò của Mao, nay vẫn tiếp tục. Lưu còn nói sẽ tuyên truyền sùng bái cá nhân Lâm Bưu và Đặng Tiểu Bình. Đây là điều tối kỵ, vì Mao đã chỉ định Lưu làm người kế vị, nhưng chưa nói người kế vị sau Lưu là ai.

Về việc theo sát Mao, Lưu Thiếu Kỳ khác Chu Ân Lai. Mao nói 100, Chu quyết không nói 99, cũng không nói 101. Lưu thường nói quá đi, 101 thậm chí 102. Lần này Mao muốn Lưu nói về sùng bái cá nhân đối với Mao, Lưu lại thêm cả Lâm Bưu và Đặng Tiểu Bình nghiễm nhiên tôn Mao lên làm Thái Thượng hoàng, để mình làm Hoàng đế, chỉ định Lâm, Đặng làm người kế vị. Lưu không thận trọng, tưởng rằng nói thêm vài câu theo hướng Mao gợi ra, có biết đâu đã để lại bóng đen lớn trong đầu Mao.

Chưa hết, Lưu Thiếu Kỳ còn đưa ra lập luận kinh người, dường như đang phát triển ý kiến của Mao, nhưng lên đến 103. Lưu nhấn mạnh:

- Nói trắng ra, Bành Đức Hoài phản đối sùng bái cá nhân đối với Mao Trạch Đông, nhưng chưa chắc đã phản đối sùng bái cá nhân đối với bản thân mình. Trên thực tế, tôi thấy Bành thích thú với thứ ấy (việc sùng bái cá nhân Bành). Đây cũng là sự thật được vạch trần mấy ngày qua. Để Bành thực hiện sùng bái cá nhân, không bằng để Mao Trạch Đông và các đồng chí khác thực hiện sùng bái cá nhân. Bành nói Lưu Thiếu Kỳ cướp Đảng, tôi cũng nói: để đồng chí cướp Đảng, không bằng tôi cướp luôn. Nói thật, đồng chí cướp Đảng, tôi không tán thành, nếu đồng chí cướp, tôi nhất định cướp. Đồng chí không cướp, vậy được, tôi cũng có thể không cướp.

Cả hội trường bỗng im ắng tới mức đáng sợ. Những người có mặt lắng tai nghe, không để lọt một chữ nào. Một tiếng ho của Mao Trạch Đông làm rung đoạn tàn thuốc lá dài trên tay ông, phá vỡ sự im lặng trên hội trường, cũng che đậy một chấn động nhỏ trong tim ông: Lẽ nào ta loại trừ Bành Đức Hoài là đang dọn sạch đường cho một Khrusev? Lòng người thật khó lường.

Trong khi đầu Bành Đức Hoài, Mao vẫn thường xuyên theo dõi chặt Chu Ân Lai. Hội nghị Lư Sơn kết thúc, Mao chỉ thị biên soạn cuốn từ điển triết học nhỏ mang tên “Chủ nghĩa kinh nghiệm hay chủ nghĩa Mác?” Lời tựa do Mao viết có đoạn:

“Để từ lý luận phê phán chủ nghĩa kinh nghiệm, chúng ta phải đọc triết học. Về lý luận, trước đây chúng ta phê phán chủ nghĩa giáo điều, nhưng không phê phán chủ nghĩa kinh nghiệm. Chủ nghĩa kinh nghiệm là mối nguy hiểm chủ yếu hiện nay”.

Cán bộ trung cấp trở lên trong ĐCSTQ đều hiểu động thái này nhằm vào Chu Ân Lai. Mao muốn ngầm nói với phe cánh rằng Chu Ân Lai là nhân vật chủ yếu tranh giành quyền lãnh đạo với ông ta, song sự ủng hộ của nhà lãnh đạo tài năng và có uy tín lớn ở trong và ngoài nước này lại là điều Mao không thể thiếu.



Chương 18

Địa ngục trần gian

Trong 4 năm sau khi Mao tuyên bố thực hiện một số lý tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng (tháng 9-1959) Trung Quốc đã xảy ra thảm kịch làm 37,55 triệu người chết đói (số liệu chính thức được giải mật theo quyết định của Bộ chính trị ĐCS TQ tháng 9-2005), nhiều hơn cả số người chết trong Chiến tranh thế giới II. Đây là cuộc thử nghiệm chủ nghĩa xã hội không tưởng thời gian dài nhất, quy mô lớn nhất, thiệt hại thảm khốc nhất trong lịch sử loài người. Thiên đường cộng sản chủ nghĩa do chính Mao thiết kế và lãnh đạo xây dựng đã biến thành địa ngục trần gian.

Đại tiến vọt thực tế gồm hai lần. Lần thứ nhất diễn ra trước Hội nghị Lư Sơn 1959, cuối năm 1958 đã phát hiện có vấn đề nghiêm trọng. Sau Hội nghị Lư Sơn để chứng minh ba ngọn cờ hồng đúng đắn, Mao phát động phong trào chống hữu khuynh trong toàn đảng rồi đẩy lên cao trào Đại tiến vọt 2 trong cả nước lần “tiến vọt” này kéo dài hơn một năm từ nửa cuối 1959 tới cuối năm 1960, gây tội ác lớn nhất.

Ngày 3-9-1958, Mao tuyên bố: *“Sản lượng lương thực năm nay có thể tăng gấp xấp xỉ gấp hai lần năm ngoái, từ 185 triệu tấn lên khoảng 370 triệu tấn nếu năm 1959 lại tăng gấp hai lần năm nay, lên 750 triệu tấn”*. Tin lên ra cả thế giới đều biết. Sau vụ thu hoạch, đột nhiên các tỉnh báo cáo không nộp đủ lương thực như dự định. Mao sốt ruột, bởi đây là việc thật bẽ mặt. Ông ta đích thân viết thông tri gửi toàn quốc, nhận định “vấn đề phổ biến trong cả nước là các công xã, đội trường sản xuất che giấu sản lượng, chia nhau lương thực, tình hình nghiêm trọng, phải giải quyết ngay”, hơn nữa, “phải tiến hành một đợt giáo dục kiên quyết mới giải quyết được”. Song “kiên quyết” như thế nào Mao không nói rõ, để cho cấp dưới đầy đủ không gian tha hồ tưởng tượng, phát huy. “Chống che giấu sản lượng và chia nhau lương thực” bằng thủ đoạn “giáo dục kiên quyết mọi cá khẩu phần lương thực của nông dân là nguyên nhân chủ yếu gây chết đói trên qui mô lớn.

Tỉnh Hà Nam vụ thu 1958 có tới 50% mùa màng bị hư hỏng ngoài đồng (do lao động khỏe bị huy động đi làm gang thép). Năm 1959 sản lượng lương thực giảm, chỉ có 9,75 triệu tấn, nhưng các nơi hư báo lên tới 22,5 triệu tấn. Bí thư tỉnh ủy Ngô Chi Phó lấy đó làm cơ sở giao chỉ tiêu cưỡng bức thu mua lương thực, cán bộ không hoàn thành nhiệm vụ bị coi là “Bành Đức Hoài con”. Chuyên khu Tín Dương thực sản chỉ có 2 triệu tấn, Bí thư Khu ủy Lộ Hiến Văn vống lên 4,15 triệu tấn, tỉnh giao chỉ tiết thu mua 48 vạn tấn đã là quá cao, Khu ủy xung phong nhận 52 vạn tấn. Khẩu phần lương thực, hạt giống và thức ăn gia súc của nông dân bị cướp đi rất nhiều, bình quân đầu người chỉ còn hơn 50 kg, đủ ăn trong 4 tháng, một số huyện thậm chí không đủ 3 tháng. Chưa đến cuối năm 1959 bấp ăn tập thể của nhiều công xã không còn đồ lửa và hết lương thực.

Để quán triệt tinh thần “kiên quyết giáo dục” của Mao Trạch Đông, Khu ủy đã tổ chức cuộc họp 6.000 người ở huyện Hoàng Xuyên, lôi hơn 60 người ra đấu tố, lại lôi thêm 4 người từ nhà tù ra xét xử công khai. Những nông dân đến dự đều gầy gò, vàng vọt, khoảng 40% mắc bệnh phù thũng, một người chết đói tại chỗ, 19 người chết trên đường về nhà.

Ngày 8-11-1959, cán bộ Đội sản xuất Lê Thụ, Công xã Hoài Diêm, huyện Quang Sơn, nghi ngờ xã viên Từ Phó Chính có lương thực mà không giao nộp đã cho dân quân treo Từ lên xà nhà, đánh đập dã man, 6 ngày sau tử vong. 6 người trong gia đình Từ sau đó đều chết đói. Xã viên Yên Gia Tâm

do không nộp đủ lương thực, bị đánh đập tàn bạo, 5 ngày sau qua đời. Vợ Yên là Hoàng Tú Anh rang lúa mạch cho con ăn, bị trói lại đưa ra đấu, bị dội nước lạnh giữa ngày đông giá rét và giày vò cho đến chết. Còn lại 5 người con, chỉ có đứa lớn 14 tuổi bỏ chạy đến nhà họ hàng thoát thân, còn lại 4 đứa nhỏ đều chết đói. Biết bao nông dân bị tan cửa nát nhà vì cuộc “giáo dục kiên quyết” này!

Mùa xuân 1960, nạn đói tràn lan, có làng 80 ngày người dân không được một hạt lương thực vào bụng. Nhiều người chết đói hoặc bỏ đi nơi khác kiếm ăn. Vậy mà Bí thư Khu uỷ Lộ Hiến Văn vẫn lên giọng: “Không phải thiếu lương thực, mà lương thực rất nhiều, 90% là vấn đề tư tưởng”. Ông ta chỉ thị cho cán bộ cơ sở và dân quân phong toả mọi nẻo đường, không cho dân chúng bỏ đi nơi khác, chỉ thị cho các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp, trường học ở các thị trấn không được đón tiếp người từ vùng nông thôn lên. Bưu cục Tín Dương đã giữ lại trên một vụn lá thư của cán bộ và quần chúng xin cứu đói.

Theo báo cáo của Khu uỷ gửi Trung ương sau này, chỉ riêng đông xuân 1959-1960, Tín Dương có hơn 1 triệu người chết đói, dân số giảm mạnh, đồng ruộng hoang vu, nhiều nhà chết không còn một ai. Đội sản xuất Ngô Viên Tử thuộc Công xã Thập Lý huyện Quang Sơn có 120 nhân khẩu, thì chỉ trong tháng 10 và tháng 11 năm 1959 đã có 72 người chết đói. Danh sách 72 người này năm 2004 đã được khắc trên tấm bia để nhắc nhở đời sau.

Sự kiện Tín Dương bị phơi trần, để bảo vệ mình, Bí thư thứ nhất Tỉnh uỷ Hà Nam Ngô Chi Phổ hạ lệnh bắt Lộ Hiến Văn cùng 16 Bí thư Huyện uỷ và Huyện trưởng thuộc Khu Tín Dương, cách chức 982 cán bộ cấp dưới, bắt và đưa ra xét xử 275 người, kết án tử hình Dương Thủ Tích, Bí thư Huyện uỷ Cổ Sở và Mã Long Sơn, Bí thư Huyện uỷ Quang Sơn.

Sự kiện trên làm chấn động Bắc Kinh. Bí thư Ban Kiểm tra kỷ luật trung ương Đồng Tất Vũ cử hai vụ trưởng về điều tra tại chỗ. Càng điều tra, càng phát hiện nhiều vấn đề nghiêm trọng. Tháng 5-1960, Đồng Tất Vũ chuyển báo cáo điều tra lên Thường vụ Bộ Chính trị, Mao xem xong, định hướng đây là sự kiện phản cách mạng, do địa chủ, phú nông lột lột chui vào đội ngũ cách mạng, phá hoại quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất. Thế là Mao rũ sạch trách nhiệm thủ phạm đầu sỏ làm cho mấy chục triệu người chết đói, và một lần nữa trở thành cứu tinh của nhân dân.

Số người chết đói ở Trung Quốc trong thời gian 1959-1962 là 5,11% dân số cả nước. Sáu tỉnh nặng nhất là An Huy 18,37%, Tứ Xuyên 13,07%, Quý Châu 10,23%, Hồ Nam 6,81%, Cam Túc 6,45%, Hà Nam 6,12%. Sáu tỉnh bị nhẹ nhất là Hà Bắc (gồm cả Bắc Kinh, Thiên Tân) 11% Giang Tây 1,06%, Thiểm Tây 1,02%, Cát Lâm 0,94%, Chiết Giang 0,55%, Sơn Tây 0,37%. Sự chênh lệch này liên quan rất lớn tới tổ chức của các Bí thư thứ nhất Tỉnh uỷ: nơi nào càng bám sát “đường lối cách mạng” của Mao, thì tỉ lệ người chết đói càng nhiều.

Nạn ăn thịt người đã diễn ra ở Tứ Xuyên và nhiều nơi khác: khi chôn người chết chỉ vùi nông, tới đến bới lên xẻo lấy thịt ăn, hoặc tang chủ đã lột thịt thân nhân trước khi mai táng. Tàn nhẫn hơn là nạn ăn thịt trẻ con, điển hình là chuyện xảy ra ở Đội sản xuất số 1, Đại đội 5, Công xã Đông Dương, Inyện Sùng Khánh, Khu Ôn Giang, tỉnh Tứ Xuyên.

Theo lời Trịnh Đại Quân, nguyên cán bộ Ban công tác nông thôn huyện Sùng Khánh. Đội sản xuất trên có 82 hộ, 491 nhân khẩu, chỉ trong một năm từ tháng 12-1959 đến tháng II-1960, đã có 48 bé gái 7 tuổi trở xuống bị người lớn làm thịt, chiếm 90% số bé gái cùng độ tuổi ở nơi này. 83% số gia

đình ở đội này từng ăn thịt người. Chuyện đau lòng đó diễn ra trong bối cảnh lương thực hết sạch, mọi người từng nhiều ngày phải ăn giun dế, côn trùng, lá cây, vỏ cây, cỏ dại, và cả đất thó. Kế toán Vương Giải Phóng là người đầu tiên phát hiện vụ ăn thịt trẻ con. Hồi đó, tuy nhà ăn tập thể thực tế đã ngừng hoạt động vì không còn lương thực nữa, nhưng lệnh cấm các gia đình nấu nướng vẫn còn hiệu lực, bếp nhà ai nổi lửa là phạm pháp.

Đêm ấy, đến lượt Vương cùng hai người khác đi tuần. Các mái nhà phủ trắng tuyết đầu mùa sáng hẳn lên khi vầng trăng nhô ra khỏi đám mây. Nhóm tuần tra phát hiện một dải khói mỏng toả ra từ mái nhà bần nông Mạc Nhị Oa. Họ chia nhau bao vây vu hồi, rồi đồng loạt bấm đèn pin nhảy vào nhà, nổ một phát súng cảnh cáo: tất cả ngồi im! Đèn dầu được châm lên, nhà Nhị Oa có 8 nhân khẩu, đã chết đói 2, còn lại 6 người, nhưng lúc này chỉ thấy có 5. Thành viên thứ 6 là bé gái Thụ Tài 3 tuổi vừa bị giết hại, xẻ ra lấy thịt, đang luộc trong nồi. Trong lúc tổ tuần tra tìm cây trói can phạm, Nhị Oa và mấy đứa con lao vào cướp thịt Thụ Tài, ăn ngấu nghiến. Khi cả 5 người lớn bé bị trói thành một xâu đưa về trụ sở Đại đội sản xuất, trời đã sáng bạch. Cán bộ lãnh đạo địa phương sau khi nghiên cứu cân nhắc, đã quyết định im vụ này đi, vì sợ bị kỷ luật. Sau một ngày bị giam giữ, cả nhà Mạc Nhị Oa lại được tha. Dân làng bần tán, cho rằng chính phủ ngầm cho phép ăn thịt trẻ con. Thế là nạn ăn thịt trẻ con lan tràn, do “trọng nam khinh nữ”, họ chỉ ăn bé gái, giữ lại bé trai.

Không những ăn thịt, mà còn nghiền vụn xương đầu và tay chân ăn cho bằng hết. Kẻ nhẩn tâm thì làm thịt con ngay tại nhà mình. Kẻ mềm yếu hơn thì “gạt nước mắt đánh đổi với hàng xóm”: trao con mình cho người khác ăn, mang con người khác về làm thịt. Một số xã viên “nhìn xa trông rộng”, đã đi bắt cóc trẻ con ở vùng lân cận về ăn, hoặc gài bẫy trẻ con như bẫy thú, kể cả việc sử dụng một loại thuốc nổ xưa kia dùng để bẫy sói: trẻ nhỏ nhất được chiếc “kẹo” mùi vị thơm ngon, cho vào miệng nhai liền phát nổ, đầu mặt tan tành, khi gia đình hay tin tìm đến, thì chỉ còn lại vũng máu.

Trong ba năm đói kém ấy, tình hình xã hội rối ren nghiêm trọng. Tháng 12-1960, Chuyên khu Vô Hồ tỉnh An Huy xảy ra 180 vụ cướp lương thực. Nhiều vụ khác xảy ra ở Cam Túc, Quảng Đông, Quý Châu, Tứ Xuyên. Nhiều vụ bạo động qui mô lớn, các hoạt động phiến loạn vũ trang nổ ra ở Vân Nam, Quý Châu, Quảng Đông, Quảng Tây, An Huy, Hồ Bắc, các chính đảng hoạt động bí mật mọc lên như nấm, mãi đến năm 1970 mới dẹp xong.

Số người chết đói trong Đại tiến vọt không bởi thiên tai, mà do “nhân hoạ”, “Mao hoạ”, quyết sách sai lầm. Cuối tháng 6-1959, dự trữ lương thực trong cả nước 17 triệu tấn, đủ đáp ứng nhu cầu thành thị trong một năm. Nhưng trong tình hình lương thực giảm 30 triệu tấn, Mao lại quyết định xuất khẩu 4,19 triệu tấn để đổi lấy vàng và USD, bằng 24% dự trữ lương thực.

Nếu Quốc hội Trung Quốc thật sự có quyền làm chủ, không chấp nhận chỉ tiêu tăng sản lượng gang thép lên gấp hai lần, không thông qua thể chế công xã hoá, hoặc có quyền lực kiên quyết ngăn chặn cuộc Đại tiến vọt hại nước hại dân, thì có thể tránh hoặc giảm nhẹ tai hoạ này. Đáng tiếc là Kỳ họp thứ 2 Quốc hội Khoá 2 họp tại Bắc Kinh từ 30-3 đến 8-4-1960, 2.000 đại biểu đều phụng mệnh “ba không”: không nói đến nhiệm vụ trung mua lương thực quá nặng; không nói nông thôn thiếu lương thực; không nói nhiều người chết đói, mà chỉ được phép nói về “tình hình tốt đẹp” ở địa phương mình, gior tay thông qua kế hoạch kinh tế Đại tiến vọt hơn nữa.



Chương 19

Con gái ba đời bần nông giương biểu ngữ “Đả đảo Mao Trạch Đông” tại Trung Nam Hải

Từ 10 đến 18-6-1960, Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng họp tại Thượng Hải, chủ yếu thảo luận tình hình quốc tế và kế hoạch bổ sung cho 3 năm cuối (1960-1962) của Kế hoạch 5 năm thứ hai. Chiều 18, Mao tự phê bình trước hội nghị. Đây là lần đầu tiên Mao nhận sai lầm sau thất bại của cuộc “Đại tiến vọt” nhưng rất hời hợt, cố làm nhẹ mức độ sai lầm, tổn thất, lại phê bình cấp dưới “không hiểu lập trường, quan điểm, phương pháp mác xít”. Ông nhấn mạnh “đường lối chung là đúng đắn, công tác thực tế cơ bản làm tốt”. Hội nghị kết thúc, ngày 3-7 Mao đến khu nghỉ mát Bắc Đới Hà, tiếp tục suy nghĩ làm thế nào vượt qua khó khăn mà vẫn giữ được thể diện.

Giữa lúc đó, một sự kiện kinh thiên động địa xảy ra ở Trung Nam Hải, khiến Mao mất hết thể diện.

Một buổi trưa, dưới chân tường cửa bắc Trung Nam Hải trên đường Văn Tân, nơi có nhiều tuyến xe công cộng qua lại, xuất hiện một nữ thanh niên mặc bộ đồ xanh công nhân, hai tay giơ cao hai tấm bìa cứng, một tấm viết: “Tiêu diệt công xã nhân dân!” Tấm kia viết: “Đả đảo Mao Trạch Đông! Bành Đức Hoài muôn năm!” Cô gái bị cảnh sát mặc thường phục túm cổ xách vào bên trong cửa bắc, khoá còng số 8. Tại đây, cô khai tên là Lưu Quế Dương, người Hồ Nam, công nhân nhà máy nhiệt điện Lý Ngư Giang, tổ tông ba đời bần cố nông, bản thân là đoàn viên Đoàn thanh niên cộng sản. Bố mẹ mất sớm, cô được chú thím nuôi khôn lớn, đến năm 1956 vào học việc tại nhà máy điện, 3 năm liền không về thăm nhà. Gần đây nghe tin thôn quê xảy ra nạn đói, cô về thăm chú thím và 4 em, cả nhà 6 người đều đã chết đói. Dân làng phải ăn rau dại, vỏ cây, đất thó. Cả thôn hơn 30 người chết đói, và nhiều người khác đang ngắc ngoải. Cô nói: “Trở về nhà máy, loa phát thanh suốt ngày ra rả ba ngọn cờ hồng, tình hình tốt đẹp. Tôi chẳng dám nói gì hết, hễ nói liền bị qui là phản cách mạng. Tôi biết rõ kẻ nào là hung thủ tổ chức Đại tiến vọt, công xã nhân dân, nhà ăn tập thể, làm nhiều người chết đói. Là hậu duệ ba đời bần cố nông, đoàn viên thanh niên, nữ công nhân điện, tôi không thông. Tôi lên Bắc Kinh hô khẩu hiệu, muốn đánh đổ công xã nhân dân, đánh đổ Mao Chủ tịch? Tôi muốn hô to: Bành Đức Hoài muôn năm, muôn muôn năm!” Phòng trực ban cửa bắc gửi gấp khẩu cung của Lưu Quế Dương lên Bắc Đới Hà, nơi đang diễn ra Hội nghị công tác Trung ương. Tổng Bí thư Đặng Tiểu Bình đọc xong chuyển ngay Lưu Thiếu Kỳ. Lưu tái mặt, cho đăng vào tin ngắn hàng ngày của hội nghị. Thư ký thường trực Bộ Chính trị Điền Gia Anh không chuyển bản tin này cho Mao đang lâm bệnh, vì sợ làm như vậy khác nào “tát vào mặt ông già”. Điền tin chắc rồi sẽ có người mang cho Mao xem kèm theo mật tấu Lưu cho in khẩu cung trên vào bản tin ngắn là có dụng ý xấu. Cả nửa đầu năm 1960, Mao vẫn kêu gọi tiếp tục Đại tiến vọt, phân đấu cho 18 triệu tấn thép, 300 triệu tấn lương thực. Đến trước hội nghị này, Mao môi thừa nhận cả nước đã xảy ra nạn đói. Hành động của cô gái Hồ Nam kia khiến Mao hoàn toàn tỉnh ngộ.

Một chiếc lá rụng biết mùa thu đến, Mao hiểu uy tín của mình trong toàn đảng, toàn dân đã xuống tới đáy vực. Mao thường ngồi một mình im lặng. Sau khi suy nghĩ kỹ, Mao xin nghỉ ốm, nhiều lần uỷ thác Điền Gia Anh chuyển ý kiến tới Bộ Chính trị: trong thời gian ông ta dưỡng bệnh, Lưu Thiếu Kỳ giữ chức Quyền chủ tịch Đảng.

Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, Bành Chân đã thuyết phục được Mao đồng ý khôi phục danh dự cho trên một triệu cán bộ trong cuộc vận động chống phái hữu đã bị quy là phần tử cơ hội hữu

khuyन्ह, trong đó có Phó thủ tướng kiêm trưởng ban công tác nông thôn Đặng Tử Khôi. Trong một cuộc hội ý Thường vụ Bộ Chính trị, Chu Đức đề nghị phục hồi danh dự cho Bành Đức Hoài, nhưng Mao không chịu: “Mời Bành Đức Hoài trở lại, việc ở Lư Sơn cho trôi qua, ba lá cờ hồng không cần nữa. Được thôi, tôi và Lâm Bưu sẽ dưỡng bệnh lâu dài ở miền Nam, trao Bắc Kinh cho các ông”. Lưu Thiếu Kỳ đành dàn hoà giữa hai người: “Việc Bành Đức Hoài để lại sau, hãy vượt qua đại nạn trước mắt đã”.

Hội nghị Bắc Đới Hà lần này họp hơn một tháng (5-7 đến 10-8), xác định phương châm 8 chữ “chỉnh đốn, củng cố, bổ sung, nâng cao”, đánh dấu chấm dứt “Đại tiến vọt”. Hôm bế mạc, với bộ mặt ốm yếu, đáng thương, tâm tư nặng nề, Mao kiểm điểm, thừa nhận mình không hiểu kinh tế, gây hoạ lớn, gây ra nạn đói lớn chết nhiều người như vậy, khó tránh khỏi trách nhiệm; các uỷ viên Bộ Chính trị, uỷ viên Trung ương, Bí thư thứ nhất Tỉnh uỷ và Thành uỷ cũng khó tránh khỏi trách nhiệm. Mao tuyên bố sau hội nghị này ông sẽ thật sự lui về tuyến 2, không nắm công tác kinh tế, công tác đảng, không chỉ huy sản xuất công nông nghiệp nữa, chỉ cùng Lâm Bưu nắm công tác quân sự và Phong trào cộng sản quốc tế, thời gian còn lại đọc sách, nghiên cứu lý luận. Mao một lần nữa đề nghị chính thức thông qua văn kiện nội bộ, để Lưu Thiếu Kỳ làm Quyền Chủ tịch Đảng trong thời gian ông ta dưỡng bệnh.

Từ đó Mao rút về tuyến 2 (nhưng không từ bỏ quyền lực), bắt đầu thời kỳ Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Trần Vân, Đặng Tiểu Bình chỉnh đốn, phục hồi kinh tế quốc dân. Sau hội nghị trên, trừ Mao Trạch Đông và Lâm Bưu dưỡng bệnh ở miền Nam, các uỷ viên Bộ Chính trị đều chia nhau xuống nông thôn điều tra nghiên cứu, giải quyết nạn đói và các vấn đề tại chỗ.

Ba năm “Đại tiến vọt” hậu quả cực kỳ nghiêm trọng, toàn bộ nền kinh tế quốc dân rối tung lên, các tỉ lệ mất cân đối.

Một là mất cân đối giữa tích lũy và tiêu dùng, tỉ lệ tích lũy trong 3 năm 1958-1960 là 33,9%, 43,9% và 39,6%, vượt xa tỉ lệ tích lũy bình quân hàng năm 24,2% trong Kế hoạch 5 năm thứ nhất.

Hai là mất cân đối giữa công nghiệp và nông nghiệp, công nghiệp gang thép phát triển dị hình, từ 1958 đến 1960, công nghiệp nặng tăng trưởng 330%, trong khi nông nghiệp giảm 22,8%.

Ba là mất cân đối trong nội bộ ngành công nghiệp, sản xuất gang thép chiếm nhiều năng lượng, nguyên vật liệu, giao thông vận tải, khiến các ngành khác không có cách nào sản xuất bình thường.

Bốn là mất cân đối trong thu chi tài chính và mất cân đối nghiêm trọng giữa sức mua xã hội và khả năng cung cấp hàng hoá.

Năm là mất cân đối giữa khả năng cung ứng lương thực hàng hoá và nhân khẩu thành thị tăng nhanh. Lương thực năm 1959 đánh giá đạt 270 triệu tấn, thực tế chỉ có 170 triệu tấn. Năm 1960 giảm xuống còn 143,5 triệu tấn. “Đại tiến” biến thành “đại thoái”.

Trước tình hình ấy, Chu Ân Lai đã thể hiện trách nhiệm chính trị lớn lao, và năng lực trị quốc an dân tuyệt vời.

Năm 1960 là một năm tình hình kinh tế đất nước tồi tệ nhất, nhiều người chết đói nhất, là năm khủng hoảng niềm tin đối với Mao Trạch Đông xuất hiện trong toàn đảng, toàn quân, toàn dân, là năm Mao Trạch Đông nên rút khỏi vũ đài chính trị. Trong bối cảnh ấy, tháng 9-1960, Lâm Bưu triệu tập Hội nghị Quân ủy Trung ương mở rộng, ngày 20-10 ra nghị quyết ủng hộ Mao, với lời lẽ kinh thiên động địa:

“Đồng chí Mao Trạch Đông là người Mác xít - Leninnít vĩ đại thời nay. Tư tưởng Mao Trạch Đông là chủ nghĩa Mác-Lenin được phát triển sáng tạo trong thời đại chủ nghĩa đế quốc đi tới sụp đổ, chủ nghĩa xã hội tiến tới thắng lợi, trong thực tiễn cụ thể của cách mạng Trung Quốc, trong sự phấn đấu tập thể của Đảng và nhân dân. Tư tưởng Mao Trạch Đông là kim chỉ nam của nhân dân Trung Quốc trong công cuộc cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội, là vũ khí tư tưởng hùng mạnh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa giáo điều... Nhiệm vụ căn bản nhất trong công tác chính trị tư tưởng của quân đội là giương cao ngọn cờ hồng Tư tưởng Mao Trạch Đông, lấy đó vũ trang hơn nữa đầu óc cán bộ, chiến sĩ toàn quân, kiên trì dùng tư tưởng Mao Trạch Đông thống soái mọi công tác”.

Từ Đại hội 7 năm 1945 trở đi, tuyên truyền Tư tưởng Mao Trạch Đông là bản quyền của Lưu Thiều Kỳ, nhân vật số 2 trong đảng. Tại Đại hội 8 (1956), Báo cáo chính trị và Điều lệ đảng đã xóa bỏ cách nêu Tư tưởng Mao Trạch Đông, những năm gần đây vẫn nói “Học tập tác phẩm của Mao Chủ tịch”. Lâm Bưu đột ngột lấy danh nghĩa Hội nghị Quân ủy Trung ương mở rộng đưa ra văn kiện vượt trên Đại hội 8, vượt trên điều lệ đảng này không khác nào cướp ngọn cờ lớn sừng bái cá nhân trung tay Lưu Thiều Kỳ, phá vỡ trật tự cuộc sống của tầng lớp cấp cao trong ĐCSQT. Toàn quân, toàn đảng đều phải tuyên truyền Mao Trạch Đông và Tư tưởng Mao Trạch Đông theo giọng điệu của Quân ủy Trung ương, trên thực tế hình thành một bộ tư lệnh khác đối lập với Lưu Thiều Kỳ (chủ trì Bộ Chính trị) và Đặng Tiểu Bình (chủ trì Ban Bí thư), mà Mao Trạch Đông lại đứng về phía Lâm Bưu. Việc làm của Lâm đã thách thức Điều lệ đảng, thách thức Lưu, Đặng, thách thức Bộ Chính trị và Ban Bí thư. Trước sự uy hiếp của Lâm Bưu và mấy triệu quân, chẳng ai dám vạch ra sai lầm của ba ngọn cờ hồng, chẳng ai dám truy cứu trách nhiệm về hàng chục triệu người chết đói, mà chỉ lạng lẽ uồn nấn sai lầm của “cấp dưới”.

Tháng 9-1961, nguyên soái Anh Montgomery thăm Trung Quốc. Ngày 23, gặp nhau tại Vũ Hán, khi vị khách hỏi về người thừa kế. Mao trả lời: “Rất rõ ràng, đó là Lưu Thiều Kỳ. Nay Lưu là Phó Chủ tịch thứ nhất ĐCSQT. Sau khi tôi chết, ông ta sẽ lên thay”. Về Anh, Montgomery thuật lại lời Mao, khiến thế giới xôn xao, và ở Trung Quốc còn xôn xao hơn.

Thông tin trên ít nhất thể hiện 3 ý tứ sâu xa:

1. Đại tiến vọt và công xã nhân dân gây hậu quả rất nghiêm trọng, Mao từ lâu đã rút về tuyến 2, Lưu phải chịu trách nhiệm về giai đoạn lịch sử này.
2. Mao khuyến khích Lưu Thiều Kỳ toàn lực chinh đồn kinh tế quốc dân đang bên bờ vực thảm tan vỡ, khôi phục sản xuất công nông nghiệp.
3. Mao chơi con bài Lưu, khống chế Lâm, lại chơi con bài Lâm, khống chế Lưu, để cho hai người tranh nhau trung thành với lãnh tụ vĩ đại, lại chỉ trích nhau không trung thành với lãnh tụ như vậy, vị trí của Mao càng vững chắc, an toàn.

Mao không thật sự có ý định để Lưu Thiếu Kỳ kể tục mình.



Chương 20

Cuộc độ sức tại đại hội 7.000 người

Sau khi xảy ra sự kiện hàng loạt người chết đói, lãnh đạo các tỉnh lấy ổn định lòng dân làm chính, không nghe theo sự chỉ huy mù quáng của Trung ương. Một vấn đề nổi bật là không huy động được lương thực, đến trung tuần tháng 11-1961, các địa phương mới hoàn thành 20% chỉ tiêu. Cung ứng lương thực ở ba thành phố lớn Bắc Kinh, Thượng Hải, Thiên Tân cấp báo toàn diện. Lãnh đạo Trung ương lòng như lửa đốt, quyết định triệu tập Hội nghị công tác trung ương mở rộng, với sự tham gia của những người phụ trách chủ yếu các tỉnh uỷ, thành uỷ, khu uỷ, huyện uỷ, các nhà máy, hầm mỏ quan trọng, và một số cán bộ lãnh đạo quân đội. Do có hơn 7.000 người dự, nên gọi là Đại hội 7.000 người. Chủ đề của Hội nghị là “chống chủ nghĩa phân tán”.

Đại hội khởi đầu ngày 11-1-1962, không có lễ khai mạc trọng thể, theo ý kiến của Mao, ngày đầu các đại biểu tự đọc tài liệu từ ngày 12 đến 14-1 thảo luận ở tổ. Các tổ phản ứng dữ, tập trung vào một điểm là không tán thành dự thảo báo cáo nêu vấn đề “chống chủ nghĩa phân tán”, đổ mọi trách nhiệm về sai lầm thất bại trong mấy năm qua lên đầu cán bộ cấp tỉnh trở xuống. Mao thấy không ổn: liền thay đổi sách lược, cho tổ chức lại Ủy ban khởi thảo dự thảo báo cáo gồm 21 người, trong đó có Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai. Trần Vân, Đặng Tiểu Bình, Bành Chân...

Ngày 18-1, Bành Chân nói:

- Uy tín của Mao Chủ tịch nếu không cao như ngọn Chumulungma thì cũng cao tựa Thái Sơn, bứt đi vài tấn đất vẫn cao như thế. Cũng chẳng phải Mao Chủ tịch không có khuyết điểm gì, nếu một phần trăm, một phần nghìn sai lầm của Mao cũng không kiểm điểm, thì sẽ để lại ảnh hưởng xấu trong Đảng ta.

Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình đều nhận trách nhiệm về mình, làm nhẹ sai lầm, tội lỗi của Mao. Thành quả quan trọng nhất của Ủy ban khởi thảo dự thảo báo cáo sau 4 ngày làm việc là đoạn sau đây:

“Nếu nhiều đồng chí chúng ta lĩnh hội tốt hơn Tư tưởng Mao Trạch Đông, biết vận dụng phương pháp thực sự cầu thị, điều tra nghiên cứu mà đồng chí Mao Trạch Đông vẫn đề xướng, nghiêm túc chấp hành những ý kiến chỉ đạo đồng chí đưa ra trong mỗi giờ phút then chốt, thì có thể tránh được, hoặc giảm nhẹ đi rất nhiều những sai lầm trong công tác mấy năm qua, hoặc có thể uốn nắn nhanh hơn sau khi những sai lầm đó nảy sinh”.

Phát biểu trong phiên họp toàn thể đầu tiên 27-1, Lưu Thiếu Kỳ nói thật: Tình hình rất khó khăn, lương thực, quần áo và đồ dùng đều thiếu, ba năm 1959-1961 sản lượng lương thực giảm khá nhiều, sản xuất công nghiệp năm 1961 giảm 40%. Nguyên nhân là “ba phần thiên tai, bảy phần nhân hoạ”.

(Nói “ba phần thiên tai” cũng oan cho ông Trời, bởi ba năm đó ở Trung Quốc nhìn chung, mưa hoà, gió thuận). Buộc Mao chịu trách nhiệm tới 70% là điều Mao không chịu nổi. Phát biểu trên của Lưu khiến Mao thù ghét, ghi thêm món nợ với ông, nhưng lại được đông đảo những người dự hội nghị nhiệt liệt hoan nghênh. Họ thấy Trung ương đã nói thật, không đeo mặt nạ dạy người nữa. Hàng ngày, Lưu đến thảo luận ở các tổ, phát biểu một số ý kiến quan trọng, như đã đến lúc phải phục hồi danh dự cho Bành Đức Hoài. Ông còn dặn Bí thư tỉnh uỷ Hồ Nam cần trả lại tự do cho Lưu Quế Dương (cô gái bị kết án 5 năm tù vì tội mang biểu ngữ “đả đảo Mao Trạch Đông” đến Trung Nam Hải). Chỉ có Lâm Bưu hiểu được nỗi cô độc, bị động và lo ngại của Mao ở hội nghị này, hiểu được giới hạn lớn nhất Mao có thể nhượng bộ, và phòng tuyến cuối cùng Mao phải giữ vững.

Vào lúc Mao cần được ủng hộ nhất, Lâm Bưu bước lên diễn đàn, mang đến cho Mao vòng hào quang mới. Lâm Bưu tiếp tục khẳng định đường lối chung, Đại tiến vọt và công xã nhân dân là đúng đắn, sáng tạo, những khó khăn vấp phải là do không làm theo chỉ thị của Mao. Lâm Bưu nhấn mạnh lịch sử mấy chục năm qua là khi nào tư tưởng của Mao không được tôn trọng, là khi ấy sinh chuyện; do đó, trong thời kỳ khó khăn càng phải đoàn kết đi theo Mao, chỉ có như vậy, Đảng mới có thể đi từ thắng lợi này tới thắng lợi khác... Lâm Bưu đã ủng hộ mạnh mẽ vị trí thống trị đang lung lay dữ của Mao. Lâm nói xong, Mao đứng dậy vỗ tay, Lưu Thiếu Kỳ và các uỷ viên Thường vụ Bộ Chính trị chân chừ một lát rồi đứng lên theo, họ không có dũng khí để cho quan hệ với Mao đổ vỡ. Tuy vỗ tay hoan hô, nhưng đại đa số những người dự hội nghị rất phản cảm trước phát biểu của Lâm Bưu. Ngay hôm đó trên hội trường xuất hiện biểu ngữ “Đả đảo Mao Trạch Đông”. Mao không cho điều tra vụ việc, và nghiêm cấm để lọt thông tin này ra ngoài.

Được phát biểu của Lâm Bưu dọn đường, ngày 30-1, Mao đã có bài nói dài, nhấn mạnh tập trung thống nhất, khôi phục và tăng cường chế độ tập trung dân chủ, chống chủ nghĩa phân tán. Mao nói: Đại tiến vọt do toàn Đảng ra tay làm, nảy sinh một số vấn đề phải do toàn Đảng chịu trách nhiệm, chứ không đùn đẩy cho người khác. Có thể phục hồi đảng tịch và công tác cho những người bị quy sai là cơ hội hữu khuynh, song đối với những kẻ trùu cơ hội hữu khuynh, chẳng những không phục hồi, mà còn phải lập tổ chuyên án tiếp tục thẩm tra vấn đề “câu lạc bộ quân sự” và tư thông với nước ngoài.

Sau đó, bài nói trên của Mao qua 7 lần sửa chữa, lược bỏ những câu thoái thác trách nhiệm quá rõ, rồi mới phát cho cán bộ từ cấp huyện và trung đoàn trở lên.

Trong phát biểu, Đặng Tiểu Bình đã khéo léo lẩn tránh việc đánh giá ba ngọn cờ hồng và trách nhiệm về mấy chục triệu người chết đói. Tự đáy lòng, ông mong trong tình hình giữ được thể diện, Mao chủ động rút khỏi vũ đài lịch sử, để Lưu Thiếu Kỳ lãnh đạo toàn đảng toàn dân vượt qua thời kỳ không bình thường này. Lên tiếng tại buổi họp cuối cùng, Chu Ân Lai bám sát định hướng do Mao vạch ra, và nhận hết trách nhiệm về mình.

Qua Đại hội 7.000 người, Mao thấy đại đa số cốt cán không còn ủng hộ ông ta nữa. Sau Đại hội, vấn đề trung tâm Mao ngày đêm suy nghĩ là dùng hình thức và phương pháp nào để đánh bại các lực lượng chống đối mình. Còn điều Lưu, Chu, Trần, Đặng trăn trở là làm thế nào khôi phục sản xuất, vượt qua khó khăn, để nhân dân ăn no, đất nước thoát khỏi khủng hoảng. Mao tính toán: hãy để các người khôi phục sản xuất, đợi khi khó khăn trước mắt qua đi, không để các người kịp thanh toán ba ngọn cờ hồng, ta sẽ ra tay trước, phát minh lý luận mới, tổ chức lực lượng mới, phê phán

các người hữu khuynh, đi con đường tư bản chủ nghĩa, khiến các người rơi vào thế bị động, trở tay không kịp.

Cuộc đấu tranh mới đã bắt đầu dưới cái vỏ bề ngoài “nhất trí”. Theo nhật ký của Đặng Dĩnh Siêu, tại Đại hội trên, nhiều người yêu cầu Mao rút lui. Ngày 10-2, Mao họp Thường vụ Bộ Chính trị để làm rõ điều này. Chu Đức, Trần Vân, Đặng Tiểu Bình hoan nghênh Mao thôi chức Chủ tịch Đảng. Chu Ân Lai kiên trì: “Chủ tịch tạm lui về tuyến 2, Chủ tịch vẫn là Chủ tịch”. Với vị trí và ảnh hưởng của Chu Ân Lai trong đảng, lá phiếu của ông mang tính quyết định, Lưu Thiểu Kỳ không nói nổi một câu ép Mao rút lui.

Trong những năm tháng nhân dân cả nước đói kém, để tỏ ra cùng nhân dân chung hoạn nạn, Mao tuyên bố không ăn thịt lợn, thịt gà từ 1-1-1961. Việc này kéo dài được 7 tháng.

Nhưng trên thực tế, trong những ngày nhân dân cả nước đói rét, Mao sống rất sa đọa. Nguyên soái Bành Đức Hoài trong ngăn Mao tuyên phi tần, đã bị giam lỏng, chẳng ai còn dám bàn tán về đời tư của Mao. Phòng Bắc Kinh trong Nhà Quốc hội được đổi thành “Phòng họp 11-8”, bên trong trang hoàng còn lộng lẫy hơn cả điện Kremlin, thật ra đây là hành cung để Mao chuyên bí mật vui thú với các nữ nhân viên phục vụ. Thư Ngẫu Trai trong Trung Nam Hải được sửa sang lại, trở thành sân nhảy riêng, mỗi tuần tổ chức hai lần vũ hội, các nhân viên nữ trong Trung Nam Hải và nữ diễn viên Đoàn văn công quân đội được tuyển lựa làm bạn nhảy của Mao, họ đồng thời là đối tượng để Mao chọn gái qua đêm. Mao làm như vậy để tiêu khiển, cũng để Lưu Thiểu Kỳ tưởng rằng Mao đã chìm đắm trong nữ sắc, không quan tâm công việc triều chính nữa.

Do Mao gợi ý, nhiều nơi đua nhau xây dựng hành cung cho ông ta. Khu biệt thự tựa lưng vào phần mộ họ Mao ở Thiệu Sơn (Hồ Nam) diện tích xây dựng 3.638 m², có hầm ngầm dài hàng trăm mét có thể chống động đất, chống bom nguyên tử, phòng độc, một đại đội thường xuyên bảo vệ. Khu nhà được xây dựng từ nửa cuối năm 1961 đến cuối năm 1962, vào lúc tỉnh Hồ Nam có 2,48 triệu người chết đói, phí tổn xây dựng 120 triệu NDT, đủ để nuôi sống 2,48 triệu người trong một năm. Khách sạn Tây Giao xây riêng cho Mao ở Thượng Hải cả khuôn viên xung quanh rộng hơn 60 héc ta, trên 100 nhân viên túc trực ngày đêm. Cả hai “hành cung” trên, trong suốt mười mấy năm, Mao chỉ đến ở mỗi nơi có vài ngày. Việc phung phí tiền bạc như trên khiến sự tích Mao mấy tháng không ăn thịt, mặc chiếc áo ngủ vá vú... trở nên mờ nhạt.

Suốt đời Mao chú trọng quyền lực, coi thường của cải. Việc Mao ra lệnh hoặc ngầm cho phép các nơi trong những năm tháng khó khăn nhất vùng tiền như rác xây dựng các công trình xa hoa phục vụ ông ta mang ý nghĩa chính trị nhiều hơn ý nghĩa hưởng thụ, chiếm hữu. Mao biết rõ chẳng dùng được mấy ngày, cung không thể để lại cho con cháu. Mao muốn dùng phương thức đó để củng cố vị trí của mình, cho toàn đảng biết rằng tuy lui về tuyến 2, nhưng ông ta vẫn nắm chắc quyền lực, vẫn là vị thần số một, toàn đảng tôn thờ.



Chương 21

Mao Lưu đoạn tuyệt

Đại hội 7.000 người không giải quyết được vấn đề “tả” khuynh từ gốc rễ, chính sách điều chỉnh không được quán triệt, nhiều người mang tâm lý cầu may, chỉ cần năm nay nông nghiệp được mùa, là sang năm mọi việc đều tốt đẹp.

Dựa vào kinh nghiệm chính trị, cán bộ cấp cao cảm thấy Mao Trạch Đông sẽ tiếp tục chống hữu, nên án binh bất động.

Đầu tháng 5-1962, Lưu Thiệu Kỳ triệu tập Hội nghị công tác trung ương thảo luận báo cáo kế hoạch điều chỉnh năm 1962 do Chu Ân Lai, Trần Vân, Lý Tiên Niệm chủ trì khởi thảo, chủ yếu là giảm số người làm công ăn lương và số dân thành thị, khôi phục danh dự cho những người bị qui là phái hữu, và phát triển nông nghiệp. Mao Trạch Đông an dưỡng ở Vũ Xương. Lâm Bưu nghỉ ngơi ở Tô Châu Trần Vân ốm không dự họp.

Vào lúc này, trên dưới đều thấy khoán sản tới hộ có thể cứu đói thoát nghèo, nhưng việc này trái với Tư tưởng Mao Trạch Đông, nên không dám làm. Nhưng một số nơi vẫn làm chui, như 30% tổng số đội sản xuất ở An Huy, có vùng đến 70%. Ở Hà Nam, đất phân trăm và đất cho nông dân mượn chiếm 16% đất canh tác, có nơi tới 28%. Nông dân gọi đó là “chính sách cứu mạng”. Đa số uỷ viên Thường vụ Bộ Chính trị đều ủng hộ ý kiến của nông dân mong muốn khoán sản tới hộ, nhưng Mao bác bỏ. Nếu việc Mao bắt đầu thực hiện Công xã hoá là xuất phát từ hảo tâm, hậu quả mấy chục triệu người chết đói là điều ông ta không ngờ tới, thì việc vẫn không chịu thay đổi chính sách lúc này lại do ác ý.

Ngày 6-8-1962, Mao triệu tập Hội nghị công tác trung ương tại Bắc Đới Hà. Đây là cuộc phản công của Mao kể từ khi kiểm điểm sai lầm và thực hiện chính sách điều chỉnh. Ngay buổi họp đầu, Mao đã nói về đấu tranh giai cấp, phê phán “làm ăn riêng lẻ”. Thế là những người chủ trương khoán sản đến hộ từ Trần Vân, Đặng Tử Khôi trở xuống đều kiểm thảo.

Tiếp đó, Hội nghị Trung ương 10 khoá 8 họp tại Bắc Kinh. Trong cuộc họp trù bị kéo dài 29 ngày, Mao phê phán “làn sóng làm ăn riêng lẻ” của Đặng Tử Khôi, làn sóng “lật án” của Bành Đức Hoài, cuối cùng lại phê phán tiểu thuyết “Lưu Chí Đan” lật án cho Cao Cương, nêu lên “tập đoàn chống đảng” Tập Trọng Huân, Giả Thác Phu, Lưu Cảnh Phạm để chặt phăng “nhóm Tây Bắc” của Bành Đức Hoài. Ngày 24-9, hội nghị chính thức bắt đầu. Mao không bảo vệ “đường lối chung” nữa, mà đưa ra “đường lối cơ bản”: “Xã hội XHCN là một giai đoạn lịch sử khá dài. Trong giai đoạn này còn có giai cấp mâu thuẫn gia; cấp và đấu tranh giai cấp, tồn tại cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, có nguy cơ phục hồi chủ nghĩa tư bản... Từ nay, chúng ta phải nhắc đến hàng năm, hàng tháng, hàng ngày, để có nhận thức tương đối tỉnh táo về vấn đề này, có một đường lối Mác xít-Leninít”. Mao lạnh lẽo dùng “đường lối cơ bản” ấy thay thế “đường lối chung”. Năm kinh tế thất bại, Mao muốn thắng lại về chính trị. Mao không biện hộ cho “ba ngọn cờ hồng” nữa, không biện hộ cho quan hệ giữa “một ngón tay và chín ngón tay” nữa, vì như thế rất bị động. Mao rút khỏi lĩnh vực kinh tế mà ông không am hiểu, chuyển sang lĩnh vực chính trị quen thuộc, rút lui về kinh tế để chuyển sang tấn công về chính trị. Địch thủ Mao tấn công chẳng phải ai xa lạ, chính là Lưu Thiệu Kỳ, Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình, Trần Vân... những người đã lãnh đạo

đất nước vượt qua thời kỳ khó khăn, giữ cho chính quyền không sụp đổ, khiến Mao Trạch Đông vẫn ngồi được trên ngôi báu chí tôn.

Công cuộc điều chỉnh kinh tế quốc dân bắt đầu từ nửa cuối năm 1960 đã thu được thành quả nổi bật, kinh tế quốc dân năm 1963 có xu thế hồi phục toàn diện. Kinh tế vừa chuyển biến tốt, Mao lại bắt đầu vật vã, chuyển sang tấn công về chính trị, đột phá khẩu vẫn là nông thôn. Tại Hội nghị công tác trung ương tháng 2-1963, Mao quyết định triển khai phong trào “tứ thanh” (trong sạch về chính trị, kinh tế, tổ chức, và tư tưởng) trong nông thôn cả nước.

Ngày 15-11-1960, Mao từng viết: “Cả nước 2/3 khu vực tình hình rất tốt đẹp, 1/3 rất không tốt đẹp. Phải có thời gian chú ý đến 1/3 này, nơi đó kẻ xấu cầm quyền, giết người, nhân dân đói rách, cuộc cách mạng dân chủ chưa thành công, các thế lực phong kiến tác oai tác quái, càng thêm thù địch chủ nghĩa xã hội phá hoại quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất xã hội chủ nghĩa”.

Ngày 8-6-1964, Mao nói rõ hơn: “1/3 quyền lực ở nước ta không nằm trong tay nhân dân, mà trong tay kẻ thù”. Mao đổ trách nhiệm về tình hình nghiêm trọng do “ba ngọn cỏ hồng” gây ra lên đầu đông đảo cán bộ nông thôn và những phần tử địa chủ, phú nông đang bị quản chế.

Căn cứ vào đánh giá trên, tỉnh Hồ Nam xác định có 30 huyện nằm trong tay Quốc Dân Đảng, chiếm trên 1/3 số huyện trong toàn tỉnh. Trong phong trào Đại tiến vọt và Công xã hoá, 30 huyện trên đều là những huyện chấp hành chỉ thị của Mao kiên quyết nhất, liều lĩnh khoác lác nhất, tỉ lệ ăn tập thể cao nhất, nộp lương thực nhiều nhất, do đó số người chết đói cũng nhiều nhất, tình hình các tỉnh khác cũng tương tự.

Để chứng tỏ mình luôn luôn đúng đắn, Mao Trạch Đông cần hy sinh hàng loạt phần tử tích cực đã theo Mao; qui họ là kẻ thù giai cấp, coi tội ác tày trời làm chết đói 37,55 triệu người do đường lối cực tả của ông ta gây ra là “tiếp tục cuộc đấu tranh sống còn giữa hai giai cấp lớn đối kháng trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa 10 năm qua”, coi phong trào “Tứ thanh” là cuộc đấu tranh lâu dài của bản nông và trung nông lớp dưới tiếp tục chống kẻ thù giai cấp, Mao biến mình từ tội phạm đầu sỏ của tai hoạ trên thành đại cứu tinh đưa nhân dân thoát khỏi nước sôi lửa bỏng.

Lưu Thiếu Kỳ lãnh đạo phong trào “Tứ thanh”, muốn theo luồng tư duy của Mao Trạch Đông, đổ trách nhiệm về tai hoạ lớn này lên đầu kẻ thù giai cấp. Mao kêu gọi cán bộ các cấp xuống cơ sở tham gia “Tứ thanh”, nhưng không chuyển. Để thực hiện chỉ thị của Mao, Lưu Thiếu Kỳ gọi Trưởng ban Tổ chức Trung ương An Tử Văn đến sắp xếp cụ thể, đồng thời tuyên bố: những ai không tham gia “Tứ thanh”, thì không được làm uỷ viên Trung ương, Bí thư Tỉnh uỷ, Thành uỷ, Khu uỷ nữa, thế là 180 cán bộ cấp bộ và cấp tỉnh, trên 1.000 cán bộ cấp khu sôi nổi tham gia. Điều đó khiến Mao giật mình: quyền lớn rơi vào tay kẻ khác rồi!

Tuy chính sách “ba tự một bao” khiến trăm họ có cơm ăn, đất nước thoát khỏi khủng hoảng. khiến ngai vàng của Mao không sụp đổ nhưng Mao không công nhận, vì như vậy là thừa nhận mình sai lầm, Mao cần trước tiên lợi dụng “phái đi con đường tư bản” này để ổn định nông thôn, làm ra lương thực, giữ vững giang sơn, sau đó sẽ đánh đổ họ. Mao cho rằng người uốn nắn sai lầm của Mao tất sẽ là phái phản đối trong tương lai. Mao không thể quên tình cảnh đáng sợ tại Đại hội 7.000 người khi toàn đảng nghi ngờ đường lối và truy cứu trách nhiệm của ông ta. Mao nói “ba tự một

bao” là tội ác rất lớn, coi những cán bộ thực hiện chính sách này là “phái đương quyền trong đảng đi con đường tư bản chủ nghĩa”.

Sự việc Lưu Thiệu Kỳ lo ngại nhất đã xảy ra. Trong cuộc họp ngày 28-12, Mao nói trong đảng hiện ít nhất có hai phái, phái xã hội chủ nghĩa và phái tư bản chủ nghĩa. Rồi nói vỗ mặt Lưu: “Ông thì có gì ghê gớm, tôi chỉ cần động ngón tay út là có thể đánh đổ ông ngay”. Đó là khởi điểm đoạn tuyệt giữa hai người.

Mao cho rằng tuyệt đại đa số cán bộ trong hệ thống đảng và chính quyền theo Lưu Thiệu Kỳ rồi, giờ phải gửi gắm hy vọng vào quân đội. Tháng 10-1963, Mao viết thư cho Lâm Bưu, yêu cầu cử La Thụy Khanh, Dương Thành Vũ... dẫn đầu cán bộ quân đội tham gia phong trào “Tứ thanh” kèm theo bài thơ của Tào Tháo “Quy tuy thọ”, ngầm cho biết Mao sẽ thay đổi người kế tục, nhắc Lâm giữ gìn sức khỏe, chuẩn bị gánh vác trọng trách.

Ngày 26-12-1964, Lâm Bưu, Trần Bá Đạt, Khang Sinh trở thành thượng khách nhân kỷ niệm ngày sinh thứ 71 của Mao.

Nhật ký Lâm Bưu viết: “Mao uống một bình Bạch sa dạ, thứ rượu ngon nhất Hồ Nam, hỏi đi hỏi lại: “Trung ương có người muốn cướp quyền, muốn thực hiện chủ nghĩa xét lại, làm thế nào đây? Chắc quân đội không theo họ chứ. Bộ Chính trị. Ban Bí thư Trung ương, Chính phủ đều muốn loại bỏ họ Mao này. Ta vẫn là Chủ tịch Đảng, Chủ tịch Quân ủy, ép ta tạo phản, ta sẽ làm cho trời nghiêng, đất lệch”

Cuối năm 1964 do các nguyên soái Hạ Long, Diệp Kiếm Anh và đại tướng La Thụy Khanh đề xướng và tổ chức, quân đội Trung Quốc đẩy lên cao trào đua tài kỹ thuật quân sự trong các quân binh chủng, Mao Trạch Đông và các nhà lãnh đạo khác rất hoan nghênh, và từng trực tiếp đến xem các cuộc thi đấu này. Nhưng ngày 29-12 năm ấy, Lâm Bưu đột nhiên ra chỉ thị phủ định hoạt động trên, phê bình huấn luyện quân sự làm quá nổi bật, chiếm quá nhiều thời gian, ảnh hưởng đến công tác chính trị trong quân đội. Lâm Bưu yêu cầu năm 1965 phải ra sức tăng cường công tác chính trị tư tưởng, đẩy lên cao trào học tập tác phẩm của Mao.

Vậy là Lâm Bưu chỉ một phiếu đã phủ định Quân ủy Trung ương, phủ định cả Mao Trạch Đông. Chỗ tế nhị nhất là Mao đã ngầm tán thành sự phủ định này. Không được Mao bật đèn xanh, Lâm Bưu đâu dám làm như vậy. Sở dĩ Mao cho phép Lâm Bưu đụng đến quyền uy của mình, một là bởi Lâm Bưu chủ trương thay thế hoạt động huấn luyện và đua tài quân sự bằng đẩy lên cao trào học tập tác phẩm Mao rộng lớn hơn trong toàn quân, phần quyền uy Mao mất mát sẽ được bù lại hàng chục, hàng trăm lần. Hai là Mao đang đánh bài ngựa với Lưu Thiệu Kỳ, người đang chiếm được đa số trong Bộ Chính trị và Ban chấp hành trung ương, Mao có ý tăng cường quyền uy của Lâm Bưu tới mức có thể áp đảo đa số ấy. Quả nhiên Mao không thất vọng, một phong trào quần chúng học tập và vận dụng tác phẩm của Mao mang màu sắc cuồng nhiệt tôn giáo đã được đẩy lên trong 3 triệu quân đội rồi phổ cập trong cả nước. Đây là sự chuẩn bị về dư luận, tư tưởng và chính trị quan trọng nhất cho đại cách mạng văn hoá. Từ 1965 đến khi kết thúc Đại cách mạng văn hoá, Trung Quốc đã phát hành tổng cộng 5 tỷ cuốn “Trích lời Mao Chủ tịch”.

Việc Mao tuyên bố “đánh đổ” Lưu Thiệu Kỳ (tại Hội nghị công tác Trung ương 28-12-1964) khiến toàn Đảng chấn động. Để hàn gắn vết rạn lớn này, chiều 13-1-1965, Lưu chủ động tự kiểm điểm

trước cuộc họp nội bộ có 17 uỷ viên Bộ Chính trị tham gia, mọi người phê bình, giúp đỡ, Trần Bá Đạt ghi chép về báo cáo Mao. Trong hơn một năm sau đó, bên ngoài Lưu Thiếu Kỳ vẫn chủ trì công tác tuyến một, tiến hành các hoạt động nhà nước bình thường trên cương vị Chủ tịch nước, nhưng Mao không làm việc với Lưu và Ban Bí thư nữa, mà ngầm chỉ huy Lâm Bưu, Giang Thanh cùng một số ít người khác chuẩn bị cuộc đấu tranh mới, thực tế là thành lập một Trung ương mới, một Bộ tư lệnh riêng.



Chương 22

Bộ tư lệnh thứ hai trong đảng

Thất bại trong ba năm Đại tiến vọt trở thành cơn ác mộng của Mao Trạch Đông. Làm 37,55 triệu người chết đói, tổn thất 120 tỉ NDT là một chính sách bạo ngược mà không một hôn quân, bạo chúa nào trong lịch sử có thể theo kịp. Bất kể trước đây sáng suốt, vĩ đại đến đâu, có công hiến lớn lao đến chừng nào, cũng không thể bù đắp được sai lầm khủng khiếp này. Mao không thể quên được quang cảnh Đại hội 7.000 người, một hình ảnh thu nhỏ của toàn đảng, sự tin cậy, yêu mến và ủng hộ đối với Mao lung lay rõ rệt. Chỉ cần Lưu Thiếu Kỳ giơ tay hô to “Ba ngọn cờ hồng là sai lầm đường lối!”, thì toàn đảng, toàn dân sẽ cùng hỏi tội Mao. Không thể tiêu cực ngồi chờ Lưu Thiếu Kỳ triệu tập Đại hội 9 thanh toán sai lầm của “ba ngọn cờ hồng”, Mao phải tích cực, chủ động tấn công, lợi dụng ưu thế nắm quyền phát ngôn, đổi trắng thay đen, thanh toán “sai lầm ba tự một bao”.

Tháng 2-1964, Kim Nhật Thành thăm Trung Quốc. Hội đàm với Kim, Mao đã phủ định sạch trơn các chính sách điều chỉnh trong thời kỳ khó khăn, phê phán Lưu Thiếu Kỳ muốn đánh sập chủ nghĩa xã hội, với cương lĩnh đối nội “ba tự một bao”, cương lĩnh đối ngoại “ba hoà một ít” (hoà hoãn với đế quốc xét lại và chủ nghĩa dân tộc phản động, ít ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc). Nội dung trên được truyền đạt trong cán bộ cấp cao, Lưu Thiếu Kỳ liền trở nên mờ nhạt.

Phản đối “ba tự một bao” và “ba hoà một ít” là căn cứ lý luận và cương lĩnh chính trị để Mao đánh đổ Lưu Thiếu Kỳ. Không một ai trong ĐCSTQ dám đứng ra bênh vực Lưu, mặc dù họ đều biết các chính sách tlo Lưu thực hiện đã cứu vãn cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị ở Trung Quốc, giữ vững chính quyền cộng sản.

Mao cần trợ thủ để tác chiến với hệ thống đảng và chính quyền do Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình đại diện. Lâm Bưu và quân đội chỉ có vai trò phối hợp về chiến lược. Tiến hành một cuộc đấu tranh lớn như vậy cần một đầu sỏ xông pha trận mạc trong chiến dịch và chiến đấu. Chân lý đã tuột khỏi tay Mao, chỉ dựa vào quyền thế ép người nên rất khó tìm được bạn tri kỷ tâm đầu ý hợp. Trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư có nhiều chính khách tài trí hơn người như vậy mà chẳng dùng được ai, phần lớn họ theo Lưu, Đặng, đứng về phía đối lập với Mao cả rồi. Thế là Mao quyết tâm bồi dưỡng Giang Thanh, hình thành một phái do Giang Thanh làm trung tâm xuất hiện trên vũ đài chính trị Trung Quốc, bản thân Mao đứng sau Giang, tăng cường mạnh mẽ sức mạnh hô phong hoán vũ của phái này.

Cơn lốc Đại cách mạng văn hoá bùng lên năm 1966 khiến nhân dân toàn Trung Quốc chóng mặt, cũng làm cho các nhà quan sát trên toàn thế giới sửng sốt, không biết Mao định làm gì. Các nhà trí

thức lương thiện thường hiểu Mao theo ý nghĩa chính diện, cho rằng Mao muốn phát động quần chúng cải tạo đảng, giám sát đảng, khiến đảng cách mạng hoá và dân chủ hoá. Bốn mươi năm sau khi màn kịch lịch sử đó qua đi, những gì để lại vẫn khiến người ta hoa mắt. Có người nói Mao muốn phòng ngừa và chống xét lại, nhưng chọn nhầm đối tượng đã kích; có người nói Mao vẫn theo đuổi một xã hội mới công bằng hợp lý, nhưng phương pháp có vấn đề; có người nói Mao đẩy động cơ cao thượng, nhưng hai tập đoàn chống đảng Lâm Bưu, Giang Thanh làm cho mọi việc rối tung lên. Thật ra, sự việc rất giản đơn. Muốn che đậy sai lầm trong 3 năm “Đại tiến vọt” (chủ yếu là làm 37,55 triệu người chết đói), Mao lại mắc sai lầm 10 năm Đại cách mạng văn hoá. Muốn không bị thanh toán sau khi chết, không thể dựa vào Lưu Thiệu Kỳ. Còn Lâm Bưu chỉ là chiếc gậy để đánh đổ Lưu thôi. Mao chơi con bài “người kế tục” cuối cùng muốn truyền ngôi cho Giang Thanh, rồi Mao Viễn Tân. Chỉ có thể dựa vào vợ và cháu. Đại cách mạng văn hoá là dùng cái “lý luận tiếp tục cách mạng dưới nền chuyên chính vô sản” cấp tiến nhất để che đậy thực chất quá độ từ đảng trị sang gia đình trị. Điều này đã được chứng minh bởi các sử liệu đáng tin cậy do Diêu Văn Nguyên và Trương Ngọc Phượng tiết lộ.

Năm 1938 khi Giang Thanh kết hôn với Mao Trạch Đông, Bộ Chính trị đã có quyết định cấm Giang Thanh trong 20 năm không được giữ chức vụ nào trong đảng, không được dính líu đến vấn đề nhân sự và tham gia sinh hoạt chính trị.

24 năm qua đi, tháng 9-1962, Hội nghị Trung ương 10 khoá 8 vừa họp, Mao từ rút lui về kinh tế chuyển sang tấn công về chính trị, miệng niệm chú đầu tranh giai cấp giành lại quyền chủ động về chính trị. Vừa lúc đó, phu nhân Tổng thống Indonesia Sukarno thăm Trung Quốc. Theo nghi lễ ngoại giao, Chủ tịch nước Lưu Thiệu Kỳ và phu nhân Vương Quang Mỹ tiếp đón, báo chí đã đăng in ảnh. Đột nhiên, Mao Trạch Đông quyết định ông ta phải tiếp bà Sukarno. Thế là trên đầu trang nhất “Nhân dân nhật báo” ngày 30-9 năm đó nổi bật tấm ảnh Giang Thanh tươi cười bên Mao, khi Mao bắt tay bà Sukarno. Mao đã khéo léo đưa Giang lên vũ đài chính trị.

Nhiệm vụ đầu tiên Mao trao cho Giang Thanh là tổ chức viết bài phê phán vở kịch “Hải Thụy bãi quan” của Ngô Hàm làm đột phá khẩu cho Đại cách mạng văn hoá. Sau Tết nguyên đán 1965, Giang đi chuyến xe lửa riêng xuống Thượng Hải. Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư thứ nhất Thành uỷ Thượng Hải Kha Khánh Thi vốn là phần tử tích cực trong “Đại tiến vọt”.

Được biết Mao cần tổ chức viết bài phê phán Ngô Hàm nhằm tiếp tục thanh toán Bành Đức Hoài, Kha mừng lắm, giới thiệu với Giang Thanh, Trương Xuân Kiêu, Bí thư kiêm Trưởng ban tuyên truyền Thành uỷ, Trương Xuân Kiêu lại giới thiệu một thuộc hạ là Diêu Văn Nguyên. Công việc này được giữ kín với cả Thường vụ Bộ Chính trị.

Sau Quốc khánh năm 1965. Bành Chân gặp Mao báo cáo công việc của Tổ cách mạng văn hoá (được thành lập từ tháng 7-1964, phụ trách chỉnh phong và triển khai phê bình học thuật trong giới văn nghệ, do Bành Chân làm Tổ trưởng, Lục Định Nhất làm Tổ phó, ba thành viên còn lại: Khang Sinh, Chu Dương, Ngô Lân Tây), nhân đó can ngăn Mao đừng phê phán Ngô Hàm, chuyên gia sử học, Phó Thị trưởng Bắc Kinh, một trí thức được Bành Chân đánh giá là trung thành với ĐCS TQ, hơn nữa, Ngô Hàm viết tác phẩm đề cao khí tiết của Hải Thụy chính là hưởng ứng việc Mao đề xướng cán bộ cấp cao học tập tinh thần Hải Thụy, nói thẳng, nói thật (Hội nghị Trung ương 7 khoá 8 tháng 4-1959). Nhưng Mao bác bỏ ý kiến của Bành Chân.

Sau khi Mao Trạch Đông sửa đến ba lần, ngày 7-11-1965 bài bình vở kịch lịch sử mới “*Hải Thụy bải quan*” ký tên Diêu Văn Nguyên được đăng trên tờ “*Văn Hối*” Thượng Hải. Từ Hàng Châu, Mao lắng lẽ quan sát thái độ của Bắc Kinh đối với Diêu Văn Nguyên, nhưng đến 20-11, các báo phát hành ở Bắc Kinh vẫn im lặng. Mao chỉ thị cho Giang Thanh in bài của Diêu Văn Nguyên thành sách nhỏ, phát hành trong cả nước.

Ngày 24, hiệu sách Tân Hoa Thượng Hải điện khẩn yêu cầu cả nước đặt mua. Cơ quan phát hành sách Bắc Kinh xin ý kiến Thành uỷ, Bành Chân nói dứt khoát:

- Bắc Kinh một cuốn cũng không mua. Then chốt là xem chân lý ở phía nào. Trung ương nhiều lần họp, năm uỷ viên Thường vụ Bộ Chính trị không ai nói phải phê phán Ngô Hàm”.

Hai ngày sau, Bành Chân nhận được điện thoại của Chu Ân Lai:

- Mao Chủ tịch chỉ thị báo chí ở Bắc Kinh phải đăng ngay bài của đồng chí Diêu Văn Nguyên, kèm theo lời nhà xuất bản.

Theo gợi ý của Chu, Bành Chân triệu tập hội nghị công tác tuyên truyền, quyết định các báo ở Bắc Kinh đăng lại bài của Diêu Văn Nguyên, nêu rõ đây là thảo luận học thuật. Để bảo vệ Ngô Hàm, Bành Chân xuống Hàng Châu, hai lần gặp Mao Trạch Đông can gián. Đến lúc này, Mao vẫn muốn lôi kéo Bành Chân, vì cần một chính khách có trọng lượng tham gia Đại cách mạng văn hoá. Mao khuyên Bành nên gặp Trương Xuân Kiêu, và hẹn gặp lại Bành tại Thượng Hải vào 26-12, đúng ngày sinh nhật thứ 72 của ông ta. Hôm ấy, Bành được xếp ngồi đối diện Mao tại bàn tiệc chính. Mao gọi Trương Xuân Kiêu đến ngồi cạnh, giới thiệu Trương là “tú tài đồ” “nhà lý luận” đã cùng Diêu Văn Nguyên tổ chức viết bài phê phán Ngô Hàm. Khi Bành nâng cốc chúc thọ, Mao uống cạn, rồi nói bằng giọng Hồ Nam the thé:

- Đồng chí Bành Chân, tôi cũng kính ông một cốc, hy vọng ông học tập các đồng chí Thượng Hải, đưa cuộc đấu tranh phê phán “*Hải Thụy bải quan*” vào chiều sâu, đây là cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản trong lĩnh vực ý thức hệ, mong ông vượt qua cửa ải này.

Trở lại Bắc Kinh, Bành Chân tiếp tục đưa cuộc phê phán “*Hải Thụy bải quan*” vào lĩnh vực thảo luận học thuật. Đầu tháng 2-1966, Tổ cách mạng văn hoá 5 người soạn thảo “*Đề cương hội báo*” được Hội nghị thường vụ Bộ Chính trị dưới sự chủ trì của Lưu Thiếu Kỳ chấp nhận, ngày 8-2, 5 người mang theo bản đề cương lên gặp Mao Trạch Đông. Mao xem xong nói “không có ý kiến gì”. Do đó, ngày 12-2, Đảng Tiểu Bình phê chuẩn cho phân phát đề cương trên (gọi tắt là Đề cương tháng Hai) tới cấp huyện và trung đoàn trở lên trong cả nước.

Động thái trên khiến Lưu Thiếu Kỳ làm tướng Mao vẫn công nhận vị trí Trung ương của Bắc Kinh. Lưu liền đề nghị đi thăm nước ngoài theo kế hoạch đã định, Mao cũng đồng ý, có nghĩa là đi ngoại, Lưu vẫn đại diện nhà nước Trung Quốc. Thế là Lưu cùng Trần Nghị đi thăm Pakistan, Afghanistan và Myanma từ 22-3 đến 19-4.

Bất ngờ, ngày 30-3, Mao dùng dùng nỗi giận gọi điện chất vấn Chu Ân Lai:

- Vị Hoàng đế nào quyết định dùng danh nghĩa văn kiện trung ương phân phát đề cương hội báo của Bành Chân trong toàn Đảng?

Chu báo cáo quá trình Thường vụ Bộ chính trị thảo luận, quyết định, và nhận trách nhiệm về mình.

Mao dặn Chu:

- Trước tiên hãy giữ kín, xử lý thế nào chờ ý kiến tôi”.

Lợi dụng thời cơ Lưu Thiếu Kỳ ở nước ngoài, với thể sắc vang, chớp giật, Mao Trạch Đông đã đánh đổ Bành Chân và Lục Định Nhất, vô hiệu hoá Ban Bí thư Trung ương, làm cho Thành uỷ Bắc Kinh và Ban Tuyên truyền Trung ương tê liệt.

Cuối tháng 3 tại Thượng Hải, Mao đã gặp Khang Sinh, Ngụy Văn Bá, Triệu Nghị Mẫn, Giang Thanh, Trương Xuân Kiêu, phê phán Bành Chân, Lục Định Nhất và “Đề cương tháng Hai” với lời lẽ gay gắt chưa từng thấy:

- “Đề cương tháng Hai” không phân rõ phải trái, Thành uỷ Bắc Kinh và Ban Tuyên truyền Trung ương bao che kẻ xấu, không ủng hộ phái “tả”; Bắc Kinh kim châm không vào, giọt nước không lọt, phải giải tán Thành uỷ; Ban Tuyên truyền Trung ương là điện Diêm vương, phải đánh đổ Diêm vương, giải phóng tiểu quý; Ngô Hàm, Tiệm Bá Tán là học phiệt, được đại đảng phiệt bên trên bao che; “Thôn na nhả” do Đặng Thác, Ngô Hàm, Liêu Mạt Sa viết và “Yên Sơn dạ thoại” của Đặng Thác là ngọn cỏ độc lớn chống Đảng, chống Chủ nghĩa xã hội.

Mao mượn lực lượng của Lâm Bưu để nâng Giang Thanh trên vũ đài chính trị. Từ 2 đến 20-2-1966, Giang Thanh mời một số cán bộ phụ trách công tác văn hoá, tuyên truyền thuộc Tổng cục Chính trị tổ chức 4 cuộc toạ đàm về tình hình văn nghệ trong quân đội. Gọi là toạ đàm, thực tế là nghe Giang Thanh nói. Bản tổng hợp “những ý kiến cực kỳ quan trọng” của Giang Thanh trong cuộc toạ đàm này dài khoảng 3.000 chữ, theo lệnh của Mao, Trần Bá Đạt, Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên sửa chữa, bổ sung, nâng cao, dài thêm 7.000 chữ nữa. Cuối cùng Mao sửa thêm mấy lần, đặt tên là “Kỷ yếu cuộc toạ đàm về công tác văn nghệ quân đội do đồng chí Giang Thanh triệu tập theo uỷ thác của đồng chí Lâm Bưu”.

Mao triệu tập cuộc họp Thường vụ Bộ Chính trị mở rộng từ 16 đến 24-4 tại Hàng Châu. Ngày 19-4, Lưu Thiếu Kỳ từ Yangun về đến Côn Minh thì nhận được thông báo đến Hàng Châu dự họp. Sự thật đặt ra trước mắt Lưu lúc đó là: Bành Chân và Lục Định Nhất đã bị đánh đổ, Thành uỷ Bắc Kinh và Ban Tuyên truyền Trung ương tê liệt, Tổ Cách mạng văn hoá 5 người bị giải tán, “Thông tri của Ban chấp hành trung ương ĐCSTQ” đốt lên ngọn lửa Đại cách mạng văn hoá đã định hình, Tổ Cách mạng văn hoá mới đã được thành lập với 13 thành viên, gồm Tổ trưởng Trần Bá Đạt, cố vấn Khang Sinh, Tổ phó thứ nhất Giang Thanh, Tổ phó Vương Nhiệm Trọng, Lưu Chí Kiên, Trương Xuân Kiêu... Nhân vật trung tâm trong Tổ Cách mạng văn hoá trung ương là Giang Thanh. Để toàn đảng hiểu rõ điều này, một thông tri mang danh nghĩa Ban chấp hành trung ương ngày 30-8-1966 viết:

“Đồng chí Trần Bá Đạt do ốm đau được Trung ương cho nghỉ ngơi. Trong thời gian đồng chí Trần Bá Đạt nghỉ ốm hoặc đi công tác, đồng chí Giang Thanh làm Quyền Tổ trưởng”.

Mao trạch Đông – Ngàn năm công tội

Bá Đạt là anh đồ gàn, khi có mặt cũng nghe theo Giang Thanh thôi. Khang Sinh từ lâu đã là cố vấn riêng của Giang Thanh, về sau qua mấy lần đào thải, Giang Thanh đã đuổi hết những người không vừa ý, chỉ còn lại Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên, Vương Lực, Quan Phong, Thích Bản Vũ. Thế là hình thành “Đảng Hoàng hậu” của Giang Thanh. Cái Tổ Cách mạng văn hoá trung ương này ban đầu cũng không làm người ta chú ý lắm, nhưng về sau nó đã thay thế cả Ban Bí thư và Bộ Chính trị, trở thành cốt lõi chủ thể trạng “Bộ Tư lệnh vô sản” của Mao Trạch Đông, Ban chấp hành trung ương ĐCSTQ trở thành “Cửa hàng Mao-Giang”, Giang Thanh leo lên đỉnh cao quyền lực.



Chương 23

La Thụy Khanh chơi với hổ, bị hổ vồ

Ngày 3-1-1965, tại Quốc hội Trung Quốc khoá 3, Lưu Thiếu Kỳ lại được bầu làm Chủ tịch nước. Khi ấy tuy đã quyết tâm lật đổ Lưu, nhưng Mao không cản trở Lưu tái cử, bởi ông ta thấy mình đang ở vào thế yếu trong Đảng, chưa lật nổi đối thủ. Mao đang tìm kiếm lực lượng mới, phương thức đấu tranh mới.

Theo hiến pháp, Chủ tịch nước đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng. Trong danh sách Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng khoá này do Lưu đề nghị có thêm Tổng Tham mưu trưởng La Thụy Khanh. Tuy đây chỉ là chức vụ danh dự, không có thực quyền, nhưng sự đề bạt này có nghĩa là La đã đứng vào hàng ngũ các nguyên soái. Về sau trong một lần phát biểu công khai, Lưu nói La Thụy Khanh sẽ kế tục chức Bộ trưởng Quốc phòng, khiến Mao và Lâm Bưu cảnh giác.

Ngày 22-4, Lâm Bưu một mình triệu kiến Mao Trạch Đông, tố cáo Lưu Thiếu Kỳ đang nắm quân quyền, đã lôi kéo được La Thụy Khanh. Hai người bàn bạc quyết định cử thêm Dương Thành Vũ làm Phó Bí thư trưởng Quân uỷ Trung ương, kiêm Phó Tổng tham mưu trưởng thứ nhất, có thể trực tiếp báo cáo thỉnh thị Trung ương, trực tiếp liên hệ với các Đại quân khu, các quân binh chủng. Sự phân quyền này là bước thứ nhất Mao, Lâm không tin cậy La Thụy Khanh.

Tháng 5, La Thụy Khanh chủ trì hội nghị tác chiến tại Bắc Kinh. Những người dự hội nghị hy vọng được Mao tiếp, nhưng Mao đang ở miền Nam. La kiến nghị các uỷ viên Thường vụ Bộ chính trị có mặt tại Bắc Kinh tiếp, Lâm Bưu đồng ý. Buổi tiếp diễn ra vào 19-5, do Lưu Thiếu Kỳ chủ trì, nghe 3 Tổ trưởng báo cáo, đương nhiên các báo cáo đều do La thẩm định. Lâm Bưu lúc đầu nói không thể đến dự vì lý do sức khỏe, nhưng rồi ông ta lại đột nhiên có mặt, và khi buổi tiếp sắp kết thúc, lại đột ngột đứng dậy nói một thôi dài, bác bỏ ý kiến của ba vị tổ trưởng kia. Cuối tháng 5, những người tham gia hội nghị yêu cầu Tổng tham mưu trưởng phát biểu tổng kết. Lâm Bưu nói đề nghị này không thoả đáng, vì “hội nghị tác chiến chỉ có thể lấy ý kiến của Chủ tịch, các uỷ viên Thường vụ Bộ chính trị và văn kiện hội nghị làm kết luận, không cho phép bất cứ ai phát biểu dưới danh nghĩa tổng kết”. La Thụy Khanh hiểu đây là bước thứ hai nghiêm trọng hơn của Lâm Bưu: công khai hạ thấp vai trò Tổng tham mưu trưởng.

Vui mừng được Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình, Hạ Long và các nhà lãnh đạo khác trong Quân uỷ Trung ương tin cậy, La Thụy Khanh không nhận ra mối nguy hiểm đang bao bọc quanh mình. Diệp Quân vẫn đang thu thập những tài liệu chống La, nhất là từ phía Hải quân.

Tối 26-11-1965, Giang Thanh gặp La Thụy Khanh, yêu cầu giúp Giang tổ chức cuộc toạ đàm về tình hình văn nghệ trong quân đội, cấp cho Giang quân phục, và cho đăng lại bài của Diêu Văn Nguyên phê “*Hải Thụy bãi quan*”, nhưng ông chỉ đáp ứng yêu cầu thứ 3, khiến Giang rất tức giận, về kể lại với chồng. Qua việc La không cấp quân phục cho Giang Thanh vì bà ta không có quân tịch, Mao càng thấy ông là người có tính nguyên tắc rất mạnh, vốn là phẩm chất ưu tú của người cộng sản. Nhưng trong cuộc đấu tranh với Lưu Thiếu Kỳ, Mao không cần những người quân tử ngay thẳng, mà cần những kẻ láu lỉnh lựa gió chèo thuyền. Trong cuộc đấu tranh lớn sắp tới, không thể lôi kéo nổi một người ngay thẳng như thế ủng hộ mình, mà nếu quân đội chia rẽ, Lâm Bưu một phái, La Thụy Khanh một phái, có thể làm hỏng toàn cục bố trí chiến lược của Mao. Thế là Mao quyết định hy sinh người vệ sĩ một dạ trung thành này.

Ngày 30-11, Diệp Quân bí mật đáp máy bay riêng từ Tô Châu tới Hàng Châu xin gặp Mao Trạch Đông, lúc đó đang ở biệt thự Uông Trang. 5 giờ sáng 1-12, Mao cho gọi Diệp vào gặp gấp Mao xem thư Lâm Bưu, nhận các tài liệu do Diệp chuyển, rồi nghe bà ta báo cáo trong 5 giờ liền. Nội dung và tình tiết cụ thể cuộc gặp gỡ này mãi mãi là một bí mật, bởi chỉ có hai người bên nhau suốt 5 giờ đó. Rồi Mao bảo Diệp không nên nấn ná ở lại Hàng Châu. Ông ta cù Uông Đông Hưng dùng đoàn xe lửa riêng của mình đưa Diệp trở lại Tô Châu, và đón Lâm Bưu đến.

Cuộc hội kiến Mao-Lâm đêm 1-12 mang đậm sắc thái một âm mưu. Mao muốn lật đổ Lưu Thiếu Kỳ và Bành Chân, dặn Lâm Bưu “*nắm chắc quyền chỉ huy quân đội, không để rơi vào tay kẻ khác, phải đảm bảo cuộc đấu tranh trong lĩnh vực tư tưởng văn hoá diễn ra bình thường*”. Lâm Bưu thúc giục Mao lật đổ La Thụy Khanh:

- Không giải quyết vấn đề La Thụy Khanh, quân đội có thể sẽ chia rẽ. Tôi không thể đảm bảo người này biết nghe lời.

Mao khen Lâm tiến bộ, hy vọng Lâm “một lần nữa đọc báo cáo như tại Đại hội 7.000 người, nói rõ sự cần thiết phải phát động Đại cách mạng văn hoá”.

Từ 8 đến 15-12-1965, Hội nghị Thường vụ Bộ Chính trị mở rộng họp tại Thượng Hải. Ngoài 7 uỷ viên Thường vụ Bộ chính trị, các uỷ viên Bộ Chính trị và Ban Bí thư, tổng cộng 38 người có mặt. Một số người phụ trách cơ quan hữu quan ở trung ương và tướng lĩnh cao cấp dự thỉnh. Mao bảo Lâm Bưu chủ trì Hội nghị.

Điều bất ngờ là Diệp Quân đăng đàn tố cáo La Thụy Khanh âm mưu cướp quyền lãnh đạo quân đội, ép Lâm Bưu nhường ghế bộ trưởng. Diệp đã bước lên vũ đài chính trị, khởi đầu bằng việc vu cáo, hãm hại La.

Hội nghị ra quyết định tước hết các chức vụ của La Thụy Khanh: Bí thư Trung ương Đảng, Phó thủ tướng, Tổng tham mưu trưởng. Khi Thường vụ Bộ chính trị biểu quyết, Lưu Thiếu Kỳ, Trần Vân, Đặng Tiểu Bình bỏ phiếu chống. Khi Bộ Chính trị biểu quyết, Bành Chân, Lưu Bá Thừa bỏ phiếu chống, Lưu Thiếu Kỳ, Trần Vân, Đặng Tiểu Bình, Hạ Long, Lục Định Nhất, Lý Phú Xuân, Đàm Chấn Lâm bỏ phiếu trắng.

Là “bị cáo”, nhưng La Thụy Khanh không được có mặt tại Hội nghị và bào chữa cho mình. Đang đi kiểm tra biên giới Tây Nam thì nhận được thông tri hội nghị họp, La cùng vợ đáp máy bay về đến

Thượng Hải liền bị giam lỏng ngay. La nổi giận đùng đùng, lòng đầy căm phẫn, xin gặp Mao không được, xin gặp Lâm Bưu không xong. Ngày 17-12-1965. La về đến Bắc Kinh, đóng cửa suy nghĩ. Từ 4-3-1966, Quân uỷ Trung ương lập Tổ chuyên án thẩm tra, phê đầu La Thụy Khanh. Ngày 18, La tức quá nhảy lầu tự sát, nhưng chỉ bị gãy chân.



Chương 24

Giương ngọn cờ chống đảo chính để làm đảo chính

Tháng 4-1966, Mao yêu cầu họp Bộ Chính trị mở rộng để giải quyết vấn đề Bành Chân, Lục Định Nhất, La Thụy Khanh, Dương Thượng Côn, những người tham dự đều có quyền biểu quyết. Mao muốn đưa các nhân vật cánh “tả” Giang Thanh, Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên, Vương Lực, Quan Phong, Thạch Bản Vũ đến hội nghị để thị uy. Lưu Thiệu Kỳ nhấn mạnh biên độ nhân sự quan trọng trong Đảng phải được Hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương thông qua. Họp Ban chấp hành trung ương, chưa chắc Mao được đa số ủng hộ.

Mao nhận ra điều này, nên kiên quyết không họp Trung ương, không cho những người phụ trách các Trung ương cục, các tỉnh và thành phố trực thuộc đến dự, Mao nắm chặt quân đội, quyết tâm dùng “súng chỉ huy đảng” khi cần thiết để cứu vãn tình thế. Nắm quân đội chủ yếu là lôi kéo Lâm Bưu, thiết lập liên minh Mao-Lâm, để áp đảo Thường vụ Bộ Chính trị, Bộ Chính trị và Ban chấp hành trung ương. Nhưng Mao cũng đề phòng Lâm Bưu, nên không sử dụng bộ đội thân tín của Lâm. Nước cờ then chốt nhất là Mao nắm Quyền Tổng tham mưu trưởng Dương Thành Vũ. Trong những năm tháng chiến tranh, Lâm và Dương từng có bất đồng. Quân đoàn 63 và Quân đoàn 65 là bộ đội Hoa Bắc mà Dương từng chỉ huy. Dương bị cuốn hút bởi niềm hy vọng thay thế toàn diện La Thụy Khanh, đứng vào hàng ngũ những người lãnh đạo quan trọng của Đảng, Chính phủ và Quân đội, lúc đó ông ta tuyệt đối trung thành với Mao. Ngày 22-2-1966, Mao chỉ thị cho Diệp Kiếm Anh và Dương Thành Vũ sáp nhập Cảnh sát vũ trang vào Quân đội bởi La Thụy Khanh từng nhiều năm làm Tư lệnh kiêm Chính uỷ lực lượng này. Ngày 15-5, Mao quyết định thành lập Tổ công tác Thủ đô, gồm Tổ trưởng Diệp Kiếm Anh. Hai Tổ phó Dương Thành Vũ, Tạ Phú Trị và 8 thành viên khác, trong đó Dương Thành Vũ giữ vai trò quyết định. Dương giới thiệu Đinh Lai Phu và Vương Thọ Nhân, Chính uỷ và Tham mưu trưởng Quân đoàn 63, làm Bí thư thứ nhất Đảng uỷ và Phó Cục trưởng Cục phát thanh, kiến nghị đưa hai sư đoàn thuộc các Quân đoàn 63 và 65 từ Thạch Gia Trang và Trương Gia Khẩu vào Bắc Kinh làm nhiệm vụ cảnh vệ, đều được Mao phê chuẩn. Dựa vào ưu thế vũ lực, Mao đã áp đảo đa số trong Thường vụ Bộ Chính trị, đánh bại ý đồ triệu tập Hội nghị Trung ương của Lưu Thiệu Kỳ:

Ngày 4-5-1966, Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng họp tại Bắc Kinh, các thành viên Tổ Cách mạng văn hoá trung ương đều tham gia. Mao chỉ định hội nghị do Lưu Thiệu Kỳ chủ trì, nhưng lại do Khang Sinh giữ vai trò liên lạc với Mao để chỉ đạo như vậy Lưu chỉ còn là người giới thiệu chương trình. Hai ngày đầu, Khang Sinh truyền đạt những ý kiến của Mao từ tháng 9-1962 tới tháng 3-1966, chủ yếu là phê phán Bành Chân, Lục Định Nhất, giao nhiệm vụ ủng hộ phái tả, tiến hành Đại cách mạng văn hoá. Xuyên suốt nội dung truyền đạt là Trung ương đã xuất hiện chủ nghĩa xét lại, như Bành Chân, La Thụy Khanh, Dương Hiến Trân, Dương Thượng Côn, Điền Gia Anh. “Thông tri của Ban chấp hành trung ương ĐCSTQ” mà hội nghị này cần thông qua nhấn mạnh phải triệt để

phê phán tư tưởng tư sản phản động trong giới học thuật, giáo dục, báo chí, văn nghệ, xuất bản, giành lại quyền lãnh đạo trong lĩnh vực văn hoá, đồng thời phê phán các đại diện của giai cấp tư sản len lỏi trong đảng, chính phủ, quân đội và lĩnh vực văn hoá, trong đó có kẻ đã được bồi dưỡng thành người thừa kế kiểu Khrusev... Trong phát biểu ngày 18-5-1966, Lâm Bưu điếm lại các cuộc đảo chính từ thời thượng cổ đến nay, và nói Mao đã nhiều lần cùng người phụ trách hữu quan bàn việc đề phòng đảo chính quân sự. Lâm nói La Thụy Khanh nắm quân đội, Bành Chân nắm rất nhiều thứ, Lục Định Nhất nắm văn hoá, tư tưởng, Dương Thượng Côn nắm cơ yếu, tình báo, liên lạc, họ liên minh với nhau, có thể làm đảo chính trên chiến trường cũng như trong phòng họp, do đó về tư tưởng không thể tê liệt, trong hành động phải có biện pháp cụ thể. Lâm đề cao Mao Trạch Đông, coi Mao là “thiên tài vĩ đại nhất của giai cấp vô sản”, vượt trên Mác, Ăng-ghen, Lênin, Stalin.

Xin nhắc lại một sự kiện liên quan đến nội dung phát biểu trên của Lâm Bưu là “vụ Watergate” kiểu Trung Quốc diễn ra đầu thập kỷ 60. Tháng 2-1961, Mao tuần du phương Nam, chuyên xa dừng tại ga Trường Sa. Trong lúc Mao gặp Bí thư thứ nhất Tỉnh uỷ Hồ Nam Trương Bình Hoá, các nhân viên đi dạo trên sân ga, một nhân viên vô tuyến điện hứng lên, nói với cô gái xinh đẹp phục vụ Mao:

- Anh đã nghe thấy tiếng em trong buồng ngủ Mao Chủ tịch.

Cô gái tái mặt, vào báo cáo:

- Có người đặt máy nghe trộm trong buồng ngủ!

Mao bảo Trương Bình Hoá về, rồi gọi ngay La Thụy Khanh và Dương Thượng Côn có mặt trong chuyến đi này đến hỏi:

- Ai bảo các ông đặt máy nghe trên xe lửa?

La, Dương nhìn nhau, đành nói thật:

- Từ Đại tiến vọt đến nay, Chủ tịch thường tiếp một số đồng chí trên xe lửa, phát triển nhiều ý kiến, thư ký ghi chép không đầy đủ, bỏ sót nhiều chỉ thị quan trọng. Để bám sát tư tưởng của Chủ tịch, Ban Bí thư quyết định đặt máy nghe trên xe lửa...

Khả năng tự kiểm chế của Mao thật ghê gớm. Biết rõ đây là lúc quyền thống trị của mình suy yếu nhất, không thể làm căng, nhưng phải hiểu rõ tình hình, Mao bình thân nói:

- Các ông cũng tốn nhiều công sức, tôi không trách. Thiết bị có phải do Anh Cả cung cấp không?

Dương Thượng Côn đáp:

- Thưa, lấy danh nghĩa Văn phòng Trung ương, thông qua con đường hữu quan, nhập từ nước ngoài.

Mao nói:

- Thế thì tiên tiến lắm. Lắp đặt từ bao giờ vậy?

- Dạ, từ tháng 1-1959 ạ.

Mao lại giật thót mình, nhưng giọng vẫn ôn hoà:

- Ô, đã hơn hai năm rồi đấy. Các ông giữ bí mật khá lắm. Số nhân viên công tác của tôi có biết không?

La Thụy Khanh:

- Các thư ký đều biết, nhưng yêu cầu họ giữ kín.

Mao cười lớn:

- Mọi người đều biết, thì còn bí mật gì nữa, cũng không phải là một âm mưu. - Rồi Mao hờ hững hỏi - Vậy là các đồng chí Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình đều biết trước việc này?

Dương Thượng Côn:

- Hai đồng chí ấy tán thành. Ban bí thư có một nghị quyết nội bộ về vấn đề trên.

- Còn Chu Ân Lai, Uông Đông Hưng?

Dương Thượng Côn:

- Thủ tướng biết, còn chỉ thị: đã xuất phát từ lợi ích toàn đảng, thì phải làm sao để không có chuyện hiểu lầm. Đồng chí Uông Đông Hưng bảo lưu, nhưng qua Ban bí thư giải thích, đồng chí ấy phục tùng nghị quyết của Trung ương.

Mao cười:

- Chu vẫn suy nghĩ chu toàn. Giờ tôi không hiểu lắm nữa, những nghi ngờ cũ xoá sạch rồi, được không?

Cuộc nói chuyện kết thúc. Dương Thượng Côn lạnh toát mồ hôi, vội gọi điện thoại cho Lưu Thiếu Kỳ. Lưu bay ngay xuống Quảng Châu, đón gặp Mao tại đó. Ông trình Mao nghị quyết của Ban Bí thư tháng 12-1958 về việc đặt máy ghi âm tại buồng ngủ của Mao trên xe lửa, và giải thích việc này chỉ nhằm bám sát, học tập chỉ thị của Mao, không có ý gì khác.

Lưu đề nghị trao cho Uông Đông Hưng kiểm tra, tiêu huỷ toàn bộ số băng ghi âm cùng các bản chính lý lưu trữ tại phòng bảo mật Văn phòng Trung ương. Lưu nói tuy đây là chủ kiến của Ban Bí thư, nhưng Lưu đã tán thành cho làm, nên ông xin lỗi Mao, và sẵn sàng chịu kỷ luật. Mao giấu kín những suy nghĩ riêng, làm bộ tươi cười:

- Các ông rõ là tốt bụng mà làm một việc không hay lắm. Sự việc đã nói rõ, coi như kết thúc. Ông yên tâm đi, việc này làm theo ý ông. Từ nay trong Đảng không ai được nhắc lại, tôi cũng không đề nghị Trung ương thi hành kỷ luật bất cứ ai. Việc quan trọng nhất hiện nay là toàn Đảng đoàn kết, một lòng một dạ, ổn định lòng đảng, lòng quân, cùng nhau vượt qua khó khăn...

Từ đó, Mao không tin cậy Lưu Thiệu Kỳ và Ban Bí thư nữa, nó là bước ngoặt khiến quan hệ Mao-Lưu trở nên thù địch.

Thông tri của Trung ương ĐCSTQ ngày 16 và phát biểu của Lâm Bưu ngày 18-5-1966 đã đặt cơ sở cho Đại cách mạng văn hoá với mục tiêu đánh đổ Lưu Thiệu Kỳ. Bỏ qua hiến pháp và Quốc hội, dùng phong trào quần chúng được quân đội ủng hộ để phế truất nguyên thủ quốc gia, bản thân nó là một cuộc đảo chính. Mao và Lâm đã trương lá cờ chống đảo chính để làm đảo chính.

Phát biểu của Lâm Bưu như một quả bom nguyên tử chính trị, tăng cường quyền uy của Mao tới mức tối đa, đẩy Mao lên vị trí chí tôn, giúp Mao hoàn toàn thoát khỏi tình thế lúng túng, bị động từ Đại hội 7.000 người. Không còn ai dám nghĩ đến việc truy cứu trách nhiệm làm mấy chục triệu người chết đói. Trong tiềm thức, đông đảo cán bộ, đảng viên, quần chúng cảm thấy chỉ có tín ngưỡng vô hạn, sùng bái vô hạn Mao Trạch Đông, thì mới có an toàn chính trị cho bản thân và gia đình. Một cao trào sùng bái cá nhân mang tính chất toàn dân vừa bị ép buộc, vừa tự nguyện, như một dòng thác lũ tràn ngập nước Trung Hoa.

Mao rất hài lòng về bài nói của Lâm. Song ngày 8-7-1966, Mao lại viết thư cho Giang Thanh phản nản việc Lâm chỉ nói về đảo chính, Mao cũng tỏ ra lo ngại trước một số cách nêu vấn đề của Lâm, nhưng đành chấp nhận, và đây là lần đầu tiên trong đời, Mao phải tán thành ý kiến tăng bốc của người khác, trái với lòng mình. Là người giỏi ứng biến, đương nhiên Mao biết Lâm tăng bốc ông ta như vậy nhằm đổi lấy vị trí người kế tục đổi lấy “giang sơn xã tắc” của Mao. Sự tăng bốc này có hiệu quả nếu dùng làm một sách lược, một thủ đoạn để tấn công Lưu Thiệu Kỳ, nhưng để đánh giá một nhân vật lịch sử thì không thể lâu dài. Mao còn cho Chu Ân Lai xem thư trên nhằm cho thấy giữa Mao và Lâm có khoảng cách, Thủ tướng đừng quá gần gũi Lâm. Chu Ân Lai hiểu ngay rằng: vào lúc Mao “chúng phân, thân ly” chỉ còn mỗi Lâm Bưu là “bạn chiến đấu thân thiết”, lại có một chiến hữu “thân thiết” hơn Lâm, là Giang Thanh. Chu một mặt lẳng lặng giữ khoảng cách thích đáng với Lâm Bưu, mặt khác, bằng mọi cách giữ quan hệ bình thường với Giang Thanh, tuyệt đối không va chạm, nhưng cũng quyết không cho phép mù trở thành Lã Hậu. kiên quyết ngăn chặn mưu toan của Mao truyền ngôi cho người nhà. Đó là nguồn gốc của cục diện chính trị rối ren phức tạp, kỳ quặc xuất hiện trong cuộc đấu tranh nội bộ ĐCSTQ những năm cuối đời Mao.

Ngày 4-10-1966, trong buồng ngủ cách âm của vợ chồng Lâm Bưu, Giang Thanh đột nhiên hỏi Diệp Quân: “Cô nói xem, Đại cách mạng văn hoá là gì?” Diệp Quân sững người, chưa biết trả lời ra sao, Giang Thanh nghiêng răng nói tiếp: “... là đánh đổ hết kẻ thù của ta!” Hai người thoả thuận: Giang Thanh giúp trừng trị những kẻ thù của Diệp Quân, đổi lại, Diệp Quân giúp đánh đổ những kẻ thù của Giang Thanh. Hành động của hai người đàn bà trong những năm tháng tiếp theo là sự chú giải tuyệt vời cho lý luận của hai người chồng họ.



Chương 25

Lợi dụng học sinh lật đổ chủ tịch nước

Khi cảm thấy đã chắc chắn thao túng được Ban chấp hành trung ương, Mao ra lệnh triệu tập Hội nghị Trung ương 11 khoá 8 từ 1 đến 12-8-1966. Trước cuộc họp, Mao gọi Chu Ân Lai, Đào Chú, Trần Bá Đạt, Khang Sinh đến hỏi ý kiến về người thay thế Lưu Thiếu Kỳ. Mao và 4 người viết lên người đó lên bàn tay mình, khi mở ra, tất cả đều một chữ “Lâm”.

Dự Hội nghị có 141 uỷ viên và uỷ viên dự khuyết Trung ương Đảng. Những người phụ trách các Trung ương cục, các tỉnh và thành phố trực thuộc, các cơ quan trung ương và các thành viên Tổ Cách mạng văn hoá trung ương được mời dự thính. Chương trình Hội nghị gồm thông qua quyết định phát động Đại cách mạng văn hoá, thảo luận và phê chuẩn các biện pháp lớn về các vấn đề trong nước và quốc tế từ kỳ họp trước đến nay, thông qua thông cáo của hội nghị này, truy nhận quyết định thay đổi nhân sự của Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng.

Đọc báo cáo công tác, Lưu Thiếu Kỳ chủ động nhận trách nhiệm về vấn đề cử các tổ công tác vào các trường đại học và học viện, Mao liên tục cắt ngang với lời lẽ gay gắt.

Sau khi châm ngòi lửa Đại cách mạng văn hoá, Mao bỏ xuống Hàng Châu nghỉ ngơi, mặc cho Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình chủ trì công tác trung ương, đối phó tình trạng rối loạn ở Bắc Kinh và cả nước, đây là một âm mưu lớn, một cái bẫy lớn, Lưu-Đặng làm thế nào cũng sai, cũng bị Mao nắm thóp. Kết quả là Lưu-Đặng đứng ra lo liệu, đưa các tổ công tác vào các trường đại học, Mao liền nói họ đàn áp quần chúng cách mạng, thực hiện khủng bố trắng, đẩy lùi Đại cách mạng văn hoá, thực hiện đường lối tư sản phản động, buộc họ kiểm thảo mắc sai lầm đường lối. Nếu Lưu-Đặng không đứng ra lo liệu, đề mặc cho tình hình rối loạn. Mao sẽ nói đây là cuộc bạo loạn phản cách mạng, Trung Quốc xuất hiện “sự kiện Hungary” do Lưu-Đặng đứng đằng sau. Khi ấy, Mao sẽ hy sinh mấy chục vạn học sinh, đứng ra bảo vệ những người bị hại, một lần nữa trở thành “đại cứu tinh của nhân dân”.

Mao nắm quyền phát ngôn, tiếng nói có sức nặng ghê gớm, đó là chỗ lợi hại của kẻ độc tài. Nhưng Mao đã dự đoán Lưu-Đặng sẽ không bỏ mặc cho tình hình rối loạn không kiểm soát nổi, thông qua cuộc đấu tranh chống phái hữu, các bộ, các cấp mặc cho tình hình hỗn loạn. Mao ung dung ngồi xem họ mắc sai lầm đường lối tư sản phản động.

Khi Diệp Kiếm Anh xen vào “Chúng ta có quân đội, không sợ yêu ma quỷ quái”. Mao nói như quát lên: “Yêu ma quỷ quái đang có mặt tại đây”. Chiều 5-8, trên cương vị Chủ tịch nước, Lưu Thiếu Kỳ tiếp Đoàn đại biểu Zambia, về đến nhà liền nhận được điện thoại của Chu Ân Lai yêu cầu ông không xuất hiện công khai, không tiếp khách nước ngoài. Lưu hiểu đây là lệnh của Mao.

Chuẩn bị xong xuôi, tại cuộc họp Thường vụ Bộ Chính trị, Mao tuyên bố muốn thay người kế tục, và giới thiệu Lâm Bưu. Lưu Thiếu Kỳ đã sớm nhìn ra nước cờ này, ông lên tiếng tán thành ngay. Các uỷ viên Thường vụ khác cũng bỏ phiếu tán thành. Ngày 8-8, Hội nghị Trung ương thông qua quyết định về Đại cách mạng văn hoá, rồi chuyển sang phê phán Lưu, Đặng. Hội nghị bổ sung Đào Chú, Trần Bá Đạt, Khang Sinh, Từ Hướng Tiên, Nhiếp Vinh Trăn, Diệp Kiếm Anh làm uỷ viên chính thức, Lý Tuyết Phong, Tổng Nhiệm Củng, Tạ Phú Trị làm uỷ viên dự khuyết Bộ Chính trị, Tạ

Phú Trị, Lưu Ninh Nhất vào Ban Bí thư, Đào Chú làm Bí thư trực, đưa Bành Chân, La Thụy Khanh, Lục Định Nhất, Dương Thượng Côn ra khỏi Ban bí thư.

Mao Trạch Đông chuẩn bị một danh sách Thường vụ Bộ chính trị 11 người, gồm Mao, Lâm, Chu, Đặng, Trần Bá Đạt, Khang Sinh, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Đức, Trần Vân, Lý Phú Xuân, Đào Chú. Do được 100% số phiếu, Đặng được xếp ở vị trí thứ 4. Sau đó, theo ý Giang Thanh, Mao đưa Đào Chú lên vị trí thứ 4, đẩy Đặng Tiểu Bình xuống vị trí thứ 7, Trần Vân xuống vị trí cuối cùng. Mao muốn cử hai Phó Chủ tịch Đảng là Lâm Bưu và Chu Ân Lai. Song Chu đề xuất chỉ có một Phó Chủ tịch là Lâm Bưu, để nêu bật vị trí người kế tục. Chu chủ động lùi một bước, vừa tránh được sự đố kỵ của Mao, Lâm, vừa được lòng người.

Qua việc Giang Thanh tham gia cải tổ Thường vụ Bộ Chính trị có thể thấy Đại cách mạng văn hoá vừa bắt đầu, Mao đã coi Giang Thanh là người kế tục để bồi dưỡng. Sau khi Đặng Tiểu Bình bị đánh đổ, Ban Bí thư tê liệt, Mao đã lấy Tổ cách mạng văn hoá trung ương thay thế Ban Bí thư, vị trí và vai trò thực tế của Giang Thanh trong Đại cách mạng văn hoá tương đương Tổng Bí thư.

Sau Hội nghị Trung ương 11 khoá 8, từ Bắc Kinh đến cả nước, đông đảo cán bộ và quần chúng tỏ ra không sao hiểu nổi việc Mao Trạch Đông phát động Đại cách mạng văn hoá và phê phán đường lối tư sản phản động của Lưu Thiếu Kỳ, xuất hiện tình trạng “HAI ĐẦU NÓNG, GIỮA LẠNH” (đầu trên là Mao và Tổ Cách mạng văn hoá trung ương, đầu dưới là các “tiểu tướng Hồng vệ binh” bị lừa dối, lợi dụng thì sôi sùng sục, còn ở giữa - các cơ quan đảng và chính quyền các cấp đông đảo cán bộ, quần chúng - thì phát mà không động, một trạng thái chống đối Lưu Thiếu Kỳ được đông đảo cán bộ, quần chúng ủng hộ như vậy khiến Mao rất lo. Thế là ngày 1-10 Mao kêu gọi “triệt để phê phán đường lối tư sản phản động”, tổ chức lực lượng mở cuộc tổng công kích vào “Bộ tư lệnh tư sản” Lưu-Đặng. Mao kết hợp cuộc tiếp kiến Hồng vệ binh lần thứ 4 với lễ mừng Quốc khánh thứ 17, nên có tới 1,5 triệu Hồng vệ binh tham gia hoạt động này. Một nhóm Hồng vệ binh nhận nhiệm vụ bí mật căng trên quảng trường Thiên An Môn khẩu hiệu lớn “Đả đảo Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình!” Họ công khai hô khẩu hiệu đánh đổ Lưu, Đặng, công khai tuyên bố trước toàn thể giới mũi nhọn của Đại cách mạng văn hoá chĩa vào đầu.

Trước sức ép của phong trào Hồng vệ binh, Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình buộc phải thừa nhận đã mắc sai lầm về đường lối. Theo nhịp điệu do Mao định ra, Lưu Thiếu Kỳ đã phủ định toàn bộ công tác chỉnh đốn kinh tế quốc dân, ngăn chặn nạn đói lan tràn, khiến đất nước tránh khỏi sụp đổ do ông lãnh đạo. Như vậy là Mao Trạch Đông, người phát động phong trào Đại tiến vọt, Công xã hoá làm 37,55 triệu người chết đói lại trở thành nhà lãnh đạo “luôn luôn đúng đắn”, còn Lưu Thiếu Kỳ, người đã đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng, khiến nhân dân thoát khỏi nạn đói lại là người mắc sai lầm về đường lối, phải đánh đổ.

Phát biểu trước Hội nghị công tác Trung ương ngày 25-10, Mao Trạch Đông đổ hết mọi trách nhiệm cho Lưu Đặng. Mao nói: Trong 17 năm (từ 1949 đến 1966), Mao ở tuyến 2, “không chủ trì công tác hàng ngày”, các đồng chí ở tuyến 1 “xử lý công việc không tốt lắm” (nghĩa là đường lối chung, Đại tiến vọt, công xã nhân dân, chết đói trên 37,5 triệu người... đều do người khác làm), thiếu sót của Mao chỉ là phân chia tuyến 1 tuyến 2, và quá tin vào Lưu, Đặng.

Do Giang Thanh đạo diễn ngày 6-1-1967 đã xảy ra vụ “dùng mưu bắt Vương Quang Mỹ” đem đến Đại học Thanh Hoa phê đấu, sau nhờ Chu Ân Lai can thiệp, bà Vương được tha về. Đêm 13-1, Mao

cho thư ký đón Lưu Thiếu Kỳ đến gặp tại Nhà Quốc hội. Đây là cuộc gặp cuối cùng giữa hai người. Lưu nhận trách nhiệm về “sai lầm đường lối” lần này. Ông nói đồng đảo cán bộ đều tốt, yêu cầu nhanh chóng thả họ ra để Đảng bớt bị thiệt hại. Ông cũng xin từ chức Chủ tịch nước và ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, cùng vợ con về quê làm ruộng, để sớm kết thúc Đại cách mạng văn hoá, giảm thiệt hại cho đất nước. Mao rút thuốc lá, lắng lẽ nghe, im lặng hồi lâu rồi khuyên Lưu đọc cuốn “Chủ nghĩa duy vật máy móc” của Hê-ghe. Mao còn vờ hỏi thăm tình hình con Lưu, nhắc Lưu chú ý giữ gìn sức khỏe.

Ngày 4-10, vẫn do Giang Thanh dày công đạo diễn, Hồng vệ binh Đại học Thanh Hoa tổ chức đại hội phê phán Vương Quang Mỹ, có 30 vạn người tham gia, lời cả hơn 300 cán bộ thuộc “phái đi con đường tư bản chủ nghĩa” trong đó có Bành Chân, Bạc Nhất Ba, Lục Định Nhất, Trương Nam Tường ra đấu.

Từ sáng sớm, ô-tô của Hồng vệ binh đã vào Trung Nam Hải bắt người. Vương Quang Mỹ bị dẫn đến tầng 7 toà nhà chính của Đại học Thanh Hoa, bị cưỡng bức mặc bộ trang phục hồi thăm Indonesia, và bị choàng lên cổ một chiếc “dây chuyền” cực lớn xâu bằng những quả bóng bàn. Màn kịch xấu xa trên đã bộc lộ hết sự hẹp hòi, đồ kỵ, tâm lý đen tối và nhân cách hạ đẳng của Giang Thanh. Hôm sau, tin ảnh về “ba lần thăm vấn Vương Quang Mỹ” xuất hiện trên các bản tin của Hồng vệ binh làm chấn động dư luận thế giới, sự tôn nghiêm của Lưu Thiếu Kỳ trên cương vị Chủ tịch Nhà nước Trung Quốc bị quét sạch trơn.

Đầu tháng 7-1967, 1,5 vạn người đại diện cho hơn 500 tổ chức tạo phản ở Bắc Kinh và hàng chục tỉnh thành khác, dựng trên 7.000 chiếc lều kéo dài hàng chục dặm từ cửa tây tới cửa bắc Trung Nam Hải, tuyên bố thành lập “Bộ chỉ huy hoả tuyến đấu Lưu Thiếu Kỳ”, 500 loa phóng thanh công suất lớn ra rả suốt ngày đêm phê phán Lưu. Mao hài lòng thấy Lưu bị bao vây trong thiên la địa võng của Hồng vệ binh. Ngày 13-7, Mao rời Bắc Kinh “tuần du phương Nam”. Chuyến tàu chở Mao vừa chuyển bánh, Giang Thanh liền thúc giục Hồng vệ binh đấu Lưu Thiếu Kỳ.

Ngày 18-7, phái tạo phản đồng thời đấu ba cặp vợ chồng Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, Đào Chú tại nơi ở của họ trong Trung Nam Hải. Ngày 5-8, kỷ niệm một năm ngày Mao viết bài “Nã pháo vào bộ tư lệnh”, Tổ cách mạng văn hoá tổ chức cuộc họp một triệu người tại quảng trường Thiên An Môn, hỏi tội Lưu, Đặng, Đào, đồng thời tổ chức đấu họ tại nơi ở. Hôm ấy, Lưu Thiếu Kỳ bị đánh sưng mặt, tuột cả giày.

13-9-1967 là ngày gia đình Lưu ly tán: bà Vương Quang Mỹ bị bắt giam, ba người con ở tuổi đi học buộc phải vào trường chịu thẩm tra, bé út 6 tuổi phải theo bảo mẫu ra khỏi Trung Nam Hải. Lưu Thiếu Kỳ bị giam ngay trong Văn phòng Chủ tịch nước. Mao muốn giày vò Lưu ngay trước mắt mình, muốn thấy ông ta từng bước suy sụp về tinh thần và thể chất, từng bước đi vào chỗ chết. Lợi dụng học sinh đánh đồ Lưu Thiếu Kỳ, nhưng Mao vẫn quan tâm đến hiến pháp và pháp luật. Mọi người thấy đấy: Mao không hề hạ lệnh bắt Lưu, không giam Lưu vào nhà tù, không cử người ám sát hoặc ra lệnh xử bắn Lưu; Lưu vẫn là Chủ tịch nhà nước Trung Quốc, vẫn ở trong Văn phòng Chủ tịch của ông ta; còn việc quần chúng không ủng hộ, muốn lật đổ ông ta, thì đấy là phong trào quần chúng tự phát, trách ai được. Nếu truy cứu vụ án bức hại Chủ tịch nước cho đến chết thì chẳng nắm được sơ hở nào của Mao, rất khó mà định tội. Mao không bảo Lưu phải ngừng thực thi chức quyền Chủ tịch nước, không nói phải giam Lưu, đấu Lưu, về văn tự chẳng để lại dấu vết nào. Việc quy Lưu là phản bội, nội gian, công đoàn vàng, thì với tư cách Chủ tịch Đảng, Mao không ký, mà do

Chu Ân Lai thay mặt Ban chấp hành trung ương ký. Thế là Mao lần hết trách nhiệm. Hành động chính trị lưu manh này là sự sa đoạ về phẩm chất chính trị của Mao. Nhưng Mao không thoát khỏi sự phán xét của Tòa án đạo đức.

Năm ấy Lưu đã 69 tuổi, sự bức hại đối với ông ngày càng gia tăng. Mấy lần đầu đá khiến ông tổn thương nặng nề cả về tinh thần và thể chất. Tay ông bị thương trong chiến tranh, qua mấy lần bị đánh, nay không tự do cử động được nữa, mặc một chiếc áo cũng phải mất hàng giờ. Mỗi bữa ăn, khoảng cách đến nhà ăn chỉ chừng 30 mét, mà ông phải lê đôi chân bị thương đi mất 50 phút. Người ta đã nhắc nhở lính canh không được đỡ Lưu. Về sau Lưu không đi nổi, phải mang cơm tận nơi, rồi lại một lần mang cơm cho mấy bữa, cơm thiêu cũng mặc. Lưu chỉ còn 7 chiếc răng, ăn uống như vậy khiến ông thường bị tiêu chảy, lại không thể thay quần áo, trong phòng hôi thối nồng nặc. Ngày nào cũng bị đầu, quanh phòng đầy khẩu hiệu làm nhục ông, tên ông chúng viết thành Lưu Thiếu Cẩu. Ông đầy lòng căm phẫn mà không nói ra được, muốn nghỉ ngơi mà không được yên, có bệnh không được chữa chạy. dần dần tâm trí hoảng loạn, sụp đổ về tinh thần.

Khi chân lý trong tay, Mao có thể bao dung các đối thủ, đoàn hết phe phản đối. Thường khi Mao đuối lý, phát hiện mình sai rồi, thì ông ta không thể bao dung phái phản đối, mà quyết tâm đẩy họ vào chỗ chết, để trừ hậu họa. Đó là lý do vì sao Mao tàn bạo đến tận cùng đối với những người bạn cũ như Lưu Thiếu Kỳ, Bành Đức Hoài...



Chương 26

Nhân dân run rẩy trong cuộc khủng bố đỏ

Ở Trung Quốc, từ khi có trường học kiểu mới liền có phong trào học sinh. Từ thời đại Bắc Dương đến Tưởng Giới Thạch, phong trào học sinh xuất hiện trên vũ đài lịch sử với tư thế yêu nước, tiến bộ, cách mạng, trở thành lực lượng tiên phong thúc đẩy xã hội tiến bộ. Chưa một nhà thống trị nào có thể lợi dụng học sinh làm điều xấu. Chỉ có Mao Trạch Đông làm nổi việc này. Mao đã lợi dụng học sinh làm rối loạn cả xã hội, lật đổ cơ quan đảng và chính quyền các cấp, mượn bàn tay học sinh để giày vò các bạn chiến đấu hôm qua, đối thủ chính trị hôm nay.

Từ 18-8 đến 26-11-1966, Mao 8 lần tiếp tổng cộng 13 triệu Hồng vệ binh từ các nơi trong cả nước đến Bắc Kinh “xâu chuỗi”, sự cuồng nhiệt sùng bái cá nhân Mao Trạch Đông sôi lên sùng sục, Mao là “mắt bão” làm cho cơn bão đỏ tạo phản tràn khắp Trung Hoa. Hồng vệ binh được tăng bốc lên tận trời xanh, khiến họ nảy sinh ảo tưởng vô cùng tận. Vào lúc con em dân thường bắt bình vì các vị trí công tác tốt đều lọt vào tay con em cán bộ, Mao kêu gọi đánh đổ “phái cường quyền đi con đường tư bản”, tức là đánh đổ bố mẹ những học sinh được ưu đãi kia, các học sinh xuất thân dân thường liền đứng lên tạo phản. Để thoát khỏi thế bị động, học sinh con em cán bộ cũng tham gia tạo phản với tư thế còn “tả” hơn, họ không lời bố mẹ mình, mà lời cấp trên, đồng cấp hoặc cấp dưới của bố mẹ ra đầu. Bất kể là con em cán bộ hay dân thường, tất cả đều phát điên. Mao ủng hộ và ra lệnh bảo vệ những hoạt động tạo phản này. Quân đội và công an đều được lệnh cầm nỏ súng vào Hồng vệ binh, kể cả bắn dọa, bị chúng đánh cũng không được đánh trả. Hồng vệ binh kéo nhau đi lục soát, đập phá, bắt bớ phê đầu cán bộ lâu năm, các giáo sư và văn nghệ sĩ nổi tiếng. Họ không có sức

đánh trả, nên chúng chẳng gặp nguy hiểm gì, mà lại được nhiều không kể xiết. Đó là cơ sở tư tưởng sâu xa của phong trào Hồng vệ binh.

Khởi đầu bằng việc đập phá tượng Thích ca mâu ni trên Phật Hương Các ở Di Hoà Viên, Hồng vệ binh đã phá hoại 4.922 trong số 6.843 di tích cổ ở Bắc Kinh. Theo thống kê chưa đầy đủ, cả nước có 10 triệu nhà bị lục soát, trong đó Bắc Kinh 11,4 vạn, Thượng Hải 10 vạn. Nhà riêng nguyên Bộ trưởng Giao thông Chương Bá Quân bị Hồng vệ binh chiếm làm trụ sở, hàng vạn cuốn sách ông lưu trữ bị chúng đốt suốt ngày đêm để sưởi ấm. Hơn 200 sinh viên Đại học Sư phạm Bắc Kinh kéo về Sơn Đông “san bằng” mộ Khổng Tử. Lãng mộ của nhiều nhân vật lịch sử hoặc danh nhân như lăng Viêm đế, mộ Hạng Vũ, Gia Cát Lượng. Thành Cát Tư Hãn, Chu Nguyên Chương, Ngô Thừa Ân, Từ Bi Hồng... bị đập phá.

Mao còn tạo ra cuộc khủng bố đỏ, cho Hồng vệ binh nông dân thả sức giết hại “kẻ xấu” (địa chủ, phú nông, phản cách mạng, phái hữu, nhà tư bản, xã hội đen) để áp chế sự phản kháng của nhân dân. Chỉ riêng hạ tuần tháng 8-1966, nội thành Bắc Kinh đã có hàng ngàn người bị đập chết tươi.

Nhiều người khi ấy đã được chứng kiến những cuộc tắm máu, những kiểu giết người cực kỳ man rợ như thời trung cổ. Ôn lại chuyện trên, cựu Hồng vệ binh Trần Hương Dương sau này viết:

“Vì sao những đứa trẻ mười mấy tuổi đầu lại đã man giết người không chớp mắt như vậy? Vì từ nhỏ đã được giáo dục hận thù. Thù địa chủ, thù nhà tư bản, thù Quốc Dân Đảng: Trả thù bằng thủ đoạn tàn nhẫn là thiên kinh địa nghĩa, vấn đề duy nhất là không biết chĩa vào đâu. Kề thù bên cạnh đã bị các bậc tiền bối quét sạch rồi, còn lại Tưởng Giới Thạch và đế quốc lại ở quá xa, không với tới được. Đại cách mạng văn hoá vừa nổ ra, mới đột nhiên biết quanh mình còn ẩn náu nhiều kẻ thù, chúng tôi vui mừng đến phát cuồng, bao nhiêu sức lực dồn nén đều bùng ra. Sự cuồng loạn ấy chẳng những hiện nay không mấy ai tin, mà ngay bản thân chúng tôi nhớ lại cũng không dám tin nữa. Những việc làm xấu xa của Hồng vệ binh thật đáng nguyên rủa, nhưng chúng tôi cũng có đủ tư cách lớn tiếng hỏi lại: ai đã giáo dục chúng tôi thành những thằng điên?

Bắc Kinh “nêu gương”, những vụ tàn sát lan ra cả nước. Huyện Đạo ở Hồ Nam là một trong những điển hình. Khắp nơi là những bố cáo giết người của “toà án tối cao bản nông và trung nông lớp dưới”, những khẩu hiệu kêu gọi giết sạch 4 loại người, (địa chủ, phú nông, phản cách mạng, phái hữu).

Trong hai tháng 7 và 8 năm 1967, Quan Hữu Chí, Trưởng ban vũ trang khu Thanh Đường đã chỉ uy dân quân dùng cuộc xềng, súng bắn chim, gây gộc giết hại 207 người, kể cả trẻ em. Do công lao trên, y được bầu là “phần tử tích cực học tập và vận dụng tư tưởng Mao” cấp tỉnh năm 1967. Viên Phủ Lễ, Khu trưởng Lâm Phô tổ chức 120 dân quân nông cốt trong ba ngày giết 569 người.

Trần Đăng Nghĩa, Chủ tịch Hội Bần nông Đại đội sản xuất Hạ Tường là thủ phạm chính trong một vụ giết người, cưỡng dâm tập thể. Thấy vợ mới cưới của con em địa chủ Trần Cao Tiêu xinh đẹp, y sinh lòng ghen ghét và sớm có ý đồ bắt lương, thì nay thời cơ đến. Tối 26-8-1967. Nghĩa cho gọi Tiêu đến trụ sở đại đội và trói nghiêng lại. Y cầm giáo đâm một nhát vào đùi anh Tiêu, rồi khoát tay ra hiệu. 7,8 dân quân xông vào dùng gậy đập anh Tiêu chết tươi. Để chứng tỏ mình “kiên quyết cách mạng”, y dùng mã tấu cắt đầu anh Tiêu, cùng hai con em địa chủ, phú nông khác cũng vừa bị

đánh chết. Chị Tiêu (xuất thân bản nông) sợ quá trốn về nhà mẹ đẻ ở làng khác, Nghĩa cho dân quân bắt chị trở lại, y tuyên bố các nơi khác vợ địa chủ đều phải “phục vụ tập thể bản nông”.

Sau khi cơm no, rượu say, Chủ tịch Hội Bản nông và dân quân, tất cả 12 tên, luân phiên cưỡng hiếp chị Tiêu khi ấy đang mang thai 3 tháng. Xong xuôi. Nghĩa không quên thực hiện “chính sách của ĐCSTQ”: cho dân quân khiêng nạn nhân đã ngất xỉu đến nhà bản nông Trần Nguyệt Cao, buộc chị làm vợ người nông dân già độc thân này.

Cô giáo Chu Quân ở Đại đội sản xuất Hoành Lĩnh xuất thân bản nông, kết hôn với Tưởng Hán Chính xuất thân địa chủ, họ đã có với nhau ba mặt con. Tưởng Hán Chính bị bắt ngay hôm đầu. Đêm 26-8-1967, Bí thư chi bộ Đường Hưng Hạo cùng Tiểu đoàn trưởng dân quân Tưởng Văn Minh xông vào nhà bắt chị Chu đưa ra sân kho. Tại đây chị thấy dân quân mang súng, mã tấu đang quây tròn quanh 14 người đều là con cháu địa chủ, phú nông, họ đều bị trói giật cánh khuỷu bằng dây thép. Đường hạ lệnh dẫn họ lên núi Mộc Phong, nơi có nhiều hang sâu hàng chục mét. Dọc đường, có người nhắc Bí thư chi bộ vợ chồng Tưởng Hán Chính-Chu Quân còn ba trẻ nhỏ, y cho người quay lại bắt cả ba đứa mang theo. Tới nơi, y bắt mọi người đứng im không được nhúc nhích, rồi tuyên bố: “Chúng tao là Toà án tối cao của bản nông, hôm nay tuyên án xử tử hình tụi bay!” Bí thư chi bộ bắt đầu đọc tên, lần lượt giết từng người một.

Lối hành hình của chúng mang “đặc sắc bản địa”: bắt nạn nhân quỳ bên miệng hang, dùng xà beng quật vào sau não cho gục xuống, rồi đập xuống hang... Người thứ 3 là Tưởng Hán Chính, anh sợ hãi không lê nổi đôi chân, bị dân quân lôi đến cửa hang. Mấy đứa trẻ sợ quá, vừa khóc, vừa la hét. Người thứ 4 là thầy thuốc Đông y Tưởng Văn Phạm, ông ung dung xin ngậm nước để đi vào cõi chết. Dân quân quát: “Làm gì có nước cho mày uống?”. Ông nói: “Trước khi chết tôi xin ngậm nước có gì quá đáng đâu, ngày xưa khi chặt đầu còn cho 3 chiếc bánh bao nóng!” Vừa nói xong đã bị đập xuống hang sâu.

Người thứ 8 là Chu Quân. Ba đứa trẻ nhìn mẹ bị hại, khóc lóc thảm thiết. Không biết ngất đi trong bao lâu, Chu Quân bỗng thấy tiếng gọi mẹ văng vẳng bên tai. Tỉnh lại, chị thấy đứa con gái 8 tuổi nằm bên, thì ra mấy cháu cũng bị ném xuống hang theo mẹ. Nhờ đồng xác người bị giết trước, hai mẹ con chị sống sót. Chị bảo con cời trói cho mình. Hôm sau, những kẻ giết người phát hiện dưới hang còn người sống sót, liền ném đá xuống. Hai mẹ con từ tầng trên rơi xuống tầng dưới nơi có những góc chết. Chị phát hiện chồng và hai đứa con trai nằm ở đó. Cả nhà may mắn thoát chết, một cuộc đoàn tụ hiếm hoi và thảm thương trên đồng xác người dưới hang sâu tối tăm, lạnh lẽo. Anh Tưởng đã hoảng loạn, sợi dây thép trói chặt quá không làm sao cời ra nổi, anh đi đi lại lại trên đồng xác người, miệng lầm nhảm như mê sảng. Chẳng biết mấy ngày đêm qua đi, cả ba đứa trẻ lịm dần tắt thở. Anh Tưởng khát, chị Chu lấy áo thấm vào vũng nước trộn máu, vắt ra cho chồng uống. Song anh không nuốt nổi, gục đầu xuống lìa đời. Sau nhờ hai học sinh đến cứu, chị thoát chết, và vụ giết người rừng rợn này mới có ngày được phơi trần.

Theo tư liệu điều tra của tỉnh Hồ Nam, trong 66 ngày từ 13-8 đến 17-10-1967, huyện Đạo có 4.519 người thiệt mạng, gồm 4.193 người bị giết, 326 người bị buộc phải tự sát.

Trong cơ cấu chính trị đương thời, số “tiện dân” nghe nói chiếm 5% này hoàn toàn không phải có thể có hoặc không, mà nhất thiết phải có. Đó là chiến lược quan trọng để ổn định 95% kia. Ý nghĩa của hòn đá đệm chân này là: có thể làm cho càng nhiều người về tinh thần say sưa với vị trí “người

thống trị” mà quên mất cảm giác bị trị, cảm thấy mình may mắn thuộc 95% và lo sợ bị rơi vào 5% kia, từ đó được cân bằng tâm lý trong sợ hãi. Nó khiến đông đảo công chúng dụi đi nỗi đau thiếu thốn vật chất và sự ngột thở về tinh thần. Đó là lý do vì sao sau cải cách ruộng đất, Mao Trạch Đông vẫn nhấn mạnh “lấy đấu tranh giai cấp làm then chốt”, kích động sự đối lập giai cấp ở nông thôn.



Chương 27

Mao Trạch Đông chơi trò chính trị lưu manh

Chương này kể lại việc Mao Trạch Đông bức hại Bành Đức Hoài và Hạ Long, hai vị nguyên soái từng lập công rất lớn trong chiến tranh giải phóng, là bạn chiến đấu trung thành của Mao. Khi đã quyết tâm mượn tay Hồng vệ binh đẩy hai người vào chỗ chết thảm khốc, Mao vẫn giả dối tỏ ra quan tâm và tin cậy họ.



Chương 28

Nhân vật số 4 đại bại dưới chân Giang Thanh

Đào Chú sinh năm 1908 được coi là bậc cách mạng lão thành ở Trung Quốc. Mao Trạch Đông từng nói Đào như con trâu có cặp sừng mạnh, dám chọi lại bất cứ ai. Năm 1953, Đào từng phê bình Lưu Thiếu Kỳ mắc sai lầm “tả” khuynh trong Cải cách ruộng đất. Đại cách mạng văn hoá bùng nổ, đang là Bí thư thứ nhất Cục Trung Nam kiêm Chính uỷ thứ nhất Đại quân khu Quảng Châu, Đào được Mao điều lên Trung ương, đề bạt vượt cấp vào vị trí thứ 4 trong Đảng, giữ chức Thường trực Ban Bí thư, Phó thủ tướng, Trưởng ban Tuyên truyền, Cố vấn Tổ Cách mạng văn hoá. Rõ ràng Mao muốn ông ta xông pha trận mạc, đóng vai trò lớn trong cuộc đấu tranh lật đổ Bộ tư lệnh của Lưu Thiếu Kỳ.

Nhưng Đào Chú quả thật lạc hậu với tình hình chính trị trong nước. Ông chỉ coi Tổ Cách mạng văn hoá là một tổ chức lâm thời lệ thuộc Bộ Chính trị. Ông rất phản cảm với Giang Thanh, coi chức Tổ phó của mù thấp hơn một Thứ trưởng, nên đã đề nghị Chu Ân Lai bổ nhiệm Giang làm Thứ trưởng Bộ Văn hoá “để có danh nghĩa liên hệ công tác”. Ông say sưa với việc khôi phục hoạt động của Ban Bí thư, mà không biết rằng Mao đã tính chuyện để Tổ cách mạng văn hoá thay thế chức năng Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

Một lần Giang Thanh ép Đào Chú đến Viện Khoa học xã hội tuyên bố Chủ biên tạp chí “Nghiên cứu triết học” Ngô Truyền Khởi là phái “tả”. Đào Chú không đi, Giang đập tay vào thành ghế xalông, trợn mắt lớn tiếng: “Ông phải đến đó ủng hộ Ngô Truyền Khởi, không đi không được!” Một tiếng “chát” dữ dội, Đào Chú đập tay xuống mặt bàn, mấy cốc trà nảy cả lên: “Tôi không đi! Đây là tổ chức của Đảng cộng sản. Bà can thiệp quá nhiều rồi!” Đào Chú muốn nói Đảng có hệ thống tổ chức, bà không phải uỷ viên Trung ương, có tư cách gì chỉ huy uỷ viên Thường vụ Bộ Chính trị?

Câu nói trên không sai, lý ra là như thế. Nhưng trong Đại cách mạng văn hoá, Đảng cộng sản Trung Quốc trên thực tế đã trở thành giang sơn riêng của vợ chồng Mao-Giang rồi, Giang ra lệnh với thân phận Hoàng hậu, đại bất kính với Hoàng hậu là đại bất kính với Hoàng đế, làm sao Mao Trạch Đông có thể bỏ qua?

Giang Thanh sống người không nói nên lời. Từ khi nhậm chức Tổ phó Tổ Cách mạng văn hoá đến nay chưa ai dám đương đầu với bà ta như vậy. Được Mao ngầm cho phép, Giang quyết tâm lật Đào. Ngày 28-11-1966, tại lễ duyệt đại quân văn nghệ, Giang Thanh nói: “Mao Chủ tịch và các chiến hữu của người Lâm Bưu, Chu Ân Lai, Trần Bá Đạt, Khang Sinh... đều khẳng định thành tích của chúng ta”. Trong câu trên, Đào Chú ở vị trí thứ 4 (sau Chu Ân Lai) không được nhắc đến, có nghĩa là Đào không còn là “bạn chiến đấu thân thiết” của Mao, có thể “nã pháo” vào ông ta được rồi.

Đúng vào lúc đó, Đào Chú gửi báo cáo lên Mao Trạch Đông, kiến nghị cho Vương Nhiệm Trọng thôi chức Tổ phó Tổ cách mạng văn hoá, trở lại Cục Trung Nam, trước mắt chủ yếu là chữa bệnh. Bất ngờ, Mao yêu cầu họp liên tịch giữa Bộ Chính trị và Tổ Cách mạng văn hoá đề gộp ý kiến với Vương.

Cuộc họp diễn ra vào 28-12 dưới sự điều khiển của Chu Ân Lai, ngoài các uỷ viên Bộ Chính trị, toàn thể thành viên Tổ Cách mạng văn hoá có mặt, nghĩa là thân phận của họ ngang với các uỷ viên Bộ Chính trị. Họ hăng hái phát biểu, Vương Lực, Quan Phong, Thích Bản Vũ ra đòn trước, Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên đóng vai trung phong. Giang Thanh, Trần Bá Đạt, Khang Sinh phát biểu tổng kết. Trước tiên họ phê phán Vương Nhiệm Trọng, rồi gió đổi chiều chĩa sang Đào Chú, phê phán ông đàn áp quần chúng, bảo vệ phái đi con đường tư bản, là phái bảo hoàng lớn nhất ở Trung Quốc, đại diện cho đường lối phản cách mạng Lưu-Đặng. Chỉ có 2 uỷ viên Bộ Chính trị phát biểu: Lý Tiên Niệm nói phương thức và phương pháp công tác của Đào Chú “không theo kịp tình hình”; Lý Phú Xuân nói “Tôi thấy đề lão Đào cũng về Trung Nam cho yên chuyện”.

Hôm sau, Mao triệu tập Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng, khen Đào Chú “làm việc tích cực, có trách nhiệm”, rồi chuyển sang phê bình Giang Thanh quá phóng túng, chưa qua Trung ương chính thức thảo luận mà nói một uỷ viên Thường vụ Bộ Chính trị mắc sai lầm về phương hướng, đường lối, rồi tùy tiện phê phán trong cuộc họp là vi phạm nguyên tắc tổ chức của Đảng”. Ngay sau đó, Mao gặp riêng Đào Chú, bảo Đào đi xem xét tình hình các tỉnh với tư cách uỷ viên Thường vụ Bộ Chính trị. Mao còn trao một danh sách 20 Bí thư thứ nhất Tỉnh uỷ, yêu cầu Đào bảo vệ khiến ông rất xúc động. Ông mang danh sách trên gặp Chu. Sau khi trực tiếp thỉnh thị Mao, trong cuộc họp buổi chiều hôm đó, Chu chính thức truyền đạt chỉ thị của Mao, và tuyên bố Đào Chú sẽ lên đường sau tết dương lịch. Nhưng ông không đi nổi nữa.

Ngày 30-12, “Đoàn tạo phản” Hồ Bắc lên Bắc Kinh, ra thông lệnh đòi Đào Chú nộp Vương Nhiệm Trọng. Vừa nhận chỉ thị của Mao bảo vệ một số cán bộ trong đó có Vương, Đào Chú như đã nắm được thượng phong bảo kiếm trong tay, bình tâm tiếp đoàn tạo phản trên tại Nhà Quốc hội. Vừa gặp, đám tạo phản đã như ong vỡ tổ. Chúng đến đây theo mật chỉ của Giang Thanh, cố ý gây chuyện nhằm lật đổ Đào Chú. Chúng hô khẩu hiệu, kết tội, chất vấn, nhục mạ Đào Chú 6 giờ liền.

Chiều 4-1-1967 khi tiếp “Đoàn tạo phản” Hồ Bắc, Trần Bá Đạt phê phán Đào Chú từ khi lên Trung ương không chấp hành đường lối của Mao, mà thực hiện đường lối Lưu-Đặng.

Giang Thanh nói Đào là đại diện mới của Lưu-Đặng. Ngay tối hôm đó, cửa tây Trung Nam Hải vang lên khẩu hiệu “Đánh đổ Đào Chú!” Loa phóng thanh trên ô tô liên tục phát lại phát biểu của Trần Bá Đạt lúc chiều. Ngày 8-1, Mao chỉ định Vương Lực làm Tổ trưởng Tuyên truyền Trung ương (tương đương Trưởng ban Tuyên truyền). Mao thừa nhận Đào Chú đã bị đánh đổ. Thật ra trong cuộc họp Thường vụ Bộ Chính trị mở rộng 10 ngày trước đó, Mao đã muốn phế truất Đào, nhưng thấy tình hình chưa thuận, liền quay sang diễn màn kịch bảo vệ ông, phê phán Giang Thanh, rồi nhắm trúng nhược điểm của Đào, khuyến khích Đào mạnh dạn đứng ra bảo vệ cán bộ cũ. Quả nhiên Đào Chú mắc mưu, đối chọi với Hồng vệ binh.

Từ 8-1, cơ quan hữu quan không gửi tài liệu cho Đào nữa, một tháng sau, điện thoại đỏ (dành cho lãnh đạo cấp cao) bị dỡ đi. Nơi ở của ông tăng thêm 4 lính gác. Đắc tội Giang Thanh, nhân vật số 4 trong Đảng bỗng chốc thành người tù. Tháng 3-1968, theo lệnh Giang Thanh, lực lượng canh gác Đào tăng lên 2 tiểu đội, trong nhà có 3 vọng gác, một cửa trước, một cửa sau, một người luôn theo sát bên cạnh 24/24 giờ, lúc ngủ cũng có lính gác đứng cạnh giường. Tháng 8-1968, Đại hội phê phán Lưu-Đặng-Đào quy mô một triệu người được tổ chức trên quảng trường Thiên An Môn, chia làm ba khu vực, phê phán ba cặp vợ chồng Lưu, Đặng, Đào. Do phản kháng dữ dội, Đào Chú bị đánh thương tích đầy người. Tháng 8-1968 phát hiện Đào bị ung thư tuyến tụy, nhờ Chu Ân Lai can thiệp được phẫu thuật cắt tá tràng, 18-10-1969, Đào Chú bị đưa đi lưu đày ở An Huy, 43 ngày sau ông qua đời.

Việc Đào Chú bị đánh đổ với tội danh “phái bảo hoàng lớn nhất” đã chỉ ra phương hướng hành động cho các tổ chức tạo phản, không ai dám đứng ra bảo vệ các đảng uỷ nữa. Các bí thư tỉnh uỷ, tỉnh trưởng bị cô lập hoàn toàn. Bộ máy đảng và chính quyền các cấp bị Hồng vệ binh đánh cho tơi tả. Đầu tháng 1-1967, các phái tạo phản liên minh cướp quyền ở Thượng Hải. Ngày 14-1 cướp quyền ở Sơn Tây, rồi Quý Châu 25-1, Sơn Đông 27-1, Bắc Kinh 28-1, Hắc Long Giang 31-1... Tham gia ban lãnh đạo là có xe riêng, thư ký riêng, thật hấp dẫn, nên nhiều kẻ có dã tâm điên cuồng lao vào các cuộc đấu tranh đoạt quyền, thế là diễn ra nội chiến toàn diện; bắt đầu là gây gộc cuộc xéng, rồi phái tạo phản cướp vũ khí của quân đội hoặc quân đội cung cấp vũ khí cho phái tạo phản mà mình ủng hộ, từ súng trường tự động đến súng máy, lựu đạn, thậm chí pháo lớn, ở Thành Đô sử dụng cả xe tăng. Qua 20 tháng xã hội đại loạn, đấu tranh cướp quyền và chống cướp quyền, 29 tỉnh và thành phố trực thuộc trong cả nước đã thành lập chính quyền mới mang tên Uỷ ban cách mạng. Các bí thư đánh uỷ và tỉnh trưởng hầu hết bị đánh đổ, đứng đầu chính quyền mà phần lớn là chỉ huy quân đội đóng tại địa phương, một số người cầm đầu các phái tạo phản tham gia chính quyền các cấp.

Vì sao tự huỷ hoại giang sơn như vậy? Phải chăng Mao Trạch Đông phát điên rồi? Không, Mao không điên, mục tiêu của ông ta là trị những người tham gia Đại hội 7.000 người và đồng liêu các cấp của họ, ghép cho họ tội danh “đi con đường tư bản chủ nghĩa”, đánh đổ hàng loạt. Mao cần trút lên đầu họ món nợ lịch sử làm chết đói 37,55 triệu người và gây thiệt hại 120 tỉ NDT, vì họ “xuyên tạc ba ngọn cờ hồng, làm hỏng mọi việc” Rồi Mao trực tiếp lãnh đạo phái tạo phản đánh đổ “phái đi con đường tư bản” các cấp, cứu nhân dân khỏi bể khổ “phục hồi chủ nghĩa tư bản”, thế là Mao trở nên sáng suốt hơn, vĩ đại hơn, một lần nữa làm “đại cứu tinh” của nhân dân. Đó là bối cảnh chính trị Mao phát động cướp quyền từ trên xuống dưới.

Trong nhật ký ngày 9-1-1967, Lâm Bưu viết:

“Cuộc đấu tranh đoạt quyền ở Thượng Hải do B-52 (Mao Trạch Đông) uỷ quyền Rắn mắt kính (Trương Xuân Kiêu) và Bà Nàng (Giang Thanh) thực hiện... Cướp quyền của ai? Bà Nàng thay B-52 nã pháo, đánh đập, cướp bóc, bắt người, đấu đá, gieo hận thù khắp nơi”.



Chương 29

Tổ cách mạng văn hoá thay thế Bộ chính trị, tổ làm việc Quân uỷ thay thế Quân uỷ trung ương

Tổ Cách mạng văn hoá trung ương ủng hộ phái tạo phản các nơi chống quân đội, làm loạn quân đội. Phó tư lệnh Đại quân khu Nam Kinh Nhiếp Phụng Trĩ bị phái tạo phản bắt cho vào bao tải, đánh gãy 8 chiếc răng. Phó Tư lệnh Đại quân khu Nam Kinh kiêm Tư lệnh Hạm đội Đông Hải Đào cũng bị chìm trong giếng nước tại nhà khách của Hạm đội, đầu chúc xuống, chết sặc. Nhiều tướng lĩnh cấp cao bị tước tước bắt giam, khám nhà, hành hạ, có người tự sát, lãnh đạo Quân uỷ Trung ương lòng như lửa đốt.

Trong cuộc hội ý Thường vụ Quân uỷ mở rộng 19-1-1967, Trần Bá Đạt, Giang Thanh phê phán quân đội “đã ở bên bờ chủ nghĩa xét lại”, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Tiêu Hoa là “chính khách tư sản”. Diệp Kiêm Anh chủ trì công việc hàng ngày của Quân uỷ kiện lên Lâm Bưu. Lâm gọi ngay Giang Thanh đến, giận dữ phê phán Giang trực tiếp thọc tay vào quân đội, dọa gặp Mao xin từ chức. Giang tưng thề, đổ lỗi cho Trần Bá Đạt, và xin lỗi Lâm. Trong nhật ký ngày 23, Lâm Bưu viết: “Lâm này quyết không để Bà Nàng thọc tay vào quân đội. Đưa quân đội vào trường học là chủ ý của B-52. Cổ động phe tạo phản đánh đổ phái đương quyền đi con đường tư bản trong quân đội cũng do B-52 chỉ huy, Bà Nàng châm ngòi, tấn công quân đội là nhằm vào ai đây?”

Trong các cuộc hội ý Bộ Chính trị ngày 11 và 16-2, có các thành viên Tổ Cách mạng văn hoá tham gia, nhiều uỷ viên Bộ Chính trị, nhất là Đàm Chấn Lâm và Trần Nghị, phản ứng gay gắt trước tình trạng nhiều cán bộ lão thành ở trung ương và địa phương bị đánh đổ. Các nguyên soái đoàn kết quanh Lâm Bưu phản đối Giang Thanh và Tổ cách mạng văn hoá can thiệp vào công việc của quân đội. Mao Trạch Đông thấy nếu không đứng ra chống đỡ, Tổ Cách mạng văn hoá có thể sụp đổ. Đại cách mạng văn hoá sẽ chết non, thế là ngày 15-2, Mao lệnh cho Quân đoàn 38 từ Cát Lâm về Bảo Định, thay thế Quân đoàn 69 (bị điều đi Sơn Tây), đưa vào biên chế của Đại quân khu Bắc Kinh. Sau ba ngày, toàn bộ Quân đoàn 38 đã có mặt, Mao vững tâm chơi bài ngựa với các nguyên soái đại thần. Sớm 19-2. Mao triệu tập cuộc họp Bộ Chính trị, danh sách tham gia do Mao chọn, gồm: Chu Ân Lai, Diệp Quần (thay mặt Lâm Bưu), Khang Sinh, Lý Phú Xuân, Diệp Kiêm Anh. Lý Tiên Niệm, Tạ Phú Trị.

Mao nổi giận lôi đình, lớn tiếng:

- Tôi kiên quyết phản đối bất cứ ai chống lại Tổ Cách mạng văn hoá. Các người muốn phủ định Đại cách mạng văn hoá, để Lưu Thiệu Kỳ, Đặng Tiểu Bình trở lại cầm quyền, không làm nổi đâu. Diệp Quần về nói với Lâm Bưu vị trí của đồng chí ấy cũng không vững, có người muốn cướp quyền, để đồng chí ấy chuẩn bị. Nếu Đại cách mạng văn hoá thất bại, tôi lại cùng Lâm Bưu lên núi đánh du kích. Các người bảo Trần Bá Đạt, Giang Thanh không được, vậy hãy để Trần Nghị làm Tổ trưởng,

Mao Trạch Đông – Ngàn năm công tội

Đàm Chấn Lâm làm Tổ phó Tổ Cách mạng văn hoá, chưa đủ thì mời thêm Vương Minh, Trương Quốc Đào trở lại, vẫn chưa đủ thì mời cả Mỹ và Liên Xô nữa, bắt Trần Bá Đạt. Giang Thanh mang ra xử bắn! Cho Khang Sinh xung quân! Tôi cũng thôi việc... Trần Nghị muốn lật lại vụ án chính phong ở Diên An, toàn đảng không cho phép. Đàm Chấn Lâm là đảng viên lâu năm, sao lại đứng trên đường lối tư sản? Tôi đề nghị Bộ Chính trị thảo luận việc này, một lần không được thì hai lần, một tháng không xong thì hai tháng, Bộ Chính trị không giải quyết nổi thì phát động toàn đảng giải quyết.

Từ 25-2 đến 18-3, Bộ Chính trị mở rộng họp 7 lần, phê phán Trần Nghị, Đàm Chấn Lâm, Từ Hướng Tiền, Lý Phú Xuân, Lý Tiên Niệm, Diệp Kiềm Anh, Nhiếp Vinh Trăn.

Giang Thanh chỉ huy phê đấu 7 người, đồng thời tổ chức các cuộc biểu tình thị uy trên đường phố Bắc Kinh chống “Dòng nước ngược tháng 2”, với khẩu hiệu dùng máu tươi bảo vệ “Tổ Cách mạng văn hoá”. Sự kiện trên khiến 4 vị nguyên soái và 3 Phó thủ tướng trong tình trạng “nửa bị đánh đổ”.

Như vậy Bộ Chính trị tổng cộng có 4 người bị đánh đổ (Lưu, Đặng, Đào, Hạ), 9 người “nửa bị đánh đổ” (thêm Chu Đức, Trần Vân), rơi vào tình trạng tê liệt. Tổ Cách mạng văn hoá trung ương do Giang Thanh làm hạt nhân không những thay thế Ban Bí thư, mà còn thay thế cả Bộ Chính trị, trở thành cơ quan quyền lực cao nhất trong Đảng. Về danh nghĩa, có vẻ như Chu Ân Lai thay mặt Mao Trạch Đông lãnh đạo Tổ Cách mạng văn hoá, trên thực tế là Giang thay mặt Mao lãnh đạo và giám sát Chu. Quyền quyết sách tối cao nằm trong tay Mao, quyền chấp hành tối cao nằm trong tay Chu dưới sự giám sát của Giang Thanh. Lâm Bưu là công cụ răn đe tập đoàn Lưu-Đặng và cán bộ cũ, chẳng năm được quyền hành gì. Quyền lực tối cao của Đảng và Nhà nước lặng lẽ chuyển sang tay Giang Thanh.

Câu nói của Mao “vị trí của Lâm Bưu cũng không vững” đã ly gián quan hệ giữa Lâm Bưu và các nguyên soái khác, từ đó, không còn tồn tại cục diện Lâm Bưu liên minh với Diệp Kiềm Anh, Từ Hướng Tiền, Nhiếp Vinh Trăn để đối kháng Tổ Cách mạng văn hoá. Đến khi Lâm Bưu chĩa mũi nhọn vào Từ Hướng Tiền và Phương diện quân thứ 4, Mao lại đứng ra bảo vệ Từ Hướng Tiền và các tướng lĩnh thuộc Phương diện quân trên. Lâm Bưu bị cô lập trong quân đội.

Ngày 20-7-1967, trong lúc Mao đang nghỉ ngơi ở Vũ Hán, Vương Lực và Tạ Phú Trị xuống đây, thay mặt Tổ Cách mạng văn hoá trung ương công khai ủng hộ phái tạo phản “Tổng bộ công nhân”, khiến phái “Bách vạn hùng sư” (được Đại quân khu Vũ Hán ủng hộ) nổi giận, Hai phái tổ chức đánh nhau dữ dội trên toàn thành phố, Vương Lực bị bắt giữ, Chu Ân Lai phải xuống tận nơi giải quyết, và bí mật chuyển Mao xuống Thượng Hải. Phái cách mạng văn hoá đổ lỗi cho Tư lệnh Đại quân khu Vũ Hán Trần Tái Đạo (người của Từ Hướng Tiền) đứng sau sự kiện này, nhưng Mao lại nói với Dương Thành Vũ:

- Nếu Trần Tái Đạo chống lại tôi, chúng ta không thể đi khỏi Vũ Hán.

Chiều 25-7, Giang Thanh cho tổ chức cuộc mít tinh một triệu người trên quảng trường Thiên An Môn hoan nghênh Vương Lực, Tạ Phú Trị từ Vũ Hán trở về như những người anh hùng. Lâm Bưu cùng những người thân tín đến dự đầy uy phong.

Lâm Bưu nói sự kiện Vũ Hán mang tính toàn quốc, cần nắm lấy cơ hội này để hành động, và dự báo “một tháng tới sẽ là thời kỳ mâu thuẫn gay gắt nhất trong cả nước”. Ngày 27-7, Lâm Bưu chủ trì một cuộc họp, quyết định cách chức Tư lệnh Đại quân khu Vũ Hán Trần Tái Đạo và Chính uỷ Chung Hán Hoa, bổ nhiệm Lưu Phong làm Chính uỷ thứ nhất, Tăng Tư Ngọc làm Tư lệnh Đại quân khu. Cùng lúc ấy, Mao chỉ thị Chu Ân Lai đón Trần Tái Đạo, Chung Hán Hoa, và cả Sư trưởng cùng Chính uỷ Sư đoàn độc lập về Bắc Kinh bảo vệ.

Ngày 1-8-1967 kỷ niệm 40 năm ngày thành lập quân đội Trung Quốc, Lâm Bưu là Phó Chủ tịch Quân uỷ Trung ương kiêm Bộ trưởng Quốc phòng, nhưng Mao lại giao cho Quyền Tổng tham mưu trưởng Dương Thành Vũ đọc diễn văn tại tiệc chiêu đãi, mọi việc đề Dương báo cáo Chu Ân Lai chứ không báo cáo Lâm Bưu, lại chỉ thị rõ để các vị nguyên soái xuất hiện công khai trong dịp kỷ niệm này. Việc làm trên đã xoá sạch uy phong của Lâm Bưu trên thành lầu Thiên An Môn chiều 5-7. Chưa hết, xã luận tạp chí Hồng Kỳ ngày 1-8 năm đó viết Quân đội Trung Quốc do Mao Trạch Đông “đích thân sáng lập”, Lâm Bưu “trực tiếp chỉ huy”. Đọc mấy dòng trên, Mao sầm mặt, lẩm bầm thốt lên: “Thì ra người sáng lập không thể chỉ huy quân đội!” Mao phê ngay vào đầu bài xã luận mấy chữ “ngọn cỏ độc lớn”. Xem tiếp, lại có câu “lôi ra một nhúm trong quân đội là phương hướng lớn của cuộc đấu tranh hiện nay” Mao nói làm như vậy ở thời điểm này là huỷ hoại quân đội và Mao viết thêm “trả lại ta trường thành” (quân đội).

Ngày 12-8, Chu Ân Lai truyền đạt cho Tổ Cách mạng văn hoá lời phê trên của Mao. Họ kinh hoàng, biết Mao đã thay đổi phương châm cách mạng văn hoá trong quân đội và sẽ có người phải hy sinh vì sự thay đổi này.

Được Mao cử làm Tổ trưởng Tổ Tuyên truyền trung ương, Vương Lực trong trạng thái mê mẩn, không còn biết trời cao, đất dày là gì nữa. Ngày 7-8, Vương đến Học viện ngoại ngữ cổ động cướp quyền ở Bộ Ngoại giao. Hôm sau, Hồng vệ binh áp giải hai Thứ trưởng Ngoại giao Cơ Bằng Phi và Kiều Quán Hoa ra Vương Phủ Tỉnh bán “Chiến báo phê Trần Nghị”, tin ảnh truyền sang Washington, London, Moskva... Ngày 22-8, lực lượng tạo phản đốt cơ quan đại diện Anh tại Bắc Kinh. Chu Ân Lai cử Dương Thành Vũ mang theo tư liệu liên quan về sự kiện trên xuống Thượng Hải báo cáo Mao. Sau hai ngày suy nghĩ, Mao bảo Dương Thành Vũ: “Vương Lực, Quan Phong, Thích Bản Vũ phá hoại Đại cách mạng văn hoá, không phải người tốt. Anh về báo cáo riêng với Chu Ân Lai, cho bắt 3 tên đó, yêu cầu Thủ tướng phụ trách xử lý”.

Ngày 23-9-1967, Mao về Bắc Kinh; cử Dương Thành Vũ làm Tổ trưởng Tổ làm việc Quân uỷ Trung ương, các thành viên khác là Ngô Pháp Hiến, Diệp Quân, Lý Tác Bằng, Khuru Hội Tác. Dương Thành Vũ mấy lần theo Mao đi các tỉnh, thực hiện các chỉ thị của Mao, mỗi lần về Bắc Kinh chỉ báo cáo Chu Ân Lai, không báo cáo Lâm Bưu, đó là điều Lâm không thể chấp nhận. Năm sau, tức tháng 3-1968, Lâm cùng Giang Thanh dựng lên “vụ Dương-Dur-Phó”, ép Mao Trạch Đông tán thành, đánh đổ Quyền Tổng tham mưu trưởng Dương Thành Vũ, Chính uỷ không quân Dur Lập Kim, Phó Tư lệnh Khu cảnh vệ Bắc Kinh Phó Sùng Bích.

Lâm Bưu cử Hoàng Vĩnh Thắng (Tư lệnh Đại quân khu Quảng Châu) làm Tổng tham mưu trưởng kiêm Tổ trưởng Tổ làm việc Quân uỷ. Mao đồng ý, vì Hoàng từng tham gia cuộc khởi nghĩa Vũ thu do Mao lãnh đạo.



Chương 30

Kết cục bi thảm của Lưu Thiếu Kỳ

Khang Sinh, Gia Thanh tổ chức lực lượng lục lợi hàng triệu hồ sơ trong mấy thập kỷ trước để tìm kiếm chứng cứ kết tội Lưu Thiếu Kỳ nhưng không kết quả gì, liền cho bắt một số người từng làm việc trong các cơ quan tư pháp, cảnh sát, đặc vụ của Nhật Bản và Tưởng Giới Thạch doạ dẫm, ép cung, buộc họ “khai ra” những điều phù hợp ý muốn của ban chuyên án, làm “chứng cứ” kết tội Lưu Thiếu Kỳ “phản bội, nội gian, công đoàn vàng”, “tay sai của đế quốc xét lại, Quốc Dân Đảng”.

Từ 13 đến 31-10-1968, Hội nghị Trung ương 12 khoá 8 họp tại Bắc Kinh. Trong 97 uỷ viên Trung ương khoá 8 có 10 người chết, 47 người bị đánh đổ, chỉ còn 40 người đến họp. Mao đã cho bổ sung thêm 10 uỷ viên dự khuyết lên chính thức, cho đủ quá bán hợp lệ (50/97). Mao Trạch Đông chủ trì hội nghị, thông qua báo cáo thẩm tra về “tội ác” của Lưu Thiếu Kỳ do Giang Thanh đệ trình. Dưới sức ép của Mao-Lâm, bằng cách giơ tay biểu quyết, Hội nghị “nhất trí thông qua nghị quyết vĩnh viễn khai trừ Lưu Thiếu Kỳ ra khỏi Đảng”, chỉ có một phụ nữ không giơ tay: Bà Trần Thiếu Mẫn, uỷ viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Tổng Công hội Trung Quốc.

Nghị quyết công bố ngày 31-10, nhưng chờ đến 24-11, đúng ngày sinh thứ 70 của Lưu Thiếu Kỳ, Giang Thanh mới cho Lưu nghe băng ghi âm nghị quyết trên. Nghe xong, Lưu Thiếu Kỳ run bắn toàn thân, mồ hôi ra đầm đìa, thở dốc, huyết áp đột ngột lên 260/130, thân nhiệt lên tới 40 độ C.

Tối 17-10-1969, Lưu Thiếu Kỳ hơi thở thoi thóp, mũi cắm ống xông, họng gằn ống hút đờm, phủ một tấm chăn, được cáng lên máy bay quân sự, bí mật đưa đến Khai Phong. Nơi cuối cùng giam giữ Lưu Thiếu Kỳ này nguyên là kho bạc của một ngân hàng từ trước năm 1949, các cánh cửa là những tấm thép dày, chân song cửa sổ to đùng. Hai trung đội được cử canh giữ ngày đêm, với 4 khẩu súng máy đặt trên các nóc nhà xung quanh để phòng bắt trộm.

6 giờ 40 phút sáng 12-11-1969, ngày thứ 27 sau khi bị đưa đến lưu đày ở Khai Phong, Lưu Thiếu Kỳ qua đời trong tình trạng không được cấp cứu. Khi Lý Thái Hoà, vệ sĩ của ông năm xưa đến nhận xác, thi hài vị Chủ tịch nước đặt trên nền đất dưới gian hầm, chân tay khẳng khiu, đầu tóc rối bời, miệng mũi méo xệch, máu ứ bên khoé mép. Người vệ sĩ dùng kéo xén bớt mái tóc bạc dài gần hai gang tay, sửa sang chòm râu, mặc quần áo, xỏ giày cho ông. Nhân viên chuyên án chụp ảnh để mang về trình Mao, Giang. Sau đó, họ đặt thi hài Lưu Thiếu Kỳ trên xe quân sự nhỏ, chân thò ra ngoài, bí mật đưa đi hỏa táng, dưới cái tên “*Lưu Vệ Hoàng, không nghề nghiệp*”.

Gần 3 năm sau, ngày 16-8-1972, mấy người con của Lưu Thiếu Kỳ xin thăm cha mẹ, Mao Trạch Đông phê vào báo cáo của Tổ chuyên án: “Bố đã chết, có thể thăm mẹ”.

Lịch sử phải ghi bằng dòng chữ to đậm: Mao Trạch Đông chà đạp Hiến pháp nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, giam cầm trái phép Chủ tịch nước Lưu Thiếu Kỳ, và bức hại Người cho đến chết.



Chương 31

Lâm Bưu đặc ý, lăm le kế tục

Ngày 1-4-1969, Đại hội 9 ĐCSTQ khai mạc tại Bắc Kinh.

Phân cương lĩnh chung trong Điều lệ mới của Đảng qui định Lâm Bưu là bạn chiến đấu thân thiết và người kế tục của Mao Trạch Đông.

Trong cuộc bỏ phiếu bầu cơ quan lãnh đạo ngày 24-4 với 1.510 đại biểu có mặt, Mao được 100% số phiếu, Lâm Bưu kém 2 phiếu, do vợ chồng Lâm không bỏ cho mình (để biểu thị không thể ngồi sánh ngang Mao). Giang Thanh nhằm tính trừ 2 phiếu (Mao và Giang) không bỏ cho mình, bà ta sẽ được 1.508 phiếu, nhưng thực tế chỉ có 1.502, thiếu 6 phiếu.

Về sau bí mật điều tra, mới biết 6 người không bỏ phiếu cho Giang là Lâm Bưu, Diệp Quần, Hoàng Vĩnh Thắng, Ngô Pháp Hiến, Lý Tác Bằng, Khuru Hội Tác.

Trong 279 uỷ viên và uỷ viên dự khuyết Trung ương mới, chỉ có 53 uỷ viên và uỷ viên dự khuyết Trung ương khoá 8, tức 19%. Nhiều nhà lãnh đạo có công lao nổi bật bị đào thải, nhiều tên cầm đầu phải tạo phản mới vào đảng tham gia Ban chấp hành trung ương.

Trần Bá Đạt thuật lại:

- Chưa đầy một tuần sau Đại hội 9, Mao gọi Lâm Bưu, Chu Ân Lai, Trần Bá Đạt, Khang Sinh, Tạ Phú Trị đến thảo luận xem cần tiến hành Đại cách mạng văn hoá bao lâu nữa. Chu nêu các vấn đề kinh tế đình đốn, xã hội vô chính phủ, hàng loạt cán bộ bị đánh đổ. Lâm Bưu tán thành ý kiến của Chu, và nói phải phát triển kinh tế, quốc phòng, chinh đồn các phe phái trong xã hội. Trần Bá Đạt nói đường lối của Mao đã giành thắng lợi triệt để, cần phát triển kinh tế, đoàn kết số đông. Mao nói: “Cuộc vận động đấu-phê-cải vừa bắt đầu, đấu tranh còn lặp đi lặp lại. Thắng lợi triệt để ư? Có cần cách mạng nữa không? Xem ra hôm nay tôi lại bị thiếu số rồi”. Khang Sinh, Tạ Phú Trị vội vàng tán thành ý kiến của Mao. Chu Ân Lai tự phê bình “lĩnh hội rất kém sự dạy bảo và tư tưởng của Chủ tịch, phải nghiêm túc tổng kết, kiểm điểm, nếu không lại mắc sai lầm”. Mao nói: “Thủ tướng đừng miễn cưỡng kiểm điểm. Trong Đảng có lập trường, quan điểm khác nhau, tôi không ngăn đâu”. Rồi Mao bỏ ra ngoài đi bách bộ. Bữa cơm tối dự định giữa Mao và mấy người thế là tan.

Trong mắt Mao, Đại cách mạng văn hoá là quá trình chạy tiếp sức đi tới người kế tục, Lâm Bưu chỉ là chặng đầu, phải từng chặng, từng chặng chuyển cây gậy tiếp sức để cuối cùng tới tay Giang Thanh, thì Đại cách mạng văn hoá mới hoàn thành, và lúc đó mới đặt ra vấn đề xây dựng kinh tế.

Nhưng Lâm Bưu không hiểu ý Mao, gây tiếp sức vừa đến tay đã muốn ngừng cuộc đua. Vì vậy trong lúc đang diễn ra Đại hội 9, cuộc đấu tranh giữa tập đoàn Giang Thanh và tập đoàn Lâm Bưu, trên thực tế là giữa Mao Trạch Đông và Lâm Bưu, đã bắt đầu. Giang Thanh ra sức tăng bốc Lâm Bưu nhằm đối lấy việc Lâm đề cử Giang vào Thường vụ Bộ chính trị. Nhưng Lâm lại chỉ đề cử Hoàng Vĩnh Thắng. Mao không thể cho phép Lâm có hai phiếu trong Thường vụ Bộ Chính trị, liền gạt cả Giang Thanh và Hoàng Vĩnh Thắng, cuối cùng, Thường vụ chỉ có 5 người: Mao, Lâm, Chu, Trần Bá Đạt, Khang Sinh.

Sau Đại hội 9, để tìm hiểu ý đồ của Lâm, Mao phá bỏ thông lệ không đi thăm cấp dưới, dẫn theo Trương Xuân Kiêu đến biệt thự Tô Châu thăm Lâm Bưu. Sau mấy câu hàn huyên, Mao hỏi thẳng: “Tôi già rồi, ông cũng không khỏe, ông chuẩn bị sau này chuyển giao quyền lực cho ai?” Lâm Bưu ngó người ra.

Sau phút im lặng ngắn ngủi, Mao lại hỏi: “Ông thấy Trương Xuân Kiêu thế nào?” Ý thật của câu trên là: “Ông thấy Giang Thanh thế nào?” Lâm Bưu không hiểu câu nói quan trọng nhất này, liền nói vòng vo:

- Vẫn phải dựa vào Hoàng Vĩnh Thắng, Ngô Pháp Hiến, Lý Tác Bằng, Khuru Hội Tác, những người từ nhỏ đã theo Chủ tịch làm cách mạng. Phải đề phòng giai cấp tiểu tư sản nắm quyền.

Đây là bước ngoặt Mao, Lâm chia tay nhau về chính trị.

Gần đây một số học giả cho rằng vụ 13-9 là Mao Trạch Đông ép Lâm Bưu trở mặt. Tôi thấy không thể lật lại vụ án Lâm Bưu. Từ Đại tiến vọt tới Đại cách mạng văn hoá, Lâm Bưu là tội nhân giúp Mao lộng hành. Cuộc đấu tranh giữa Mao và Lâm là mâu thuẫn giữa hai phe phái phong kiến, có kẻ thắng người thua, không có người sai kẻ đúng. Tiếp tục vương triều họ Mao hãy thiết lập vương triều họ Lâm đều không phải là cái phúc của nhân dân Trung Quốc, Lâm Bưu phản đối phe Giang Thanh tham gia triều chính đương nhiên là đúng, nhưng Lâm Bưu muốn bồi dưỡng Lâm Lập Quả thành người kế tục, nếu triều đình nhỏ này được thiết lập, Trung Quốc sẽ biến thành Bắc Triều Tiên, sẽ là một nền chuyên chính phát xít ghê gớm hơn. Tập đoàn Lâm Bưu bị đập tan đã loại trừ trở ngại lớn ngăn cản Trung Quốc đi tới nền hiến chính dân chủ, vừa loại bỏ được khả năng thiết lập vương triều họ Lâm, vừa làm suy yếu khả năng kéo dài vương triều họ Mao. Đó là việc có lợi để Trung Quốc tiến tới cải cách, mở cửa, đi tới nền hiến chính dân chủ.

Sau khi cướp quyền trong cả nước, thế lực của tập đoàn Lâm Bưu tăng lên rất mạnh. Trong các ghế lãnh đạo số 1, số 2 ở 29 tỉnh thành trong cả nước, phe Lâm Bưu chiếm 16 ghế. Người thuộc Dã chiến quân thứ 4 (cánh quân của Lâm Bưu) chiếm 54 vị trí trưởng và phó trong các đại quân khu, và chiến tử trọng khá lớn trong Ban chấp hành trung ương khoá 9. Mưu kế được che đậy rất kỹ của Mao Trạch Đông là thiết lập vương triều họ Mao, người kế tục thật sự là Giang Thanh. Lâm Bưu chỉ là cầu thủ “chuyên 2”, giành được bóng từ tay Lưu Thiếu Kỳ là hoàn thành nhiệm vụ.

Lâm Bưu không thấy rõ điều này, sau Đại hội 9 không hề giả để thiết lập vương triều họ Mao, mà chỉ lăm le kế tục, lập tức trở thành trở ngại lớn ngăn cản Mao Trạch Đông thiết lập thể chế gia đình trị. Mao bắt đầu cuộc đấu tranh nhằm lật người kế tục thứ 2.

Tháng 8-1969, Lâm Bưu dẫn vợ con, Ngô Pháp Hiến và trên 100 nhân viên công tác và cảnh vệ lên thăm lại khu căn cứ Tỉnh Cương Sơn thuộc tỉnh Giang Tây nhằm khoa trương thanh thế, thể hiện phong độ lãnh tụ. Diệp Quần còn bảo Chu Nhuận, một văn nhân được tuyển vào làm việc trong Soái phủ, cùng lên núi để sáng tác thơ văn ký tên Lâm Bưu, nhằm cho thiên hạ thấy “khí chất văn thơ” của Lâm.

Ngày 2-3-1969, bộ đội biên phòng Trung Quốc và Liên Xô xung đột vũ trang trên đảo Trân Bảo (Damansky), chiến tranh lớn giữa hai nước có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Mao kêu gọi sẵn sàng chiến đấu. Chi phí chuẩn bị chiến tranh tăng 34% so với năm trước. Lâm Bưu điều chỉnh bộ máy chỉ huy,

cử Diêm Trọng Xuyên, nguyên Trưởng phòng tác chiến thời chiến tranh giải phóng làm Trưởng ban tác chiến Bộ Tổng Tham mưu. Có tin trong quân đội Liên Xô có người chủ trương tấn công Trung Quốc bằng vũ khí hạt nhân, Trung ương ĐCSQT quyết định sơ tán các nhà lãnh đạo Đảng, Chính phủ và Quân đội về các tỉnh. Những người bị đánh đổ như Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, Chu Đức, Trần Nghị... cũng bị đưa khỏi Bắc Kinh.

Ngày 17-10, Lâm Bưu sơ tán về Tô Châu, sống trong biệt thự Nam Viên sang trọng. Ngày 18, Lâm Bưu ký qua điện thoại đọc cho Hoàng Vĩnh Thắng bản “mệnh lệnh số 1” gồm 6 điểm nhắc nhở cảnh giác, che giấu vũ khí hạng nặng, tăng sản xuất vũ khí chống tăng, tăng cường chế độ thủ trưởng trực ban, chuyển sang chỉ huy thời chiến... Ngày 19, bản ghi qua điện thoại mệnh lệnh trên được chuyển đến Mao khi ấy đang ở Đông Hồ, Vũ Hán. Đọc xong, Mao sầm mặt không hài lòng, bật một que diêm thiêu trụi. Được tin, Lâm lo lắng mất mấy ngày, thấy mình sơ suất quá. Ngay hôm đó, Lâm lấy giấy viết 2 dòng chữ nội dung như nhau, một treo nơi ở của Lâm, một gửi Diệp Quần “Du du vạn sự, duy thử vi đại, khắc kỷ phục lễ” (đại ý: việc lớn nhất trong muôn việc là phải luôn luôn nhắc nhở mình tôn kính Mao Trạch Đông, không được vượt quyền).

Lâm Lập Quả - con trai Lâm Bưu - sinh năm 1946, tốt nghiệp hệ Vật lý Đại học Bắc Kinh năm 1967. Lâm con từng chỉ trong 2 giờ đã huấn luyện chiến sĩ biết lái xe tăng, được Lâm bố biểu dương. Lập Quả cũng đã tham gia thiết kế máy bay tiêm kích phản lực cỡ nhỏ, tổ chức nghiên cứu chế tạo ăngten nhỏ, thiết bị phòng máy bay đâm vào núi, thiết bị bay xuyên mây. Anh ta còn cho bộ đội bạt nửa ngọn núi Hoàng Dương ở bắc Trương Gia Khẩu, để đặt radar kiểu mới hướng về phía Moskva, nghe nói có thể phát hiện ngay mục tiêu, khi Liên Xô phóng tên lửa xuyên lục địa.

Công trình này chưa hoàn thành đã khiến Mao rất vui mừng. Mao khen Lâm Lập Quả là tiểu tướng dám nghĩ, dám làm, tiếp và chụp ảnh với anh ta, làm xôn xao quân chủng Không quân.

Ngày 2-10-1969. Lâm Bưu gặp Tư lệnh Không quân Ngô Pháp Hiến, trao đổi về năng lực và công việc của Lập Quả.

Nửa tháng sau, Ngô Pháp Hiến công bố lệnh bổ nhiệm Lâm Lập Quả (mới 23 tuổi) làm Phó Chủ nhiệm Văn phòng kiêm Phó ban tác chiến quân chủng Không quân. Tư lệnh Ngô nói: “Chúng ta phải học tập và phục tùng không điều kiện đồng chí Lập Quả. Đồng chí có thể điều động, chỉ huy tất cả những gì thuộc Không quân”. Khi ấy, cháu Mao Trạch Đông là Mao Viễn Tân đã được cử làm Phó Tư lệnh Đại Quân khu Thẩm Dương kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban cách mạng Liêu Ninh. Lâm Bưu và Diệp Quần vội vã đẩy con trai lên vũ đài chính trị.

Ngày 31-7-1970, tại cơ quan trực thuộc Không quân, Lâm Lập Quả đã đọc báo cáo khoảng 70.000 chữ về chủ đề học tập và vận dụng Tư tưởng Mao Trạch Đông. Nhiều quan điểm và tài liệu trong báo cáo này đều rút từ những tài liệu chuẩn bị cho Lâm Bưu làm báo cáo tại Đại hội 9, nên nghe rất kêu.

Ngô Pháp Hiến đánh giá: “Báo cáo của đồng chí Lâm Lập Quả là vệ tinh chính trị do Không quân phóng lên. Đồng chí là thiên tài vĩ đại, đại diện kiệt xuất của lớp người kế tục thế hệ ba”.

Phó Tham mưu trưởng Không quân Vương Phi nói: “Đồng chí Lập Quả không phải cấp trên của tôi về hành chính, nhưng là cấp trên của tôi về chính trị. Nhận ra một lãnh tụ không dễ dàng. Đồng chí

Lập Quả có điều kiện của một lãnh tụ, nay nhận ra rồi phải theo suốt đời, dù bão táp mưa sa cũng không lùi bước”.

Phó Chủ nhiệm Văn phòng Không quân Chu Vũ Trì nhấn mạnh: “Báo cáo của đồng chí Lập Quả là cái mốc thứ 4 của chủ nghĩa Mác-Lenin (ba mốc trước là Mác-Lê-Mao). Đồng chí Lập Quả là toàn tài, soái tài, siêu tài, là người kế tục thế hệ ba”.

Hai ngày sau, băng ghi âm báo cáo trên đến nay Lâm Bưu. Nghe xong, Lâm vui quá, hết lời khen ngợi: “Tư tưởng giống ta, ngôn ngữ giống ta, giọng nói cũng giống ta!” Có người báo cáo Mao Trạch Đông về tình hình Không quân tăng bốc Lập Quả, kèm theo bản báo cáo trên. Mao cho gọi Giang Thanh, Khang Sinh, Trương Xuân Kiêu đến thư phòng, cho đọc những tài liệu trên, rồi nói: “Các vị thấy cả rồi chứ? Người ta đã bắt đầu tăng bốc rồi, tôi còn chưa chết kia mà. Đồng chí Lâm Bưu sức khỏe kém, có phần vội vã chuẩn bị người kế tục mình. Một đứa trẻ ngoài 20 tuổi được tăng bốc lên thành siêu thiên tài, chẳng phải nó là lãnh tụ tự nhiên của Đảng ta hay sao?”

Bí quyết chung của Lâm Bưu đối với Mao là “ra sức ủng hộ, tuyệt đối phục tùng”. Thật ra Mao không nắm được bằng chứng Lâm Bưu chống Mao. Sau nhiều ngày suy nghĩ, Mao quyết định giải một cái bẫy mở ra cửa đột phá làm suy yếu tập đoàn Lâm Bưu.

Ngày 8-3-1970, Ung Đông Hưng truyền đạt với Bộ Chính trị ý kiến của Mao về họp Quốc hội bầu lãnh đạo nhà nước, sửa đổi hiến pháp, có 3 ý then chốt: Mao dứt khoát không làm Chủ tịch nước; nếu đặt chức Chủ tịch nước, chỉ có Lâm Bưu đảm đương chức vụ này; theo Mao, tốt nhất là không đặt chức Chủ tịch nước nữa.

Mấy ý trên làm khó cho Lâm Bưu. Nếu Lâm không tỏ thái độ, đồng nghĩa với việc Lâm mặc nhận mình đủ tư cách làm Chủ tịch nước; nếu Lâm tán thành không đặt chức Chủ tịch nước, thì trái với hiệp định quân tử Mao-Lâm trước đây, như Lâm sau này nói với những người thân tín: Mao ít nhất đã hai lần nói với Lâm rằng ông ta không muốn làm Chủ tịch Đảng nữa, mà muốn làm Chủ tịch nước để thăm thú đó đây trên thế giới, mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc; và Mao muốn Lâm đưa ra kiến nghị này.

Ngày 11-4 từ nơi an dưỡng ở Tô Châu, Lâm Bưu nêu ra 3 ý kiến với Thường vụ Bộ Chính trị:

1. Kiến nghị Mao làm Chủ tịch nước, như vậy phù hợp trạng thái tâm lý trong và ngoài đảng, trong và ngoài nước.
2. Về chức danh Phó Chủ tịch, có thể đặt, có thể không, có thể nhiều, có thể ít.
3. Bản thân Lâm Bưu không thích nghi với chức Phó Chủ tịch.

Ngày 12-4, Mao nhận xét ý kiến trên của Lâm Bưu không thỏa đáng. Trong cuộc họp Bộ Chính trị hạ tuần tháng 4, Mao nói trước mặt Lâm Bưu và 4 tướng Hoàng, Ngõ, Lý, Khưu: “Tôi không làm Chủ tịch nước, cũng không đặt chức danh Chủ tịch nước. Tôn Quyền khuyên Tào Tháo làm Hoàng đế, Tháo nói Tôn Quyền muốn nướng ông ta trên lò lửa. Tôi khuyên các ông đừng coi tôi là Tào Tháo, và các ông cũng đừng làm Tôn Quyền”.

Trung tuần tháng 7, Diệp Quần nói với Ngô Pháp Hiến:

- Nếu không đặt chức Chủ tịch nước, thì Lâm Phó Chủ tịch ngồi vào đâu?

Thế là trong Ủy ban sửa đổi hiến pháp xuất hiện hai ý kiến đối lập quanh chức danh Chủ tịch nước, bên “có” đại diện là Ngô Pháp Hiến, bên “không” đại diện là Trương Xuân Kiêu. Sau chuyển lên Mao quyết định, Mao nói:

- Lập Chủ tịch nước là hình thức, đừng vì con người cụ thể mà sinh ra việc này.

Sau đó, người của Lâm Bưu lại rơi vào cái bẫy “thuyết thiên tài” của Mao Trạch Đông.

Trần Bá Đạt vốn là người của Giang Thanh, đã có công trong việc đánh đổ Đào Chú. Mao một mặt thừa nhận sự thật đã rồi (đánh đổ Đào Chú), mặt khác lại phê Trần Bá Đạt “Ủy viên Thường vụ này đánh đổ ủy viên Thường vụ kia”, khiến Trần Bá Đạt muốn tự sát. Khi Mao truy cứu trách nhiệm về bài xã luận tạp chí Hồng Kỳ số 12-1967, Giang Thanh lại bỏ rơi Trần, khiến ông ta suýt nữa uống thuốc ngủ. Qua hai sự kiện trên, Trần thấy theo Mao-Giang quá nguy hiểm, liền lặng lẽ xa lánh Giang Thanh, móc nối với Lâm Bưu. Diệp Quần cho thư ký mang biếu Trần một sọt cua biển, món ăn khoái khẩu của ông ta. Đúng như lời Diệp Quần “bên trong sọt cua có chính trị”, Trần đã bị lôi kéo. Thế là Lâm Bưu đã có 2 phiếu trong Thường vụ Bộ Chính trị.

Ngày 25-7, Bộ Chính trị thảo luận xã luận chung của “Nhân dân nhật báo”, “Tạp chí Hồng Kỳ” và “Báo Quân Giải phóng” nhân ngày thành lập quân đội 1-8, do Trần Bá Đạt khởi thảo, trong đó câu then chốt nhất là “Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc là quân đội của nhân dân do lãnh tụ vĩ đại Mao Chủ tịch đích thân sáng lập và lãnh đạo, Lâm Phó Chủ tịch đích thân chỉ huy”. Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên thêm “*Mao Chủ tịch và*” vào vế sau, thành “*Mao Chủ tịch và Lâm Phó Chủ tịch đích thân chỉ huy*”, với lý do Mao đã nhiều lần nói “lẽ nào người sáng lập không thể chỉ huy quân đội?”. Hai bên tranh luận gay gắt quanh vấn đề này. Bốn ngày sau, Chu Ân Lai và Hoàng Vĩnh Thắng xuống Thượng Hải, đến biệt thự thăm Mao. Chu nhắc đến bài xã luận trên. Mao giọng không vui, hỏi Uông Đông Hưng: “Sao chưa làm xong việc này?” Uông nói: “Hai ý kiến khác nhau, Chủ tịch không nói rõ tán thành ý kiến nào, tôi làm sao dám xử lý?” Mao liền nói lấp lửng: “Tôi không tán thành cả hai ý kiến. Người sáng lập không thể chỉ huy, liệu có được không? Người sáng lập cũng không chỉ mình tôi, còn nhiều người nữa”. Chẳng hiểu sao Uông lại hiểu được ý Mao, ngay trước mặt Mao, Chu và Hoàng, ông ta gạch bỏ 4 chữ “*Mao Chủ tịch và*”, trở lại cách nêu ban đầu của Trần Bá Đạt.

Việc trên khiến Trần Bá Đạt rất đắc ý những người trong Tổ làm việc Quân ủy Trung ương tăng bốc Trần, ông ta cũng cảm thấy đã lập công cho Lâm Soái phủ. Họ có biết đâu rằng Mao cố tình lùi một bước, dụ địch vào sâu, cho phe Lâm Bưu mở cuộc tấn công lớn hơn, đủ để dẫn đến sự sụp đổ hoàn toàn.



Chương 32

Mao - Lâm quyết đấu ở Lư Sơn

Hạ tuần tháng 8-1970, Hội nghị Trung ương 2 khoá 9 họp tại Lư Sơn, có 253 người dự. Ngày 19-8 Mao lên núi, ông có 3 ngày đọc sách, nghỉ ngơi trước khi vào việc.

Ngày 20, Lâm Bưu và những người thân cận lên núi. Sáu đường truyền tin quân dụng được đặt tại nơi ở để Lâm chỉ huy quân đội trong cả nước, ngoài ra còn hai máy bay lên thẳng Skylark đậu trên núi chờ lệnh.

Chiều 22, Thường vụ Bộ Chính trị thảo luận vấn đề chức danh Chủ tịch nước. Lâm Bưu, Chu Ân Lai, Trần Bá Đạt, Khang Sinh chủ trương Chủ tịch Đảng kiêm Chủ tịch nước, tức là về hình thức, có nguyên thủ quốc gia. Như vậy là ngoài Mao, các uỷ viên Thường vụ đều tán thành ông làm Chủ tịch nước. Sở dĩ xuất hiện cục diện trên vì Mao đã 4 lần, công khai nói không đặt chức danh Chủ tịch nước, bản thân không làm Chủ tịch nước, nhưng mặt khác lại gợi ý Lâm Bưu giới thiệu ông ta làm Chủ tịch nước. Mọi người không biết chắc ý đồ thật sự của Mao là gì.

Cái Mao coi trọng là Chủ tịch Đảng và gắn với nó là Chủ tịch Quân uỷ Trung ương đầy quyền lực, chứ không phải Chủ tịch nước chỉ có quyền hờ. Mao đã hứa riêng sẽ nhường Lâm Bưu chức Chủ tịch Đảng, còn mình sang làm Chủ tịch nước, Một khi Lâm kiên trì kiến nghị Mao làm Chủ tịch nước, có nghĩa là Lâm ép Mao nhường chức Chủ tịch Đảng cho mình. Trong mắt Mao, việc làm đó đã hoàn toàn phơi trần dã tâm cá nhân của Lâm Bưu. Cùng một đề nghị Mao làm Chủ tịch nước, Chu Ân Lai và Khang Sinh nêu ra thì được Mao coi là thiện, song Lâm Bưu nêu ra lại bị coi là ác ý, là mưu toan tiếm quyền. Con giận lòi đờm của Mao khởi nguồn từ đây.

Lâm Bưu cho rằng: Mao chân thành muốn chuyển giao quyền lực cho mình. Sau khi mắc tội ác tày trời làm chết đói 37,55 triệu người trong Đại tiến vọt và quay lưng lại với toàn Đảng trong Đại cách mạng văn hoá, Mao phải hiểu rõ hơn ai hết rằng sau khi ông ta qua đời, chỉ có Lâm Bưu có thể giữ vững cục diện. Tách khỏi sự ủng hộ của Lâm Bưu thì không thể có vị trí lịch sử “luôn luôn đúng đắn” của Mao Trạch Đông. Lâm không tin rằng Mao có thể đùa cợt, giăng bẫy hại Lâm. Đến khi nhận ra âm mưu quỷ kế của Mao, Lâm phẫn nộ nói với vợ con:

- Mọi người không thấy hấn giống một tên lưu manh sao? Giống lắm! Nếu sau này ta thua hấn, thì chỉ thua ở chỗ không đủ lưu manh bằng hấn mà thôi.

Khi bị Mao từng bước dồn ép sau, Lâm cha nói với Lâm con:

- Lão Hồ, con hãy nhớ, ta không cai trị nổi đất nước này. Ngay trong tình hình bình thường, ta cũng không biết quản lý đất nước ra sao. Một nước lớn như thế này, kinh tế, chính trị, văn hoá... đều rất phức tạp. Ta không thích công việc hành chính, không thích giao lưu, sức khỏe cũng không tốt, không thể quản lý đất nước. Ta tự biết mình, chưa bao giờ muốn làm Chủ tịch nước. Ta chỉ biết chút ít về quân sự, rất nhiệt tình đối với thống nhất đất nước, phát triển sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân, nhưng năng lực có hạn. Ta muốn giữ vững quyền lực tham gia đời sống chính trị, đảm bảo quân đội phát huy vai trò bình thường, thế là đủ.

Đoạn trên Lâm nói rõ không làm Chủ tịch nước, đoạn dưới thể hiện muốn giữ vững cục diện, cầm lái, làm Chủ tịch Đảng kiêm Chủ tịch Quân uỷ Trung ương.

Phát biểu tại Thành Đô, Mao nói phe Lâm Bưu muốn Mao làm Chủ tịch nước là động tác giả, muốn Lâm làm Chủ tịch Đảng là thật.

Nhưng đó là chuyện về sau, xin độc giả trở lại Hội nghị Lư Sơn tháng 8-1970. Trước cuộc họp chính thức, Lâm đã có cuộc nói chuyện riêng rất dài với Mao. Lâm báo cáo cuộc tranh luận giữa Trương Xuân Kiêu và Ngô Pháp Hiến khi thảo luận dự thảo hiến pháp, và ngô ý muốn nói vài lời về vấn đề này trước Hội nghị. Mao trả lời: có thể nói, nhưng không nêu tên. Đến lúc này, Lâm vẫn cho rằng Giang Thanh giới thiệu Trương Xuân Kiêu làm Thủ tướng, để Giang làm Chủ tịch Đảng là đã tâm của bà ta, chứ không phải ý đồ của Mao.

Chiều 23-8, Hội nghị khai mạc dưới sự điều khiển của Mao Trạch Đông. Mở đầu, Lâm Bưu nói:

- Tôi vẫn kiên trì quan điểm Chủ tịch Mao Trạch Đông là thiên tài. Đồng chí Mao Trạch Đông là người Mácxít-Leninnít vĩ đại nhất thời đại ngày nay. Đồng chí đã kế thừa, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác-Lenin một cách thiên tài, sáng tạo và toàn diện.

Về chức Chủ tịch nước, Lâm Bưu nói khá mập mờ:

- Dự thảo hiến pháp lần này thể hiện một đặc điểm là khẳng định vị trí lãnh tụ vĩ đại, nguyên thủ quốc gia và thống soái tối cao của Mao Chủ tịch, không định tư tưởng Mao Trạch Đông là tư tưởng chỉ đạo nhân dân cả nước, điều này rất quan trọng, là linh hồn của hiến pháp.

Khang Sinh “hoàn toàn tán thành và ủng hộ” phát biểu của Lâm Bưu. Khang nói mọi ý kiến đều tán thành Mao làm Chủ tịch, Lâm làm Phó Chủ tịch làm nước, nếu Mao không nhận thì Lâm mới làm Chủ tịch nước, nếu cả hai đều không nhận, thì bãi bỏ chương này trong hiến pháp. Mao lặng im, theo dõi tình hình, tìm đối sách.

Sớm 24-8, Diệp Quần gặp Ngô Pháp Hiến, Lý Tác Bằng, Khưu Hội Tác truyền đạt ý kiến của Lâm Bưu:

1. Phải ủng hộ phát biểu của Lâm Bưu, kiên trì quan điểm thiên tài;
2. Kiên trì đặt chức Chủ tịch nước, để Mao giữ chức vụ này;
3. Có thể móc nối một số uỷ viên trung ương trong Không quân, Hải quân, Tổng cục chính trị để họ phát biểu, chú ý không nêu tên;
4. Chĩa mũi nhọn chủ yếu vào Trương Xuân Kiêu, sau Trương là Giang Thanh, nhưng không được đụng đến Giang nửa chữ.

Sáng 24, theo đề nghị của Ngô Pháp Hiến, những người dự hội nghị lên hội trường nghe băng ghi âm phát biểu của Lâm Bưu. Buổi chiều, các tổ thảo luận, Diệp Quần đi khắp nơi tung tin bài nói của Lâm đã được Mao đồng ý.

Tại Tổ Hoa Bắc, Trần Bá Đạt ca ngợi phát biểu của Lâm Bưu về việc dự thảo hiến pháp khẳng định vị trí của Mao, Trần nói viết được như vậy là “trải qua nhiều cuộc đấu tranh và là kết quả đấu tranh”; có người đang lợi dụng sự khiêm tốn của Mao, mưu toan hạ thấp tư tưởng Mao.

Tổ trưởng Lý Tuyết Phong mời Uông Đông Hưng phát biểu. Uông nói:

- Tôi hoàn toàn ủng hộ bài nói quan trọng của Phó Chủ tịch Lâm Bưu, hoàn toàn tán thành phát biểu vừa rồi của đồng chí Trần Bá Đạt. Tôi thay mặt Văn phòng Trung ương và Bộ đội 8341, kiên quyết yêu cầu đặt chức chủ tịch nước, kiến nghị lãnh tụ vĩ đại Mao Chủ tịch làm Chủ tịch nước. Tình hình đồng chí Bá Đạt vừa nói là vô cùng nghiêm trọng. Trong Đảng ta còn một số kẻ có dã tâm, khôn khéo phản đối lãnh tụ vĩ đại Mao Chủ tịch, đó là đường lối Lưu Thiếu Kỳ không có Lưu Thiếu Kỳ, đại diện cho đường lối phản động của Lưu. Chúng tôi rất mong muốn Phó Chủ tịch Lâm Bưu làm Phó Chủ tịch nước.

Do thân phận đặc biệt của Uông, mọi người cho rằng ý kiến của ông ta có thể biểu hiện ý hướng chân thực của Mao, nên đều lắng tai nghe. Họ cảm thấy đã nắm được “long mạch” của Mao. Thì ra mấy lần Mao nói không làm Chủ tịch nước chỉ là “sự khiêm tốn vĩ đại”. Về sau xuất hiện tin ngắn số 2 của Tổ Hoa Bắc, phần cuối viết:

“Mọi người nhiệt liệt hoan nghênh phát biểu hôm qua của Phó Chủ tịch Lâm, cho rằng bài nói này có ý nghĩa chỉ đạo cực lớn đối với Hội nghị Trung ương 2 khoá 9. Nghe phát biểu của các đồng chí Bá Đạt, Đông Hưng tại tổ, cảm thấy càng hiểu sâu hơn phát biểu của Phó Chủ tịch Lâm. Nhất là khi được biết trong Đảng ta còn có người mưu toan phủ nhận lãnh tụ vĩ đại Mao Chủ tịch là thiên tài vĩ đại nhất của thời đại ngày nay, mọi người tỏ ra cảm phẫn mạnh mẽ nhất, cho rằng ngày nay đã trải qua 4 năm Đại cách mạng văn hoá mà trong Đảng còn có kẻ tư tưởng phản động như vậy, tình hình thật nghiêm trọng. Loại người này là những kẻ có dã tâm, có âm mưu, những phản tử phản động cực đoan, phản tử phản cách mạng một trăm phần trăm, là những kẻ đại diện cho đường lối phản động Lưu Thiếu Kỳ không có Lưu Thiếu Kỳ, lâm tay sai của đế quốc, xét lại và phản động, làm những kẻ xấu, phải lôi cổ chúng ra cho mọi người biết, phải đưa chúng ra khỏi đảng, đấu cho chúng đổ sụp, thối rửa ra, phải băm vằm chúng ra, toàn Đảng lên án chúng, cả nước hoi tội chúng. Tự đáy lòng mình, mọi người tán thành khôi phục chương Chủ tịch nước trong hiến pháp, điều 2 hiến pháp tăng thêm Mao Chủ tịch là Chủ tịch nước, Lâm Phó Chủ tịch là Phó Chủ tịch nước...”

Phát biểu tại các tổ Trung Nam, Tây Nam, Tây Bắc... Diệp Quần, Ngô Pháp Hiến, Lý Tác Bằng, Khuru Hội Tác đều tập trung ủng hộ bài nói của Lâm Bưu. Bản tin ngắn số 2 của Tổ Hoa Bắc vừa phát ra, mọi người phấn khích, đòi lôi ra những kẻ phản đối Mao là thiên tài.

Trần Bá Đạt đang ngắm cảnh núi rừng thì Uông Đông Hưng chạy đến lo lắng nói:

- Tôi vừa gặp Giang Thanh. Bà ta nói phát biểu của chúng ta đi chệch hướng. Thế là thế nào?

Trần bình tĩnh:

- Kiến nghị Mao Chủ tịch làm Chủ tịch nước là thiên kinh địa nghĩa, đừng sợ. Trương Xuân Kiều dựa vào Giang Thanh ủng hộ nên mới dám coi thường Lâm Phó Chủ tịch. Hắn là kẻ có dã tâm, có

âm mưu. Ông yên tâm đi, Mao Chủ tịch không thể chỉ cần bà xã mà không cần bạn chiến đấu thân thiết và người kế tục.

Đến lúc này, Trần và Uông vẫn cho rằng Mao và Lâm không thể tách rời, vị trí người kế tục của Lâm Bưu không thể, lung lay, Mao thà từ bỏ vợ, chứ không từ bỏ người kế tục; sau Mao, chỉ có Lâm Bưu không chế được tình hình rối loạn sau Đại cách mạng văn hoá; một nhà chính trị lớn mưu lược sâu xa như Mao sẽ không mắc sai lầm hồ đồ trong những vấn đề lớn. Mọi người đều có ngờ rằng trong nội tâm sâu thẳm, Mao chỉ muốn truyền ngôi cho Giang Thanh, Lâm chỉ đóng vai “chuyên 2”, nhiệm vụ của Lâm là đoạt quyền từ tay Lưu Thiếu Kỳ, chuyển cho Giang Thanh. Khi Lâm giữ rịt lấy không chịu trao, Mao phải đích thân đứng ra buộc Lâm trao quyền. Đương nhiên, Mao sẽ không trực tiếp trao quyền cho Giang Thanh, mà cần chọn vai “chuyên 2” khác, một người mà Mao cho rằng sẽ tự nguyện, tự giác trao quyền cho Giang Thanh, đưa Giang vào, ghế Chủ tịch Đảng sau khi Mao về châu trời. Đó là một chính khách loại hai, loại ba, yếu kém một chút, xem đi, xét lại, Mao chọn được Hoa Quốc Phong. Mao muốn thực hiện gia đình trị, lại không muốn chịu tiếng xấu gia đình trị. Vấn đề này sẽ nói tiếp ở phần sau.

Thấy phe Lâm Bưu muốn bắt Trương Xuân Kiêu, Giang Thanh cuống lên, sáng 25 cùng Trương đến cầu cứu Mao.

Chiều 25, Mao hẹn Lâm đến gặp. Lâm đưa vợ đi cùng, nhưng, vừa vào cửa, cảnh vệ chặn Diệp Quần lại, chỉ cho một mình Lâm Bưu vào. Mao vẻ mặt nghiêm túc, nói thẳng:

- Đồng chí Lâm Bưu, vừa lên Lư Sơn tôi đã nói Hội nghị này phải là hội nghị đoàn kết, thắng lợi, đừng làm cho nó biến thành hội nghị chia rẽ, thất bại. Không khí hội nghị hai ngày qua không bình thường!

Lâm cố ý tỏ ra kinh ngạc:

- Có vấn đề gì vậy, thưa Chủ tịch?

- Bá Đạt dẫn đầu, một là kiên trì đặt chức Chủ tịch nước, hai là kiên trì thuyết thiên tài. Cổ động một số người, lừa dối một số người khác gây rối, với thế san bằng Lư Sơn, cho trái đất ngừng quay, Họ san bằng Lư Sơn tôi cũng không làm Chủ tịch nước, tôi khuyên ông cũng đừng giữ chức vụ này.

- Tôi vốn muốn đặt chức Chủ tịch nước là để Chủ tịch đảm đương, chứ không phải tôi muốn ngồi vào vị trí này. Có lẽ trong phát biểu của tôi tại buổi khai mạc có gì không thoả đáng?

- Tôi biết ông và Trần Bá Đạt có quan điểm nhất trí về vấn đề thiên tài. Nhưng tình hình hai người khác nhau. Bá Đạt là phần tử chống cộng chui vào Đảng cộng sản, hôm nay tôi nhắc nhở ông phải giữ khoảng cách, vạch rõ ranh giới với hắn”.

- Vâng, tôi sẽ lưu ý mấy uỷ viên Trung ương trong quân đội.

Mao cố ý nói đây là cuộc đấu tranh giữa Trần Bá Đạt và Trương Xuân Kiêu. Mao nói tiếp:

- Còn Trương Xuân Kiêu tiếp tục xem xét hai năm. Hai năm sau tôi nghỉ rồi, giao ông xử lý!

Mao trạch Đông – Ngàn năm công tội

Lời hứa hai năm nữa sẽ chuyển giao quyền lực tạm làm Lâm Bưu yên lòng.

Mao lại gặp Chu Ân Lai, Trần Bá Đạt, Khang Sinh, một phiếu phủ định bốn phiếu, các uỷ viên Thường vụ Bộ chính trị đều tán thành không đặt chức Chủ tịch nước.

Sau đó, Mao triệu tập Hội nghị Thường vụ Bộ chính trị mở rộng, nghiêm túc tuyên bố ba điều:

1. Ngừng họp ngay, chấm dứt thảo luận về phát biểu của Lâm Bưu tại buổi khai mạc.
2. Thu hồi bản tin ngắn số 2 của Tổ Hoa Bắc.
3. Không được bắt người, phải đoàn kết theo tinh thần Đại hội 9. Phát biểu của Trần Bá Đạt tại Tổ Hoa Bắc trái với tinh thần Đại hội 9.

Tuy biết rõ người đứng đầu gây chuyện là Lâm Bưu, nhưng Mao lôi Trần Bá Đạt ra trị, làm yên lòng Lâm Bưu, vì Trần vốn là công cụ của Mao, nay con thuyền của Mao chưa bục, mà Trần đã thay thay đổi chủ, một mực ngả theo ý Lâm. Mặt khác, Lâm đã đặt 6 đường truyền tin chuyên dụng tại nơi ở để chỉ huy quân đội trong cả nước, lại có 2 máy bay lên thẳng Skylark sẵn sàng chờ lệnh trên núi, không thể ép Lâm quá mức. Đề phòng ngừa bất trắc, Mao lại gọi Hứa Thế Hữu, uỷ viên Bộ Chính trị, Tư lệnh Đại quân khu Nam Kinh đến dặn dò...

Trong hai ngày 26 và 27, Chu Ân Lai, Khang Sinh liên tục gặp Ngô Pháp Hiến, Lý Tác Bằng, Khưu Hội Tác, buộc họ viết kiểm điểm. Ngày 29, Mao chỉ thị Lâm chủ trì Hội nghị Thường vụ Bộ chính trị mở rộng, Trần Bá Đạt và Ngô Pháp Hiến kiểm điểm lần đầu. Trần nhận khuyết điểm phát ngôn mang tính kích động, không nghe theo lời Mao, kiên trì đòi đặt chức Chủ tịch nước, xuyên tạc phát biểu của Lâm, làm rối loạn tư tưởng mọi người, nói lung tung về thiên tài. Ngô Pháp Hiến nhấn mạnh đã mắc lừa Trần Bá Đạt, đổ mọi lỗi cho Trần, bảo vệ Lâm Bưu-Diệp Quân.

Ngay từ đầu, Chu Ân Lai đã chỉ định Hoàng Vĩnh Thắng ở lại Bắc Kinh “trông nhà”, nên 31-8, Hoàng mới lên Lư Sơn. Vừa gặp Hoàng, Diệp Quân ứa nước mắt:

- Mấy ngày qua gay quá, may mà ông lên muộn, không dính vào.

Diệp quay sang Ngô Pháp Hiến:

- Ông mắc sai lầm, nhưng không sao, còn có Lâm Bưu và Hoàng Vĩnh Thắng. Chỉ cần không liên lụy đến hai vị này, thì mọi chuyện dễ giải quyết, chức vụ của ông không thay đổi.

Ngày 6-9-1970, Hội nghị bế mạc. Trần Bá Đạt bị cách ly thẩm tra.

Sau khi rời Lư Sơn, Mao Trạch Đông nêu Uông Đông Hưng thành tấm gương sau khi kiểm điểm vẫn được trọng vọng, để ép và dụ Diệp, Ngô, Lý, Khưu kiểm điểm, tiến tới ép và dụ Lâm Bưu kiểm điểm. Một ngày cuối tháng 9, Mao cử Uông tới thuyết phục Lâm Bưu, với lời dặn dò:

- Cố gắng để Lâm Bưu viết kiểm điểm. Chỉ cần Lâm nhận thức được sai lầm của mình, tôi vẫn hoan nghênh ông ta. Bản kiểm điểm này phải gắn với những sai lầm trong lịch sử.

Mao Trạch Đông – Ngàn năm công tội

Gặp Ông, Lâm phản nản:

- Hiện nay tôi không còn cách nào liên hệ với Hoàng Vĩnh Thắng và một số người, kể cả ông, vì sợ Giang Thanh, Trương Xuân Kiều lại kể tội trước mặt Chủ tịch. Tôi không hình dung nổi vì sao Chủ tịch lại tin vào những lời lẽ xằng bậy, gây ly gián của họ!

Ông nói:

- Tôi cũng không sao giải thích nổi vấn đề trên. Song tôi nghĩ trong tình hình này, để chủ động, Lâm Phó Chủ tịch nên viết kiểm điểm gửi Chủ tịch có lẽ tốt hơn.

Đôi mắt Lâm Bưu toé ra những tia sáng lạnh, nhìn thẳng Ông Đông Hưng:

- Ông muốn tôi để người ta nắm gáy hay sao? Đây là cá nhân ông quan tâm tôi, hay có người cử ông tới đây làm thuyết khách?

Ông cứng họng, im lặng.

Lâm nói tiếp:

- Nếu tôi viết kiểm điểm, Chủ tịch sẽ công bố trong toàn đảng, như vậy chẳng khác gì tôi thừa nhận “sai lầm” trước toàn đảng, toàn quân và toàn dân. Không! Tôi không thể mắc lừa mấy kẻ cầm bút ấy. Tôi chẳng có sai lầm gì cả, tôi cũng không viết kiểm điểm trái với lòng mình.

- Vậy chúng ta kết thúc vụ này như thế nào? Cứ căng thẳng thế này không phải là biện pháp.

- Tôi không thể trả lời vấn đề này. Tôi, Diệp Quần và các đồng chí trong Tổ làm việc Quân uỷ Trung ương đều đang bị thẩm tra. Lịch sử của chúng tôi không thể nghi ngờ. Mọi việc để Chủ tịch quyết định, tôi xưa nay vẫn tin vào sự lãnh đạo và quyết đoán sáng suốt của Người.

Như hạ quyết tâm cuối cùng khi lâm trận, Lâm Bưu ngả người trên xa lông, không nói gì nữa. Ông Đông Hưng gượng gạo ra về.

Lâm Bưu mang tính cách một nhà quân sự, chỉ có thắng bại, không có thoả hiệp, chiết trung. Nhớ lại thời chiến tranh giải phóng, Lâm và Bành Chân bắt đồng về phòng châm chiến lược. Bành Chân khi ấy là uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Cục Đông Bắc, Chính uỷ Liên quân Dân chủ Đông Bắc, sau lưng có Lưu Thiếu Kỳ ủng hộ. Lâm tuy là Tư lệnh Đông Bắc, nhưng trong Đảng chỉ là uỷ viên Trung ương. Cuối cùng báo cáo Mao Trạch Đông, Mao quyết định cử Lâm Bưu làm Bí thư Cục Đông Bắc, Tư lệnh kiêm Chính uỷ Liên quân Dân chủ Đông Bắc, Bành Chân bị giáng xuống làm Phó Bí thư kiêm Phó Chính uỷ. Sau giải phóng, từ Đàm Chính đến La Thụy Khánh, ai trái ý Lâm Bưu, người đó gặp vận đen. Giang Thanh. Trương Xuân Kiều là cái thá gì? Dựa vào mụ đàn bà và mấy gã cầm bút liệu có ngăn nổi dòng thác toàn đảng, toàn quân và toàn dân phản đối Đại cách mạng văn hoá không? Liệu có bịt nổi miệng thế gian, không cho người ta tính sổ nợ làm chết đói mấy chục triệu người không? Chỉ có dựa vào Lâm Bưu này, dựa vào Dã chiến quân thứ 4 của ta, không được Lâm Bưu ủng hộ thì không có Đại cách mạng văn hoá, không có vị trí tối cao của Mao Trạch Đông ngày nay. Trần Bá Đạt nói đúng: Mao không thể chỉ cần vợ, không cần người kế tục.

Ngày 8-10, Mao gửi thư ngắn thăm hỏi, nhắc Lâm giữ gìn sức khỏe. Trong thư trả lời ngày 10, Lâm lui đề tiến:

“Tôi cảm thấy sâu sắc không theo kịp lời dạy của Chủ tịch về đường lối và tư tưởng, không thích ứng được sự phát triển của tình hình cách mạng, không thích hợp làm người kế tục, xin Chủ tịch định liệu, tôi hoàn toàn ủng hộ quyết định của Chủ tịch”.

Mao xem xong, viết thư trả lời:

“Tôi không thể làm trái với qui định trong Điều lệ Đảng và quyết định của Đảng. Hai ta vẫn cơ bản nhất trí về đường lối và những vấn đề nguyên tắc lớn”

Sách lược của Mao là làm yên lòng Lâm Bưu, rồi vật dần lông cánh của Lâm.

Ngày 6-11, Mao cho công bố quyết định thành lập Tổ Tuyên truyền-tổ chức Trung ương do Khang Sinh làm Tổ trưởng, và năm tổ viên: Giang Thanh, Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên, Kỷ Đăng Khuê, Lý Đức Sinh. Tổ này phụ trách công tác của Ban Tổ chức Trung ương, Trường Đảng Trung ương, Nhân dân nhật báo, Tạp chí Hồng Kỳ, Tân Hoa Xã, Cục Phát thanh-truyền hình, Quang minh nhật báo, Cục Biên dịch Trung ương. Chức Tổ trưởng của Khang Sinh chỉ là danh nghĩa, Kỷ Đăng Khuê và Lý Đức Sinh bận quá nhiều việc quân đội và chính quyền, chỉ là hai dải áo, thực quyền của bộ máy này nằm trong tay Giang Thanh. Nó chính là “Tổ cách mạng văn hoá” đã xoá bỏ sau Đại hội 9 nay sống lại dưới tên gọi khác, là biến dạng của Ban Bí thư, là “Tổ làm việc Trung ương” đối kháng “Tổ làm việc Quân uỷ Trung ương”. Mười ngày sau, Tổ ra chỉ thị triển khai cuộc vận động phê phán Trần Bá Đạt, chỉnh phong.

Mao tổng kết 3 chiêu trong cuộc đấu tranh với tập đoàn Lâm Bưu là:

1. Ném đá (phê vào các bản kiểm điểm của Diệp Quần, Ngô Pháp Hiến... rồi công bố trong toàn Đảng);
2. Trộn cát (cử những người không thuộc Dã chiến quân thứ 4 như Kỷ Đăng Khuê, Trương Tài Thiên vào Tổ làm việc Quân uỷ Trung ương);
3. Khoét chân tường (cải tổ Ban lãnh đạo Đại quân khu Bắc Kinh).

Mao Trạch Đông phê bình Tổ làm việc Quân uỷ Trung ương không phê phán Trần Bá Đạt. Ngày 20-2-1971, Tổ viết báo cáo kiểm điểm về vấn đề này. Mao phê vào báo cáo trên: “Vì sao mấy đồng chí cứ bị động mãi về vấn đề phê phán Trần Bá Đạt? Phải suy nghĩ kỹ vấn đề này, biến bị động thành chủ động”.

Phê Trần là cái cớ, thật ra Mao muốn họ tố cáo và phê phán Lâm Bưu.

Hội nghị phê Trần, chỉnh phong tổ chức tại Bắc Kinh từ 15 đến 29-4, chủ yếu giải quyết vấn đề Hoàng Vĩnh Thắng, Ngô Pháp Hiến, Diệp Quần, Lý Tác Bằng, Khưu Hội Tác.

Ngày 19, Lâm Bưu về Bắc Kinh nhằm ổn định tinh thần họ.

Ngày 29, Mao uỷ quyền Chu Ân Lai kết luận hội nghị, nội dung chính là: “Trước, trong và sau Hội nghị Lư Sơn, năm đồng chí trong Tổ làm việc Quân uỷ Trung ương về chính trị mắc sai lầm phương hướng, đường lối, về tổ chức mắc sai lầm về phái, nhưng tính chất sai lầm vẫn là vấn đề nội bộ nhân dân, hoàn toàn khác với tính chất của phần tử chống cộng Trần Bá Đạt”.

Mao vẫn chưa đạt mục đích ép Lâm kiểm điểm. Lâm có gửi cho Mao một lá thư, nhưng không phải kiểm điểm, mà là đặt điều kiện. Trong thư, Lâm cho rằng giữa hai người vẫn có lợi ích chung, là củng cố thành quả Đại cách mạng văn hoá. Lâm khuyên Mao trong 10 năm, không cách chức, không chặt đầu người của Lâm, thì có thể đảm bảo 10 năm không loạn. Diệp Quần cho rằng Mao không thể chấp nhận điều kiện trên, nên không cho chuyển thư đi. Lâm thấy mình có lý vì đã “phụng mệnh hành sự” (đề nghị đặt chức Chủ tịch nước theo ý Mao) nên nhiều lần đề nghị gặp Mao, trực tiếp nói rõ mọi chuyện, nhưng Mao biết mình đuối lý, dứt khoát không gặp, cũng như đối với Cao Cương trước đây.

Để yên lòng Lâm Bưu, Mao bảo Giang Thanh chụp cho Lâm bức ảnh đầu trần, đang chăm chú đọc tác phẩm của Mao. Ảnh chụp 6-9, ký tên Tuấn Linh, đăng trên bìa đầu “Báo ảnh Nhân dân” và “Báo ảnh Quân Giải phóng”. Mao muốn nói với Lâm rằng: dù phong trào “phê Trần, chỉnh phong” diễn ra sôi động, Hoàng, Ngô, Diệp, Lý, Khuru đã kiểm điểm, nhưng đến lúc này, vị trí người kế tục của Lâm không lung lay. Đồng thời, Mao cũng muốn chứng tỏ với toàn đảng, toàn quân, toàn dân rằng quan hệ Mao-Lâm rất thân thiết, che đậy cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc ở tầng lớp cao.



Chương 33

Tướng quân bách chiến thân danh liệt

Sau thất bại ở Lư Sơn, Lâm Bưu muốn sử dụng vũ lực. Tháng 10-1970, Hạm đội liên hợp chính thức thành lập do Lâm Lập Quả làm Tư lệnh, Chu Vũ Trì làm Chính uỷ. Các thành viên nòng cốt của Hạm đội được bí mật lựa chọn kỹ từ Bộ Tư lệnh Không quân, các Quân đoàn không quân ở Thượng Hải, Vũ Hán, Quảng Châu, Nam Kinh, Hàng Châu.

Ngày 24-1-1971, Mao đột ngột quyết định cải tổ Đại quân khu Bắc Kinh. Diệp Quần sợ quá, giục Lâm Bưu sớm có quyết định. Nội bộ tập đoàn Lâm Bưu có hai mảng. Một là loại tướng tá lão thành, đứng đầu là Hoàng Vĩnh Thắng, Ngô Pháp Hiến, Lý Tác Bằng, Khuru Hội Tác. Họ đều là thân tín của Lâm Bưu, từng cùng Lâm nam chinh bắc chiến, vào sinh ra tử, nhưng khi phải lựa chọn giữa Mao và Lâm, họ lại do dự, không dám phiêu lưu. Quyền điều động quân đội tập trung trong tay Chủ tịch Quân uỷ Trung ương Mao Trạch Đông, điều động một trung đội cũng phải được Mao phê chuẩn, Lâm Bưu là Phó Chủ tịch Quân uỷ kiêm Bộ trưởng Quốc phòng không được quyền điều động một trung đội. Tổng tham mưu trưởng Hoàng Vĩnh Thắng trở xuống càng không có quyền ấy. Vì vậy, tuy Lâm có ý làm phản, nhưng không hề nói với Hoàng, Ngô, Lý, Khuru. Hai là các thành viên Hạm đội liên hợp do Lâm Lập Quả đứng đầu là những kẻ có dã tâm, dám phiêu lưu, sẵn sàng liều mạng để đạt mục đích. Trong tình hình bị Mao dồn ép từng bước, ý kiến của Hạm đội liên hợp chiếm tư thế. Tư tưởng chủ đạo của vợ chồng Lâm Bưu hồi đó là “nổi lên chống lại còn hơn ngồi chờ chết”. Lâm từng nói với Diệp:

- Bí quyết đảo chính là hai chữ QUYỀN và NHANH. Các cuộc đảo chính hiện đại có thể đoạt quyền trong một buổi sớm. Làm đảo chính, cái giá đoạt quyền phải nhỏ nhất, nhỏ nhất, nhỏ nhất, thu hoạch phải lớn nhất, lớn nhất, lớn nhất, thời gian phải nhanh nhất, nhanh nhất, nhanh nhất, nhưng tìm được một thích khách như Chuyên Chư cũng khó nhất, khó nhất, khó nhất.

Chỉ cần tìm được một thích khách như Chuyên Chư, giết phẳng Mao Trạch Đông, là có thể nắm chính quyền trong tay. Trong giai đoạn đầu đảo chính, Lâm Bưu dựa vào Hạm đội của Lâm con, mà không sử dụng Hoàng, Ngô, Lý, Khuru, việc này có lý do của nó. Từ 21 đến 24-3-1971, tại căn hầm toà nhà số 889 đường Cự Lộ Thượng Hải, theo lệnh Lâm bố, Lâm con cùng Chu Vũ Trì, Vu Tân Dã, Lý Vĩ Tín, nghiên cứu thảo luận “kế hoạch khởi nghĩa vũ trang”. Cuộc đảo chính vũ trang có tâm mưu tính đã bước vào giai đoạn thực thi.

Lâm Lập Quả nêu 3 khả năng Lâm Bưu tiếp quản quyền lực: một là quá độ hoà bình, đợi 5,6 năm vẫn chưa được tiếp quản, trong thời gian trên có thể thay đổi lớn, chưa chắc Lâm giữ được vị trí hiện nay; hai là Lâm bị người khác thay thế; ba là tiếp quản quyền lực sớm, biện pháp là trừ phẳng B-52 (Mao), thực hiện khởi nghĩa vũ trang. Lập Quả thay mặt Lâm Bưu trao cho Vu Tân Dã nhiệm vụ vạch kế hoạch hành động, mang mật danh “Kỷ yếu công trình 571” (571 đồng âm với cụm từ “khởi nghĩa vũ trang”).

Cốt lõi của kế hoạch hành động này là giết Mao, nói Mao không phải người Mác xít chân chính, mà là hôn quân phong kiến lớn nhất trong hách sử, thực hiện đạo Không Mạnh, khoác áo Mác-Lenin, cai trị kiểu Tần Thủy Hoàng; cuộc đấu tranh với Mao là cuộc đấu tranh “một mất một còn”, “hoặc chúng ta xoi gợn hấn, hoặc hấn nuốt chửng chúng ta”. Có hai thời cơ chiến lược: “một là khi chuẩn bị tốt rồi, có thể xoi gợn đôi phương, hai là khi phát hiện kẻ thù há rộng miệng định nuốt chửng chúng ta, khi ấy dù chuẩn bị tốt hay chưa, cũng phải một trận sống mái”. Sách lược do kế hoạch trên đưa ra là: “Giương ngọn cờ B-52 đánh vào lực lượng của B-52”, “lợi dụng cuộc họp cấp cao quảng mẽ lưới bắt gọn, hoặc “trước tiên chặt hết móng vuốt, tạo ra sự thật đã rồi, buộc B-52 nghe lời”, hoặc “dùng các phương tiện đặc chủng như hơi độc, vũ khí vi trùng, máy bay ném bom, tên lửa, tai nạn ô tô, ám sát, bắt cóc, phân đội du kích ở thành thị... để giết Mao Trạch Đông”.

Sau đó, Lâm Lập Quả cho thành lập đội huấn luyện quân sự cho cán bộ cơ sở, thực chất là các phân đội cơ động có sức chiến đấu mạnh ở Thượng Hải.

Hình như nhận ra dấu vết tập đoàn tâm Bưu sắp nổi loạn, ngày 15-8-1971, Mao Trạch Đông rời Bắc Kinh tuần du phương Nam, nhằm nhắc nhở lãnh đạo các địa phương cần vạch rõ ranh giới với Lâm Bưu. Từ 16 đến 27-8 tại Vũ Xương, Mao lần lượt gặp Chính uỷ Đại quân khu Vũ Hán Lưu Phong, Bí thư thứ nhất Tỉnh uỷ Hà Nam Lưu Kiên Huân, Tư lệnh Quân khu tỉnh Vương Tân, Bí thư thứ nhất Tỉnh uỷ Hồ Nam Hoa Quốc Phong, điểm tên phê phán Lâm Bưu và đồng đảng tổ chức tập kích bất ngờ tại Hội nghị Lư Sơn.

“Tôi không tin Hoàng Vĩnh Thắng chỉ huy nổi Quân Giải phóng làm phản! Bên dưới còn có các sư đoàn, trung đoàn, còn có các cơ quan chính trị, hậu cần, anh điều động quân đội làm phản, ai nghe theo?”

Ngày 28-8. Mao đến Trường Sa, lần lượt gặp lãnh đạo các tỉnh Hồ Nam, Quảng Đông, Quảng Tây. Mao nói với Tư lệnh Đại quân khu Quảng Châu Đinh Thịnh, Chính uỷ Lưu Hưng Nguyên:

Mao trạch Đông – Ngàn năm công tội

- Các ông quan hệ với Hoàng Vĩnh Thắng mật thiết như vậy, Hoàng đồ, các ông thế nào?

Câu nói đáng chú ý nhất của Mao tại đây là:

- Tôi dự định 23-9 về Bắc Kinh, 25 đến 29-9 họp Hội nghị Trung ương 3 khoá 9. Hội nghị sẽ nêu ra sai lầm của Lâm Bưu, cử thêm Trương Xuân Kiêu, Lý Đức Sinh vào Thường vụ Bộ chính trị, Trương Xuân Kiêu làm Phó Chủ tịch Đảng.

Ngày 31-8, Mao đến Nam Xương, gặp Tư lệnh Đại quân khu Nam Kinh Hứa Thế Hữu, Tư lệnh Đại quân khu Phúc Châu Hàn Tiên Sở, Chủ nhiệm Ủy ban cách mạng Giang Tây Trình Thế Thanh. Mao phê phán Lâm Bưu và phe cánh tổ chức tập kích bất ngờ, hoạt động bí mật, có kế hoạch, có tổ chức, có cương lĩnh... Mao nói:

- Hội nghị Lư Sơn mới giải quyết vấn đề Trần Bá Đạt, chưa đụng đến Lâm Bưu. Đương nhiên Lâm phải chịu một số trách nhiệm. Đối với Lâm vẫn phải theo phương châm ngăn ngừa trước ngừa sau, trị bệnh cứu người, song với những vụ mắc sai lầm về nguyên tắc lớn, sai lầm về đường lối, phương hướng, thì người đứng đầu cũng khó sửa lỗi.

Trình Thế Thanh xin gặp riêng Mao, tố cáo ba việc:

1. Trong thời gian Hội nghị Lư Sơn, Diệp Quần bảo Trình phải kiên trì yêu cầu đặt chức danh Chủ tịch nước;
2. Thượng tuần tháng 7, Chu Vũ Trì đến Nam Xương, dùng máy bay chở đi số xe lội nước mà họ nhờ Nhà máy Giang Nam chế tạo.
3. Lâm Lập Hằng (con gái Lâm Bưu) có lần đến Nam Xương ở tại nhà Trình, đã nghiêm túc nói với bà vợ ông ta: “Sau này bớt đi lại với nhà họ Lâm, làm không tốt mất đầu đuôi”. Thông tin trên khiến Mao thêm cảnh giác.

0 giờ ngày 3-9, Mao từ Nam Xương tới Hàng Châu, cho gọi lãnh đạo tỉnh Chiết Giang, và Chính uỷ Quân đoàn 5 Không quân Trần Lệ Vân đến gặp trên chuyên xa. Lệ Vân là thành viên Hạm đội liên hợp, được Lâm Lập Quả cử đứng đầu lực lượng này ở Hàng Châu. Lệ Vân vừa đến, Mao nghiêm mặt chất vấn:

- Quan hệ của anh với Ngô Pháp Hiến thế nào? Tại Lư Sơn, Ngô Pháp Hiến đã tìm gặp mấy người, trong đó có anh. Vương Duy Quốc ở Thượng Hải và một người nữa ở Phúc Kiến. Tám uỷ viên Trung ương trong Không quân các anh đã làm những gì rồi?

Trần Lệ Vân cúi gầm mặt. Mao nói tiếp:

- Các anh bị lừa dối. Đối với những người mắc sai lầm vẫn là trị bệnh cứu người. Phải theo chủ nghĩa Mác-Lenin, không theo chủ nghĩa xét lại, phải đoàn kết, chớ chia rẽ, phải quang minh chính đại, chớ giấu mờ ma chước quỷ. Tôi cũng không hiệu mấy viên đại tướng hiện nay (chỉ Hoàng, Ngô, Lý, Khưu), cũng không rõ tình hình tư tưởng Hoàng Vĩnh Thắng hiện nay ra sao. Tôi không tin quân đội muốn tạo phản. Quân đội phải thống nhất, phải chỉnh đốn...

Nghe Mao nói, Trần Lệ Vân thấy như sét đánh ngang tai, đâu dám thực hiện nhiệm vụ của Hạm đội liên hợp nữa.

Lúc đó, từ biệt thự ven biển Bắc Đới Hà, Lâm Bưu và Diệp Quần tìm mọi cách thăm dò lịch trình của Mao trong chuyến đi này, cũng như việc Mao gặp những ai, nói những gì để lựa chọn thời cơ ra tay. Đêm 5-9, Tham mưu trưởng Không quân Quảng Châu Cố Đồng Chu mật báo Chu Vũ Trì nội dung cuộc đàm thoại giữa Mao với Hoa Quốc Phong, Đinh Thỉnh, Lưu Hưng Nguyên. Chiều 6-9-1971, Chu Vũ Trì đáp máy bay lên thẳng tới Bắc Đới Hà trao cho Lâm Lập Quả. Đọc xong bản ghi qua điện thoại dài tới 16 trang, Lâm Bưu và Diệp Quần lòng như lửa đốt. Đến đoạn “Ngày 23-9 Mao về Bắc Kinh, 25 đến 29 họp Hội nghị Trung ương 3 khoá 9. Hội nghị sẽ nêu ra sai lầm của Lâm Bưu, cử thêm Trương Xuân Kiêu và Lý Đức Sinh vào Thường vụ Bộ chính trị, Trương Xuân Kiêu làm Phó Chủ tịch Đảng”, Lâm Bưu tức điên lên, quyết một trận sống mái.

6 giờ sáng 6-9, nhân dịp cùng Tham mưu trưởng quân đội Triều Tiên tới Vũ Hán, Lý Bằng đã bí mật gặp Chính uỷ Đại quân khu Vũ Hán Lưu Phong. Trở về Bắc Kinh trong ngày, Lý Bằng đã báo cáo Hoàng Vĩnh Thắng nội dung phát biểu của Mao tại Vũ Hán do Lưu Phong vừa mật báo. Hoàng thông báo ngay cho Diệp Quần qua đường điện thoại bảo mật.

Ngày 7-9, Chu Vũ Trì quay lại Bắc Kinh, trao cho Giang Đăng Giao nhiệm vụ chỉ huy giết Mao Trạch Đông, khi đoàn tàu chở Mao qua Thượng Hải trên đường trở về Bắc Kinh dự Quốc khánh.

Mao nghỉ tại biệt thự Uông Trang một tuần. Uông Đông Hưng kể lại, tối 8-9, một “đồng chí tốt” cho người đến ngầm nói với Mao: “ở Hàng Châu có người chuẩn bị máy bay, có người chỉ trích chuyên xa của Chủ tịch cản trở họ đi lại”. Uông nửa đêm gọi điện cho Trần Lệ Vân bàn việc di chuyển chuyên xa, Trần thoái thác “bận việc”, cho thư ký đến gặp. Tình hình đó thôi thúc Mao quyết đoán di chuyển sớm. 13 giờ 40 phút ngày 10, Mao rời Thiệu Hưng. 15 giờ 35 phút rời ga Hàng Châu, 18 giờ 10 phút tới Thượng Hải.

9 giờ tối 8-9, Lâm Lập Quả lên máy bay Trident số 256 về Bắc Kinh, mang theo lệnh viết tay:

“Làm theo mệnh lệnh do các đồng chí Lập Quả, Vũ Trì truyền đạt.

Ngày 8-9

Lâm Bưu”

11 giờ 30 tối 8-9, tại cứ điểm bí mật trong sân bay Tây Giao (Bắc Kinh), Lâm Lập Quả nói:

- Tình hình rất khẩn cấp, chúng ta đã quyết định ra tay tại Thượng Hải. Chúng ta nghiên cứu ba biện pháp. Một là dùng súng phun lửa, B.40 tấn công chuyên xa của Mao, lại là dùng pháo cao xạ 100 ly bắn thẳng vào chuyên xa. Ba là Vương Duy Quốc mang theo súng ngắn, nhân lúc gặp Mao, ra tay trên xe lửa.

Lập Quả quay sang Giang Đăng Giao:

- Ông xuống Thượng Hải thống nhất chỉ huy, chỉ có ông đảm đương nổi việc này. Sau khi Thượng Hải khởi sự, Vương Phi chỉ huy tiểu đoàn cảnh vệ trực thuộc Bộ Tư lệnh Không quân đánh vào Điều Ngự Đài. Thủ trưởng (Lâm Bưu) nói rồi, ai hoàn thành nhiệm vụ, người đó là khai quốc nguyên huân.

Giang Đăng Giao nêu ý kiến:

- Nếu chuyên xa dừng tại sân bay Hồng Kiều Thượng Hải, thì cho nổ kho dầu gần đó, lợi dụng tình trạng nhốn nháo khi cứu hỏa, xông lên thịt luôn B-52. Thêm một phương án nữa là đánh sập cầu Thạc Phóng, khi chuyên xa di chuyển giữa Thượng Hải và Tô Châu.

Đến Thượng Hải, Mao ở luôn trên chuyên xa. Ông Đông Hưng lệnh cho lực lượng cảnh vệ địa phương rút hết ra ngoại vi. Ông trực tiếp chỉ huy cảnh vệ thiện chiến thuộc Trung đoàn cảnh vệ trung ương, bố trí bảo vệ nghiêm ngặt, đặt cả trạm gác tại kho dầu sân bay cách chuyên xa 150 mét. Mao cho gọi Tư lệnh Đại quân khu Nam Kinh Hứa Thế Hữu đến ngay Thượng Hải. Sáng 11, Hứa vừa xuống máy bay, liền cùng Vương Hồng Văn (Phó Chủ nhiệm Ủy ban cách mạng Thượng Hải) được đưa ngay lên chuyên xa gặp Mao. Vương Duy Quốc nhận nhiệm vụ mưu sát Mao, y giấu súng ngắn trên xe hình như bị phát giác; nên không được tiếp cận chuyên xa. Mao bảo Vương Hồng Văn mời Hứa Thế Hữu và mọi người ăn trưa, Hồng Văn cố tình kéo cả Duy Quốc cùng đi. Bữa trưa kéo dài hai giờ, Vương Duy Quốc không sao rời nổi bàn ăn.

13 giờ 12 phút ngày 11-9, Mao hạ lệnh đoàn tàu lập tức chuyển bánh, không cho một ai biết. Nghĩa là vào lúc Vương Duy Quốc và đồng đảng còn đang do dự, đùn đẩy nhau về các phương án mưu sát Mao, thì đoàn chuyên xa của Mao đã rời Thượng Hải, chạy như bay trên tuyến đường sắt Phố Khẩu-Thiên Tân. Trạm đầu tiên là Tô Châu. Cầu Thạc Phóng nằm giữa Tô Châu và Vô Tích, Hạm đội liên hợp đã xem xét địa hình, thiết kế vị trí đặt thuốc nổ, nhưng họ vẫn theo phương án ngày 23-9 Mao về Bắc Kinh, nên mọi việc chưa triển khai. Đoàn chuyên xa của Mao an toàn qua cầu, 18 giờ 35 phút đến Nam Kinh, dừng lại 15 phút, Hứa Thế Hữu đứng trên sân ga chỉ huy bảo vệ đoàn tàu. Qua Nam Kinh là thoát khỏi vùng nguy hiểm. 13 giờ 10 phút ngày 12-9-1971, đoàn tàu về đến ga Phong Đài. Do Ông Đông Hưng thông báo trước, Tư lệnh Đại quân khu Bắc Kinh Lý Đức Sinh, Chính ủy thứ hai Kỷ Đăng Khuê, Chủ nhiệm Ủy ban cách mạng Bắc Kinh Ngô Đức, Tư lệnh khu cảnh vệ Bắc Kinh Ngô Trung đã có mặt. Mao hỏi han tình hình Bắc Kinh, rồi lệnh cho Lý Đức Sinh điều một sư đoàn thuộc Quân đoàn 38 đến cửa Nam Bắc Kinh chờ lệnh. 16 giờ 5 phút ngày 12, đoàn tàu về đến ga Bắc Kinh, trong sự bảo vệ nghiêm ngặt.

Mao lên ô tô về Trung Nam Hải.

Đêm 11-9, Vương Duy Quốc gọi điện thoại cho Chu Vũ Trì, hỏi hả nói, quên cả mặt danh và ám ngữ: “Chuyên xa của Mao Chủ tịch đã rời Thượng Hải trưa nay”.

Lâm Lập Quả nghe tin bật khóc. Tại biệt thự số 86 trên núi Liên Phong, Bắc Đới Hà, Lâm Bưu nghe tin mặt tái xanh, đôi mắt trăn trăn như tượng gỗ. Kế hoạch mưu sát Mao Trạch Đông hoàn toàn phá sản, Lâm Bưu quyết định thực hiện phương án 2, đem theo 5 uỷ viên Bộ chính trị Hoàng, Ngô, Diệp, Lý, Khưu xuống Quảng Châu, lập Trung ương riêng, đối kháng Mao. Tám máy bay, trong đó có 2 chiếc Trident, 2 chiếc Il-18, 1 chiếc lên thẳng Skylark được chuẩn bị để thực thi

phương án này, phía Quảng Châu đã được lệnh sẵn sàng tiếp nhận máy bay hạ cánh, và bố trí phòng ở trên núi Bạch Vân.

15 giờ 12-9, Diệp Quân tổ chức lễ đính hôn cho con gái là Lâm Lập Hằng và Trương Thanh Lâm. Buổi tối tổ chức chiêu phim Hồng Công, số cảnh vệ và nhân viên phục vụ không trực ban đều bị hút cả nào đó. 20 giờ 10 phút, Lâm Lập Quả từ Bắc Kinh trở về, lưng giắt súng ngắn, tặng chị một bó hoa tươi chúc mừng, rồi vội vã vào phòng Lâm Bưu.

Lập Hằng lặng lẽ theo dõi, thấy tình hình khác thường, liền thông qua Đại đội trưởng cảnh vệ Phương Tác Thọ, báo cáo Trung ương. Mao Trạch Đông ra lệnh Trung Nam Hải và Điều Ngự Đài vào báo động chiến đấu cấp 1.

22 giờ 30 phút, Ưông Đông Hưng báo cáo Chu Ân Lai, lúc ấy đang họp tại Nhà Quốc hội. Một lát sau, Ưông lại nhận được báo cáo thứ 2 của Lâm Lập Hằng: “Có một máy bay Trident đậu trên sân bay Sơn Hải Quan”.

Chu cho ngừng ngay cuộc họp, trở về phòng làm việc, gọi điện báo Ngô Pháp Hiến làm rõ việc này. Pháp Hiến báo cáo:

- Đúng là có một máy bay đến Sơn Hải Quan, Hồ Bình nói đây là máy bay bay thử, sau khi sửa chữa. Tôi yêu cầu cho máy bay quay lại, Hồ Bình nói máy bay có chút trục trặc, tạm thời chưa thể bay trở lại.

Sân bay Sơn Hải Quan thuộc Hải quân, Chu gọi điện cho Lý Tác Bằng nêu rõ:

- Phải có 4 người Chu Ân Lai, Hoàng Vĩnh Thắng, Ngô Pháp Hiến, Lý Tác Bằng cùng ra lệnh, chiếc máy bay ở Sơn Hải Quan mới được cất cánh. Sự nhậy bén, lão luyện của Chu khiến người ta khâm phục, một cú điện thoại trên đã phá tan âm mưu của Lâm Bưu chạy xuống Quảng Châu lập Trung ương riêng.

23 giờ 30 phút, Lâm Lập Quả nhận được điện thoại của Chu Vũ Trì:

- Hồng rồi, Thủ tướng đã điều tra chiếc máy bay 256. Thủ tướng đòi đưa máy bay trở lại Bắc Kinh.

Đang lúc nhà họ Lâm bàn đối sách, chuông điện thoại lại reo lên.

Diệp Quân nhắc ống nghe, tiếng Chu Ân Lai quen thuộc:

- Đồng chí Diệp Quân, Lâm Phó Chủ tịch khỏe không?

- Đồng chí Lâm Bưu rất khỏe.

- Bắc Đới Hà có một chiếc máy bay, đồng chí có biết không?

- Có biết, con tôi bay đến đấy. Bố cháu nói nếu ngày mai thời tiết tốt, sẽ bay dạo trên trời.

- Phải chăng rời đi nơi khác?
- Vốn định đi Đại Liên, ở đây thời tiết lạnh rồi.
- Bay đêm không an toàn đâu.
- Chúng tôi không bay đêm, đợi sáng mai hoặc trưa mai thời tiết tốt mới bay.
- Đừng bay nữa, không an toàn: Nhất định phải nắm chắc tình hình thời tiết.

Chu Ân Lai chủ yếu nhắc nhở họ thời tiết chính trị không tốt hành động phiêu lưu không an toàn, rồi nói tiếp:

- Tôi muốn xuống Bắc Đới Hà thăm đồng chí Lâm Bưu.

Diệp Quần cuống lên:

- Thủ tướng đừng đến, đồng chí đến thì Lâm Bưu sẽ căng thẳng, Thủ tướng dứt khoát đừng đến.

Lâm và Diệp cho rằng kế hoạch của họ bị lộ rồi. Chu Ân Lai đến thì chỉ còn nước ngồi chờ làm tù binh. Lâm bảo Diệp:

- Tôi cũng không nghỉ ngơi nữa, chẳng nào thì đêm nay cũng không ngủ nổi. Mọi người nhanh chóng lấy đồ đạc. Chúng ta đi ngay.

Khu biệt thự yên tĩnh bỗng trở nên rối loạn. 23 giờ 40 phút, chiếc xe Hồng Kỳ chống đạn cỡ lớn của Lâm Bưu lao ra với tốc độ trên 100 km/giờ. Đại đội trưởng Không Tác Thọ đứng giữa đường ra hiệu cho xe dừng lại. Diệp Quần ra lệnh:

- Bộ đội 8341 không trung thành với Thủ tướng, lao qua!

Nếu Tác Thọ không đề phòng từ trước, chắc đã bị cán chết. Tham mưu cảnh vệ Lý Văn Phổ ngồi bên lái xe vẫn tưởng chuyện này đi Đại Liên, khi nghe Lâm Bưu hỏi Lập Quả “Đến Irkutsk còn bao xa?”, liền lớn tiếng hét dừng xe, lái xe phanh lại theo thói quen. Lý nhảy xuống xe, hỏi: “Các người đưa thủ tướng đi đâu?” Lâm Lập Quả rút súng bắn luôn. Chiếc xe lại lao vút lên như điên, đến sân bay Sơn Hải Quan lúc 0 giờ 18 phút ngày 19-9-1971.

14 phút sau, chiếc Trident số 256 chở đoàn Lâm Bưu do Phan Cảnh Diễn điều khiển cất cánh bay về hướng Irkutsk, trong tình trạng không có lái phụ, hoa tiêu và nhân viên bảo vệ. Sân bay điện báo cáo Lý Tác Bằng, ý thoái thác “có thể trực tiếp báo cáo Thủ tướng”. Chu Ân Lai được tin, lệnh cho Sở chỉ huy Không quân dùng đài đối không liên lạc với Phan Cảnh Diễn, yêu cầu bay trở lại, có thể hạ cánh tại sân bay Thủ đô hoặc Tây Giao. Ngô Pháp Hiến trực tiếp cầm máy liên tục gọi Phan, nhưng không thấy trả lời. Ngô gọi điện cho Uông:

- Máy bay của Lâm Bưu sẽ từ hướng Trương Gia Khẩu bay khỏi Hà Bắc, đi vào Nội Mông, có cho máy bay tiêm kích chặn lại không?

Ông báo cáo Mao, Mao nói:

- Lâm Bưu vẫn là Phó Chủ tịch Đảng ta. Trời phải mưa, con gái phải lấy chồng, cứ để ông ta bay đi.

1 giờ 50 sáng 13-9-1971, chiếc máy bay 256 vượt biên giới, bay vào vùng trời Mông Cổ. Chu Ân Lai cho ban bố lệnh cấm không: không một máy bay nào được cất cánh, nếu không có lệnh do Chủ tịch Mao Trạch Đông, Phó Chủ tịch Lâm Bưu, Thủ tướng Chu Ân Lai, Tổng tham mưu trưởng Hoàng Vĩnh Thắng và Tư lệnh Không quân Ngô Pháp Hiến liên danh ký tên.

Hơn 3 giờ sáng 13-9, Bộ Tư lệnh Không quân báo cáo: chiếc máy bay lên thẳng số 3685 bay khỏi sân bay Sa Hà, trên máy bay có Chu Vũ Trì, Vu Tân Dã, Lý Vĩ Tín, lái chính Trần Văn Tu, lái phụ Trần Sĩ Ấn. Trần Văn Tu không làm theo lệnh của các thành viên Hạm đội liên hợp, cho máy bay vòng lại, hạ cánh xuống một hẻm núi ở ngoại thành Bắc Kinh. Chu Vũ Trì nổ súng bắn chết Trần Văn Tu, Trần Sĩ Ấn nằm im vờ chết. Ba thành viên Hạm đội liên hợp hèn nhau cùng tự sát. Chu Vũ Trì và Vu Tân Dã chết ngay. Lý Vĩ Tín bắn chỉ thiên, bị bắt.

Chiều 14-9, Thủ tướng Chu nhận được báo cáo của Đại sứ Trung Quốc tại Mông Cổ: 3 giờ sáng 13-9; chiếc máy bay Trident số hiệu 256 của Hãng không dân dụng Trung Quốc bị rơi tại tỉnh Chentij gần Underkhan Mông Cổ, cả 9 người trên máy bay đều chết. Sau qua giám định, được biết 9 người trên gồm Lâm Bưu, Diệp Quần, Lâm Lập Quả, Lưu Bái Phong, cùng phi công, lái xe, và 3 kỹ sư cơ khí.



Chương 34

Nixon mang đến cho Mao chiếc ô bảo hộ hạt nhân

Sáng 13-9, Mao Trạch Đông uỷ thác Chu Ân Lai triệu tập cuộc họp Bộ Chính trị, thông báo vụ Lâm Bưu bỏ chạy, đồng thời chuẩn bị chiến đấu khẩn cấp, bố trí bảo vệ Bắc Kinh, đề phòng các sự kiện đột phát. Chu còn trực tiếp gọi điện thoại cho lãnh đạo 29 tỉnh và thành phố trực thuộc, thông báo vụ Lâm Bưu, yêu cầu các nơi có biện pháp khẩn cấp, kiểm soát tình hình.

Ngày 3-10, theo đề nghị của Chu, Mao đồng ý xoá bỏ Tổ làm việc Quân uỷ Trung ương, bắt Hoàng Vĩnh Thắng, Ngô Pháp Hiến, Lý Tác Bằng, Khuru Hội Tác, thành lập Hội nghị làm việc Quân uỷ Trung ương gồm 10 thành viên, do Diệp Kiếm Anh chủ trì. Mao dặn họ: “Phạm thảo luận những vấn đề lớn, phải mời Thủ tướng tham gia”.

Ngày 25-10, với đa số áp đảo, Đại hội đồng Liên hợp quốc khoá 26 thông qua nghị quyết khôi phục mọi quyền hợp pháp của Trung Quốc trong tổ chức này. Mao chỉ thị cử ngay phái đoàn do Kiều Quán Hoa dẫn đầu sang New York dự hội nghị.

Sự kiện 13-9 tuyên cáo Đại cách mạng văn hoá phá sản.

Mao quyết định mở ra cục diện mới về ngoại giao làm cho nhân dân phấn chấn, giữ vững thế trận. Mao càng quyết tâm cải thiện quan hệ Trung-Mỹ.

Mao Trạch Đông – Ngàn năm công tội

Liên quan đến vấn đề này, phải bắt đầu từ vụ xung đột Trung-Xô trên đảo Trân Bảo (Damansky) tháng 3-1969. Mỹ cho rằng sự kiện trên đánh dấu tình đoàn kết không gì phá vỡ nổi giữa hai nước đã sụp đổ, Trung Quốc sẽ tạm thời cùng Mỹ đối phó với Liên Xô.

Ngày 20-8-1969, Đại sứ Liên Xô tại Mỹ xin gặp khẩn cấp tiền sĩ Kissinger, Cố vấn an ninh quốc gia của Tổng thống Mỹ, thông báo Liên Xô dự định thực thi đòn tấn công hạt nhân vào Trung Quốc, và trung cầu ý kiến Mỹ về vấn đề này. Sau khi triệu tập khẩn cấp Hội đồng an ninh quốc gia bàn bạc, Nixon cho rằng mối đe dọa lớn nhất đối với các nước phương Tây đến từ Liên Xô, sự tồn tại của một nước Trung Hoa lớn mạnh phù hợp lợi ích chiến lược của phương Tây.

Nixon áp dụng hai biện pháp lớn giúp Trung Quốc. Một là kịp thời cho Trung Quốc biết thông tin chiến lược quan trọng này. Hồi đó hai nước chưa có quan hệ ngoại giao, trên danh nghĩa, đế quốc Mỹ vẫn là kẻ thù số một của Trung Quốc.

Tờ Washington Star ngày 28-8 đăng ở vị trí nổi bật tin sau:

“Theo nguồn tin đáng tin cậy, Liên Xô định dùng tên lửa đạn đạo tầm trung mang đầu đạn hạt nhân đương lượng vài triệu tấn, tiến hành đòn tấn công hạt nhân kiểu phẫu thuật ngoại khoa vào các căn cứ quân sự quan trọng của Trung Quốc, và các thành phố công nghiệp quan trọng như Bắc Kinh, Trường Xuân, An Sơn”.

Đọc tin trên, các nguyên soái Diệp Kiếm Anh, Trần Nghị, Từ Hướng Tiền, Nhiếp Vinh Trăn cho rằng cuộc tấn công hạt nhân của Liên Xô đã ở ngay trước mắt, họ liên danh cảnh báo Trung ương. Chu Ân Lai hỏi Mao:

- Bốn lão soái cho rằng có nhiều khả năng Liên Xô sẽ tập kích vào dịp Quốc khánh năm nay. Vậy có tổ chức mít tinh mừng Quốc khánh nữa không?

Mao nói vẫn phải tổ chức mít tinh, nếu không chẳng khác gì bảo mọi người rằng mình sợ. Chu lo ngại, Mao cười:

- Liệu có thể cho nổ hai quả bom hạt nhân, hù dọa một chút chơi. Để họ cũng căng thẳng hai ngày, đợi họ hiểu rõ vấn đề thì ngày lễ của chúng ta cũng qua rồi.

Chu hỏi nên cho nổ vào ngày nào? Mao nói không thể sớm, cũng không thể muộn, vào 28, 29 là được.

Ngày 28 và 29-9-1969, Trung Quốc cho nổ thành công hai quả bom hạt nhân, các trung tâm đo đạc và vệ tinh của Mỹ và Liên Xô đều thu được tín hiệu hữu quan. Mọi lần Trung Quốc thử hạt nhân đều công bố tin tức, tổ chức chúc mừng, song lần này lặng im, khiến bên ngoài bàn tán, nói chung họ cho rằng hai cuộc thử hạt nhân này là một biện pháp trắc nghiệm trước khi lâm trận.

Sau đó, Mao ra lệnh cả nước đào hầm sâu, dự trữ lương thực ở khắp nơi, chuyển sang tình trạng sẵn sàng chiến đấu. Ngày 28-9, Ban chấp hành trung ương ĐCSTQ kêu gọi chính quyền, nhân dân các tỉnh biên giới và quân đội đóng ở vùng biên cương kiên quyết hưởng ứng lời kêu gọi của Mao “nâng cao cảnh giác, bảo vệ tổ quốc, sẵn sàng đánh giặc”.

Biện pháp quan trọng thứ hai của Mỹ là: bằng tín hiệu rõ ràng nhất, cho Liên Xô thấy phản ứng của Mỹ trong tình hình Liên Xô phát động chiến tranh hạt nhân chống Trung Quốc. Nixon đã sử dụng con bài Mỹ dự trữ từ cuộc khủng hoảng tên lửa Cuba năm 1962: dùng mật mã đã bị Liên Xô giải mã, phát lệnh của Tổng thống cho quân Mỹ chuẩn bị mở cuộc tấn công hạt nhân vào 134 thành phố, căn cứ quân sự, đầu mối giao thông, cơ sở công nghiệp nặng của Liên Xô. Nhận được thông tin trên, lãnh đạo Liên Xô hỏi đại sứ quán Liên Xô tại Mỹ, đại sứ Dobrynin báo cáo:

“Tổng thống Nixon cho rằng lợi ích của Trung Quốc gắn chặt với lợi ích của Mỹ. Nếu Trung Quốc bị tấn công hạt nhân, Mỹ sẽ cho rằng chiến tranh thế giới 3 bắt đầu, và Mỹ sẽ tham chiến đầu tiên. Kissinger tiết lộ Tổng thống đã ký mật lệnh chuẩn bị trả đũa hạt nhân vào hơn 130 thành phố và căn cứ quân sự nước ta. Mỹ sẽ bắt đầu kế hoạch trả đũa khi quả tên lửa đạn đạo đầu tiên của ta rời bộ phóng”.

Phái điều hâu trong điện Kremlin nghe vậy liền xep hơi. Nhờ Mỹ giúp đỡ, Trung Quốc đã thoát khỏi cuộc khủng hoảng hạt nhân nghiêm trọng nhất.

Nixon là phần tử chống cộng nổi tiếng, đồng thời cũng là vị tổng thống Mỹ có đầu óc chiến lược nhất. Vào lúc quan hệ Trung-Xô xấu đi, Nixon bảo vệ Trung Quốc, là xuất phát từ lợi ích chiến lược của Mỹ. Ông ta biết rõ khẩu hiệu “Đả đảo đế quốc Mỹ” của Mao Trạch Đông không thể tồn tại lâu dài, và ông ta chờ đợi Mao chia cảnh ô liu...

Ngày 18-12-1970, gặp nhà báo Mỹ Edgar Snow, Mao tỏ ý hoan nghênh Nixon thăm Trung Quốc. Một thông báo ngắn đồng thời công bố tại Bắc Kinh và Washington ngày 15-7-1971 cho biết từ 9 đến 11-7, Kissinger đã đến Bắc Kinh hội đàm với Chu Ân Lai, hai bên thoả thuận tổng thống Mỹ sẽ sang thăm Trung Quốc vào thời điểm thích hợp trước tháng 5-1972.

11 giờ 27 phút ngày 21-2-1972, chiếc Air Force One chở Nixon và phái đoàn Mỹ hạ cánh xuống sân bay Bắc Kinh.

Chu Ân Lai, Diệp Kiếm Anh, Cơ Bằng Phi, Kiều Quán Hoa ra đón, đưa về nhà khách Điều Ngự Đài, từng là nơi ở của Hoàng đế Càn Long. Sau bữa tiệc trưa thịnh soạn, Chu Ân Lai nhận được điện thoại từ Trung Nam Hải: “Chủ tịch muốn tiếp ngài Tổng thống Nixon, mời Tiến sĩ Kissinger cùng dự”.

Khách đến, Mao đứng dậy chìa tay về phía Nixon. Nixon bước lên một bước chìa tay ra nắm lấy, rồi úp tiếp bàn tay trái lên. Mao cũng úp tiếp tay trái lên theo. Chủ khách nhìn nhau cười, bốn bàn tay áp chặt vào nhau, lắc liên hồi. Mao nói:

- Tôi là người cộng sản số 1 trên thế giới, ngài là phần tử chống cộng số 1 trên thế giới, lịch sử đã đưa chúng ta đến bên nhau.

Cuộc hội kiến dự định 15 phút, thực tế đã kéo dài tới 65 phút.

Ngày 22-2, các tờ báo lớn ở khắp Trung Quốc đều dành nửa đầu trang nhất đăng ảnh lớn Mao tiếp Nixon, ảnh Chu Ân Lai đón Nixon tại sân bay, trong đó Nixon tươi cười chìa tay phải ra, bước tới phía Chu. Đến lúc này, 800 triệu dân Trung Quốc mới trấn tĩnh lại từ nỗi kinh hoàng bởi vụ Lâm

Buru. Đọc báo chí hôm đó, người ta cảm thấy niềm tự hào của Thiên triều đại quốc. Cường quốc hàng đầu thế giới không thừa nhận Trung Quốc đã 25 năm, nay Tổng thống của họ đến Bắc Kinh, như sang triều kiến vậy. Nhân dân Trung Quốc đã đứng lên rồi, tình cảm của dân chúng hôm ấy thật là mãnh liệt. Lâm Buru là cái thá gì? Bỏ chạy cũng được, chết khi máy bay rơi cũng được, chẳng liên quan gì đến đại cục. Chúng ta có Mao Chủ tịch, có Chu Thủ tướng, có hai người này là nhân dân Trung Quốc có chỗ dựa rồi.

Thông qua chuyến thăm của Nixon, trên mức độ rất lớn, Mao đã khôn khéo khôi phục thanh danh cho mình. Một nhà nghiên cứu nhận xét sắc bén: Mao mời Nixon thăm Trung Quốc “phản ánh nhu cầu đối nội của ông ta”.

Trong, khi Nixon thăm thú Cố Cung, Trường Thành, Hàng Châu, Kiều Quán Hoa và Kissinger cân nhắc từng câu chữ cho bản thông cáo chung Trung-Mỹ. Vấn đề khó nhất là eo biển Đài Loan, lập trường hai bên đối lập gay gắt. Trung Quốc dứt khoát không nhượng bộ trong lập trường 3 điểm:

Chính phủ CHND Trung Hoa là chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc, giải phóng Đài Loan là công việc nội bộ của Trung Quốc, quân Mỹ phải rút khỏi Đài Loan. Lập trường cơ bản của Mỹ là không thể vừa bắt đầu quan hệ với Bắc Kinh đã bỏ rơi Đài Bắc.

Xoay đi, xoay lại vẫn vấp phải khái niệm phía Trung Quốc không thể đồng ý là hai nước Trung Hoa, hoặc một Trung Quốc một Đài Loan, hoặc một Trung Quốc hai chính phủ. Cuối cùng, Kissinger đã tìm được cách giải quyết khó khăn này. Kissinger nói với Chu đã quyết định diễn đạt quan điểm của Mỹ bằng phương thức khác:

“Phía Mỹ tuyên bố: Mỹ nhận thức rằng tất cả những người Trung Quốc ở hai bờ eo biển Đài Loan đều cho rằng chỉ có một nước Trung Hoa, Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc, Chính phủ Mỹ không có ý kiến khác về lập trường trên. Mỹ khẳng định mối quan tâm của mình đối với việc người Trung Quốc giải quyết hoà bình vấn đề Đài Loan. Tính tới triển vọng đó, Mỹ xác nhận mục tiêu cuối cùng rút toàn bộ lực lượng vũ trang cùng các công trình quân sự của Mỹ khỏi Đài Loan. Trong thời gian này, song song với tình hình căng thẳng trong khu vực dịu đi, Mỹ sẽ từng bước giảm lực lượng vũ trang và các công trình quân sự của mình ở Đài Loan”.

Chu Ân Lai đọc lại, cân nhắc từng chữ, vẻ mặt tươi cười:

- Tiên sĩ rút cuộc là tiên sĩ, đây quả là một phát minh thần bí!

Bế tắc được khai thông. Ngày 28-2, hai bên công bố Thông cáo chung Trung-Mỹ (Thông cáo Thượng Hải). Cùng ngày, Nixon rời Trung Quốc.

Nhìn bề ngoài, Tổng thống Mỹ thăm Trung Quốc giống như Quốc vương phiên bang triều kiến Hoàng đế Thiên triều, thoả mãn tới đa tâm lý tự tôn và hư vinh của người Trung Quốc. Trên thực tế, trong chiến lược toàn cầu của Mỹ, chiêu này là bước quyết định Mỹ đánh bại Liên Xô, làm tan rã phe xã hội chủ nghĩa; bắt đầu thực thi diễn biến hoà bình chống Trung Quốc. Nixon ảnh hưởng tới hướng đi của lịch sử thế giới nửa cuối thế kỷ 20: Liên Xô tan rã. Đông Âu biến động dữ dội, Trung Quốc cải cách mở cửa, nước Mỹ trở thành con dê đầu đàn lãnh đạo thế giới. Nếu dùng biện pháp

quân sự để đạt mục tiêu chiến lược này, Mỹ phải sẵn sàng hy sinh một triệu người, mà chưa chắc đã thực hiện nổi.

Nixon tràn đầy niềm tin vào mục tiêu mà ông ta theo đuổi, có thể thấy rõ điều này qua cuốn sách cuối đời của ông ta: *“Năm 1999 không đánh mà thắng”*.



Chương 35

Mời Đặng Tiểu Bình làm quân sự

Ngày 6-1-1972, Nguyên soái Trần Nghị từ trần vì bệnh ung thư, lễ tang tổ chức vào chiều 10-1. Từ Đại hội 9, Trần Nghị chỉ còn là uỷ viên Trung ương, nên qui cách lễ tang bị hạ thấp, do Lý Đức Sinh chủ trì, Diệp Kiếm Anh đọc điều văn, các uỷ viên Bộ chính trị khác không dự. Hôm ấy, sau bữa trưa, Mao thấy bồn chồn không yên: Trước đây, vì Giang Thanh, Mao đã trở mặt với Trần Nghị và hầu như toàn bộ các vị nguyên lão, còn doạ sẽ cùng Lâm Bưu lên núi đánh du kích.

Nay Lâm Bưu chết rồi, lịch sử đã kết luận ai là người trung, kẻ gian. Muốn vỗ hồi lòng người, hôm nay là dịp tốt. Mao quyết định dự lễ tang Trần Nghị.

Được tin trên, Chu Ân Lai quyết định nâng cấp lễ tang, báo tất cả các uỷ viên Bộ chính trị có mặt tại Bắc Kinh đến dự.

Mao năm ấy đã 78 tuổi, sức khỏe ngày càng kém. Sắp đến lúc đi, thư ký sinh hoạt Trương Ngọc Phượng giúp ông thay quần áo. Lúc đó Mao đang mặc áo ngủ, bên dưới là chiếc quần len mỏng. Ông bảo không cần thay, cứ trùm một bộ khác ra ngoài áo ngủ là được. Nhưng mặc áo xong, Mao dứt khoát không chịu mặc quần. Phượng ngấm Mao trên là áo kiểu Tôn Trung Sơn, áo ngủ thò ra ngoài, bên dưới chỉ có chiếc quần len mỏng, ăn mặc thế này làm sao ra khỏi cửa được? Nhưng người già cổ chấp đã nói không mặc quần là không mặc, cuối cùng Ngọc Phượng đành khoác thêm chiếc măng tô che kín áo ngủ, rồi dìu Mao lên chiếc xe ZiL chống đạn. Đi dự lễ tang một nguyên soái mà lãnh tụ vĩ đại không mặc quần, chuyện kỳ cục ấy nếu không do chính Ngọc Phượng sau này kể lại, có lẽ cũng chẳng mấy ai tin.

Tại lễ tang, Mao cũng sụt sịt, nhưng chẳng có giọt nước mắt nào. Mao nói “Trần Nghị đã lập công lớn cho cách mạng Trung Quốc và cách mạng thế giới”. Mao còn nói:

- Đồng chí Đặng Tiểu Bình thuộc mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân.

Chu Ân Lai biết rằng thời gian phục hồi công tác cho Đặng không còn xa nữa.

Đặng Tiểu Bình bị lưu đày ở Giang Tây từ 20-10-1969. Tuy là nhân vật số 2 trong phái “đi con đường tư bản”, Đặng lại được Mao đối xử nương nhẹ hơn nhiều người khác. Lợi dụng điều này, Chu Ân Lai đã chỉ đạo sắp xếp cho Đặng ở ngay ngoại thành Nam Xương, trong ngôi nhà hai tầng biệt lập có sân vườn, được gọi là “Lầu tướng quân” vì đây vốn là nơi ở của Hiệu trưởng Trường bộ binh Nam Xương. Hàng ngày, Đặng chỉ phải lao động một buổi trong xưởng sửa chữa máy kéo,

không bị đầu tổ, có thời gian đọc sách, rèn luyện sức khỏe. Cùng với công nhân, Đặng được nghe truyền đạt Thông tri của Trung ương ĐCSTQ về vụ Lâm Bưu. Ông nói với vợ, bà Trác Lâm: “Lâm Bưu không chết, đạo trời khó dung”.

Ngày 3-8-1972, Đặng gửi thư cho Mao, kiểm điểm sai lầm của mình, bày tỏ ủng hộ Trung ương xử lý vụ Lâm Bưu. Mao nhận xét: Đặng mắc sai lầm nghiêm trọng, nhưng khác với Lưu Thiều Kỳ, không đầu hàng giặc, phối hợp với Lưu Bá Thừa đánh giặc có chiến công, khi dẫn đầu phái đoàn sang Moskva đàm phán đã không khuất phục xét lại Liên Xô.

Ngày 10-3-1973, Chu Ân Lai chủ trì cuộc họp Bộ Chính trị căn cứ vào lời phê của Mao, ra quyết định khôi phục sinh hoạt đảng và chức vụ Phó thủ tướng cho Đặng. Cuối tháng 8-1973, Đại hội 10 Đảng Cộng sản Trung Quốc họp trước kỳ hạn, sửa đổi điều lệ, xử lý tập đoàn Lâm Bưu về tổ chức.

Đặng Tiểu Bình cùng nhiều cán bộ lão thành lại được bầu vào Ban chấp hành trung ương. Lãnh đạo cấp cao do Đại hội bầu ra gồm Chủ tịch Đảng Mao Trạch Đông; 5 Phó Chủ tịch: Chu Ân Lai, Vương Hồng Văn, Khang Sinh, Diệp Kiếm Anh, Lý Đức Sinh. Thường vụ Bộ chính trị 9 người, gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Đảng, thêm Chu Đức, Trương Xuân Kiêu, Đồng Tất Vũ.

Lễ bế mạc Đại hội xuất hiện tình huống khó xử: các đại biểu đứng dậy vỗ tay tiễn lãnh tụ vĩ đại rời hội trường, nhưng Mao không sao đứng dậy nổi, nếu để hai vệ sĩ khiêng Mao ra xe, lại sợ lòng đảng, lòng dân xôn xao. Tiếng vỗ tay vẫn như sấm động, kéo dài... Chu Ân Lai nhanh trí lớn tiếng giải vây:

- Lãnh tụ vĩ đại Mao Chủ tịch muốn tận mắt thấy các đại biểu rời hội trường.

Ngày 12-12-1973, Mao triệu tập cuộc họp Bộ Chính trị, kiến nghị để Đặng Tiểu Bình tham gia Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, và giữ chức Tổng tham mưu trưởng. Mao muốn Đặng Tiểu Bình gánh vác trọng trách trị quốc an dân, thành một Chu Ân Lai thứ hai. Việc chinh đốn quân đội do Lâm Bưu thống lĩnh nhiều năm cần một người mạnh cả về chính trị và quân sự như Đặng Tiểu Bình lo liệu. Trong 8 Tư lệnh Đại quân khu, ít nhất có ba người từng chiến đấu dưới sự chỉ huy của Đặng (Lý Đức Sinh, Trần Tích Liên, Dương Đắc Chí), vạn nhất có chuyện phản biến, Đặng dư sức điều binh khiển tướng ứng phó. Diệp Kiếm Anh quá nửa đời người làm Tổng tham mưu trưởng, nhưng cũng không có ưu thế bằng Đặng. Mao không những muốn Đặng thay thế Lâm Bưu, mà còn muốn Đặng thay thế Chu Ân Lai. Mao hy vọng Đặng có thể hợp tác với Giang Thanh, phụ tá Giang, mãi mãi bằng lòng với vị trí số 2 để Giang nắm thiên hạ, Đặng trị thiên hạ.

Ngày 22-12, Chu Ân Lai khởi thảo quyết định của Trung ương về việc cử Đặng Tiểu Bình vào các chức vụ trên theo đề nghị của Mao. Cùng ngày, Quân ủy Trung ương ra mệnh lệnh đổi chỗ 8 Tư lệnh Đại quân khu, theo từng cặp: Bắc Kinh và Thẩm Dương, Nam Kinh và Quảng Châu, Tế Nam và Vũ Hán, Lan Châu và Phúc Châu.

Mao biết rõ Chu Ân Lai là trở ngại lớn nhất trong việc Mao hoàn thành bố cục gia đình trị. Mao trọng dụng Giang Thanh và Trương Xuân Kiêu, cả hai đều là kẻ phản bội, Chu Ân Lai biết rõ điều này. Mao không có cách nào giải thích với toàn đảng 8 năm Đại cách mạng văn hoá làm chết và đánh đổ nhiều cán bộ như vậy, mà lại dựa vào hai tên phản bội, cuối cùng còn muốn để chúng kế tục, vì sao? Sách lược “lôi kéo Đặng, bài trừ Chu” của Mao xuất phát từ nguyện vọng chủ quan.

Ngày 9-4-1973, khi vợ chồng Đặng đến thăm Chu ở núi Ngọc Tuyền, Chu đã cho Đặng biết những hiểm ác của môi trường công tác, và nói rõ Trương Xuân Kiêu là tên phản bội, nhưng Mao không cho điều tra. Ngay từ đầu Đặng đã không nghĩ đến việc hợp tác với “lũ bốn tên”.

Mao muốn kéo Đặng và “bốn tên” vào với nhau, nhưng cục diện hợp tác bị Giang Thanh phá hết lần này đến lần khác.

Tháng 4-1974, Liên Hợp Quốc triệu tập Hội nghị đặc biệt. Đây là cuộc gặp gỡ các nguyên thủ quốc gia hoặc người đứng đầu chính phủ, lẽ ra phải Chu Ân Lai đi dự. Căn cứ vào chỉ thị của Mao “theo tuyến, không theo người”, Bộ Ngoại giao vượt mặt Chu Ân Lai, cử Vương Hải Dung trực tiếp thỉnh thị Mao. Mao chỉ định Đặng Tiểu Bình làm Trưởng phái đoàn Trung Quốc, nhưng dặn Vương Hải Dung đừng nói đó là ý kiến của ông ta, mà để Bộ Ngoại giao đề cử Đặng, viết báo cáo gửi lên. Để Đặng Tiểu Bình xuất hiện ở Liên hợp quốc là Mao gửi tín hiệu cho trong và ngoài nước biết rằng Đặng sẽ thay thế Chu cầm quyền. Khi Chu chủ trì cuộc họp Bộ Chính trị thảo luận báo cáo của Bộ Ngoại giao, Giang Thanh đứng ra phản đối, Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên phụ họa, những người khác ngồi im. Sau khi biết việc để Đặng đi Liên hợp quốc là ý đồ của Mao, Chu Ân Lai tích cực thuyết phục Bộ Chính trị, khiến báo cáo trên được thông qua vào 26-3. Ngày 27, trong thư gửi Giang Thanh, Mao viết: “Đồng chí Đặng Tiểu Bình đi Liên hợp quốc là chủ ý của tôi, tốt nhất là bà đừng phản đối”

Tiếp đó là vụ tàu Phong Khánh. Năm 1964, để nhanh chóng phát triển vận tải đường biển xa, Chu Ân Lai chủ trương đóng tàu đồng thời với mua tàu, được Mao tán thành.

Cuối tháng 9-1974, tàu vận tải Phong Khánh 10.000 tấn do Trung Quốc chế tạo chạy thử sang châu Âu thành công trở về, Diêu Văn Nguyên ra sức tuyên truyền sự kiện trên, đồng thời xuyên tạc chủ trương của Chu thành “đóng thuyền không bằng mua thuyền, mua thuyền không bằng thuê thuyền”, và gọi đó là “triết học nô lệ nước ngoài”. Giang Thanh gián tiếp phê phán Chu Ân Lai, đòi Bộ Chính trị tỏ thái độ về vấn đề này và có biện pháp cần thiết. Trong cuộc họp Bộ Chính trị ngày 17-10, Giang Thanh đòi hỏi “tổng hậu đãi” của giai cấp tư sản mại bán, và ép Đặng Tiểu Bình tỏ thái độ. Đặng đập bàn đứng dậy, giọng nghiêm khắc: “Bộ Chính trị như thế này còn hợp tác sao được? Nhất định áp đặt đòi người khác tán thành ý kiến của bà ta”. Rồi Đặng tức giận bỏ họp ra về. Đây là cuộc xung đột công khai đầu tiên với Giang Thanh sau khi Đặng trở lại công tác.

Nhóm Giang Thanh cử Vương Hồng Văn xuống Trường Sa báo cáo với Mao. Vương nói:

- Giang và Đặng tranh cãi gay gắt về vụ tàu Phong Thanh, xem ra Đặng vẫn theo đuổi phương châm đóng thuyền không bằng mua thuyền, mua thuyền không bằng thuê thuyền. Thủ tướng Chu tuy ốm nhưng vẫn bận bịu ngày đêm tìm người trao đổi ý kiến, thường xuyên đến chỗ Chu có Đặng Tiểu Bình, Diệp Kiếm Anh, Lý Tiên Niệm. Việc này liên quan đến nhân sự Quốc hội khoá 4.

Mao đang trông chờ Giang bắt tay Đặng để loại bỏ Chu, nay Giang lại một lần nữa phá hỏng sắp xếp của Mao. Nghe Vương nói xong, Mao phê bình ngay:

- Làm như vậy không tốt! Phải đoàn kết với đồng chí Đặng Tiểu Bình. Anh về gặp Thủ tướng và đồng chí Diệp Kiếm Anh bàn bạc, chớ vào hùa với Giang. Anh phải chú ý bà ta.

Ban đầu, Mao trao cho Vương Hồng Văn phụ trách nhân sự bảo Trương Ngọc Phượng trực tiếp thông báo cho Vương biết rằng Đặng sẽ làm Phó thủ tướng thứ nhất, mà không nêu rõ Chu Ân Lai có tiếp tục làm Thủ tướng hay không.

Ngay sau hai ngày suy nghĩ, Mao quyết định nhượng bộ về sách lược, bảo Vương Hải Dung truyền đạt ý kiến của ông tới Chu Ân Lai và Vương Hồng Văn:

- Thủ tướng của chúng ta vẫn là Thủ tướng. Nếu sức khỏe cho phép, Thủ tướng cùng Vương Hồng Văn thương lượng với các bên, đưa ra danh sách sắp xếp nhân sự. Đặng làm Phó thủ tướng thứ nhất kiêm Tổng tham mưu trưởng, đây là ý kiến của Diệp Kiếm Anh, tôi tán thành. Còn Chủ tịch và Phó Chủ tịch thứ nhất Quốc hội để suy nghĩ thêm. Nói chung, phương châm là phải đoàn kết, phải ổn định.

Mặt khác, Mao có ý kiểm chế Giang Thanh. Ngày 12-11-1974; Giang Thanh gửi thư cho Mao giới thiệu Tạ Tĩnh Nghi làm Phó Chủ tịch Quốc hội, Kiều Quán Hoa làm Phó thủ tướng, Trì Quân làm Bộ trưởng Giáo dục. Mao phê trên lá thư: “Chớ lộ mặt nhiều, đừng phê văn kiện; không nên đứng ra lập nội các, phải làm lão phu nhân, chớ làm bà mối”.

Không lâu sau, Giang lại kiến nghị để Vương Hồng Văn làm Phó Chủ tịch Quốc hội. Mao nói với Vương Hải Dung:

- Giang Thanh có dã tâm, muốn để Vương Hồng Văn làm Chủ tịch Quốc hội, bà ta làm Chủ tịch Đảng.

Kế hoạch truyền ngôi của Mao thật khó nói thối ra, bởi nó khác rất xa Chủ nghĩa Mác, phục vụ nhân dân, giải phóng cả loài người mà ông ta vẫn huênh hoang. Thế là ông ta đành nói ngược như trên để Vương Hải Dung truyền đi, cho mọi người lĩnh hội. Phát hiện kẻ có dã tâm mà không loại trừ, là muốn người ta hiểu ngược lại. Bên trong nói với Giang Thanh “phải làm lão phu nhân”, bên ngoài nói với mọi người: Giang Thanh “làm Chủ tịch Đảng”.

Từ 23 đến 27-12, Chu Ân Lai bốn lần báo cáo Mao về tình hình chuẩn bị khoá họp. Ngày 26, Chu gặp riêng Mao, đây là cuộc ngửa bài quan trọng giữa hai người. Chu nói Giang Thanh, Trương Xuân Kiêu trong lịch sử đều là phản bội, Mao tỏ ý đã biết rõ. Hai bên thoả thuận: Mao đáp ứng yêu cầu của Chu, bảo đảm quyền lãnh đạo Chính phủ khoá này không rơi vào tay “bốn tên”; Chu đáp ứng yêu cầu của Mao, giữ im lặng về vấn đề lịch sử của Giang Thanh và Trương Xuân Kiêu.

Ngày 5-1-1975, Trung ương ĐCSTQ ra văn kiện số 1, cử Đặng Tiểu Bình làm Phó Chủ tịch Quân uỷ Trung ương kiêm Tổng tham mưu trưởng, Trương Xuân Kiêu làm Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị. Hội nghị Trung ương 2 khoá 10 căn cứ vào đề nghị của Mao, bầu Đặng Tiểu Bình làm Phó Chủ tịch Đảng, uỷ viên Thường vụ Bộ chính trị; phê chuẩn đề nghị của Lý Đức Sinh xin thôi chức Phó Chủ tịch Đảng, uỷ viên Thường vụ Bộ chính trị.

Ký họp thứ nhất Quốc hội khoá 4 bầu lại Chu Đức làm Chủ tịch Quốc hội, Chu Ân Lai làm Thủ tướng, với 12 Phó thủ tướng, đứng đầu là Đặng Tiểu Bình.

Với các chức vụ Phó Chủ tịch Đảng, Phó thủ tướng thứ nhất, Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương kiêm Tổng tham mưu trưởng, Đặng đã được Mao đặt vào vị trí “dưới một người và trên vạn người” Ngày 1-2-1975, tại bệnh viện, Chu Ân Lai triệu tập cuộc họp Hội đồng Chính phủ, công bố phân công các Phó Thủ tướng, truyền đạt đánh giá của Mao đối với Đặng là “nhân tài hiếm có, tư tưởng, chính trị mạnh”, đồng thời ông tuyên bố từ nay những cuộc họp này do Đặng chủ trì.

Phát biểu trước Hội nghị các Bí thư phụ trách công nghiệp các tỉnh và thành phố trong cả nước, Đặng nói:

- Hiện nay toàn Đảng phải nói nhiều đến một cục diện lớn. Các báo cáo công tác của Chính phủ tại Quốc hội khóa 3 và khóa 4 đều nói tới kế hoạch 2 bước phát triển kinh tế quốc dân. Bước thứ nhất đến năm 1980, xây dựng hệ thống công nghiệp và hệ thống kinh tế quốc dân độc lập và tương hội chủ nghĩa có nông nghiệp hiện đại, công nghiệp hiện đại, quốc phòng hiện đại và khoa học kỹ thuật hiện đại, toàn đảng, toàn quốc đều phải phấn đấu thực hiện mục tiêu vĩ đại này. Đó chính là cục diện lớn.

Sau khi trở lại công tác, Đặng Tiểu Bình giương ngọn cờ nào, đi con đường nào? Toàn đảng, toàn quân và nhân dân cả nước ngẩng đầu chờ đợi. Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai đang quan sát Đặng, “Lũ bốn tên” và phái tạo phản cũng đang quan sát ông, cán bộ lâu năm và phái dân chủ trong Đảng cộng sản đang theo dõi từng lời nói, việc làm của ông.

Đoạn phát biểu trên là cương lĩnh cầm quyền của Đặng Tiểu Bình. Xin bạn đọc lưu ý: cục diện lớn của Đặng không phải “chống xét lại, phòng ngừa xét lại”, không phải “phê Lâm, phê Khổng”, “đề phòng chủ nghĩa tư bản phục hồi”, cũng không phải là “kiên trì đường lối Pháp gia”, mà là phát triển lực lượng sản xuất, thực hiện bốn hiện đại hoá; chỗ dựa của ông không phải “chỉ thị tối cao”, mà là báo cáo công tác Chính phủ của Chu Ân Lai. Sau khi Lưu Thiếu Kỳ bị đánh đổ, Chu Ân Lai là nhân vật tiêu biểu kiên trì đường lối Đại hội 8. Nay Chu ốm nặng, Đặng nhận chiếc gậy tiếp sức, trở thành nhân vật đại diện kiên trì đường lối Đại hội 8. Qua 9 năm vật vã, toàn đảng, toàn quân, toàn dân nhận ra chỉ có đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội do Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình đại diện mới cứu được Trung Quốc; đường lối chủ nghĩa xã hội không tưởng mà Mao đại diện chỉ hại nước, hại dân, cái gọi là “chống xét lại, phòng ngừa xét lại” “đề phòng chủ nghĩa tư bản phục hồi” đều là treo đầu dê bán thịt chó, tạo dư luận cho phe Giang Thanh cướp quyền. Đây là cơ sở tư tưởng để sau này một trận đập tan “lũ bốn tên”.

Thành công của Đặng trong việc khai thông vận tải đường sắt - khâu yếu trong nền kinh tế đương thời - đã tạo thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động kinh tế, đem lại niềm phấn chấn và tin tưởng cho toàn dân, nhưng lại làm cho phe Giang Thanh ghen ghét, tức giận, thậm chí hoảng sợ. Chúng trương lá cờ chống chủ nghĩa kinh nghiệm, bắt đầu phản công.

Ngày 18-4, Mao tiếp Kim Nhật Thành, có Đặng cùng dự. Mao giới thiệu với Kim:

- Đồng chí Đặng Tiểu Bình biết đánh trận, cũng biết chống xét lại. Chúng tôi cần đồng chí ấy.

Sau buổi tiếp, lợi dụng cơ hội báo cáo công tác với Mao, Đặng thẳng thắn bày tỏ không tán thành việc Giang Thanh và một số người nêu “chủ nghĩa kinh nghiệm” là nguy cơ chủ yếu hiện nay, Mao tán thành ý kiến của Đặng.

Đêm 3-5, Mao triệu tập Hội nghị Bộ Chính trị, tiếp tục nâng Đặng, hạ Chu, có phần phê bình Giang Thanh, yêu cầu Giang đoàn kết với Đặng. Mao nói:

- Phải theo chủ nghĩa Mác-Lenin, không theo chủ nghĩa xét lại; phải đoàn kết, chớ chia rẽ, phải quang minh chính đại, chớ giấu diếm ma chước quỷ, chớ hình thành “lũ bốn tên”. Vì sao không đoàn kết với hơn 200 uỷ viên Trung ương?

Mao chỉ thị Bộ Chính trị tiến hành phê bình những người mắc sai lầm, song do liên quan đến Giang Thanh, Vương Hồng Văn (chủ trì công tác Trung ương) bỏ lửng. Đến 27-5, Mao chỉ thị Đặng chủ trì triệu tập Hội nghị Bộ Chính trị, phê bình “lũ bốn tên” do Giang Thanh đứng đầu.

Sau cuộc họp, Mao chỉ thị Giang Thanh đến nhà Đặng giải bày tâm sự. Trong bản kiểm điểm ngày 28-6, Giang viết: “Tôi xin lỗi Mao Chủ tịch, xin lỗi Bộ Chính trị, càng xin lỗi đồng chí Đặng Tiểu Bình”. Mao đã tạo thế diện cho Đặng tới mức tối đa, hy vọng ông liên minh với Giang tiếp quản đảng, quân đội và đất nước này, mãi mãi cam chịu làm người số 2, nâng Giang Thanh lên ngôi Chủ tịch Đảng. Mao cho Giang với thân phận tôn quý “Lã Hậu” đến phủ Đặng nhận sai lầm, là muốn xin ông đóng vai “Tiêu Hà” thời nay.

Giang hạ mình đến thăm Đặng song không đạt mục đích. Ông không đón, cũng không tiễn, cự tuyệt làm “Tiêu Hà” của Giang Thanh.

Từ 8 đến 29-5, Đặng chủ trì cuộc toạ đàm về gang thép với sự tham gia của những người lãnh đạo 17 tỉnh và thành phố trực thuộc, 11 xí nghiệp gang thép lớn, các cơ quan hữu quan. Từ 24-6 đến 15-7, Đặng lại cùng Diệp Kiếm Anh triệu tập Hội nghị Quân uỷ Trung ương mở rộng nhằm chinh đồn quân đội.

Qua mấy tháng, Đặng mạnh tay chinh đồn, kinh tế quốc dân 6 tháng đầu năm 1975 chuyển biến tốt rõ rệt; giá trị tổng sản phẩm công nghiệp cả nước hoàn thành 47,4% kế hoạch cả năm; thu nhập tài chính cả nước hoàn thành 43% kế hoạch cả năm; thu chi cân bằng, có dư chút ít. Tài trị quốc an bang của Đặng được toàn đảng, toàn quân và toàn dân tin phục.



Chương 36

Chu Ân Lai - trở ngại mà Giang Thanh không thể vượt qua

Đầu năm 1972, Mao trải qua một cơn bệnh hiểm nghèo, đã có lúc hôn mê. Sau sự kiện này, sức khỏe của ông không hồi phục được nữa. Khi tình huống nguy cấp đã qua, Mao liền biểu diễn màn kịch “trao quyền bên giường bệnh”, cài bẫy Chu Ân Lai. Theo những người có mặt kể lại: Mao ngoảnh đầu về phía Chu:

- Tôi không qua khỏi được rồi, tất cả dựa vào ông.

Chu nói ngay:

Mao trạch Đông – Ngàn năm công tội

- Sức khỏe của Chủ tịch không có vấn đề lớn, vẫn phải dựa vào Chủ tịch.

Mao lắc đầu:

- Hồng rồi, tôi không qua khỏi được nữa rồi. Sau khi tôi chết, mọi việc do ông lo liệu.

Giang Thanh đứng bên trọn tròn mắt, hai tay nắm chặt, toàn thân như sắp nổ tung.

Chu Ân Lai thu đôi chân lại, tay đặt trên đầu gối, ngồi thông lưng, hơi ngả về phía trước, như đông cứng lại. Những câu nói trên của Mao rõ ràng là trao cho Chu quyền quản lý đảng, chính quyền và quân đội, mà lại nói trước mặt Giang Thanh. Mao nói tiếp:

- Quyết định thế nhé, các người thực hiện đi.

Một con người được tôi luyện về chính trị như Chu Ân Lai tất nhiên không nhẹ dạ tin vào lời hứa trao quyền của Mao như Lâm Bưu. Nếu thật sự muốn trao quyền, Mao phải triệu tập cuộc họp Ban chấp hành trung ương, ít nhất là Bộ Chính trị, tuyên bố trước mọi người, rồi Trung ương ra nghị quyết tương ứng, mới có giá trị. Đứng kịch trước giường bệnh, trước mặt Giang Thanh, lão Mao già dặn kinh nghiệm muốn gì? Chu Ân Lai biết câu trả lời Mao chờ đợi ở ông là “Tôi kiến nghị trong thời gian Chủ tịch lâm bệnh, đề đồng chí Giang Thanh làm Quyền Chủ tịch. Tôi sẽ phụ tá đồng chí Giang Thanh như phụ tá Chủ tịch”.

Nếu Chu trả lời như vậy, ông sẽ được Mao cho ngay điểm 10, rồi đưa kiến nghị của Chu vào văn kiện Trung ương, phân phát trong toàn đảng, để chứng tỏ đây là Chu giới thiệu Giang Thanh kế tục, chứ không phải Mao thực hiện gia đình trị. Còn nếu Chu tiếp nhận quyền lực, ông sẽ bị đánh đổ. Chu lựa chọn đáp án thứ ba: lần nữa kéo dài thời gian. Một ngày sau, sức khỏe của Mao ổn định, Chu trình trọng nói với Phó Văn phòng Trung ương Trương Diệu Từ:

- Nhờ đồng chí báo cáo Chủ tịch, chúng tôi vẫn làm việc dưới sự lãnh đạo của Người.

Từ khi xảy ra vụ Lâm Bưu, Chu giúp Mao cứu vãn cuộc khủng hoảng chính trị lớn nhất của chính quyền ĐCSQT, tiếp đó mở ra cục diện mới trong quan hệ Trung-Mỹ, chỉnh lại hướng đi đúng cho sự phát triển của nước cộng hòa trong tương lai, lập nên công trạng lớn mọi người đều biết. Nhưng Mao lại coi Chu là trở ngại lớn nhất cho việc thiết lập vương triều họ Mao, công lớn không thưởng, mà tăng cường hãm hại. Qua các tư liệu tham khảo của Tân Hoa Xã, Mao lo ngại thấy từ xử lý vụ Lâm Bưu đến đón tiếp Nixon, uy tín của Chu đã vượt mình ở cả trong nước và trên trường quốc tế. Cộng thêm trước đó Chu không có câu trả lời khiến Mao hài lòng trong màn kịch “trao quyền”, Mao quyết tâm trị Chu.

Ngày 18-5-1972, các bác sĩ phát hiện Chu bị ung thư tế bào thượng bì bàng quang. Các chuyên gia cho trọng bệnh tình còn ở giai đoạn đầu, nếu sớm trị liệu, khả năng khỏi bệnh là 80 đến 90%. Nếu bỏ lỡ cơ hội, để phát triển thành ung thư bàng quang giai đoạn cuối, thì hậu quả vô cùng nghiêm trọng. Tổ điều trị báo cáo lên Trung ương phương án điều trị sớm. Một ngày sau, Uông Đông Hưng truyền đạt chỉ thị 4 điểm của Trung ương, thực tế là của Mao:

1. Phải giữ kín, không cho Thủ tướng và phu nhân biết;

Mao trạch Đông – Ngàn năm công tội

2. Không kiểm tra;
3. Không phẫu thuật;
4. Tăng cường chăm sóc và dinh dưỡng.

Các chuyên gia điều trị biết rằng bỏ lỡ thời cơ điều trị sớm chẳng khác nào để Thủ tướng chờ chết. Họ đề nghị trực tiếp gửi thư trình bày với Mao, nhưng Uông Đông Hưng ngăn lại:

- Các ông phải nghe lời, phải theo luồng tư duy của Chủ tịch. Người đang xem xét vấn đề toàn diện, có thể qua một thời gian tính sau.

Việc điều trị bị buông trôi tới 9 tháng. Đến tháng 2-1973, Chu tiểu tiện ra máu rất nhiều, Diệp Kiếm Anh trực tiếp gặp Mao trình bày, Mao mới miễn cưỡng cho điều trị, nhưng lại hạn chế các biện pháp trị liệu. Thượng tuần tháng 5-1974, tế bào ung thư di căn, Tổ trưởng điều trị Ngô Giai Bình yêu cầu cho nhập viện phẫu thuật, Trương Xuân Kiêu thay mặt Mao trả lời không thể tính chuyện phẫu thuật vì “không ai có thể làm thay” công tác của Chu lúc đó.

Cứ dềnh dang như vậy, mãi đến 1-8, Chu mới được đưa vào Bệnh viện 305 phẫu thuật. Tuy các chuyên gia đã cắt hết mọi chỗ nghi ngờ, vết mổ mau lành, nhưng chỉ 2 tháng sau, Chu lại đi tiểu ra nhiều máu, dấu hiệu tế bào ung thư tiếp tục di căn, và ngày 8-10 phải phẫu thuật lần hai.

Nghe báo cáo, Mao biết rằng những ngày còn lại của Chu không nhiều nữa. “Vấn đề toàn diện” mà Mao xem xét, nói thẳng ra, là cho Chu “đi trước một bước”, để Mao sắp xếp cho phe Giang Thanh nắm quyền, Nếu Mao đi trước, Giang tuyệt đối không phải là đối thủ của Chu. Để thực hiện giấc mơ gia đình trị, Mao Trạch Đông những năm cuối đời tâm lý vô cùng tối tăm, phẩm chất hết sức xấu xa. Ông ta quyết không cho Chu Ân Lai yên tâm dưỡng bệnh, liên tiếp tổ chức ba đòn đá kích Chu. Lần thứ nhất cuối năm 1973, họp Hội nghị Bộ chính trị mở rộng phê phán “đường lối đầu hàng” của Chu. Lần thứ hai phê Lâm, phê Không, phê Chu công. Lần thứ ba phê truyện Thủy Hử, quay lại vấn đề “phái đầu hàng”. Mao muốn làm cho Chu đi nhanh tới điểm tận cùng của cuộc sống trong nỗi sợ hãi, từng bước thực hiện kế hoạch nham hiểm cho Chu “đi trước một bước”. Nguyên nhân và mục đích Mao liên tục tổ chức phê phán Chu Ân Lai đã được gói gọn trong câu Đặng Tiểu Bình góp ý kiến với Chu tại một cuộc họp Bộ Chính trị mở rộng:

- Vị trí của ông hiện nay chỉ cách Chủ tịch một bước chân, đó là điều những người khác đâu có thể thấy song không tới được, còn ông có thể thấy và có thể tới được, mong ông hết sức cảnh giác điểm này.

Song điều Mao không ngờ tới là những đòn đá kích liên tiếp của ông ta chẳng làm tổn thương được nhân cách vĩ đại và hình ảnh sáng ngời của Chu Ân Lai mà ngược lại, còn tự bôi tro trát trấu vào mặt mình. Từ tháng 6-1974 đến hạ tuần tháng 10-1975 trên thực tế là 17 tháng cuối cùng Chu Ân Lai đảm đương chức vụ Thủ tướng. Trong thời kỳ then chốt này, Chu ứng phó đến cùng với Mao, không để cho chính quyền rơi vào tay “lũ bốn tên”, ngăn chặn âm mưu gia đình trị. Sự kiện ngày 5-4-1976 trên thực tế là một cuộc bỏ phiếu toàn dân “cần Chu Ân Lai, không cần Mao Trạch Đông”, báo trước chiều hướng chính trị của Trung Quốc sau Mao.

Trước khi bước vào cuộc phẫu thuật lần thứ 4. Chu nắm chặt tay Đặng Tiểu Bình, ráng sức nói lớn trước mặt mọi người: “Đồng chí Tiểu Bình, công tác hơn một năm qua chứng tỏ đồng chí mạnh hơn tôi rất nhiều!” Khi bánh xe lăn tới sát cửa phòng mổ, Chu Ân Lai dùng hết sức bình sinh, lên tiếng cực lực kháng nghị: “Tôi trung thành với Đảng, trung thành với nhân dân! Tôi không phải là phái đầu hàng!” Đứng bên Chu, Đặng Dĩnh Siêu bình tĩnh nói với Uông Đông Hưng: “Đem lời Ân Lai báo cáo Chủ tịch”.



Chương 37

Chu Ân Lai mà người căm ghét, hăm hại: mãi mãi sống trong lòng trăm họ! Lũ bốn tên mà người tin cậy, bảo vệ: nhân dân rửa bay chết sớm đi!

9 giờ 57 phút ngày 8-1-1976, Chu Ân Lai qua đời, nhà cầm quyền công bố thành lập Ban lễ tang gồm 107 thành viên, trong đó có Mao Trạch Đông, Vương Hồng Văn, Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình, Chu Đức... Tuy nhiên, qui cách lễ tang đã bị hạ thấp, với việc lễ vĩnh biệt thi thể lễ ra phải tổ chức ở Nhà Quốc hội, thì lại làm tại nhà tang lễ bệnh viện Bắc Kinh (mặc dù đây không phải nơi Chu qua đời), việc rắc tro hài cốt được thực hiện trên chiếc máy bay An-2 cũ kỹ chuyên dùng phun thuốc trừ sâu cất cánh từ một sân bay cấp huyện, Mao không dự lễ truy điệu v.v... Tuy nhiên, tình cảm sâu nặng của người dân đối với vị Thủ tướng của họ vượt xa ý muốn của Mao. Hàng triệu người đã tự động đứng hai bên đường tiễn biệt ông từ bệnh viện tới nơi hỏa táng. Nhiều cán bộ và dân chúng tự đeo băng đen hoặc hoa trắng để tang ông. Nhiều người cảm thấy như đất dưới chân mình sụt xuống.

Chu Ân Lai sau khi từ trần thanh danh nổi như cồn, trở thành ngọn cờ đề toàn đảng, toàn quân, toàn dân đấu tranh tẩy chay âm mưu gia đình trị của Mao.

Ở Bắc Kinh, nhà cầm quyền cấm các đơn vị lập bàn thờ Chu, quần chúng liền phát hiện Đài liệt sĩ trên Quảng trường Thiên An Môn là nơi tưởng niệm lý tưởng nhất. Ngày 19-3, học sinh Trường Tiểu học Ngưu Phòng khu Triệu Dương đặt vòng hoa đầu tiên trên Đài liệt sĩ tưởng niệm Thủ tướng Chu. Những ngày tiếp theo, số vòng hoa ngày càng nhiều. Công nhân nhà máy cơ khí hạng nặng Bắc Kinh dùng cần cẩu đưa đến quảng trường một vòng hoa “xé không rách, lay không chuyển” làm bằng thép. Công nhân viên chức Nhà máy 109 thuộc Viện Khoa học Trung Quốc dựng ở phía sau Đài liệt sĩ 4 tấm bia thép lớn, mang 4 dòng chữ chĩa mũi nhọn vào “lũ bốn tên”:

Hồng tâm dĩ kết thắng lợi quả

Bích huyết tái khai cách mạng hoa

Thăng hữu yêu ma phún độc hoả

Tự hữu cầm yêu đả quỷ nhân

Mao trạch Đông – Ngàn năm công tội

(Tạm dịch nghĩa: Trái tim đỏ làm nên thắng lợi, máu đào lại nở hoa cách mạng. Nếu có yêu ma phun lửa độc, tất có người bắt quỷ, trừ ma).

4-4 là tiết thanh minh, tuy có lệnh cấm của chính quyền thành phố, 2 triệu lượt người đã kéo đến Quảng trường Thiên An Môn tưởng nhớ ông Chu, trong đó có đội ngũ trên 1000 công nhân viên chức Nhà máy đồng hồ Thanh Vân, hơn 3.000 công nhân Nhà máy điện cơ Thụ Quang. Theo thống kê của Cục Công an Bắc Kinh, riêng ngày 4-4 trên 1.400 đơn vị tham gia tưởng niệm, với 2.073 vòng hoa được đặt quanh Đài liệt sĩ, và vô số thơ, lời điệu, trong đó có 48 vụ “công kích ác độc Mao Chủ tịch và Trung ương Đảng”.

Tối 4-4, Vương Hồng Văn chủ trì cuộc họp Bộ Chính trị, cho rằng vụ Thiên An Môn là sự kiện phản cách mạng đứng sau là Đặng Tiểu Bình. quyết định dọn sạch Quảng trường Thiên An Môn, bắt phản cách mạng, tổ chức chiến dịch tố cáo âm mưu của kẻ thù trong cả nước. Khi thảo luận việc tước hết các chức vụ và khai trừ đảng tịch của Đặng, Chu Đức và Diệp Kiếm Anh bỏ ra về, Lý Tiên Niệm im lặng, Hoa Quốc Phong, Trần Tích Liên, Ngô Đức... đề nghị thỉnh thị Mao.

Nghe Mao Viễn Tân báo cáo tình hình, Mao Trạch Đông nói:

- “Như vậy là họ nã súng vào tôi, tưởng nhớ Thủ tướng, hỏi tội Giang Thanh và Trương Xuân Kiêu, tóm lại là muốn lật đổ Đại cách mạng văn hoá”

Chống Chu, phê Đặng, Mao không ngờ lại dẫn đến kết quả này. Mao quá tin vào quyền uy của mình. Sau sự kiện 13-9, chính vì Mao dựa vào Chu, sử dụng Đặng, toàn đảng, toàn quân và toàn dân mới tiếp tục ủng hộ ông ta. Nay Mao bỏ rơi hai người này, định chuyển giao quyền lực cho Giang Thanh, thì toàn đảng toàn quân và toàn dân đều quay lưng lại.

Mao quyết tâm làm theo ý mình cho đến cùng, phê chuẩn đàn áp quần chúng trước Thiên An Môn. 9 giờ 35 phút sáng 5-4, 5 tiểu đoàn cảnh vệ, 3.000 công an, 10.000 dân quân ra tay đàn áp, bắt tại chỗ 38 người, phá huỷ các vòng hoa. Kể cả trước và sau ngày 5-4, có 388 người bị bắt. Sáng 7-5, nằm trên giường bệnh, Mao chỉ thị:

- Tước mọi chức vụ của Đặng Tiểu Bình, giữ lại đảng tịch, Hoa Quốc Phong làm Thủ tướng kiêm Phó Chủ tịch thứ nhất ĐCSQT.

Mao dặn thêm khi họp Bộ Chính trị chính thức thông qua quyết định trên, không báo Đặng Tiểu Bình, Diệp Kiếm Anh và Tô Chấn Hoa đến họp, để đảm bảo nghị quyết được nhất trí thông qua.

Ngày 15-6-1976, trong lúc bệnh tình ngày càng nặng, Mao gọi Giang Thanh, Hoa Quốc Phong, Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên, Uông Đông Hưng, Vương Hải Dung đến nói:

- Đòi ta làm hai việc. Một là đấu tranh với Tưởng Giới Thạch mấy chục năm, đuổi Tưởng ra hải đảo; kháng chiến 8 năm, mời người Nhật về nước; đánh đến Bắc Kinh, vào Tử cấm thành. Về việc này, số người có ý kiến khác không nhiều, chỉ có vài người muốn ta sớm thu hồi mấy hòn đảo đó. Việc thứ hai là phát động Đại cách mạng văn hoá, người ủng hộ không nhiều người phản đối không ít. Cả hai việc trên đều chưa kết thúc, di sản này trao lại cho thế hệ sau. Trao lại như thế nào?

Không trao được trong hoà bình thì trao trong rối ren, làm không tốt là biển máu. Các người làm ra sao? Có trời biết được.

Khi nói những câu trên, đầu óc Mao hoàn toàn tỉnh táo. Ông ta tổng kết cuộc đời mình, nói đã làm hai việc, một là đánh bại Tưởng Giới Thạch, đuổi người Nhật về nước; hai là phát động Đại cách mạng văn hoá. Có nghĩa là trong 17 năm từ 1949 đến 1965, ông ta chẳng làm gì cả. Ông ta đổ mọi sai lầm trong thời kỳ đó lên đầu Lưu Thiểu Kỳ, từ ba cuộc cải tạo lớn đến Đại tiến vọt, chết đói 37,55 triệu người, thiệt hại 120 tỉ NDT.

Nói một cách thực sự cầu thị, từ năm 1953, Mao đã thực hiện đường lối sai lầm “tả” khuynh với đặc trưng chủ nghĩa xã hội không tưởng, đường lối sai lầm này gây thiệt hại nhiều so với đường lối Lý Lập Tam và Vương Minh. Sai lầm của Lý và Vương chỉ gây thất bại cục bộ, mất vài vạn quân, mất căn cứ địa trong vài huyện, còn sai lầm của Mao làm chết đói 37,55 triệu người. Một lãnh tụ đảng luôn miệng nói giải phóng nhân dân, phục vụ nhân dân, mang lại hạnh phúc cho nhân dân phạm tội ác lớn như vậy, mà lại cự tuyệt nhận sai lầm, không từ chức, lại phát động Đại cách mạng văn hoá, cách chức, đánh đổ, thậm chí dồn vào chỗ chết khoảng trên 80% đảng viên cộng sản chính trực, những người không tán thành cách làm tùy tiện của Mao từng có ý kiến bất đồng với ông ta. Nó tàn khốc, vô tình gấp bao nhiêu lần so với đường lối Vương Minh. Nếu đường lối sai lầm “tả” khuynh của Mao không chiếm vị trí chủ đạo, không có việc phê phán Lưu Thiểu Kỳ “xác lập trật tự xã hội dân chủ mới” năm 1953, không có việc chống Chu Ân Lai hữu khuynh năm 1958, không có Công xã hoá và 3 năm Đại tiến vọt, không có cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh Bành Đức Hoài, thì sẽ không gây ra thảm án lớn chưa từng có làm chết đói 37,55 triệu người. Mao Trạch Đông kéo Đảng cộng sản và nhân dân Trung Quốc theo ông ta vấp vấp trong 1/4 thế kỷ, đến năm 1978 lại quay về chủ nghĩa dân chủ mới, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc đến lúc này mới đi vào quỹ đạo dân chủ mới. Đại diện đường lối đúng đắn của Đảng trong thời kỳ xây dựng phải là những nhà lãnh đạo đã kiên trì đường lối Đại hội 8 Lưu Thiểu Kỳ, Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình, Trần Vân. Công cuộc cải cách-mở cửa hiện nay đã kế thừa và phát triển đường lối đúng đắn đó.



Chương 38

Mao để Giang Thanh cầm “cờ lớn”

Mao rất chú trọng tên tuổi của mình sau khi chết, hoàn toàn tự tin không ai có thể phủ nhận “võ công” của mình. Nhưng “văn trị” của Mao thật hồ đồ. Ông ta đã phá hoại một thế giới cũ, nhưng lại không xây dựng nổi một thế giới mới. Mao muốn đưa mọi người lên thiên đường, song lại đẩy họ xuống địa ngục. GDP của Trung Quốc năm 1955 chiếm 4,7% thế giới, năm 1980 tụt xuống 2,5%, năm 1955 gấp 2 lần Nhật Bản, năm 1960 tương đương, đến năm 1980 chỉ bằng 1/4. GDP bình quân đầu người năm 1955 bằng 1/2 Nhật Bản, đến năm 1980 chưa được 1/20. Năm 1960, GDP của Mỹ nhiều hơn Trung Quốc 460 tỉ USD, đến năm 1980, con số này là 3.680 tỉ USD. Trước năm 1949, Thượng Hải là trung tâm tiền tệ và thương mại quốc tế vùng Viễn Đông, là “Paris phương Đông”, trình độ công nghiệp hoá vượt xa Hồng Kông, dẫn đầu châu Á. Nhưng đến năm 1976, Thượng Hải tụt xuống thành phố loại hai, loại ba ở châu Á, GDP bình quân đầu người chỉ có 400 USD, trong khi Hồng Kông là 7.000 USD. Năm 1979, GDP bình quân đầu người của Trung Quốc chỉ xấp xỉ 1/7

Đài Loan. Báo cáo của Ngân hàng thế giới năm 1978 xếp GDP bình quân đầu người của Trung Quốc ngang Somali, Tanzania, đứng hàng thứ 20 thế giới tính từ dưới lên. Khoác lác đuổi kịp Anh, vượt Mỹ, nhưng tụt hậu ngày càng xa.

Điều đặc biệt khiến Mao nửa đêm giật mình lo sợ là 3 năm Đại tiến vọt làm 37,55 triệu người chết đói. Lưu Thiếu Kỳ từng nói với Mao: “Để xảy ra thảm kịch người ăn thịt người, ông và tôi sẽ bị ghi vào sử sách”. Mao rất sợ điều này. Có học giả thống kê, số người chết đói dưới thời Mao còn nhiều hơn tổng số người chết đói trong hơn 2.000 năm dưới mọi triều đại. Nếu con số này được ghi vào sử sách, Mao có còn là “đại cứu tinh”, là “mặt trời đỏ nhất” trong lòng nhân dân không? Có còn là lãnh tụ vĩ đại, người mác xít vĩ đại nhất trong thế kỷ 20 không? Chế độ mới do Mao sáng lập con đường mới do ông ta mở ra có còn đại diện cho tương lai của loài người không? 37,55 triệu người chết đói là sự thật lịch sử không gì bác nổi chứng minh rằng lý luận và thực tiễn chủ nghĩa xã hội không tưởng của Mao là chủ nghĩa xã hội giả hiệu phản động nhất, tàn khốc nhất trong lịch sử loài người. Mỗi khi nghĩ đến điều này, Mao rùng mình ớn lạnh.

Mao phát động Đại cách mạng văn hoá nhằm buộc Lưu Thiếu Kỳ và “phái đi con đường tư bản” các cấp tỉnh, chuyên khu, huyện, xã làm vật hy sinh thay ông ta vác chiếc chảo đen này. Họ là những người trung thành chấp hành đường lối cực tả của Mao (không trung thì đã bị đánh đổ từ lâu) những người tổ chức và lãnh đạo “Đại tiến vọt”, những người chịu trách nhiệm trực tiếp và nhân chứng về 37,55 triệu người chết đói những người bị trăm họ căm giận nhất.

Tại Đại hội 7.000 người, số cán bộ cấp huyện trở lên này không chịu làm vật hy sinh, đòi cùng Mao làm rõ trách nhiệm, phân rõ đúng sai, ép Mao kiểm điểm. Sau hội nghị, Mao phát lá cờ đấu tranh giai cấp, tạo dư luận Đảng biến thành xét lại, đất nước thay màu đôi sắc. Sau khi chiếm lĩnh điểm cao về chính trị và đạo đức, Mao liền phát động Đại cách mạng văn hoá, đánh đổ phái đi con đường tư bản các cấp trong mấy năm đã thay đổi hết cán bộ lãnh đạo các cấp từ trung ương tới công xã. Năm này qua năm khác, Mao tuyên truyền rằng đường lối tư sản và con đường tư bản chủ nghĩa của Lưu Thiếu Kỳ đã khiến Trung Quốc lờ đờ, làm hại trăm họ, rằng phái đi con đường tư bản đã gây ra nạn đói lớn khiến dân chúng chịu khổ trăm bề, vợ con ly tán, tan cửa nát nhà.

Đại cách mạng văn hoá là con dê chấn sổng của Mao Trạch Đông. Có con dê này, Mao có thể ngồi trên điểm cao an toàn, không những chối phất trách nhiệm làm hàng chục triệu người chết đói, mà còn tiếp tục đại diện cho đường lối đúng đắn, là đại cứu tinh đưa nhân dân ra khỏi nước sôi lửa bỏng, đánh đổ phái đi con đường tư bản. Ai phủ định Đại cách mạng văn hoá, người đó phá vỡ con dê chấn sổng của Mao, là lỗi ông ta xuống nước gánh trách nhiệm về việc làm chết đói 37,55 triệu người, vì vậy Mao đặc biệt nhạy cảm với việc bảo vệ thành quả Đại cách mạng văn hoá. Trong bối cảnh tâm lý phức tạp đó, điều kiện hàng đầu để Mao lựa chọn người kế tục là có thể trung thành giữ vững con dê chấn sổng này, còn có năng lực quản lý đất nước không, có được nhân dân ủng hộ không, đều là thứ yếu; rồi kinh tế có thể phát triển không, đời sống nhân dân có được cải thiện không, cũng là những chuyện chẳng quan trọng gì. Mao cho rằng chỉ có Giang Thanh đảm đương nổi trọng trách lịch sử này, Giang biết nắm đấu tranh giai cấp, biết trị những cán bộ nắm sản xuất không tính toán việc bị phi báng hay được ca ngợi, thể chết bảo vệ thanh danh cho Mao. Chỉ cần thiết lập được gia đình trị, chỉ cần thời gian cho hai thế hệ - Giang Thanh truyền ngôi cho Mao Viễn Tân - là có thể xoá sạch máu và nước mắt do 37,55 triệu người để lại trên dải đất Trung Hoa bao la này, hoàn toàn viết lại lịch sử hiện đại Trung Quốc.

Mao chơi con bài người kế tục là trò bịp che tai mắt thiên hạ. Người Mao thật sự cần tìm kiếm là đại thần nhiếp chính, tức quân sư hoặc “tham mưu giỏi” giúp Giang cầm quyền.

Kỳ thực, “bạn chiến đấu thân thiết” của Mao là Giang Thanh. Trong phong trào phê truyện “Thủy Hử”, Mao cho thấy cách nhìn nhận chân thực của ông ta đối với Giang Thanh, biểu dương Giang trước các thành viên Bộ Chính trị, khẳng định đầy đủ về chính trị. Mao nói Giang tính đấu tranh mạnh, lập trường giai cấp kiên định, không biết giờ trò hai mặt, nhưng không hiểu sách lược, không biết đoàn kết mọi người, nên bị thiệt thòi. Nếu bên cạnh có một tham mưu giỏi hỗ trợ, Giang có thể cầm cờ lớn. “Tôi biết rõ phái ngoan cố (chỉ Chu Ân Lai, Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình) phản đối Giang Thanh, phản đối tôi sử dụng Giang Thanh”.

Giang Thanh muốn làm Nữ hoàng là việc mọi người đều biết, thậm chí sau khi Mao chết, đã có chuyện các tỉnh đua nhau gửi thư ủng hộ Giang Thanh làm Chủ tịch Đảng. Trung Quốc suýt nữa quay lại xã hội phong kiến. Những năm cuối đời, Mao mắc nhiều chứng bệnh, chân phù, đi lại khó khăn, bệnh tim ngày càng nặng, mắt gần như bị mù, nhưng ông ta vẫn nắm chặt quyền lực, mọi việc lớn vẫn phải do Mao quyết định cuối cùng. Mao chỉ tin người nhà. Trước khi vào Trung Nam Hải, Mao Viễn Tân là Bí thư Tỉnh ủy Liêu Ninh, Chính ủy Đại quân khu Thẩm Dương. Từ 10-10-1975, Mao Viễn Tân được cử làm “liên lạc viên” cho Mao. Bộ Chính trị họp, Mao Viễn Tân ngồi trên ghế Chủ tịch truyền đạt “khẩu dụ” của Mao. Y coi các uỷ viên Bộ chính trị như cấp dưới, đã có lần y nói: “Tôi thuận miệng nói vài câu, đủ để bọn họ học tập mấy tháng ròng”.

Ngày 2-11-1975, Viễn Tân nói với Mao Trạch Đông:

- Cháu thấy thái độ của Đặng Tiểu Bình đối với Đại cách mạng văn hoá rất không bình thường. Đường lối, phương châm từ khi Đặng chủ trì công tác Trung ương năm 1975 hoàn toàn đối lập với đường lối, phương châm của Chủ tịch. Bất đồng cơ bản là: Khẳng định hay phủ định Đại cách mạng văn hoá? Trọng điểm công tác là đấu tranh giai cấp, đấu tranh đường lối, hay phát triển kinh tế quốc dân? Bên ngoài lo ngại Trung ương sẽ thay đổi.

Mấy câu trên đã chạm đến sợi dây thần kinh nhạy cảm nhất của Mao. Nếu để Đặng Tiểu Bình nắm quyền, liệu sau này ông ta có lật án Đại cách mạng văn hoá hay không?

Phải tìm hiểu rõ vấn đề này. Mao bảo Uông Đông Hưng, Trần Tích Liên cùng Viễn Tân gặp Đặng, và dặn cháu:

- Nói hết ý kiến của anh, đừng úp mở gì cả, xem ông ta nói gì.

Quả nhiên Đặng nêu ý kiến khác. Về việc không phê phán đường lối xét lại trong 17 năm (trước Đại cách mạng văn hoá), Đặng giải thích:

- Không thể nói rằng Trung ương Đảng do Mao Chủ tịch đứng đầu thực hiện chủ nghĩa xét lại.

Về công tác của mình từ khi được phục hồi đến nay, Đặng nói:

- Bình luận về tình hình cả nước sau khi có văn kiện số 9, quan điểm của tôi khác với đồng chí Viễn Tân. Thực tiễn có thể chứng minh tình hình tốt lên hay xấu đi.

Mao Trạch Đông – Ngàn năm công tội

Ngày 20-11. Mao chỉ thị Vương Hồng Văn chủ trì Hội nghị Bộ chính trị thảo luận vấn đề đánh giá Đại cách mạng văn hoá. Mao gợi ý đề Đặng Tiểu Bình chủ trì soạn thảo nghị quyết khẳng định Đại cách mạng văn hoá, đánh giá chung là 7 phần thành tích, 3 phần sai lầm. Chỉ cần đáp ứng điều này, Đặng sẽ có cơ sở chính trị để hợp tác với Giang Thanh. Mao vẫn chưa từ bỏ ý định đề “Giang giám quốc, Đặng cầm quyền”.

Đây là một thử thách lớn đối với Đặng, chỉ cần đáp ứng điều kiện trên, ông sẽ được quyền cao chức trọng, dưới một người và trên vạn người. Nhớ những ngày bị lưu đày ở Giang Tây, dùng dầu hoả tẩy rửa những linh kiện kết bần, trông nom mẹ già, chăm sóc đứa con bị liệt, kinh luân đầy bụng mà cứu nước vô phương, được trở lại làm việc chẳng dễ dàng gì, những chính khách thường dễ dàng khuất phục.

Nhưng Đặng thuộc chính khách lớn, nhìn xa hơn, nghĩ sâu hơn. Đặng hiểu nếu ông không phủ định Đại cách mạng văn hoá, thì người khác sẽ phủ định, con cháu đời sau sẽ phủ định; cuối cùng phải nói rõ với nhân dân món nợ lịch sử lớn 3 năm Đại tiến vọt làm mấy chục triệu người chết đói, không thể một người che nổi tai mắt thiên hạ. Đặng quyết tâm dù bị đánh đổ lần thứ ba cũng không tiếp nhận điều kiện của Mao. Ông trả lời rất nhẹ nhàng, đại ý mình là người bị đánh đổ trong Đại cách mạng văn hoá, hoàn toàn không tham gia, không biết “bố trí chiến lược” của Mao, nên không thể hô hào đứng ra ca ngợi Đại cách mạng văn hoá.

Nghe Viễn Tân báo cáo, Mao rất thất vọng về Đặng, quyết tâm phát động “phản kích làn gió lật án hữu khuynh”.

Nằm trong bệnh viện. Chu Ân Lai lo ngại không biết Đặng có đứng vững nổi trước trận cuồng phong này không. Ông mời Đặng vào, quan tâm và trình trọng hỏi: “Thái độ liệu có thay đổi không?” Đặng trả lời rõ ràng: “Vĩnh viễn không”. Chu vui mừng: “Vậy tôi yên tâm rồi”.

Đây là lời thề chính trị giữa hai người, bất chấp vinh nhục và tính mạng bản thân. Ý nghĩa câu hỏi của Chu là: Liệu ông có thay đổi thái độ, chấp nhận điều kiện của Mao, làm “đại thần phụ chính” không? Câu trả lời của Đặng là: Thà bị đánh đổ lần thứ 2, cũng không phụ tá cho Giang Thanh lên ngôi Chủ tịch Đảng.

Hạ tuần tháng 12, Diệp Kiếm Anh vào bệnh viện thăm Chu. Chu nắm chặt tay ông dặn dò:

- Phải chú ý phương pháp đấu tranh, không thể để quyền lực rơi vào tay “lũ bốn tên”.

26-12-1975, Khang Sinh qua đời. Trước khi chết, Khanh đã tố cáo với Mao việc Giang Thanh, Trương Xuân Kiêu từng là kẻ phản bội. Mao lơ đi.

Tháng 12-1975, Bộ Chính trị liên tục họp dưới sự chủ trì của Đặng Tiểu Bình để phê phán Đặng. “Lũ bốn tên” khí thế hung hăng, lời lẽ gay gắt, phủ định sạch trơn công tác chỉnh đốn trong 9 tháng qua. Những người khác phụ hoạ. Đặng lặng lẽ nghe, mọi người nói hết, ông tuyên bố nghỉ họp.

Ngày 20-12-1975, kiểm điểm trước Bộ Chính trị, Đặng nêu lên những việc đã làm, và nói ông cảm thấy ngạc nhiên khi một số người phương châm và phương pháp đó. Ngày 20-1-1976, Đặng gửi thư

cho Mao, xin thôi trách nhiệm chủ trì công việc hàng ngày của Trung ương. Cuối tháng 1-1976, Mao cử Hoa Quốc Phong làm quyền Thủ tướng, chủ trì công việc hàng ngày của Trung ương.

Mao Viễn Tân cực lực phản đối, cho rằng Hoa năng lực quá kém, chủ trì một cuộc họp cũng ăn không nên đợi, nói không nên lời. Mao đập bàn: “Ta cần người không có năng lực như thế”. Mao không tìm đâu ra “Tiêu Hà” nữa, Mao thấy rõ Hoa không có năng lực, không bẻ phái, không có dã tâm, hội đủ “ba không” ấy, sau khi Mao chết. Hoa chỉ có thể trao quyền cho Giang Thanh. Mao còn cường bức Diệp Kiếm Anh “nghi ốm”, để Trần Tích Liên chủ trì công việc hàng ngày của Quân ủy Trung ương. Từ đó, Mao cho Đặng chuyên quản công tác đối ngoại, Mao nhẹ tay như vậy, vì cho đến phút cuối cùng, ông ta vẫn chưa từ bỏ ý định lôi kéo Đặng, vì biết rõ sau khi ông ta qua đời, chỉ có Đặng giữ được cho đất nước này khỏi rối loạn. Sau khi Chu từ trần, Mao yêu cầu Bộ Chính trị thảo luận nhân sự Thủ tướng. Hội nghị nêu ba người: Hoa Quốc Phong, Lý Tiên Niệm, Trương Xuân Kiêu. Hội nghị còn một việc quan trọng là bầu Giang Thanh làm Phó Chủ tịch Đảng, theo đề nghị của Uông Đông Hưng, được Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên, Ngô Quế Hiến phụ họa.

Khi thảo luận vấn đề này, Diệp Kiếm Anh, Chu Đức bỏ về, Lý Tiên Niệm không tỏ thái độ. Hoa Quốc Phong, Vương Hồng Văn, Trần Tích Liên, Ngô Đức, Kỷ Đăng Khuê đề nghị thỉnh thị Mao. Mao chọn Hoa Quốc Phong làm Thủ tướng kiêm Phó Chủ tịch Đảng, xoá tên ba người Lý, Trương, Giang. Rồi Mao gọi Vương Hồng Văn, Uông Đông Hưng, Giang Thanh, Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên đến hỏi:

- Ai đề cử Giang Thanh làm Phó Chủ tịch Đảng? Xem ra việc ấy không chân thành. Ai đề cử, người ấy làm hại Giang. Các người muốn ủng hộ Giang, phải chờ sau khi ta chết.

Ngày 25-2, Hoa Quốc Phong triệu tập lãnh đạo các tỉnh và thành phố, các bộ và Ủy ban, các đại quân khu, kêu gọi phê phán đường lối xét lại của Đặng.

Ngày 25-3, Giang Thanh tự ý triệu tập cuộc họp những người lãnh đạo 12 tỉnh và thành phố, gọi Đặng Tiểu Bình là “bác thầy phản cách mạng”, “đại Hán gian”, “đại diện cho giai cấp tư sản mại bản và địa chủ”. Giang nói:

- Có người nói tôi là Võ Tắc Thiên. Có người gọi tôi là Lã Hậu. Tôi cũng cảm thấy vô cùng vinh hạnh. Lã Hậu là Hoàng đế không đội vương miện, quyền lực thực tế nằm trong tay bà. Phỉ báng Lã Hậu, phỉ báng tôi, là nhằm phỉ báng Mao Chủ tịch!

Do tác động của cuộc “phê Đặng, phản kích làn gió lật án hữu khuynh”, cục diện xã hội ổn định, kinh tế phát triển vừa xuất hiện qua cuộc chỉnh đốn toàn diện từ đầu năm 1975 đã bị phá hoại, nhiều chính sách và biện pháp đúng đắn đề ra và thực hiện trong công cuộc chỉnh đốn bị xoá bỏ và phê phán, một số kẻ cầm đầu phái tạo phản và phản từ cốt cán vũ đầu bị cách chức hoặc chuyển lại quay về, ngọn lửa bẻ phái và vũ đầu lại bùng lên, nhiều nơi xã hội lại rối loạn, nhiều xí nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ, nhà máy ngừng sản xuất, thậm chí không trả nổi tiền lương cho công nhân, một số trục đường sắt tê liệt, giao thông tắc nghẽn, xe lửa chậm giờ, vật tư ứ đọng, cả nước lại rơi vào tình trạng rất rối ren.

Sau sự kiện Thiên An Môn, một số nhà lãnh đạo kiên quyết chấp hành phương châm chỉnh đốn toàn diện như Vạn Lý, Hồ Diệu Bang bị cách chức, bị đầu tố, Bộ trưởng Giáo dục Chu Vinh Hâm bị bức

hại cho đến chết trong cuộc phê đầu ngày 12-4-1976. Mức độ Giang Thanh thù địch Đặng Tiểu Bình vượt xa mức độ thù địch Đào Chú. Để phòng ngừa “lũ bốn tên” xúi giục phái tạo phản hãm hại Đặng, ngày 7-4, Mao chỉ thị Uông Đông Hưng di chuyển vợ chồng Đặng đến một nơi ở bí mật, bảo vệ nghiêm ngặt. Mao quan tâm Đặng như vậy không phải do nhà đại độc tài này bỗng trở nên lương thiện. Mao sẵn sàng mượn bàn tay phái tạo phản giết Đặng, nếu việc đó có thể giúp ổn định tình hình, đưa Giang Thanh lên ngôi báu. Phong trào “5-4” mang tính toàn quốc, Mao không biết giải tán quần chúng kháng nghị khỏi Thiên An Môn rồi tình hình sẽ phát triển ra sao. Nếu cả nước đại loạn, “lũ bốn tên” không giữ nổi thế trận, lại phải mời Đặng ra ổn định tình hình. Qua việc chinh đồn cục diện rối ren của Đại cách mạng văn hoá sau khi trở lại làm việc, uy danh của Đặng đã chấn động cả nước. Đặng lại có cơ sở vững chắc trong quân đội. Mao thừa nhận Đặng có cơ sở xã hội, được quân đội bảo vệ. Đó là lý do Mao không dám đẩy Đặng vào chỗ chết.

Sau sự kiện Thiên An Môn, Mao bị một đòn nặng nề về tinh thần, sức khỏe ngày càng giảm, những ngày còn lại không nhiều, buộc phải nói rõ những việc hậu sự, không còn vòng vo được nữa. Trong hồi ức, Diêu Văn Nguyên tiết lộ: Mao từng nhiều lần hỏi ý kiến các uỷ viên Bộ chính trị về danh sách Ban lãnh đạo sau Mao:

Chủ tịch Đảng: Giang Thanh;

Thủ tướng: Hoa Quốc Phong;

Chủ tịch Quốc hội: Vương Hồng Văn hoặc Mao Viễn Tân;

Chủ tịch Quân uỷ Trung ương: Trần Tích Liên.

Theo tư liệu ghi chép của Mao Viễn Tân và Trương Ngọc Phượng, ngày 15-7-1976, Mao Trạch Đông gặp Mao Viễn Tân, Hoa Quốc Phong, Giang Thanh, Uông Đông Hưng, Trương Ngọc Phượng, đưa ra danh sách Thường vụ Bộ Chính trị sau Mao, theo trình tự: Mao Viễn Tân, Hoa Quốc Phong, Giang Thanh, Trần Tích Liên, Kỷ Đăng Khuê, Uông Đông Hưng, Trương Ngọc Phượng.

Giang Thanh yêu cầu Mao đọc lại một lần nữa, rồi hỏi:

- Còn Vương Hồng Văn và Trương Xuân Kiêu?

Mao chỉ Giang Thanh, nói:

- Cô ấu trĩ quá.

Rồi Mao chém tay về hai phía tả, hữu:

- Các lão soái, Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiêu đều không vào Thường vụ Bộ chính trị!

Mao đưa ra danh sách này, không cho Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiêu vào Thường vụ Bộ chính trị, rõ ràng muốn chia cắt “lũ bốn tên”, làm yếu thế lực của Giang Thanh, để Giang phụ tá

Viễn Tân kể vị. Giang Thanh có dã tâm, có chủ kiến, không nghe lời Mao, kiên trì muốn làm Nữ hoàng.

Ngày 1-8, phát biểu tại lễ bế mạc Hội nghị công tác kế hoạch toàn quốc, Giang Thanh lớn tiếng chửi Vạn Lý, chỉ trích Lý Tiên Niệm, điều khiển mọi người kinh ngạc là Giang công khai điếm tên phê bình Hoa Quốc Phong, nói Hoa chạy theo Đặng. Như vậy là cho toàn đảng thấy một tín hiệu: Vị trí của Giang cao hơn Hoa.

Sau khi “lũ bốn tên” bị bắt, Ban chuyên án, thu được bản danh sách lãnh đạo Trung ương theo dự kiến của Giang Thanh:

Chủ tịch Đảng: Giang Thanh

Phó Chủ tịch Đảng: Trương Xuân Kiêu, Vương Hồng Văn, Diêu Văn Nguyên, Tôn Ngọc Quốc, Mao Viễn Tân

Thường vụ Bộ chính trị: ngoài 6 người trên, thêm: Tạ Tĩnh Nghi, Trương Thu Kiêu, Vương Tú Trân.

Chủ tịch Quốc hội: Vương Hồng Văn

Thủ tướng: Trương Xuân Kiêu

Giang Thanh hoàn toàn không tôn trọng ý kiến của Mao, gạt Hoa Quốc Phong, Uông Đông Hưng, Trần Tích Liên ra khỏi hạt nhân lãnh đạo, buộc họ ra tay trước.



Chương 39 Mao chết, Giang tù

0 giờ 10 phút ngày 9-9-1976, Mao Trạch Đông qua đời.

Tang lễ được tổ chức siêu trọng thể. Trong 7 ngày quốc tang, 30 vạn quần chúng đến viếng. Ngày 18-9, một triệu người dự lễ truy điệu trên quảng trường Thiên An Môn.

Tình cảm của đông đảo quần chúng dự lễ tang thật phức tạp. Một số người vẫn rất mê tín Mao, cảnh họ chùi nước mắt là chân thành. Đại đa số kính sợ hơn mến yêu, song kính sợ không phải để chúc phúc, mà để tránh tai họa. Lớp thanh niên học sinh, những tiểu tướng Hồng vệ binh sùng bái Mao nhất trong thời kỳ đầu Đại cách mạng văn hoá từng lục soát đánh đập từ Nam lên Bắc, đập phá, giết chóc từ Đông sang Tây, giúp Mao đánh đổ hàng loạt kẻ thù chính trị, được hứa hẹn làm người kế tục cách mạng, cuối cùng bị đưa về vùng núi và nông thôn để bần nông và trung nông dưới “giáo dục lại”. Những thanh niên này lòng đầy phẫn uất bị lợi dụng, bị lừa bịp, sự kiện Thiên An Môn 5-4 chứng minh họ đã thức tỉnh. Lễ truy điệu kết thúc, trên đường về, phần lớn mọi người cảm thấy

lòng nhẹ nhõm, như vừa tham gia diễu hành mừng quốc khánh, khác hẳn tình cảm lúc Chu Ân Lai từ trần.

Đồng đảo cán bộ trung cao cấp theo Mao cả đời bắt đầu thức tỉnh. Đồng Thiết Thành, Chính uỷ một đơn vị thuộc Học viện quân sự, cấp bậc tương đương Quân đoàn trưởng, nói với người viết cuốn sách này:

- Các đồng chí trong Đảng mong Mao Chủ tịch đi sớm một chút, ông không chết, đất nước không có hy vọng. Nếu lũ bốn tên lên cầm quyền, chúng tôi sẵn sàng lên núi tiến hành chiến tranh du kích.

Một ông già ngoài 60 tuổi “ba đời bần nông” ở huyện Hợp Giang nghe tin Mao chết đã bình thản nói: “Mao Trạch Đông lẽ ra phải chết từ lâu rồi”.

Sắp xếp chuyển giao quyền lực kiểu gia đình trị khiến Mao để lại chiếc đuôi dài phong kiến, những lý luận của Mao như phòng, chống xét lại, ngăn chặn chủ nghĩa tư bản phục hồi, tiếp tục cách mạng dưới nền chuyên chính vô sản... đều trở thành dối trá, bịp bợm. Những vòng hào quang sáng chói trên đầu Mao như mặt trời đỏ nhất, người mác xít vĩ đại nhất, đại cứu tinh của nhân dân, lãnh tụ vĩ đại bỗng trở nên ảm đạm. Ban lãnh đạo hùng mạnh với đội ngũ nhân tài kinh tế hình thành từ Đại hội 8 bỗng hồng cả, các thành viên Bộ Chính trị và Ban bí thư đều biến thành xét lại trên 70% uỷ viên Trung ương bị đánh đổ. Chỉ có vợ và cháu Mao mới là nhà cách mạng vô sản đủ tư cách kế tục Mao. Đó là mục đích 10 năm Đại cách mạng văn hoá đầu đi đất lại cần đạt được. Sau khi thấy rõ tất cả, mọi người thất vọng, lắc đầu. Toàn đảng, toàn quân, toàn dân không thể chấp nhận kết cục đó.

Lễ truy điệu vừa kết thúc, cuộc đấu tranh quyền lực gay gắt đã bắt đầu.

Về người kế tục, Mao để lại ba danh sách. Danh sách đầu tiên xác định rõ Giang Thanh là Chủ tịch Đảng. Hai danh sách sau, đưa Mao Viễn Tân lên vị trí số 1, Giang Thanh xuống vị trí số 3. Rốt cuộc ai đứng đầu? Nội bộ phe Giang Thanh tranh chấp. Việc này đòi hỏi Phó Chủ tịch thứ nhất Hoa Quốc Phong triệu tập Hội nghị Bộ chính trị xác định, Giang Thanh không thể lên ngôi Nữ hoàng ngay sau khi “Tiên vương” băng hà. Hoa Quốc Phong vẫn chủ trì công tác trung ương. Được phải nguyên lão đứng đầu là Diệp Kiếm Anh ủng hộ, tối 6-10-1976, Hoa Quốc Phong và Uông Đông Hưng đứng ra bí mật bắt Giang Thanh, Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên, Mao Viễn Tân, triệt để đập tan âm mưu của Mao Trạch Đông phục hồi chủ nghĩa phong kiến, thực hiện gia đình trị. “Lũ bốn tên” bị bắt đánh dấu Đại cách mạng văn hoá hoàn toàn thất bại, cũng đánh dấu chấm dứt thời đại Mao Trạch Đông.

Hội nghị Trung ương 3 khoá 10 họp từ 16 đến 21-7-1977 ra nghị quyết tước đảng tịch và mọi chức vụ trong và ngoài đảng của Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiêu, Giang Thanh, Diêu Văn Nguyên.

Ngày 17-3-1980, Ban Bí thư thảo luận vấn đề xét xử tập đoàn Lâm Bưu và tập đoàn Giang Thanh, xác định 16 tội phạm chủ yếu, trong đó 6 người đã chết (Lâm Bưu, Khang Sinh, Tạ Phú Trị, Diệp Quân, Lâm Lập Quả, Chu Vũ Tri) chỉ khởi tố, không xét xử. Mười tội phạm chủ yếu đưa ra xét xử là Giang Thanh, Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên, Vương Hồng Văn, Trần Bá Đạt, Hoàng Vĩnh Thắng, Ngô Pháp Hiến, Lý Tác Bằng, Khưu Hội Tác, Giang Đăng Giao.

Hội nghị quyết định thành lập Ban chỉ đạo xét xử hai vụ án này, do Bành Chân làm Chủ nhiệm.

Cuối tháng 3-1980, trong cuộc họp Ban Bí thư, Bành Chân nêu vấn đề: Lâm Bưu, “lũ bốn tên” phạm tội và Đảng mắc sai lầm là hai việc tính chất hoàn toàn khác nhau, không thể xét xử sai lầm của Đảng. Như vậy có nghĩa là do nhu cầu chính trị, ngọn cờ Mao Trạch Đông không thể đổ, không thể bỏ, nhưng lại phải đề hàng chục triệu người bị bức hại và nhân dân Trung Quốc trút bỏ được những oán hận suốt 10 năm trời, quét sạch uy tín của Mao, để từ nay nó không còn khả năng cản trở công cuộc cải cách mở cửa và tác động đến đường lối, chính sách của Đảng nữa. Để đạt mục đích này, biện pháp hay nhất là xét xử Giang Thanh, để Giang nhận tội thay Mao. Ba giờ chiều 20-11-1980, tại số 7 đường Chính Nghĩa, Bắc Kinh, phiên toà đặc biệt Toà án nhân dân tối cao bắt đầu xét xử vụ án tập đoàn phản cách mạng Lâm Bưu, Giang Thanh. Trong 880 người ngồi trên ghế dự thính, có các bà Vương Quang Mỹ - phu nhân Chủ tịch Lưu Thiếu Kỳ, Phó An Tu - phu nhân Nguyên soái Bành Đức Hoài, Tiết Minh - phu nhân nguyên soái Hạ Long, Hách Trì Bình - phu nhân đại tướng La Thụy Khanh. Quyết định khởi tố dài hơn 2 vạn chữ do Chánh án và Phó Chánh án luân phiên đọc nêu lên 48 tội của hai tập đoàn Lâm Bưu, Giang Thanh. Sau đó, toà án tách ra, thẩm vấn riêng từng tập đoàn một.

Trong phiên thẩm vấn sáng 3-12, Giang Thanh nói ra một số việc khiến công chúng sững sốt, trong đó quan trọng nhất là: *“Tôi là con chó của Chủ tịch, Chủ tịch bảo cắn ai, tôi cắn người đó”*. Giang còn nói:

- Việc gì các vị cũng đổ lên đầu tôi. Trời đất ơi, hình như tôi là người khổng lồ ba đầu sáu tay đã làm nên kỳ tích. Tôi chỉ là một người lãnh đạo của Đảng, tôi đứng về phía Mao Trạch Đông! Bất tôi, xét xử tôi, là phỉ báng Chủ tịch Mao Trạch Đông!

Chỉ vài lời đó đã đập tan câu chuyện thần thoại về “chỉ có Hậu, Phi làm hại nước, còn Hoàng thượng vẫn anh minh”, nói rõ lịch sử chân thực của Đại cách mạng văn hoá.

Khi vạch tội Giang Thanh có dã tâm chống Đảng, cướp quyền, công kích Hoa Quốc Phong, người được chỉ định kế tục Mao, Giang Thanh lớn tiếng, thu hút sự chú ý về phía mình:

- Tôi muốn cho các vị biết một việc, câu “đồng chí làm việc tôi yên tâm” Mao Chủ tịch viết cho Hoa Quốc Phong tối hôm đó không phải là toàn bộ nội dung Mao viết cho Hoa, ít nhất còn thiếu 6 chữ “có vấn đề, hỏi Giang Thanh”.

Mấy câu trên của Giang khiến phiên toà đại loạn. Giang cười nhạt:

- Ta bất chấp phép nước, đạo trời ư?

Trong những hồi chuông dồn dập. Giang một lần nữa bị lôi ra khỏi phòng xử án, nhưng trên những hàng ghế dự thính, mọi người vỗ tay rầm rộ, đây là những lời khen chân tình, bởi Giang Thanh đã vạch ra một sự thật quan trọng nhất: Người kế tục mà Mao chỉ định là Giang, chứ không phải Hoa Quốc Phong: Hoa chỉ là viên cận thần có việc cần thỉnh thị Nữ hoàng.

Hoa làm việc Mao yên tâm, nhưng không phải Hoa muốn làm gì thì làm, mà phải thỉnh thị Giang, làm theo chỉ thị của Giang.

“Quyết định khởi tố” đưa ra bản “Kỷ yếu cuộc toạ đàm về công tác văn nghệ trong quân đội do đồng chí Lâm Bưu uỷ thác đồng chí Giang Thanh triệu tập” làm bằng chứng câu kết giữa Lâm Bưu và Giang Thanh, có vẻ như Mao hoàn toàn không biết việc này. Sự thật là Mao đã ba lần duyệt văn bản trên, tự tay sửa 11 chỗ, lại thêm 6 chữ “đồng chí Lâm Bưu uỷ thác cho thêm sức nặng.

“Quyết định khởi tố” vạch tội Giang Thanh câu kết với Khang Sinh hãm hại các uỷ viên Trung ương khoá 8. Thật ra đó là chủ trương của Mao, Giang Thanh chỉ là người chấp hành. Nói Giang đánh đổ 123 uỷ viên Trung ương trái với ý muốn của Mao, liệu có thể như thế được không?

Mao Trạch Đông những năm cuối đời tâm địa tối tăm, giả dối, xảo trá, vừa không từ bất cứ việc làm xấu xa nào, lại muốn để lại tiếng thơm muôn thuở. Các Hoàng đế phong kiến muốn truyền ngôi, cuộc đấu tranh phế lập thường dẫn đến xung đột đổ máu, nhưng nó chỉ giới hạn trong phạm vi cung đình, chẳng liên quan gì đến trăm họ. Để phế truất Lưu Thiếu Kỳ, lập Giang Thanh hoặc Mao Viễn Tân, Mao đã làm cho sự việc còn phức tạp hơn thời Xuân Thu Chiến Quốc. Ông ta muốn thực hiện để chế dưới danh nghĩa cách mạng, quả thật không nói ra được, mà nói ra cũng danh không chính, ngôn không thuận. Do đó, ông ta dùng hàng trăm lý luận cách mạng, “bố trí chiến lược vĩ đại” lần này đến lần khác, các phong trào chính trị triền miên, các âm mưu quỷ kế nối tiếp, giấu kín ý đồ thật sự của mình, làm cho toàn đảng, toàn quân, toàn dân xoay như chóng chóng chạy theo ông ta, để đạt mục đích đen tối của mình. Đến nay, chúng ta cần thực sự cầu thị thừa nhận hai tập đoàn chống đảng Lâm Bưu, Giang Thanh đều ra đời và phát triển trong lòng ấp của Mao, nhất là tập đoàn Giang, một bà nàg và mấy anh học trò, không có Mao Trạch Đông đứng sau nâng đỡ làm sao có khả năng phá hoại toàn đảng, gây rối loạn trong cả nước? Trước công đường, Giang Thanh nói:

- Các vị nói tập đoàn Lâm Bưu, Giang Thanh là không đúng. Lâm Bưu là một tập đoàn do Lâm Bưu đứng đầu. Trần Bá Đạt, tôi Khang Sinh, Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên, Vương Hồng Văn là một tập đoàn; đứng đầu tập đoàn này không phải tôi, mà là Mao Chủ tịch.

Ngồi trên đỉnh kim tự tháp tác oai tác quái, bức hại cán bộ lãnh đạo các cấp, lừa bịp toàn đảng, toàn quân, toàn dân, không chỉ là tứ nhân bang” (lũ bốn tên), mà là “ngũ nhân bang”, do Mao Trạch Đông làm bang chủ.

Qua 2 tháng 5 ngày thẩm lý, ngày 25-1-1981, Toà án tối cao Trung Quốc tuyên án: Giang Thanh và Trương Xuân Kiêu tử hình, hoãn chấp hành án 2 năm, tước đoạt quyền lợi chính trị suốt đời, Vương Hồng Văn tù chung thân, tước đoạt quyền lợi chính trị suốt đời, 7 người khác bị kết án từ 16 đến 20 năm tù, tước đoạt quyền lợi chính trị từ 5 đến 6 năm. Từ đó, Giang bắt đầu cuộc sống ngục tù dài đằng đặc.

Buồng giam Giang Thanh trong nhà tù Tần Thành chính là nơi từng giam giữ Bành Chân. Sắp đến hạn thi hành án, Giang được giảm án xuống tù chung thân. Tháng 11-1989, lãnh đạo Trung Quốc cho phép Giang hưởng chế độ giam lỏng. Văn phòng Trung ương tìm cho bà ta một ngôi nhà nhỏ 2 tầng ở gần Tử Tiên Kiêu, có một hộ lý ở cùng.

Ngày 13-5-1991, Giang Thanh viết lên trang đầu tờ “Nhân dân nhật báo”: “Một ngày đáng kỷ niệm trong lịch sử” Trước đó 25 năm, ngày 13-5-1966, theo đề nghị của Mao, Giang được cử làm người lãnh đạo Tổ cách mạng văn hoá Trung ương, đầy uy lực bước lên vũ đài lịch sử, quyền thế, vinh hiển, hưởng thụ, phong quang vô hạn. Nay bị bắt đã 15 năm, sức khỏe ngày càng giảm, những

người ủng hộ trước đây không có chút tin vui nào, bản thân cũng chưa thấy dấu hiệu nào có thể trở lại vũ đài chính trị. Sự khác biệt giữa xưa và nay khiến Giang tức giận, đau thương, tuyệt vọng. 3 giờ 30 phút sáng 14-5, hộ lý phát hiện Giang Thanh đã treo cổ tự sát trong nhà tắm. Buổi chiều, con gái Giang là Lý Nạp đến bệnh viện ký nhận giấy tử vong, và đồng ý không có bất cứ hình thức tang lễ nào. Không một người thân nào của Mao hoặc Giang có mặt khi thi thể Giang được hỏa táng 3 ngày sau đó.

Ba năm Đại tiến vọt, cả nước có 37,55 triệu người chết đói tồn thất khoảng 120 tỉ NDT. Mười năm Đại cách mạng văn hoá, theo Diệp Kiếm Anh tiết lộ tại lễ bế mạc Hội nghị công tác Trung ương ngày 13-12-1978, có 20 triệu người chết, 100 triệu người bị đầu tở, lãng phí 800 tỉ NDT.

Cộng thêm thu nhập quốc dân tởn thất 500 tỉ NDT (báo cáo của Lý Tiên Niệm tại Hội nghị kế hoạch toàn quốc 20-12-1977), thì lãng phí, và giảm thu tới 1.300 tỉ NDT. Từ khi thành lập nước Trung Hoa mới năm 1949 đến khi Mao qua đời năm 1976, không có nội chiến, không có thiên tai nghiêm trọng, mà số người chết không bình thường lên tới trên 57,55 triệu, thiệt hại kinh tế 1.420 tỉ NDT, gấp hơn hai lần tổng kim ngạch đầu tư xây dựng cơ bản trong 30 năm.

Theo tờ “Kính báo” Hồng Công, mùa xuân 1992, một cơ quan tuyên truyền ở Bắc Kinh đã tổ chức thăm dò dư luận về 10 nhà lãnh đạo đáng kính nhất ở Trung Quốc, theo phương thức bỏ phiếu.

Kết quả như sau:

1. Chu Ân Lai 100% số phiếu bầu
2. Đặng Tiểu Bình 97%
3. Đặng Dĩnh Siêu 90%
4. Lưu Thiếu Kỳ 88%
5. Chu Đức 84%
6. Vạn Lý 83%
7. Hồ Diệu Bang 80%
8. Dương Thượng Côn 78%
9. Giang Trạch Dân 76%.
10. Bành Chân 72%

Còn Mao Trạch Đông được bao nhiêu? Không đến 2% (hai phần trăm). Nhân dân đã thức tỉnh. Việc tiếp tục treo ảnh Mao trên Thiên An Môn, tiếp tục để thi hài Mao ở Nhà kỷ niệm là lạc hậu so vai quần chúng rồi, cần xử lý thoả đáng để đất nước ta triệt để thoát khỏi bóng đen Mao Trạch Đông.

Cuộc thăm dò dư luận này có một điểm đáng chú ý: quần chúng nhân dân không lẫn lộn giữa Đảng cộng sản và Mao Trạch Đông, không vì uy tín của Mao tụt mạnh mà lung lay niềm tin vào Đảng cộng sản. Mười nhà lãnh đạo đáng kính nhất được lựa chọn đều là đảng viên cộng sản. Điều đó nói với chúng ta một chân lý: chớ gửi gắm tính hợp pháp của Đảng cộng sản cầm quyền vào việc bảo vệ những sai lầm của Mao; sửa đổi những sai lầm của Mao, Đảng cộng sản mới có tính hợp pháp cầm quyền, sửa đổi càng nhiều, tính hợp pháp càng lớn, sửa đổi toàn bộ, trở lại Chủ nghĩa dân chủ mới, đi con đường chủ nghĩa xã hội dân chủ, là có tính hợp pháp hoàn toàn.



Lời kết

Đoàn kết giai cấp tư sản xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tháng 11-20002, Đại hội 16 ĐCSTQ đề ra Đảng phải đại diện cho yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất tiên tiến, đại diện cho phương hướng tiến lên của văn hoá tiên tiến và đại diện cho lợi ích căn bản của đông đảo nhân dân Trung Quốc. Trên thực tế, đây là cương lĩnh của chủ nghĩa xã hội dân chủ. Từ khi đề ra “Ba đại diện” đến nay, để phòng ngừa “phái tả” công kích, về tuyên truyền đã tìm mọi cách hạ thấp, làm cho nó trở nên mơ hồ, nên đông đảo nhân dân không hiểu được hàm nghĩa sâu xa của vấn đề trên. Ý nghĩa mới mẻ của tư tưởng quan trọng này là: đoàn kết giai cấp tư sản, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Lực lượng sản xuất tiên tiến ở Trung Quốc giai đoạn hiện nay là kinh tế tư nhân, đại diện cho yêu cầu phát triển của “lực lượng sản xuất tiên tiến” là đại diện cho yêu cầu phát triển của họ. Đây là sự kế thừa phần đúng đắn trong “Tuyên ngôn Đảng cộng sản” (chính “Tuyên ngôn Đảng cộng sản” khẳng định giai cấp tư sản đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến) và vượt qua phần sai lầm trong tuyên ngôn, là từ gốc rễ, từ cội nguồn sửa lại cái sai, trở lại cái đúng trong tư tưởng chỉ đạo của Đảng, ẩn chứa sự bao dung, bảo hộ và định vị mới đối với giai cấp tư sản, người đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến. Quan chức địa phương các cấp hiểu thấu tinh thần của cấp trên, dám mạnh tay phát triển kinh tế tư nhân ở khu vực mình. Do sự trói buộc của ý thức hệ “tả” khuynh, không dám thừa nhận như vậy là phát triển chủ nghĩa tư bản. Doanh nghiệp trẻ Lục Dực Chương thành lập “Công ty hữu hạn cổ vấn khả năng cạnh tranh nhà tư bản Thượng Hải”, do làm trái với quy tắc ngầm “được làm, không được nói”, đưa ba chữ “nhà tư bản” vào tên xí nghiệp, khi đăng ký, bị Cục quản lý hành chính công thương Thượng Hải bác bỏ. Lục Dực Chương không chịu, kiện lên Tòa án nhân dân Khu Từ Hội. Quan chức Cục công thương mang theo cuốn “Từ hải” đối chất trước công đường, luận chứng tính phi pháp của “nhà tư bản”. Tòa án phán quyết duy trì quyết định của bị cáo. Ý thức hệ cứng nhắc đã cản trở sự giao lưu giữa đường lối, cương lĩnh của Đảng với nhân dân như vậy đây. Cuốn sách này phải triệt để công khai nói rõ một số vấn đề có thể hiểu ý mà không được nói ra được làm không được nói, muốn quần chúng đi theo nhưng lại không nói rõ với quần chúng, chủ yếu là vấn đề đi con đường chủ nghĩa xã hội dân chủ, phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Trung Quốc giai đoạn hiện nay.

Giai cấp tư sản đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến. “Lực lượng sản xuất” và “lực lượng sản xuất tiên tiến” là hai khái niệm khác nhau. Lực lượng sản xuất duy trì dây chuyền sản xuất vận hành cân bằng theo tiêu chuẩn chất lượng và số lượng nhất định; lực lượng sản xuất tiên tiến phải phá vỡ sự cân bằng cũ, tạo ra tiêu chuẩn chất lượng và số lượng mới, nâng sản xuất lên một nấc thang mới. Công nhân đại diện cho lực lượng sản xuất, nhưng không đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến;

người đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến là nhà tư bản, chứ không phải công nhân. Đó là điều đã được lịch sử phát triển lực lượng sản xuất chứng minh.

Thời kỳ đầu chủ nghĩa tư bản thế kỷ 17, cuộc bạo động của công nhân phản đối một loại máy dệt diêm hoa gần như lan khắp châu Âu. Loại máy này phát minh tại Đức, có thể đồng thời dệt 4 đến 6 diêm hoa. Nhưng do Hội đồng thành phố sợ loại máy này sẽ khiến hàng loạt công nhân phải đi ăn mày, nên áp chế, và cho người giết chết nhà phát minh.

Năm 1629, một chủ xí nghiệp ở Leiden Hà Lan sử dụng loại máy trên, dẫn đến cuộc bạo động của công nhân dệt diêm hoa, buộc nhà cầm quyền thành phố hạ lệnh cấm sử dụng. Quốc hội Hà Lan còn ban bố pháp lệnh cấm, sử dụng máy dệt. Ngày 19-2-1685, Đức hoàng ra sắc lệnh để ổn định xã hội, cấm sử dụng loại máy này trên toàn nước Đức. Ở Hamburg, theo mệnh lệnh của chính quyền thành phố, loại máy trên bị đốt trước dân chúng.

Cuối thập kỷ 30, đầu thập kỷ 40 thế kỷ 17, một người Hà Lan mở xưởng cưa gỗ bằng sức gió gần London, bị dân chúng phá huỷ. Năm 1758, Everet chế tạo thành công máy cắt lông cừu thuỷ lực đầu tiên, nhưng đã bị thiêu huỷ bởi 10 vạn người thất nghiệp do loại máy đó gây ra. Năm vạn công nhân sống bằng nghề chải lông cừu kiến nghị lên Hội đồng thành phố, phản đối máy chải lông cừu và máy chải bông do Ackerlay phát minh. Hơn 8 vạn công nhân đã tham gia cuộc đấu tranh phá hoại máy móc ở Lancashire năm 1779. 15 năm đầu thế kỷ 19, khu thủ công nghiệp Anh tiêu biểu là Nottingham bùng nổ phong trào phá hoại máy móc qui mô lớn do một lãnh tụ công nhân thất nghiệp lãnh đạo, họ điên cuồng phá huỷ máy móc, mãi đến khi Chính phủ dùng vũ lực trấn áp, tới chặn đứng được làn sóng phá hoại cuồng nhiệt này.

Thời trẻ, sau khi khảo sát khu công nghiệp dệt Manchester, Ăng-ghe-n đã tỏ thái độ phủ định, thậm chí phản đối việc đưa máy móc - kết tinh của khoa học kỹ thuật - vào lĩnh vực sản xuất. Ông phần nộ nêu rõ:

- Mỗi cải tiến trên máy móc đều cướp đi bát cơm của công nhân, cải tiến càng lớn, công nhân thất nghiệp, càng nhiều. Bởi vậy, chẳng khác gì khủng hoảng thương mại, mỗi cải tiến đều gây hậu quả nghiêm trọng cho một số công nhân, tức thiếu thốn, nghèo nàn và phạm tội.

Ông nêu ví dụ, phân tích kỹ: Do năng lực sản xuất của phát minh đầu tiên - máy dệt Jenny một công nhân điều khiển - ít nhất cao gấp 6 lần khung dệt phổ thông, nên cứ một máy dệt Jenny ra đời sẽ làm cho 5 công nhân dệt thất nghiệp. Máy dệt thuỷ lực có năng lực sản xuất lớn hơn máy dệt Jenny rất nhiều mà cũng chỉ cần một công nhân điều khiển sẽ tước đoạt sinh kế của nhiều người hơn. Sau khi nhiều nhà máy sử dụng máy dệt tự động, vai trò của công nhân dệt hoàn toàn không còn nữa, mà do máy móc thay thế.

Ông nói: Do các loại cải tiến về máy móc, những công việc nặng nhọc ngày càng được máy móc thay thế, từ đó công tác của những người đàn ông trưởng thành biến thành việc trông máy móc giản đơn, những việc phụ nữ thậm chí trẻ em cũng có thể hoàn thành, mà tiền lương lại thấp hơn, thậm chí giảm 2/3. Như vậy, tuy sản xuất mở rộng, nhưng công nhân lành nghề ngày càng bị đẩy ra khỏi ngành công nghệ mà không tìm được việc làm nữa; thậm chí, do máy móc hoàn toàn hay thế sức người, từng ngành lao động bị xoá sổ. Các ông lớn tư sản có thể hỏi những người quét đường ở Manchestter hoặc bất cứ nơi nào khác, hỏi những người bán hoa quả, diêm. dây giày, hoặc những

người bắt đầc dĩ phải đi ăc xin, xem trước đây họ làm gì, nhiều người trong họ sẽ trả lời: là công nhân nhà máy, bị máy móc cướp mất việc làm. Trong thời kỳ cách mạng công nghiệp ở Anh, do phổ cập rộng rãi máy dệt chạy bằng hơi nước, 80 vạn thợ dệt lành nghề đã bị đẩy ra đầu đường xó chợ.

Mác chịu ảnh hưởng sâu xa bởi báo cáo điều tra “Tình hình giai cấp công nhân Anh” của Ăng-ghe-n, trong tập 1 “Tư bản luận”, ông lại thu thập nhiều báo cáo điều tra về các nhà máy, chứng minh kết luận của Ăng-ghe-n máy móc cướp mất bát cơm của công nhân. Mác coi máy móc là lực lượng thù địch của giai cấp công nhân. Ông nói:

“Máy móc không những là người cạnh tranh rất hùng mạnh, lúc nào cũng có thể khiến công nhân làm thuê trở nên dư thừa, mà nó còn được các nhà tư bản công khai tuyên bố là lực lượng thù địch công nhân, và ra sức lợi dụng. Máy móc trở thành vũ khí mạnh mẽ nhất đàn áp bãi công tức những cuộc bạo động mang tính chu kỳ của lao động phản kháng ách chuyên chế tư bản... Máy hơi nước vừa ra đời đã đối đầu với “sức người”, khiến các nhà tư bản có thể đập tan những đòi hỏi ngày càng cao của công nhân - những đòi hỏi có thể làm cho thể chế nhà máy vừa khởi đầu đã lâm vào khủng hoảng. Có thể viết cả một pho sử chứng minh rằng nhiều phát minh từ năm 1830 đến nay chỉ nhằm bảo hộ nhà tư bản đối phó các cuộc bạo động của công nhân”.

Mác và Ăng-ghe-n đồng tình với công nhân thất nghiệp, bày tỏ nỗi bất bình của họ, muốn ngăn chặn hiện tượng máy móc chen ép công nhân, đây là việc làm hợp đạo lý 100%.

Nhưng để duy trì việc làm, đảm bảo đời sống ổn định cho công nhân mà yêu cầu chủ xí nghiệp không được tăng thêm máy móc, thiết bị mới, không được áp dụng kỹ thuật mới, thì như vậy là xoá bỏ sự phát triển của lực lượng sản xuất, xoá bỏ việc tăng thêm của cải, xoá bỏ tiến bộ xã hội. Ở đây, chúng ta thấy mầm mống chủ nghĩa xã hội không tưởng của Mác và Ăng-ghe-n. Theo ghi chép trong “Tư bản luận”, hồi ấy cần đến 200 triệu người dùng guồng quay sợi kiểu cũ mới làm xong phần việc mà 5 vạn người Anh hoàn thành bằng máy quay sợi. Đương nhiên như vậy không có nghĩa là nói máy quay sợi gạt bỏ vị trí của 200 triệu người chưa hề tồn tại, mà chỉ nói muốn thay thế máy quay sợi, cần ồ ạt tăng công nhân”. Tổng dân số Anh năm 1870 là 21 triệu, nếu chỉ dựa vào guồng quay sợi dùng sức người, thì chẳng những không một công nhân nào thất nghiệp, làm thêm giờ, thêm ca suốt đời cũng không hết việc, mà từ Quốc vương đến thần dân đều sử dụng guồng quay sợi cũng làm không hết việc của 200 triệu người. Có máy quay sợi, 5 vạn người có thể thay thế 200 triệu người, năng suất lao động cao gấp 4.000 lần. Thu nhập quốc dân của Anh cuối thế kỷ 18 là 120 triệu sterling, năm 1870 lên tới 1.200 triệu, tăng gấp 10 lần.

Nhìn từ góc độ lịch sử vĩ mô, dùng máy móc thay thế công nhân, hoặc gọi là máy móc gạt bỏ công nhân, là việc thiện hàng đầu cứu giúp trăm họ, thúc đẩy lịch sử tiến lên. Chính lực lượng sản xuất tiên tiến không ngừng phát triển đã dần dần giải phóng công nhân khỏi lao động cơ bắp nặng nề, tạo cơ sở vật chất cho một hình thái xã hội cao hơn.

Từ những sự thật lịch sử trên, chúng ta có thể rút ra kết luận sau: Công nhân không đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến. Trong lực lượng sản xuất bao gồm máy móc và lao động phụ trợ của công nhân, công nhân ở vào vị trí tiêu cực, bị động, họ mong muốn duy trì hiện trạng trong lao động sản xuất có tiền lương ổn định và đời sống ổn định, họ sợ việc cải tiến máy móc hoặc phát minh máy móc mới sẽ buộc họ phải đổi nghề thậm chí mất cả cần câu cơm. Theo bản năng, công nhân thù

địch máy móc mới, họ không đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến. Sau khi máy móc mới, kỹ thuật mới được sử dụng rộng rãi, lực lượng sản xuất tiên tiến liền biến thành lực lượng sản xuất phổ thông, máy móc mới, kỹ thuật mới lại đang trong quá trình phát minh. Thế là công nhân lại đứng lên phản đối máy móc mới, kỹ thuật mới cao cấp hơn sắp phát minh làm rối loạn trật tự đời sống và công tác vừa tạm ổn định của họ. Lực lượng sản xuất là một khái niệm tương đối và luôn luôn biến động, nó vĩnh viễn ở vị trí đối lập với lợi ích đã có của công nhân, nhưng việc thật sự giải phóng giai cấp công nhân lại gửi gắm vào lực lượng sản xuất phát triển vô hạn và tổng của cải xã hội không ngừng tăng thêm. Trước đây chúng ta vẫn tuyên truyền giai cấp công nhân gắn với đại sản xuất, là giai cấp tiên tiến nhất, đương nhiên đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến; còn nhà tư bản lại cản trở lực lượng sản xuất phát triển, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã trở thành xiềng xích cản trở lực lượng sản xuất phát triển. Tuyên truyền như vậy là không đúng, vừa không phù hợp sự thật lịch sử, lại tách khỏi đời sống hiện thực. Chế độ cổ phần có thể mở rộng vô hạn qui mô sản xuất, giải quyết mâu thuẫn giữa đại sản xuất xã hội hoá và chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất.

Công ty cổ phần là diễn biến hoà bình trong nội bộ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, dưới điều kiện bảo lưu chế độ tư hữu tách nhà tư bản khỏi quá trình sản xuất, giám đốc hoặc xưởng trưởng trở thành linh hồn của xí nghiệp; nhưng thông qua hình thức tổ chức hội đồng quản trị hoặc đại hội cổ đông, nhà tư bản giám sát hoạt động của xí nghiệp và kiểm soát sự phát triển của xí nghiệp, như vậy tránh được khuyết tật của xí nghiệp quốc doanh do “người sở hữu vắng mặt” gây ra là không ai quan tâm đến tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, không ai chịu trách nhiệm về kinh doanh thua lỗ. Dưới chế độ này, khả năng phát triển vô hạn của lực lượng sản xuất tiên tiến đã phủ định tính tất yếu và qui luật phát triển khách quan của cách mạng bạo lực.

Khoa học kỹ thuật chuyển hoá thành các loại thiết bị máy móc dùng vào các việc khác nhau, “thành một lực lượng lao động sản xuất độc lập”. Thiết bị máy móc tuy là sự phát triển của công cụ thủ công, nhưng quan hệ giữa chúng với công nhân đã có thay đổi về chất, khác với quan hệ giữa công cụ thời kỳ công trường thủ công với công nhân. Ở thời kỳ công trường thủ công, công nhân là chủ thể của lao động, công cụ là phần cơ thể công nhân kéo dài, có vai trò phụ trợ. Ở thời kỳ đại công nghiệp, máy móc thiết bị là chủ thể của lao động, công nhân là trợ thủ của thiết bị máy móc, giữ vai trò phụ. Đương nhiên, máy móc thiết bị không từ trên trời rơi xuống, mà là phát minh, sáng tạo của con người, là kết quả lao động gian khổ của các kỹ sư, nhà khoa học, chính họ đã mang lại cho máy móc thiết bị mạng sống như “con người”. Chúng ta có thể coi máy móc thiết bị ngày càng tự động hoá là người máy theo nghĩa rộng, nên máy móc thiết bị cũng có ý nghĩa người lao động, là một loại người lao động tồn tại dưới hình thức hoá thân. Bản thân máy móc thiết bị là lực lượng sản xuất tiên tiến tồn tại độc lập tách khỏi công nhân. Sau thế chiến 2, cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật cao, khi khoa học kỹ thuật trở thành nguồn giá trị thặng dư độc lập, tự động hoá và trí năng hoá sản xuất ngày càng mở rộng trong các lĩnh vực sản xuất vật chất, thì lý luận của Mác về nhà tư bản bóc lột công nhân dần dần thu hẹp phạm vi cho đến hoàn toàn không còn tác dụng nữa. Nếu nhận thức vấn đề theo quan điểm đạo đức thuần túy, chế độ tư hữu dựa trên cơ sở bóc lột đương nhiên là vô nhân đạo. Nhưng nhìn từ góc độ duy vật lịch sử, chế độ tư hữu và bóc lột đều là sản phẩm xã hội phát triển, nó theo bước chân tiến lên của lịch sử đến với nhân gian. Trong thời kỳ lịch sử nhất định, bản thân tư hữu và bóc lột là biểu hiện xã hội phát triển và lịch sử tiến lên. Trong xã hội nguyên thủy, mọi người không có sản phẩm thặng dư, cũng không thể có bóc lột và chế độ tư hữu. Sản xuất phát triển, xã hội loài người có sản phẩm thặng dư, mới tạo khả năng bóc lột, đề ra chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất sử dụng lao động làm thuê. Sản xuất phát triển đã làm thay đổi

mang tính lịch sử hình thức cụ thể của chế độ tư hữu, từ chế độ nô lệ đến chế độ phong kiến rồi chế độ tư bản chủ nghĩa, đồng thời cũng không ngừng thay đổi hình thức bóc lột cụ thể và giảm dần lượng bóc lột. Chỉ có dưới tiền đề lực lượng sản xuất phát triển cao, bóc lột mới có thể đi tới tiêu vong. Bởi vậy bóc lột là hiện tượng lịch sử tương ứng trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, lý do lịch sử khiến bóc lột tồn tại: đây là một quá trình bước tiến xã hội không thể bỏ qua.

Lịch sử phát triển của thế giới tư bản chủ nghĩa hơn 100 năm qua chứng tỏ cùng với lực lượng sản xuất phát triển, không những thời gian lao động phổ biến giảm xuống tới mỗi ngày 8 giờ, mà thù lao lao động cho công nhân cũng vượt nhu cầu ăn mặc, công nhân có nhà lầu, vườn hoa, có các đồ dùng mà trước đây chỉ giai cấp tư sản mới được hưởng thụ, như ô tô, ti vi tủ lạnh, máy điều hoà nhiệt độ... Lực lượng sản xuất càng phát triển, bóc lột càng đi gần tới tiêu vong. Vận dụng lực lượng sản xuất tiên tiến nằm trong tay phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, có thể tăng thêm tổng lượng của cải xã hội và nâng cao mức sống của toàn thể các thành viên trong xã hội. Đời sống kinh tế có thể không còn là cuộc giành giật tàn khốc bên này được lợi, bên kia bị thiệt hại, có thể là một kết cục hai bên cùng chung, khiến mọi người đều được lợi, tuy mức độ nhiều ít khác nhau. Đó là sự phân hoá đồng hướng mọi người đều có lợi, là điều bí mật khiến trong các nước phát triển, quan hệ giữa chủ và thợ không gay gắt thêm, không xuất hiện cục diện mang tính bùng nổ.

Sáng tạo phát minh của các nhân viên khoa học kỹ thuật là dòng nước đầu nguồn của lực lượng sản xuất tiên tiến, nhưng dừng lại ở phạm trù nghiên cứu khoa học thì không hình thành nổi lực lượng sản xuất hiện thực. Từ cảnh ngộ của máy dệt diêm hoa nói trên có thể thấy muốn thành quả nghiên cứu khoa học chuyển hoá thành lực lượng sản xuất là một việc đầy rẫy trở lực, người nhiệt tình nhất, tích cực nhất, chấp nhận rủi ro để chuyển hoá thành quả nghiên cứu khoa học thành lực lượng sản xuất là các nhà tư bản được thôi thúc bởi lợi nhuận siêu ngạch. Chính giai cấp tư sản mà những người mác xít muốn đánh đổ này là người thúc đẩy, tổ chức và lãnh đạo việc đưa thành quả nghiên cứu khoa học vào dây chuyền sản xuất nhận thức và thừa nhận kết luận này là điều vô cùng quan trọng: nhà tư bản là người nắm vị trí chủ đạo trong xí nghiệp hiện đại, vừa đại diện quan hệ sản xuất tiên tiến, vừa đại diện lực lượng sản xuất tiên tiến, là người phổ cập kỹ thuật mới, máy móc mới, vật liệu mới.

Để nghiên cứu sản phẩm mới, một số xí nghiệp tư bản chủ nghĩa cỡ lớn, một số trust đều thành lập cơ quan nghiên cứu riêng, coi nhập kỹ thuật mới, máy móc mới, vật liệu mới là sợi dây sinh mệnh của xí nghiệp. Sản phẩm mới đẹp hơn sản phẩm cũ, chỉ có làm ra sản phẩm mới, mới thu được lợi nhuận ngoại ngạch cao hơn lợi nhuận bình quân trong ngành. Một loại sản phẩm mới được đưa ra thị trường trong thời kỳ nhất định có thể đem lại lợi nhuận ngoại ngạch cho xí nghiệp, nhưng rất nhanh, các xí nghiệp trong ngành ồ ạt làm theo, lại đánh bằng tỉ lệ lợi nhuận, tiến tới làm giảm tỉ lệ lợi nhuận bình quân. Lúc đó lại có xí nghiệp khác đưa ra sản phẩm mới, chạy theo lợi nhuận ngoại ngạch cao hơn tỉ lệ lợi nhuận bình quân. Cứ như vậy, lực lượng sản xuất xã hội không ngừng được nâng cao trong cạnh tranh. 150 năm qua, khoa học kỹ thuật ngày càng đổi mới, lực lượng sản xuất xã hội tiến những bước dài, sản phẩm mới nhiều không kể xiết, của cải xã hội tăng lên vô hạn, nhà tư bản hoặc giai cấp tư sản đều lập công đầu.

Xã hội phân chia thành người giàu và người nghèo là do sản xuất không phát triển mạnh, của cải xã hội thiếu thốn. Con đường đúng đắn xoá bỏ nghèo nàn là phát triển lực lượng sản xuất tiên tiến, mà lực lượng này chỉ có thể phát triển đầy đủ bên trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Tổng thống Rumani Iliescu từng là đảng viên Đảng Cộng sản, nay là Chủ tịch Đảng Dân chủ Xã hội Rumani. Tháng 8-2003 khi sang thăm Trung Quốc, trả lời phỏng vấn riêng của tạp chí “Hoàn Cầu” đề cập đến khoảng cách giữa nước mình với Tây Âu, ông từng nêu lên một “sự thật đau khổ”:

“Làm tổng thống Rumani không bằng làm một người thất nghiệp ở nước Đức, bởi tiền cứu tế cho một người Đức thất nghiệp mỗi tháng 2.300 mác, trong khi lương tháng của Tổng thống Rumani là 1.250 mác”.

Nước Đức có thể phát cho công nhân thất nghiệp khoản tiền cứu tế hàng tháng cao hơn Tổng thống Rumani, vì họ không tiêu diệt giai cấp tư sản và phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa theo biện pháp nêu trong “Tuyên ngôn Đảng cộng sản”, mà đã thúc đẩy lực lượng sản xuất tiên tiến phát triển, cung cấp cơ sở vật chất cần thiết để giai cấp công nhân trong cảnh thất nghiệp vẫn có thể sống đàng hoàng. Ở đây chúng ta thấy được hàm nghĩa mới và con đường mới giải phóng giai cấp công nhân.

Giai cấp tư sản mà những người cộng sản chống lại đã hơn 100 năm hoàn toàn không phải tội đồ và kẻ xấu trời sinh ra. Họ là bộ phận cần cù nhất, tài năng nhất, thông minh nhất, ưu tú nhất trong đẳng cấp thứ ba. Tổ tiên họ là nông nô, bậc cha chú họ là dân ven thành thị. “Tuyên ngôn Đảng cộng sản” viết: *“Từ tầng lớp nông nô thời trung thế kỷ đã sản sinh cư dân tự do thành thị thời kỳ đầu; từ tầng cấp thị dân này đã phát triển những phần tử tư sản đầu tiên”*.

Mác và Ăng-ghe-n đã chỉ ra một cách đúng đắn rằng: *“Giai cấp tư sản giành được vị trí giai cấp thống trị chưa đến 100 năm, nhưng lực lượng sản xuất do họ tạo ra còn lớn hơn, nhiều hơn tổng lực lượng sản xuất do các thế hệ trước tạo thành”*. Giai cấp tư sản đã sáng tạo phương thức sản xuất tiên tiến nhất trong lịch sử loài người, là người tổ chức và lãnh đạo đại sản xuất cơ khí hoá, họ là người tích cực nhất chuyển hoá khoa học kỹ thuật thành lực lượng sản xuất, đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến. Mặt khác, hai ông lại đưa ra chủ trương chính trị: Để giải phóng công nhân cùng khổ, phải dùng thủ đoạn cách mạng bạo lực tiêu diệt tư hữu hoá, tước đoạt giai cấp tư sản, tiêu diệt phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, tiêu diệt đại diện của lực lượng sản xuất tiên tiến đưa tất cả các dân tộc kể cả dân tộc đã man nhất tới cuộc sống văn minh. Đó là sai lầm căn bản của “Tuyên ngôn Đảng Cộng sản”, là phần chủ nghĩa xã hội không tưởng trong tư tưởng của Mác và Ăng-ghe-n thời kỳ đầu.

Khi công bố “Tuyên ngôn Đảng Cộng sản”, Mác 30 tuổi, Ăng-ghe-n 28 tuổi. Chủ nghĩa tư bản Manchester để lại cho hai ông ấn tượng vô cùng sâu sắc. Họ nhận thức chủ nghĩa tư bản bắt đầu từ đây, và không thể vượt qua giới hạn lịch sử mà nguyên mẫu chủ nghĩa tư bản Manchester mang lại.

Khi công bố “Tuyên ngôn Đảng cộng sản” chính là đêm trước phái hiến chương Anh quốc chuẩn bị phát động khởi nghĩa tại London, hình thế đấu tranh giai cấp sắp đến lúc bùng nổ, sự đồng tình với công nhân và cảm phần nhà tư bản khiến hai ông mang theo màu sắc đạo đức, tình cảm khi hoàn chỉnh bản thảo, sai lầm ghép chủ nghĩa tư bản vào tội tử hình, đòi tiêu diệt chế độ tư hữu, tiêu diệt giai cấp tư sản, chấm dứt phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, hơn nữa nhất thiết phải dùng bạo lực. Do đó, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Mác và Ăng-ghe-n đề xướng trở thành một phong trào xã hội chủ nghĩa bạo lực trương ngọn cờ giải phóng giai cấp công nhân để phá huỷ lực lượng sản xuất tiên tiến. Sự khác biệt giữa hai ông với những người theo chủ nghĩa xã hội không tưởng thế kỷ 19 như Saint-Simon, Owe là: các nhà không tưởng lớn thuyết phục nhà vua và chính phủ tiếp

nhận và thực thi phương án xã hội lý tưởng của họ; Mác và Ăng-ghe-n phát hiện giai cấp vô sản ngày càng đông có thể là đối tượng vật chất của phong trào xã hội chủ nghĩa trong tương lai, cho rằng thông qua đấu tranh giai cấp, vũ trang giành chính quyền, thiết lập nền chuyên chính vô sản, là có thể cải tạo xã hội. Chính vì vậy, chủ nghĩa Mác khiến chủ nghĩa xã hội từ một ảo tưởng của nhà tư tưởng biến thành đòi hỏi chính trị và thực tiễn xã hội của hàng ngàn triệu người, cuối cùng trở thành một phong trào xã hội lớn mạnh. Ăng-ghe-n tuyên bố chủ nghĩa xã hội đã từ không tưởng biến thành “khoa học”, và đã viết một cuốn sách với đầu đề như vậy. Nhưng cái gọi là “khoa học” là tính hữu hiệu của biện pháp, chứ không phải tính hiện thực của mục tiêu, phần không tưởng trong mục tiêu của nó không có gì thay đổi “chủ nghĩa xã hội khoa học” trở thành “chủ nghĩa xã hội bạo lực”, khiến mấy thế hệ những người cộng sản bao gồm Lenin, Stalin Mao Trạch Đông lầm đường lạc lối. Sai lầm của những tín đồ vĩ đại này là họ đã lẫn lộn tính hiệu quả của biện pháp với tính hiện thực của mục tiêu, coi biện pháp là mục tiêu, coi hình thức là bản chất, mà không biết rằng giành được chính quyền, lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa không có nghĩa là đã sáng tạo nên năng suất lao động cao hơn chủ nghĩa tư bản. Họ giương cao ngọn cờ “chủ nghĩa xã hội khoa học”, tịch thu công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, xoá bỏ kinh tế tiểu nông, tự cho rằng đang vận dụng lý luận mác xít giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất, đấu tranh nhằm xây dựng một chế độ xã hội mới cao hơn, trên thực tế họ đang cản trở và phá hoại lực lượng sản xuất, xoá bỏ cơ sở kinh tế để xây dựng xã hội cao hơn. Giai cấp tư sản bị tiêu diệt (tính hữu hiệu của biện pháp được thực hiện rồi), lực lượng sản xuất tiên tiến cũng theo đó tiêu vong (tính hiện thực của mục tiêu bị tiêu tan). Cái chế độ công hữu và kinh tế kế hoạch mang lại cho xã hội là mãi mãi nghèo nàn lạc hậu, mãi mãi là nền kinh tế tem phiếu. Đó là con đường chung của các nước trong phe xã hội chủ nghĩa thế kỷ 20.

Từ 1945 đến 1991 là 45 năm nhân dân các nước khôi phục và phát triển. Trừ Mỹ ra, tất cả các nước bất kể xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa, đều đứng lên từ đồng đổ nát của chiến tranh. Đây là 45 năm chạy đua hoà bình giữa hai loại chế độ. Trong 45 năm ấy, ai hơn, ai kém? Ai đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, ai cản trở lực lượng này phát triển? Ai đem lại cho dân thường lợi ích vật chất nhìn thấy rõ, có thể nắm lấy và hưởng thụ, ai dùng những lời lẽ phét lác và trống rỗng lừa bịp dân chúng? Nhân dân đã rút ra kết luận, lịch sử cũng đã có kết luận.

Đông Đức và Tây Đức được coi là tiền tiêu đối đầu giữa phe xã hội chủ nghĩa và phe tư bản chủ nghĩa. Con cháu cụ Mác đã so sánh kỹ lưỡng, sâu xa và lâu dài chế độ xã hội chủ nghĩa và chế độ tư bản chủ nghĩa. Việc quan trọng hàng đầu của chế độ xã hội chủ nghĩa là tịch thu xí nghiệp tư nhân, thực hiện chế độ công hữu và kinh tế kế hoạch. Từ năm 1945, các chủ xí nghiệp (tức các nhà tư bản ở Đông Đức) bắt đầu chạy sang Tây Đức. Đảng Xã hội Thống nhất (Đảng cộng sản) Đức lúc đầu cho rằng để những phần tử tư sản này bỏ đi hết là việc tốt, có thể làm trong sạch xã hội, giảm phe phản đối, có lợi cho sự thống trị của Đảng, nên chẳng những không ngăn cản, mà còn cấp giấy thông hành cho họ sang Tây Đức. Đến năm 1961 đã có trên 2,7 triệu người bỏ đi. Về sau phát hiện, không chỉ các nhà tư bản, mà cả những người trí thức như nhà khoa học, giáo sư, bác sĩ và công nhân kỹ thuật đều chạy sang Tây Đức. Làn sóng lưu vong này ngày càng dữ dội, trực tiếp đe dọa sự tồn tại của Đông Đức, thế là xây “bức tường Béc-lin”.

Trước ngày nước Đức thống nhất, thu nhập bình quân đầu người ở Tây Đức gấp 4 lần Đông Đức.

Giá trị sản phẩm của Tây Đức chiếm 93% toàn bộ giá trị sản phẩm của hai nước Đức, Đông Đức chỉ chiếm 7%. Sau ngày thống nhất, Cộng hoà Liên bang Đức với tư cách Chính phủ trung ương toàn nước Đức đã dành một khoản lớn chi viện đồng bào miền Đông, có vai trò quyết định trong

việc giúp đỡ nhân dân miền Đông khắc phục khó khăn kinh tế, đẩy nhanh cải cách cơ cấu kinh tế. Sau khi Đảng Xã hội Thống nhất Đức sụp đổ, Shabovski, nguyên uỷ viên Bộ Chính trị, phụ trách công tác tư tưởng trong thời gian dài của đảng này đã nghiên ngẫm sâu sắc thất bại của đảng mình. Với nỗi đau nước mắt, đắng tan, ông nêu lên hai chân lý khiến những người cộng sản rơi lệ:

Một là chế độ quốc doanh không bằng chế độ tư hữu. Trong “khuôn khổ chế độ quốc doanh”, sự phát triển của kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa không bao giờ theo kịp các nước tư bản chủ nghĩa, nói “chủ nghĩa xã hội là một hình thức năng suất lao động xã hội cao hơn” là dối trá. Tính ưu việt của chế độ quốc doanh là hư ảo, do các nhà lý luận nặn ra, chẳng hạn họ rất thích thao thao bất tuyệt rao giảng: “công nhân làm việc trong xí nghiệp quốc doanh là người chủ, làm việc cho mình; làm việc trong xí nghiệp tư nhân là nô lệ của nhà tư bản, bị áp bức, bóc lột”. Thử nghiệm thực tế của công nhân Đức là: “làm chủ” trong nhà máy quốc doanh ở Đông Đức, mỗi tháng được 500 mác, sang xí nghiệp tư nhân Tây Đức “chịu áp bức, bóc lột”, mỗi tháng được 2.000 mác. Những người công nhân “bỏ phiếu bằng chân”, chạy sang Tây Đức, thà chịu “áp bức bóc lột” để được 2.000 mác, chứ không ở lại Đông Đức “làm chủ”.

Hai là xã hội không thể thiếu các nhà tư bản. Chân lý “khiến người ta rơi nước mắt” này là điều những người cộng sản không muốn tiếp nhận nhất, nhưng lại buộc phải chấp nhận, chừng nào họ không muốn bị nhân dân và lịch sử vứt bỏ như Đảng Xã hội Thống nhất Đức. Nhà tư bản là ai? Là tầng lớp quản lý đời sống kinh tế xã hội. Nixon cho rằng: “45 năm hoà bình ở Đông Âu, chủ nghĩa cộng sản chà đạp tầng lớp quản lý còn nghiêm trọng hơn 5 năm chiến tranh ở Tây Âu (thế chiến 2). Các nước Đông Âu thiếu các giám đốc cấp cao, kế toán trưởng và các nhân tài chuyên môn khác làm cho đòan bầy tư bản chủ nghĩa phát huy tác dụng”.

Phi báng các nhà tư bản, coi họ như yêu ma, đẩy họ sang phương Tây, khiến Đông Đức khi phát triển kinh tế không còn chỗ dựa, không có người dẫn đầu lực lượng sản xuất tiên tiến. Đây là sự suy ngẫm lại đầy đau khổ. So với Tây Đức, Đông Đức thừa gánh nặng ý thức hệ và thiếu một tầng lớp quản lý. Một thừa một thiếu này là cội nguồn khiến kinh tế Đông Đức không phát triển lên được, là cội nguồn khiến Đông Đức mất đảng, mất nước, Chúng ta vẫn có một thiên kiến tự cho là đúng đắn: tiêu diệt chế độ tư hữu, tước đoạt tài sản của giai cấp tư sản là vì lợi ích của giai cấp công nhân. Sự thật thế nào? Trong 20 năm sau khi xoá bỏ chế độ tư hữu (1957 -1978), do quản lý kém, các xí nghiệp sở hữu toàn dân của Trung Quốc thua lỗ năm này qua năm khác, lương công nhân chẳng những không được nâng cao, mà còn giảm 5,7%. Lương bình quân hàng năm của công nhân từ 582 NDT năm 1957, giảm xuống còn 549 NDT năm 1978. Nhật Bản là nước tư bản chủ nghĩa bị chúng ta coi là chế độ lạc hậu, họ không tước đoạt tài sản của giai cấp tư sản, duy trì chế độ tư hữu, từ 1955 đến 1973, tiền lương của công nhân viên các xí nghiệp 30 người trở lên nâng cao gấp gần 3 lần, năng suất lao động nâng cao gấp 9 lần. Kết quả, tỉ lệ giá trị thặng dư từ 314% năm 1955 nâng lên 443% năm 1970. Kết cục là nhà tư bản và công nhân đều có lợi.

Nếu thật sự đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân, trong 20 năm nâng lương công nhân lên gấp 3 lần, thì phải đoàn kết giai cấp tư sản, bảo hộ chế độ tư hữu; chế độ tư hữu chẳng những liên quan đến lợi ích của giai cấp tư sản, mà cũng gắn bó sống còn với lợi ích của giai cấp công nhân.

Là một học thuyết cứu thế, chủ nghĩa xã hội bạo lực tuy được truyền bá đã hơn 100 năm, dọc ngang nửa thế kỷ, nhưng cuối cùng chẳng cải tạo được một góc ngách nào trên thế giới, và đã biến khỏi vũ đài lịch sử cùng với sự tan rã của Liên Xô: Một cuộc cách mạng với chung cục tiêu diệt chế độ

tư hữu, một chế độ xã hội với đặc trưng loại bỏ lực lượng sản xuất tiên tiến đều không có tương lai, dù dưới danh nghĩa đảng hoàng đến mấy. Giai cấp tư sản đại diện lực lượng sản xuất tiên tiến và chế độ tư hữu dù bị hiểu lầm đến đâu, bị coi là yếu quái đến mức nào, cuối cùng đều được loài người chấp nhận. Loài người đã bắt chấp những lời hò hét bình đẳng và chính nghĩa, thoát khỏi xã hội cộng sản nguyên thủy, từng bước đi tới văn minh như vậy đây.

Giai cấp tư sản đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, là một giai cấp không tiêu diệt nổi. “Tiêu diệt” rồi, lại phải mời họ quay trở lại. Đó là bài học căn bản mà thất bại của Phong trào cộng sản quốc tế để lại cho đời sau.

Chủ nghĩa xã hội dân chủ: Sự lựa chọn của loài người trong thế kỷ 20 Từ năm 1836 đến năm 1852, nước Đức có đồng minh những người cộng sản, một tổ chức công nhân bí mật chuẩn bị khởi nghĩa. Lãnh tụ tư tưởng của tổ chức này “trong túi sẵn cầm nang có thể xây dựng thiên đường trên trái đất”. Đó là đốm lửa của chủ nghĩa cộng sản. Do lý luận không hoàn chỉnh, họ yêu cầu các nhà trí thức Mác và Ăng-ghe-n giúp đỡ, thế là “Tuyên ngôn Đảng Cộng sản” ra đời.

Sau khi được công bố năm 1848. “Tuyên ngôn tổng Cộng sản” tuy đã làm chấn động tầng lớp thống trị các nước châu Âu, nhưng không được quần chúng nhân dân tiếp nhận rộng rãi. Sau này ôn lại tình hình lúc ấy, Ăng-ghe-n nói: “*Tuyên ngôn, tuy được dịch sang tiếng Anh, tiếng Pháp và nhiều thứ tiếng, nhưng nó không ảnh hưởng gì tới các dân tộc khác*”. “*Từ năm 1852 khi người cộng sản Koren bị kết án đã kết thúc giai đoạn đầu của phong trào công nhân độc lập Đức*”. Từ đó đã đánh dấu chấm hết giai đoạn đầu của phong trào công nhân Đức dưới ngọn cờ chủ nghĩa cộng sản.

Sau thất bại của cách mạng châu Âu năm 1849, Chủ nghĩa xã hội ở Đức chỉ có thể tồn tại bí mật. Đến năm 1862, học trò của Mác là Lassall, mới nêu ngọn cờ xã hội chủ nghĩa. Như chúng ta đã thấy. Chủ nghĩa xã hội của Lassall rất ôn hoà. Nhưng sự xuất hiện của nó trên vũ đài lại đánh dấu khởi điểm phát triển chủ nghĩa xã hội Đức giai đoạn 2. (Mai Lâm: “Truyện Các Mác”, trang 396)

Để thay đổi tình trạng lý luận cao siêu ít người theo kịp, ngày 17-11-1852. Mác và Ăng-ghe-n đã giải tán Đồng minh những người cộng sản, hai ông không thành lập Đảng Cộng sản, mà chuyển sang ủng hộ phong trào xã hội chủ nghĩa ôn hoà của Lassall. Đây là chuyển biến lớn của Mác và Ăng-ghe-n về chính trị, từ người cộng sản sang người dân chủ xã hội. Dưới sự chỉ đạo của hai ông, tháng 8-1869, Đảng Dân chủ Xã hội Đức - chính đảng xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới - ra đời. Đây là giai đoạn 2 của phong trào công nhân Đức, giai đoạn chủ nghĩa xã hội dân chủ.

Vì sao gọi là chủ nghĩa xã hội dân chủ? Người sáng lập Đảng Dân chủ Xã hội Đức Liebknecht giải thích:

“*Chủ nghĩa xã hội không có dân chủ là chủ nghĩa xã hội tưởng tượng chủ quan, cũng như dân chủ không có chủ nghĩa xã hội là dân chủ giả dối. Nhà nước dân chủ là hình thức xã hội duy nhất có thể được tổ chức theo nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội. Chính vì chúng ta đã làm rõ mối quan hệ không thể tách rời giữa chủ nghĩa xã hội và dân chủ, chúng ta mới gọi mình là những người dân chủ xã hội. Tên gọi này bao gồm cương lĩnh của chúng ta*”. (Toàn tập Mác-Ăng-ghe-n, quyển 21, trang 241)

Từ đó, các chính đảng công nhân mới thành lập ở các nước châu Âu đều gọi là Đảng Dân chủ Xã hội (cá biệt gọi là Công đảng), chứ không gọi là Đảng cộng sản.

Trong thư gửi nhà lãnh đạo Đảng Xã hội Lao động Ytaly Tarati ngày 26-1-1894, Ăng-ghe-n đã trích dẫn câu chữ trong “Tuyên ngôn Đảng cộng sản”, và đã sửa đổi quan trọng bản tuyên ngôn này.

Nguyên văn là:

“Trong các giai đoạn phát triển mà cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản trải qua, những người cộng sản luôn luôn đại diện cho lợi ích của toàn bộ phong trào... Những người cộng sản phấn đấu vì mục đích và lợi ích gần nhất của giai cấp công nhân, nhưng trong cuộc vận động hiện nay, họ còn đồng thời kiên trì tương lai của phong trào”.

Câu chữ sau khi sửa đổi:

“Trong các giai đoạn phát triển mà cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản trải qua, những người xã hội chủ nghĩa luôn đại diện cho lợi ích của toàn bộ phong trào... Họ đấu tranh vì mục đích và lợi ích gần nhất của giai cấp công nhân, nhưng trong cuộc vận động hiện nay, họ còn đồng thời đại diện cho tương lai của phong trào”.

Sửa đổi quan trọng này chứng tỏ Ăng-ghe-n cho rằng “những người xã hội” mới thật sự đại diện cho lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài của giai cấp vô sản, “những người cộng sản” không được phong trào công nhân châu Âu chấp nhận, nên rút khỏi vũ đài lịch sử.

Từ khi thành lập Hiệp hội công nhân quốc tế 1864, trong các văn kiện do Mác khởi thảo, khái niệm “chủ nghĩa cộng sản” đã bị thay thế bởi từ “chủ nghĩa xã hội”. Mác không còn cố chấp về cách mạng bạo lực, ông đề ra hai con đường cải tạo xã hội tư bản chủ nghĩa:

Tổ chức của công nhân không thể hoàn toàn giống nhau về mọi chi tiết, ở Newburgh cũng như Barcelona, London cũng như Berlin. Chẳng hạn ở nước Anh, con đường biểu hiện sức mạnh chính trị của mình đã mở ra trước giai cấp công nhân. Phàm những nơi lợi dụng tuyên truyền hoà bình có thể đạt mục đích trên nhanh hơn, đáng tin cậy hơn, tổ chức khôi nghĩa là không sáng suốt. Ở Pháp, những pháp lệnh bức hại nhiều không kể xiết và cuộc đối kháng một mất một còn giữa các giai cấp xem ra sẽ khiến cuộc chiến tranh xã hội tức kết cục bạo lực là không tránh khỏi. Nhưng việc đạt kết cục đó bằng phương thức gì phải do giai cấp công nhân nước đó quyết định. Quốc tế sẽ không ra bất cứ mệnh lệnh nào, thậm chí chưa chắc đã đưa ra kiến nghị nào về vấn đề này. (Phát biểu của Mác với phóng viên báo “Le Monde” ngày 3-7-1871) Sau cuộc huyết chiến giữa Công xã Paris và Chính phủ tư sản Pháp năm 1871, giai cấp tư sản châu Âu nói chung thực hiện chính sách nhượng bộ đối với giai cấp công nhân, khiến Mác và Ăng-ghe-n thấy rõ hơn khả năng quá độ hoà bình lên chủ nghĩa xã hội, thế là hai ông nhiều lần nói về quá độ hoà bình, khiến học thuyết của họ toàn diện hơn, càng phản ánh được đời sống thực tế trong các nước châu Âu. Phát biểu trước cuộc mít tinh quần chúng ở Amsterdam ngày 8-9-1872, Mác đã nói với công nhân và những người ủng hộ Chi bộ Hà Lan thuộc Hiệp hội công nhân quốc tế:

“Chúng tôi hiểu phải tính tới chế độ, phong tục và truyền thống của các nước; chúng tôi cũng không phủ nhận ở một số nước như Mỹ, Anh - và nếu như tôi hiểu rõ hơn chế độ của các bạn, có lẽ

có thể cộng thêm Hà Lan - công nhân có thể đạt được mục đích của mình bằng biện pháp hoà bình". (Tuyển tập Mác-Ăng-ghe-nh quyền 18, trang 179)

Năm 1866, bùng nổ khủng hoảng kinh tế thế giới. Sau khi khủng hoảng qua đi, tập trung tư bản có sự phát triển kinh người. Các công ty cổ phần và các ngân hàng đầu tư qui mô lớn ra đời đã làm thay đổi cơ cấu xã hội của chủ nghĩa tư bản. Cùng với sự xuất hiện của thể chế ngân hàng mới, tích lũy tư bản không còn dựa vào các chủ xí nghiệp tự tập hợp vốn qua tiết kiệm và dự trữ, mà dựa vào dự trữ của toàn xã hội. Thu hút vốn của xã hội để xây dựng xí nghiệp, thế là các công ty cổ phần ra đời. Trên lục địa châu Âu, ngành này tiếp theo ngành kia biến thành các xí nghiệp cổ phần, trước hết là công nghiệp gang thép, tiếp đó là công nghiệp hoá chất, ngành chế tạo máy và ngành dệt. Mác rất quan tâm đến thay đổi này. Ông cho rằng các công ty cổ phần *"đã từ bỏ sản nghiệp tư hữu của chủ nghĩa tư bản trên cơ sở bản thân hệ thống tư bản chủ nghĩa"*, *"đây là sự từ bỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong phạm vi bản thân phương thức này, do đó là một mâu thuẫn tự từ bỏ, rõ ràng đây chỉ là một điểm quá độ để chuyển sang một hình thức sản xuất mới"*. (Tư bản luận quyền 3, trang 504, Nhà xuất bản Nhân dân, bản in năm 1966). Nhà tư bản không còn xí nghiệp tư nhân, mà chỉ có tài sản tư nhân, phần tài sản tư nhân này là một bộ phận tài sản xí nghiệp được lượng hoá bằng tiền. Họ không còn là chủ xí nghiệp nữa, mà chỉ là cổ đông của xí nghiệp, là chủ nợ hợp pháp của một phần nhất định trong lợi nhuận của công ty. Công ty cổ phần đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giám đốc và xưởng trưởng tổ chức và chỉ huy sản xuất, tách quyền sở hữu và quyền quản lý xí nghiệp. Đội ngũ quản lý nắm quyền kinh doanh xí nghiệp, ảo hoá quyền thống trị của giai cấp tư sản. Việc tách quyền sở hữu và quyền quản lý là một cuộc *"cách mạng"* hoà bình, tạo khả năng quá độ hoà bình sang một chế độ mới.

Trong *"Tư bản luận"* quyền 1, Mác viết:

"Sự lũng đoạn của tư bản trở thành vật cản trở phương thức sản xuất cùng tồn tại và phồn thịnh dưới sự lũng đoạn này. Tư liệu sản xuất đã tập trung và lao động đã xã hội hoá tới mức không thể chứa đựng trong vỏ bọc tư bản chủ nghĩa. Chiếc vỏ này sắp nổ tung. Hồi chuông chôn vùi chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa sắp điểm rồi. Kẻ tước đoạt sắp bị tước đoạt rồi".

Đó chính là *"mâu thuẫn giữa sản xuất xã hội hoá và chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất"* mà chúng ta thường nói đến trong sách giáo khoa. Luận đoán này đúng, trước khi công ty cổ phần ra đời. Bởi ngoài việc giai cấp công nhân đứng lên làm cách mạng, lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, tước đoạt những kẻ tước đoạt ra, đời sống xã hội chưa cung cấp phương pháp khác giải quyết vấn đề này.

Đây là hạn chế lịch sử khi Mác viết *"Tư bản luận"* tập 1.

Công ty cổ phần đã phá vỡ lũng đoạn, sáng tạo hình thức chiếm hữu xã hội hoá tư liệu sản xuất tương xứng với *"tập trung tư liệu sản xuất và xã hội hoá lao động"*. Mác không phải học giả khur khur bám lấy cái cũ, bảo vệ luận đoán đã lỗi thời. Sau khi nghiên cứu công ty cổ phần, Mác đưa ngay ra kết luận mới:

"Trong công ty cổ phần, chức năng đã tách khỏi quyền sở hữu tư bản, lao động cũng đã hoàn toàn tách khỏi quyền sở hữu tư liệu sản xuất và quyền sở hữu lao động thặng dư. Kết quả sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển đến cực độ là điểm quá độ phải trải qua, để tư bản lại chuyển hoá thành"

sở hữu của người sản xuất, song lúc đó nó không còn là tài sản tư hữu của từng người sản xuất riêng lẻ, mà là tài sản chung của những người cùng sản xuất, là tài sản xã hội trực tiếp”. (Tư bản luận, quyển 3, trang 502).

Công ty cổ phần ra đời khiến Mác chẳng những tìm được hình thức coi tư liệu sản xuất “là tài sản chung của những người cùng sản xuất, tài sản xã hội trực tiếp”, mà còn tìm được điểm quá độ “từ bản chuyển hoá thành sở hữu của người sản xuất”) tức “thiết lập lại chế độ sở hữu cá nhân”, đó là cổ phiếu. Hình thức mới của chế độ công hữu về tư liệu sản xuất hiện thực mà Mác tính đến khi viết quyển 3 “Tư bản luận” là để mỗi cá nhân đều có thể chiếm một số cổ phần nhất định của xí nghiệp, cụ thể là chế độ công hữu này được thực hiện theo chế độ tư hữu về cổ phần, với đặc trưng công nhân viên chức có cổ phần, các cổ đông nhỏ, cổ đông lớn cùng chiếm hữu tư liệu sản xuất, là xã hội hoá quyền sở hữu tư liệu sản xuất thực hiện dưới hình thức chế độ toàn dân nắm cổ phần. Công ty cổ phần ra đời khiến sự phát triển của kinh tế tư bản chủ nghĩa xuất hiện nhân tố xã hội chủ nghĩa. Ăng-ghe-n cho rằng: *“Sản xuất tư bản chủ nghĩa do các công ty cổ phần kinh doanh không còn là sản xuất tư nhân, mà là sản xuất mưu lợi cho rất nhiều người kết hợp cùng nhau. Nếu chúng ta từ các công ty cổ phần xem xét các Trust chi phối và lũng đoạn toàn bộ ngành công nghiệp, thì ở đó chẳng những sản xuất tư nhân đã ngừng, mà tính vô kế hoạch cũng không còn nữa”*.

Về chính trị, Anh, Mỹ, Đức... đã từng bước thực hiện nền chính trị chính đảng, các đảng của giai cấp công nhân có số ghế nhất định trong quốc hội. Chẳng hạn số phiếu Đảng Dân chủ Xã hội giành được ngày càng tăng. Năm 1893, Ăng-ghe-n nói: *“Nếu đến năm 1895 mới tổ chức bầu cử, thì chúng ta sẽ được 3,5 triệu lá phiếu. Cả nước Đức có 10 triệu cử tri, bình quân có 7 triệu người tham gia bỏ phiếu, Nếu trong 7 triệu cử tri Đức có 3,5 triệu cử tri ủng hộ chúng ta, thì Đế quốc Đức không thể tiếp tục tồn tại như ngày nay được nữa”*. (Toàn tập Mác-Ăng-ghe-n, quyển 22, trang 629).

Đã có khả năng giai cấp công nhân nắm chính quyền bằng biện pháp hợp pháp. Ăng-ghe-n thậm chí dự đoán đến cuối thế kỷ 19, Đảng Dân chủ Xã hội Đức có thể gánh vác sứ mệnh quản lý nhà nước. Chủ nghĩa tư bản sẽ hoàn thành quá độ hoà bình lên chủ nghĩa xã hội như vậy. Quyển 3 “Tư bản luận” đã lật đổ kết luận của quyển 1, không cần làm “nổ tung” cái “vỏ ngoài” của chủ nghĩa tư bản nữa. Chủ nghĩa tư bản Manchester trong đầu Mác (chủ nghĩa tư bản nguyên thủy) đã diệt vong. Sau đó, dưới hình thức chế độ cổ phần, chủ nghĩa tư bản đã thoát khỏi nền chính trị do một số ít người thao túng, dần dần xã hội chủ nghĩa hoá. Mác tin chắc vào xu thế phát triển lịch sử này, chỉ có “các nhà kinh tế học tầm thường không hình dung nổi các hình thức phát triển trong nội bộ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, có thể ly khai và tách khỏi tính chất tư bản chủ nghĩa đối lập với họ”. Những ý kiến trên trong “Tư bản luận” quyển 3 phảng phất như Mác để lại cho các nhà kinh tế học tầm thường “cách mạng nhất” đòi sau không tin vào quá độ hoà bình.

Mác nhận định: Công ty cổ phần về kinh tế là “tài sản chung của những người sản xuất, tài sản xã hội trực tiếp”, nhưng nó không xoá bỏ chế độ tư hữu, mà dùng chế độ sở hữu cá nhân cổ quyền phân tán thay thế chế độ sở hữu tư nhân của một số người, lấy đó làm hình thức thực hiện chế độ công hữu; con đường nghị viện về chính trị không phải là đập tan bộ máy nhà nước cũ, mà thông qua bầu cử nắm lấy bộ máy ấy. Đó chính là con đường xã hội dân chủ đường nét rõ ràng mà Mác và Ăng-ghe-n đã phác hoạ vào những năm cuối đời, tuy chưa viết thành văn.

Năm 1883, Mác tạ thế. Sau đó, Ăng-ghe-n tiếp tục lãnh đạo phong trào công nhân quốc tế trong 12 năm, và đã thành lập Quốc tế 2 vào năm 1889. Ăng-ghe-n chỉ đạo cụ thể Đảng Dân chủ Xã hội Đức

tiến hành cuộc đấu tranh hợp pháp, nhấn mạnh thành công của Đảng trong tuyển cử có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ phong trào công nhân quốc tế:

“Có thể hình dung trong một nước mà cơ quan đại nghị nhân dân tập trung mọi quyền lực vào tay mình, chỉ cần được đại đa số nhân dân ủng hộ là có thể tùy ý hành động theo hiến pháp, thì xã hội cũ có thể hoà bình bước sang xã hội mới, chẳng hạn trong các nước cộng hoà dân chủ như Mỹ, Pháp, trong nước quân chủ như Anh”. (Toàn tập Mác- Ăng-ghe-n, quyển 22, trang 173).

Ngày 6-3-1895, trong “Lời nói đầu” cuốn “Đấu tranh giai cấp ở Pháp”, Ăng-ghe-n đã suy ngẫm lại và sửa chữa lần cuối cùng toàn bộ hệ thống của chủ nghĩa Mác:

“Lịch sử chứng tỏ chúng ta từng mắc sai lầm, quan điểm của chúng ta hồi đó chỉ là một ảo tưởng. Lịch sử còn làm được nhiều hơn: không những đã loại bỏ những sai lầm mê muội của chúng ta hồi đó, mà còn hoàn toàn thay đổi điều kiện đấu tranh của giai cấp vô sản. Phương pháp đấu tranh năm 1848 (chỉ cách mạng bạo lực trong “Tuyên ngôn Đảng cộng sản” - chú thích của người trích dẫn) nay đã lỗi thời về mọi mặt, đây là điểm đáng nghiên cứu kỹ lưỡng hơn”.

Lịch sử đã chứng tỏ rõ ràng tình hình phát triển kinh tế ở lục địa châu Âu lúc đó còn lâu mới chín muồi tới mức có thể loại trừ chủ nghĩa tư bản... Vào năm 1848, rất ít khả năng cải tạo xã hội bằng một cuộc đột kích giản đơn.

Khởi nghĩa kiểu cũ, chiến đấu trên đường phố với những công sự có vai trò quyết định ở mọi nơi nay phần lớn đã lỗi thời.

Nếu điều kiện tiến hành chiến tranh giữa các nước đã thay đổi, thì điều kiện đấu tranh giai cấp cũng đã thay đổi. Thời đại thực thi tập kích đột ngột, thời đại một thiểu số tự giác dẫn dắt quần chúng không lự giác tiến hành cách mạng đã qua rồi.

Một phương thức đấu tranh mới mẻ của giai cấp vô sản được áp dụng và phát triển nhanh. Vốn dĩ trong bộ máy nhà nước mà giai cấp tư sản dùng để tổ chức nền thống trị của họ cũng có nhiều cái giai cấp vô sản có thể lợi dụng để đấu tranh với chính bộ máy đó. Công nhân bắt đầu tham gia tranh cử các hội đồng địa phương, Ủy ban thị trấn và toà án trọng tài công thương. Họ bắt đầu cùng giai cấp tư sản giành giật từng chiếc ghế do bầu cử sản sinh, chỉ cần có đủ số phiếu công nhân tham gia biểu quyết khi chiếc ghế đó thay chủ. Kết quả là giai cấp tư sản và chính phủ sợ các hoạt động hợp pháp của chính đảng công nhân hơn cả các hoạt động phi pháp của các chính đảng này, sợ các thành tựu tuyển cử hơn cả các thành tựu khởi nghĩa.

Trong các nước nói tiếng Roman, người ta cũng bắt đầu hiểu thêm phải sửa đổi sách lược cũ. Nơi nào người ta cũng noi theo tấm gương của Đức lợi dụng tuyển cử để giành lấy mọi trận địa mà chúng ta có thể giành được. Những cuộc tấn công không có chuẩn bị lùi xuống vị trí thứ yếu ở khắp nơi. (Toàn tập Mác-Ăng-ghe-n, quyển 22, trang 595-607)

Ngày 5-8-1895, không đầy 5 tháng sau khi đưa ra những ý kiến trên, Ăng-ghe-n qua đời. Nếu như cái quan đĩnh luận, thì đây là những ý kiến cuối cùng của Ăng-ghe-n về sách lược cách mạng của các nước châu Âu. Ông hy vọng thông qua cuộc đấu tranh hợp pháp của giai cấp công nhân giành được chính quyền, bảo lưu phương sản xuất tư bản chủ nghĩa, quá độ hoà bình lên chủ nghĩa xã hội.

Phải nói đây là di ngôn cuối cùng của Ăng-ghe-nh đối với phong trào xã hội chủ nghĩa ở các nước châu Âu, là sự sửa đổi quan trọng đối với “sách lược cũ” trong tuyên ngôn Đảng cộng sản. Như vậy, trong tác phẩm của Mác và Ăng-ghe-nh có hai con đường xã hội chủ nghĩa: con đường chủ nghĩa xã hội bạo lực và con đường chủ nghĩa xã hội dân chủ. Tuyên ngôn Đảng cộng sản và Quyển 1 “Tư bản luận” là căn cứ lý luận của chủ nghĩa xã hội bạo lực; Quyển 3 “Tư bản luận” và Lời nói đầu cuốn “Cuộc đấu tranh giai cấp ở Pháp” là cơ sở lý luận cho chủ nghĩa xã hội dân chủ. Mác và Ăng-ghe-nh những năm cuối đời càng ngả sang con đường quá độ hoà bình. Coi cách mạng bạo lực là con đường chính thống duy nhất để thực hiện chủ nghĩa xã hội là trái với bản ý của Mác và Ăng-ghe-nh.

Trước khi qua đời, Ăng-ghe-nh chỉ định hai học trò trung thành là Bebel và Bumstan làm người thực hiện di chúc về tác phẩm của ông. Phát huy tư tưởng của Ăng-ghe-nh về hoà bình lâu dài đi lên chủ nghĩa xã hội, Burnstan tiến thêm một bước, đề ra con đường thực hiện chủ nghĩa hội là “dân chủ” chứ không phải “chuyên chính”, là “hoà bình lâu dài” chứ không phải dựa vào “cách mạng bạo lực”. Với tiêu chí hai tác phẩm “Các vấn đề của chủ nghĩa xã hội”, “Tiền đề của chủ nghĩa xã hội và nhiệm vụ của các đảng dân chủ xã hội” của Burnstan công bố trong hai năm 1898 và 1899, nội bộ các đảng xã hội trong Quốc tế 2 bắt đầu xem xét lại lý luận và phong trào xã hội chủ nghĩa trước đây.

Những người dân chủ xã hội các nước châu Âu trung thành thực hiện di huấn của Mác và Ăng-ghe-nh, coi con đường xã hội dân chủ là chính tông, bảo hộ chế độ tư hữu, đoàn kết với giai cấp tư sản, thực hiện biện pháp, công nhân viên có cổ phiếu, cổ đông nhỏ và cổ đông lớn cùng chiếm hữu tư liệu sản xuất, thực hiện xã hội hoá tư liệu sản xuất.

Đây là mấu chốt thành công của họ. Những người dân chủ xã hội tôn trọng chủ nghĩa Mác, nhưng không câu nệ vào chủ nghĩa Mác, không có xiềng xích ý thức hệ, tất cả xuất phát từ thực tế, tiếp thu rộng rãi các tư tưởng tiên tiến cải thiện xã hội trong lịch sử và đời sống thực tế, làm phong phú và phát triển sáng tạo lý luận chủ nghĩa xã hội dân chủ.

Ngày 30-6-1951, Đại hội lần thứ nhất các đảng xã hội trên thế giới họp tại Frankfurt (Tây Đức) đã chính thức tuyên bố thành lập Quốc tế Xã hội, thông qua cương lĩnh cơ bản: “Mục tiêu và nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội dân chủ” (gọi tắt là Tuyên ngôn Frankkfurt). Bản cương lĩnh này đã tổng kết lý luận và thực tiễn của các đảng xã hội, lần đầu tiên dùng hình thức “chủ nghĩa xã hội dân chủ” để giải thích hệ thống tư tưởng, lý luận của Quốc tế Xã hội. “Tuyên ngôn Frankfurt” cho rằng: *“Nhiều nước phương Tây đã đặt cơ sở cho xã hội xã hội chủ nghĩa. Trong các nước này, những khiếm khuyết của chủ nghĩa tư bản đang mất đi, xã hội mang sức sống mới. Giá trị của các nguyên tắc xã hội chủ nghĩa đang được chứng minh trong hành động”*. Chủ nghĩa xã hội dân chủ trên thực tế là phong trào các đảng dân chủ xã hội lãnh đạo giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động khác đoàn kết với giai cấp tư sản, thúc đẩy chủ nghĩa tư bản chuyển biến sang chủ nghĩa xã hội. Các đại biểu coi tổ chức quốc tế mới thành lập này là giai đoạn mới trong lịch sử của tổ chức quốc tế được thành lập ở London năm 1864 với sự tham gia của Mác... Lenin đã phủ định tư tưởng mác xít về chủ nghĩa xã hội sẽ đồng thời thắng lợi trong các nước tư bản chủ nghĩa kinh tế phát triển cao, là cho rằng cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể giành thắng lợi trước ở các nước phương Đông kinh tế lạc hậu, khâu yếu nhất trong chuỗi mắt xích của chủ nghĩa đế quốc. Thế chiến I đã đưa phong trào xã hội chủ nghĩa đến chia rẽ. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười trong điều kiện lịch sử đặc thù đã tăng cường mạnh mẽ vị trí của phái cách mạng bạo lực. Lenin dựng ngọn cờ khác, ngày 18-1-1918 đã đổi phái đa số trong Đảng Dân chủ Xã hội thành Đảng cộng sản, đồng thời thành lập Quốc

tế Cộng sản (Quốc tế thứ 3). Phái cách mạng bạo lực công kích “quá độ hoà bình” là con đường xét lại, phản bội chủ nghĩa Mác, còn việc họ sửa đổi chủ nghĩa Mác lại là “phát triển sáng tạo”.

Chủ nghĩa Lenin là sự kế thừa và phát triển chủ nghĩa Blanqui. L.A Blanqui (1805- 1881) là người lãnh đạo tổ chức bí mật Pháp thế kỷ 19, thuộc phái bạo lực trong Quốc tế 1, lãnh tụ quân sự của Công xã Paris. Chủ nghĩa Blanqui tin chắc rằng bất kể sự phát triển của lực lượng sản xuất ở vào trình độ nào, chỉ dựa vào cách mạng bạo lực là có thể sáng tạo một thế giới mới không có bóc lột và áp bức. Ăng-ghe-những năm cuối đời đã chán ngấy chủ nghĩa Blanqui. Ông nói:

“Do Blanqui tưởng tượng mọi cuộc cách mạng đều là những biến đổi đột ngột do số ít nhà cách mạng thực hiện, tự nhiên cũng nảy sinh tính tất yếu thực hiện chuyên chính sau khi khởi nghĩa thành công, đương nhiên, đây không phải là nền chuyên chính của toàn bộ giai cấp cách mạng tức giai cấp vô sản mà là chuyên chính của số ít người thực hiện biến đổi ấy, mà số người này lại phục tùng chuyên chính của một người hoặc vài người. (Toàn tập Mác-Ăng-ghe-n, quyển 18, trang 580-581)

Lenin và người kế tục ông là Stalin đã phát triển chủ nghĩa Blanqui, biến việc lãnh đạo một đất nước thành nền chuyên chính của giai cấp vô sản, lại biến chuyên chính của giai cấp vô sản thành chuyên chính của Đảng cộng sản, biến chuyên chính của Đảng cộng sản thành chuyên chính của tập đoàn lãnh đạo, cuối cùng biến chuyên chính của tập đoàn lãnh đạo thành nền độc tài của cá nhân lãnh tụ tối cao (xem Lenin: Bệnh âu trĩ “tả khuynh” trong phong trào cộng sản), đặt cơ sở cho thể chế lãnh đạo của nhà nước xã hội chủ nghĩa bạo lực. Thể chế cực quyền này đã bóp nghẹt sức sống xã hội, cũng bóp nghẹt sức sống của đảng cầm quyền, dẫn đến sự suy thoái toàn diện trên các mặt kinh tế, chính trị khoa học kỹ thuật. Cựu đảng viên Đảng cộng sản Liên Xô nay là nhân lãnh đạo Đảng cộng sản Nga Zyuaganov nói rất đúng: “*Nguyên nhân cơ bản khiến Liên Xô và Đảng cộng sản Liên Xô sụp đổ là sự lũng đoạn đối với tài sản, quyền lực và chân lý*”.

Hai con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã trải qua sự lựa chọn của loài người trong một thế kỷ. Chủ nghĩa xã hội bạo lực do những khiếm khuyết lý luận vốn có và sự biến dạng trong truyền bá, đã tạo ra tại Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu tình trạng quyền lực nhà nước dị hoá, chuyên chế độc tài quan chức tham nhũng, chế độ công hữu và kinh tế kế hoạch thất bại hoàn toàn, kinh tế suy thoái, nhân dân lầm than, dẫn đến Liên Xô tan rã, Đông Âu biến động dữ dội, ngọn đèn Cách mạng tháng Mười vụt tắt. Sau khi phong trào xã hội chủ nghĩa chủ lưu trên dần dần tiêu tan, chủ nghĩa xã hội dân chủ châu Âu vốn là một nhánh của phong trào xã hội chủ nghĩa đã bước ra trước vũ đài lịch sử, với bộ mặt mới, thành tựu mới, thực tiễn mới và lý luận mới. Những người dân chủ xã hội châu Âu thân nhiên, từ tôn cho người đời thấy con đường xã hội chủ nghĩa mà họ triển khai. Con đường này không phải là tác phẩm văn hiến kinh điển vĩ đại, không phải lý tưởng tương lai viễn vông hão huyền, mà là xã hội thị dân hiện thực sống động. Họ dựa vào 4 phép báu nền chính trị dân chủ nghị viện, nền kinh tế theo chế độ sở hữu hỗn hợp, cơ chế thị trường xã hội, và chế độ bảo hiểm xã hội, đã thực hiện thành công sự hoà nhập giữa chế độ tư bản chủ nghĩa và chế độ xã hội chủ nghĩa, tạo dựng nên xã hội hài hoà của chủ nghĩa xã hội dân chủ ở Tây Âu và Bắc Âu.

Kautsky, người lính tiên phong của chủ nghĩa xã hội dân chủ nói:

- Chủ nghĩa xã hội chỉ có thể phát triển trong lòng chủ nghĩa tư bản, chức năng của chủ nghĩa tư bản phát huy càng tốt càng dễ thiết lập chủ nghĩa xã hội. Quan điểm cho rằng để xây dựng lâu dài

xã hội hoàn toàn mới, phải xoá sạch mọi thứ hiện có là quan điểm hoang đường hết chỗ nói. Làm như vậy chỉ có nghĩa là xoá sạch mọi tiền đề mà xã hội mới không thể thiếu. Nó không tạo điều kiện cho xã hội mới, mà buộc chúng ta một lần nữa tạo dựng những cái cũ. Nó không làm cho chúng ta tiến lên, mà khiến chúng ta thụt lùi. (Kautsky: “Quan điểm lịch sử duy vật”, quyển 1)

Như vậy đã lật nhào lý luận cực tả trong “Tuyên ngôn Đảng cộng sản” về đập tan thế giới cũ, hoàn toàn đoạn tuyệt với mọi thứ truyền thống, xây dựng chủ nghĩa xã hội trên mảnh đất trống không. Quan hệ giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản là quan hệ kế thừa và phát triển, chứ không phải lật đổ và tiêu diệt. Chân lý này đã được chứng minh đầy đủ bởi sự vươn lên sáng chói của chủ nghĩa xã hội dân chủ Tây Âu, và sự ảm đạm của chủ nghĩa cộng sản Liên Xô cũ. Cuối thế kỷ 20, các chính đảng dân chủ xã hội đã cầm quyền qua tranh cử tại phần lớn các nước châu Âu, khiến châu Âu hoà bình tiến vào thành tựu lịch sử của chủ nghĩa xã hội dân chủ, an ủi linh hồn Mác và Ăngghen trên thiên đàng. Trong 15 nước thuộc EU có 13 nước Anh, Pháp, Đức, Thụy Điển, Phần Lan, Áo, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Ý, Đan Mạch, Hi Lạp, Bỉ, Luxemburg do các Đảng Dân chủ Xã hội hoặc Công đảng cầm quyền. Quốc tế Xã hội lấy hoa hồng đỏ làm biểu tượng, người đời ngạc nhiên kêu lên: “Làn sóng đỏ tràn ngập châu Âu. Ngày 16-4-2003, nguyên thủ các nước châu Âu gặp nhau tại Athen (Hy Lạp). Dưới sự chứng kiến của Vệ thành xưa, nguyên thủ các thành viên EU và 10 nước thành viên mới cùng ký hiệp ước gia nhập liên minh.

Từ đó, các nước Đông Âu Czech, Estonia, Síp, Latvia, Litva, Hungari, Manta, Ba Lan, Slovenia và Slovakia gia nhập đại gia đình EU tuyên các chấm dứt cực diện chia cắt Đông - Tây Âu sau Thế chiến II. Sức hấp dẫn của EU bắt nguồn từ việc nhân dân các nước thành viên thừa nhận chủ nghĩa xã hội dân chủ châu Âu. Một châu Âu kinh tế phồn vinh, chính trị ổn định và xã hội hài hoà xuất hiện đã tăng thêm vài phần sắc màu rực rỡ cho thế giới đang hỗn loạn. Các nhà cải cách trên toàn thế giới mưu toan bảo lưu tương lai của chủ nghĩa xã hội ở đất nước họ đều hướng mắt về Phong trào xã hội dân chủ. Cống hiến lịch sử của những người dân chủ xã hội cho nền văn minh của loài người là: đại diện cho yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất tiên tiến, hoá giải mọi thù không đội trời chung giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản, hoá giải mọi thù không đội trời chung giữa chế độ xã hội chủ nghĩa và chế độ tư bản chủ nghĩa, làm cho phong trào xã hội chủ nghĩa trở thành quá trình tiến hoá hoà bình lý tính. Những người dân chủ xã hội đã sáng tạo thành công con đường quá độ hoà bình lên chủ nghĩa xã hội từ khuôn khổ dân chủ của các nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Trước đây chúng ta bị hạn chế bởi kinh nghiệm hẹp hòi của cách mạng bạo lực, chỉ trích người khác là “xét lại”, nay xem ra cần khôi phục danh dự cho chủ nghĩa xét lại, bởi không phải những người dân chủ xã hội không đấu tranh với giai cấp tư sản, họ không đơn phương nhượng bộ, chẳng những họ “xét lại” chủ nghĩa xã hội, mà còn “xét lại” cả chủ nghĩa tư bản.

Năm 1965, nhằm học tập những chỗ mạnh của chủ nghĩa xã hội, khắc phục những khó khăn trong phát triển tự thân, đại diện các nước tư bản chủ nghĩa từng tụ tập tại thành phố Philadenphi (Mỹ), họp “Đại hội chủ nghĩa tư bản thế giới” chấn động toàn cầu, ra “Tuyên ngôn của các nhà tư bản”.

Tuyên ngôn nêu rõ: “Tiếp thu kinh nghiệm nhân dân làm chủ của chủ nghĩa xã hội, thực hiện chủ nghĩa tư bản nhân dân theo chế độ cổ phần; tiếp thu kinh nghiệm chế độ phúc lợi xã hội chủ nghĩa, thực hiện chủ nghĩa tư bản phúc lợi suốt đời (đảm bảo cuộc sống của người dân từ khi sinh ra cho đến chết), tiếp thu kinh nghiệm kinh tế kế hoạch xã hội chủ nghĩa, thực hiện chủ nghĩa tư bản kế hoạch có sự can thiệp của nhà nước”. (Biện Hồng Đăng: “Phương lược vận doanh tư bản”, Nhà xuất bản Cải cách, bản in 1997, trang 227).

Chúng ta quen gọi đó là các nước phương Tây tư bản chủ nghĩa phát triển, đã trở thành chủ nghĩa tư bản mới, đã “xã hội dân chủ hoá” ở mức độ khác nhau. Từ những năm 20 thế kỷ 20, Anh, Đức, Pháp, Thụy Điển, Na Uy và Mỹ đã lần lượt xuất hiện sự điều hoà mang tính toàn quốc giữa chủ và thợ, dùng thoả hiệp giai cấp thay thế sự đối lập từng một mất một còn giữa hai bên, một số người đã bắt đầu để xưởng dùng xây dựng công để giải quyết vấn đề thất nghiệp, cũng có nghĩa là lấy việc nhà nước tích cực can thiệp để giải quyết cuộc khủng hoảng của kinh tế thị trường không còn linh nghiệm nữa. Tổng thống Roosevelt lãnh đạo nước Mỹ thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1929 đã mạnh dạn tiếp nhận chính sách của chủ nghĩa xã hội dân chủ.

Chủ nghĩa xã hội dân chủ còn gọi là con đường thứ ba. Nó vừa là yêu cầu nội tại, vừa là đòi hỏi củng cố quan hệ đồng minh Mỹ-Âu. “Con đường thứ ba” do Thủ tướng Công đảng Anh Blair và nguyên tổng thống Mỹ Clinton đại diện đề ra là bản sửa đổi của chủ nghĩa xã hội dân chủ. Ngày 3-6-2000, Clinton tham gia Hội nghị cấp cao “Con đường thứ ba” tại Berlin, ông nói: “Chúng ta muốn kinh tế thị trường, lại muốn xã hội công bằng”, coi hiệu suất và công bằng là ngọn cờ của con đường này.

Công báo của hội nghị nhấn mạnh:

“Chúng tôi coi trọng kinh tế thị trường phải kết hợp với trách nhiệm xã hội, từ đó tạo ra kinh tế tăng trưởng, công ăn việc làm đầy đủ và sự ổn định lâu dài, còn nhà nước trên phương diện chính sách kinh tế vĩ mô phải duy trì ổn định, ủng hộ các biện pháp tài vụ công cộng kiên toàn, kiên quyết ngăn chặn lạm phát; nhà nước cũng phải thúc đẩy thị trường tiền tệ ổn định, nâng cao độ minh bạch và để xưởng cạnh tranh công bằng”. (“Con đường thứ ba và nước Anh mới”, Nhà xuất bản Phương Đông, bản in lần thứ nhất tháng 12-2001, trang 290-291)

Qua tìm hiểu gần đây được biết có 61 nghị sĩ Mỹ là hội viên “Những người xã hội dân chủ Mỹ” (Democratic Socialists of America, viết tắt là DSA). Quan niệm kinh tế của Đảng Dân chủ Mỹ bắt rễ từ tư tưởng kinh tế của Mác và Keynes, chủ trương chính phủ hướng dẫn kinh tế thị trường, quốc hữu hoá ở mức độ thích hợp, thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, chính phủ xây dựng trường học, giảm hoặc miễn thuế cho người nghèo, nâng cao phúc lợi, nâng mức lương tối thiểu, quan tâm nhiều hơn đến nhóm người yếu kém, khuyết tật. Đảng Cộng hoà lên cầm quyền cũng không thay đổi chính sách xã hội của Đảng Dân chủ. Bởi lẽ chế độ phúc lợi xã hội mang đặc điểm cứng chỉ tăng không giảm, chỉ lên không xuống, ai cắt giảm phúc lợi xã hội, người đó sẽ mất phiếu bầu. Công nhân và dân thường có thể thông qua bỏ phiếu để ngăn chặn chính đảng không lợi cho mình lên cầm quyền. Chủ nghĩa xã hội dân chủ đã “đỏ hoá” nước Mỹ.

Năm 2000, khi Bush và Gore tranh cử tổng thống Mỹ, các nhà báo đã phỏng vấn Friedman, người đã đoạt giải Nobel kinh tế học, cố vấn kinh tế chủ yếu thời Reagan. Câu trả lời của người thầy kinh tế học thị trường tự do đã 88 tuổi này khiến người ta giật mình: “Nước Mỹ sẽ mạnh bước đi lên chủ nghĩa xã hội”, bất kể Bush hay Gore vào Nhà Trắng, chỗ khác nhau chỉ là nếu Bush cầm quyền, có thể chậm một chút, nếu Gore cầm quyền, có thể nhanh hơn.

Thành tựu vĩ đại nhất của chủ nghĩa xã hội dân chủ là tại những nước tư bản lâu đời, thông qua phát triển mạnh sức sản xuất và điều tiết phân phối, về cơ bản đã xoá bỏ được sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, giữa công nhân và nông dân, giữa lao động chân tay và lao động trí óc, tạo ra hào quang của chủ nghĩa xã hội dân chủ. Thành tựu này đã làm cho mô hình chủ nghĩa xã hội bạo lực

Liên Xô trở nên âm đạm. Đó là nguyên nhân cơ bản thúc đẩy Liên Xô và các nước Đông Âu “điên biến hoà bình”.

Những người dân chủ xã hội dùng biện pháp đoàn kết giai cấp tư sản phát triển lực lượng sản xuất tiên tiến, đã thực hiện cùng giàu có, chênh lệch ngày càng rút ngắn. Trong các nước xã hội dân chủ không còn nông thôn và nông dân. Theo tư liệu do một khách du lịch thu thập hồi tháng 9-2003, tại thành phố nhỏ Bordeaux ở Pháp, trên 70% thị dân có thu nhập trung bình 1.500 euro/tháng, những người (vốn là nông dân) làm việc ở ngoại ô và các làng thu nhập 1.000 - 1.200 euro/tháng, tầng lớp cổ trắng có mức lương 1.800 - 2.000 euro/tháng, bác sĩ, luật sư, giáo sư cao hơn, có người lương tháng 8.000 euro, thu nhập của các cổ đông xí nghiệp lớn, nhân viên quản lý cấp cao, chủ trang trại nhỏ còn vượt xa mức trên. Cùng với sự phát triển của kinh tế tri thức và khoa học kỹ thuật, cơ cấu ngành nghề không ngừng nâng cấp, cơ cấu đội ngũ sản, nghiệp cũng đang thay đổi, biểu hiện chủ yếu là tầng lớp cổ xanh lấy lao động chân tay là chính giảm mạnh, tầng lớp cổ trắng lấy lao động trí óc là chính đang tăng nhanh. Ở Đức đầu thế kỷ 21, công nhân cổ xanh chỉ chiếm 6% tầng lớp ăn lương, giai cấp công nhân - được “Tuyên ngôn Đảng cộng sản” coi là quân chủ lực cách mạng đối địch giai cấp tư sản nay đã biến thành thiểu số, và mức sống của họ cũng đã cao hơn Tổng thống Rumani. Giai cấp công nhân chẳng cần vùng lên làm cách mạng, theo đà phát triển của lực lượng sản xuất, họ đã được “giải phóng” như vậy đó. Việc thu hẹp ba chênh lệch lớn không trông chờ ở chủ nghĩa tư bản hoàn toàn diệt vong, mà trông đợi ở chủ nghĩa tư bản phát triển cao.

Trong cuốn “Chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa dân chủ” J. A Schumpeter, nhà lý luận về chủ nghĩa xã hội dân chủ, từng là cố vấn Đảng Dân chủ Xã hội Đức, cho rằng chủ nghĩa tư bản về bản chất là một hình thức biến động kinh tế, vĩnh viễn không thể đứng yên, nó không ngừng từ nội bộ lâm cho cơ cấu kinh tế này cách mạng hoá, không ngừng huỷ diệt cái cũ, liên tục sáng tạo cái mới, chủ nghĩa tư bản sẽ tiến hoá lên chủ nghĩa xã hội. Luận điểm của ông về khoa học kỹ thuật phát triển làm thay đổi quan hệ chủ thợ sẽ dẫn đến chủ nghĩa tư bản diệt vong, và luận điểm vai trò nổi bật của tầng lớp giám đốc sẽ dẫn đến các nhà tư bản rút khỏi vũ đài kinh doanh sản xuất, đều được Đảng Dân chủ Xã hội vận dụng và phát huy. Lý luận sáng tạo và ý kiến hoàn chỉnh của ông về tiến hoá lên chủ nghĩa xã hội được những người dân chủ xã hội sau Thế chiến II tôn là cơ sở lý luận hoà bình tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Những người dân chủ xã hội cho rằng xã hội tư bản chủ nghĩa áp bức, bóc lột công nhân như Manchester ở Anh từ thập kỷ 30 thế kỷ 19 đến thập kỷ 20 thế kỷ 20 là “chủ nghĩa tư bản dã man”. Từ thập kỷ 30 thế kỷ 20, qua nỗ lực của các đảng dân chủ xã hội, chủ nghĩa tư bản không ngừng cải lương khiến “các phần quan trọng trong cương lĩnh xã hội chủ nghĩa đều được thực thi”. Xin nêu một vài số liệu để chứng minh điểm này. Năm 2004, trong tổng chi tài chính của chính phủ, tỉ lệ chi công cộng như giáo dục, y tế, bảo hiểm xã hội. Mỹ là 42%, Anh 49%, Canada 52%. Còn Trung Quốc bao nhiêu: 7,4%. Riêng về giáo dục, kinh phí dùng cho giáo dục nghĩa vụ của Trung Quốc trong một năm chỉ có 150 tỉ NDT, trong khi Trung Quốc chi 900 tỉ NDT công quỹ cho quan chức xài ô tô, ăn uống, ra nước ngoài. Tờ “Báo san văn trích” ngày 7-12-2005 đưa tin: xe công một năm tốn 300 tỉ NDT, “vượt xa chi phí quân sự, nhiều hơn tổng kinh phí giáo dục và y tế”. Trong “Báo cáo y tế thế giới năm 2000”, tính công bằng trong phân phối tài chính khám chữa bệnh của Trung Quốc đứng thứ 188 trong số 191 nước.

Chỉ có chi phí quản lý hành chính của Trung Quốc là “đuổi kịp Anh, vượt Mỹ”: tăng 88 lần trong 25 năm từ 1978 đến 2003. Tỉ trọng chi phí quản lý hành chính trong tổng chi tài chính của Trung

Quốc năm 1978 là 4,71 %, năm 2003 lên đến 19,3%, trong khi Anh 4,19%, Mỹ 9,9%, Canada 7,1%.

Chúng ta còn dám nói bản chất của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản không bao giờ thay đổi, chỉ có Trung Quốc ta mới là xã hội chủ nghĩa không? Còn dám nói các chính phủ tư sản đều áp bức, bóc lột nhân dân, chỉ có chính phủ Trung Quốc “phục vụ nhân dân” không? Còn dám nói đặc quyền quan chức mang đậm màu sắc thống trị, mờ nhạt màu sắc phục vụ ở nước ta là do chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa tư bản, đi theo con đường tư bản chủ nghĩa không? Cần có dũng khí thừa nhận: Trong việc mưu phúc lợi cho trăm họ, các Chính phủ Mỹ, Anh, Canada làm tốt hơn Chính phủ Trung Quốc! Quan chức chính phủ 3 nước này liêm khiết hơn quan chức chính phủ Trung Quốc! Trung Quốc còn cách chủ nghĩa xã hội dân chủ quá xa! Đảng cầm quyền Trung Quốc cần học tập các đảng cầm quyền Mỹ, Anh, Canada, cầm quyền dân chủ và liêm khiết, thật sự mưu phúc lợi cho toàn thể nhân dân, nhanh chóng hoàn thành diễn biến hoà bình sang chủ nghĩa xã hội dân chủ. Cuộc diễn biến hoà bình này mang lại ngày càng nhiều phúc lợi cho trăm họ, khiến quan chức mất ngày càng nhiều đặc quyền. Lấy danh nghĩa “bảo vệ thành quả cách mạng” để chống lại diễn biến này, thì cái họ muốn “bảo vệ” không phải phúc lợi của nhân dân, mà là đặc quyền của quan chức. Cuộc diễn biến hoà bình này không có nghĩa là thua Dulles, mà là thua Ăng-ghe-nh, không phải thua chủ nghĩa đế quốc, mà thua chủ nghĩa xã hội dân chủ.

Vượt trên cuộc tranh luận hàng trăm năm về ý thức hệ giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản xem ai hay, ai dở, chủ nghĩa xã hội dân chủ đã tập hợp những ưu điểm của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, đồng thời loại trừ khuyết tật của mỗi bên, quan tâm cả công bằng và hiệu suất; là biện pháp, chính sách và con đường có hiệu quả đã được đời sống thực tế chứng minh, là trung dung hoá tích cực. Con đường chủ nghĩa xã hội dân chủ là con đường hoà bình, lý tính, xây dựng, không xuất khẩu khẩu cách mạng, không áp đặt cho người khác, không có mũi nhọn phê phán, chỉ có sức hấp dẫn nêu gương, không làm hại lợi ích của bất cứ giai cấp tầng lớp nào, không đe dọa an ninh của bất cứ quốc gia hoặc khu vực nào, nên nó lược toàn thể giới quan tâm. Nhà sử học Mỹ W. Dulan nói:

“Mối lo sợ về chủ nghĩa tư bản khiến chủ nghĩa xã hội nói rộng tự do, mối lo ngại về chủ nghĩa xã hội cũng khiến chủ nghĩa tư bản tăng thêm bình đẳng, Phương Đông là phương Tây, mà phương Tây cũng là phương Đông, chẳng bao lâu, hai bên sẽ gặp nhau”.

Lịch sử đang phát triển như vậy. Không phải chủ nghĩa xã hội thay thế chủ nghĩa tư bản, cũng không phải chủ nghĩa tư bản thay thế chủ nghĩa xã hội, mà là sự kết hợp, dung hoà giữa hai bên, trở thành một chế độ mới là chủ nghĩa xã hội dân chủ (chủ nghĩa tư bản mới). Con đường chủ nghĩa xã hội dân chủ đang trở thành con đường loài người cùng chấp nhận, đưa loài người vào một thế kỷ mới phát triển hoà bình.

Đi con đường của người Thụy Điển

Thời kỳ đầu Trung Quốc cải cách mở cửa, để phá vỡ trạng thái tinh thần trong đội ngũ cán bộ Trung Quốc do bị nhồi nhét lý luận cực tả trong thời gian dài tạo ra, như ếch ngồi đáy giếng, tự cho mình hơn người, chỉ có mình là phải tả là cách mạng; Đặng Tiểu Bình đã cử rất nhiều cán bộ cấp cao ra nước ngoài khảo sát, chủ yếu là Mỹ và châu Âu. Ông rất chú trọng thành tựu và kinh nghiệm của chủ nghĩa xã hội dân chủ. Nhiều cán bộ cấp cao sang Tây Bắc Âu bất giác kêu lên: “Người ta như thế mới là chủ nghĩa xã hội chứ!” Anh là một nước như thế nào? Nhận thức định hình của

chúng ta coi Anh là chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc già đời. Trong cuộc tổng tuyển cử năm 1945 sau khi Thế chiến II kết thúc, Công đảng Anh toàn thắng, lãnh tụ Công đảng Attlee lên làm thủ tướng. Ông đã tiến hành một cuộc cải cách xã hội dân chủ. Những biện pháp chủ yếu là: quốc hữu hoá các xí nghiệp khai khoáng, ngân hàng, giao thông vận tải, sản xuất gang thép, dịch vụ xã hội, nâng thành phần quốc doanh trong lĩnh vực kinh tế lên 20%; thông qua thuế lũy tiến chênh lệch rõ rệt, nhà nước tái phân phối 2/5 tổng thu nhập; áp dụng phương pháp phúc lợi toàn dân, đảm bảo rộng rãi cho tất cả mọi người về chi phí chữa bệnh hiểm nghèo, sự cố, tuổi già, thương tật, thất nghiệp, sinh đẻ, tử vong, tất cả mọi người đều được khám chữa bệnh không mất tiền, giáo dục trung tiểu học miễn phí. Athee nói: “Chính phủ Công đảng đang thiết lập ở Anh một chế độ tốt nhất ưu việt hơn chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội kiểu Liên Xô” (Vương Tiểu Mạn: Con đường phát triển của Công đảng Anh sau Thế chiến 2)

Nếu chúng ta tôn trọng lời tự trần thuật của lãnh tụ Công đảng Anh, thì từ thập kỷ 50 thế kỷ trước, Anh đã là nước theo chủ nghĩa xã hội dân chủ rồi. Thể chế phúc lợi xã hội do Chính phủ Công đảng thiết lập ở thập kỷ 50 có ảnh hưởng sâu xa đối với sự phát triển của nước Anh và châu Âu. Sau này Đảng Bảo thủ lên cầm quyền không hề thay đổi chính sách phúc lợi xã hội của Công đảng.

Cuối thập kỷ 70 thế kỷ 20, Phó thủ tướng phụ trách công nghiệp Trung Quốc Vương Chấn sang thăm Anh. Ông yêu cầu đến thăm một công nhân thất nghiệp với chủ định rõ rệt “thăm nghèo, hỏi khổ”. Đại sứ Trung Quốc tại Anh Kha Hoa cùng Vương Chấn đến nhà một công nhân thất nghiệp. Vương lão có phần loá mắt: đây là công nhân thất nghiệp ư? Ông thấy gì vậy?

Người công nhân thất nghiệp này ở trong nhà lầu 2 tầng, có buồng ăn, buồng khách, xa lông, ti vi, trong tủ trang trí có đồ bạc cổ quý giá, đằng sau có vườn hoa nhỏ khoảng 50 m². Do thất nghiệp, ông ta có thể không nộp thuế, được khám chữa bệnh không mất tiền, con cái được hưởng giáo dục nghĩa vụ miễn phí.

Xem xong, Vương Chấn cứ xuýt xoa. Thì ra người công nhân Anh ông vốn coi là đang sống trong nước sôi lửa bỏng này lại có mức sống cao hơn Phó thủ tướng Trung Quốc. Đại sứ Kha Hoa nói với ông: “Tôi đã hỏi một công nhân vệ sinh, thu nhập của anh ta mỗi tuần khoảng 100 sterling. Người coi thang máy thu nhập mỗi tuần khoảng 150 sterling”. Tính theo tỉ giá hối đoái hồi đó, tiền lương hàng tuần của công nhân vệ sinh bằng 592 NDT, công nhân coi thang máy bằng 886 NDT. Lương của Vương Chấn hồi đó mỗi tháng không đến 400 NDT, mỗi tuần không đến 100 NDT, bằng 1/6 lương công nhân vệ sinh, 1/8 lương công nhân coi thang máy ở Anh. Nếu so sánh thu nhập giữa dân thường hai nước, thì khoảng cách đó càng lớn. Theo tính toán của các chuyên gia, tỉ lệ thu nhập quốc dân bình quân đầu người của Trung Quốc và Anh là 1/42,3, nghĩa là thu nhập của dân thường Anh cao hơn dân thường Trung Quốc 42 lần. Chủ nghĩa xã hội nghèo của Trung Quốc thua kém quá rồi.

Tham tán Thương vụ Vu Nhật kể lại: Trong chuyến thăm trên, Phó thủ tướng Vương Chấn đã tiến hành khảo sát tương đối toàn diện tình hình kinh tế và đời sống xã hội nước này. Cuối chuyến thăm, có người hỏi ông nghĩ gì về nước Anh. Thật bất ngờ, Vương Chấn nói: “Tôi thấy nước Anh làm hay lắm, vật chất cực kỳ dồi dào, ba chênh lệch lớn cơ bản không còn nữa, xã hội công bằng, phúc lợi xã hội được chú trọng, nếu cộng thêm đảng cộng sản cầm quyền, thì nước Anh là xã hội cộng sản chủ nghĩa trong lý tưởng của chúng ta”

Bình luận của Vương Chấn về Anh gây chấn động Đại sứ quán Trung Quốc tại London thuở ấy, cũng thôi thúc mọi người quan tâm hơn đến thể chế chính trị, kinh tế và tình hình đời sống xã hội nước này.

Sau chuyến thăm trên, Vương Chấn trở thành người kiên định ủng hộ chính sách cải cách-mở cửa của Đặng Tiểu Bình.

Một Bí thư Thành uỷ sang thăm Thụy Điển trở về nói:

“Chúng ta thực hiện chủ nghĩa xã hội là tiêu diệt người hữu sản, khiến tất cả đều thành người vô sản. Người ta thực hiện chủ nghĩa tư bản là tiêu diệt người vô sản, khiến tất cả đều trở thành người hữu sản”. Đối với việc “người ta” đã làm, vị bí thư kia rất hâm mộ, nhưng lại có phần hoang mang, để vạch rõ ranh giới với “chủ nghĩa xét lại”, không dám thừa nhận việc “người ta” làm là chủ nghĩa xã hội. Đầu thập kỷ 80 thế kỷ 20, Thụy Điển đang thực hiện “Luật quỹ đầu tư của người làm thuê”, tìm cách để công nhân nắm cổ phần xí nghiệp, trở thành người hữu sản, giải quyết vấn đề công bằng từ chế độ sở hữu. Đạo luật trên qui định: từ lợi nhuận siêu ngạch ngoài lợi nhuận 50 vạn curon của phía chủ, trích ra 20% lập quỹ cho công nhân viên xí nghiệp, tăng quỹ dưỡng lão mà phía chủ nộp thay công nhân thêm 1%, là có thể chuyển một phần lợi nhuận từ nhà tư bản sang tay công nhân, tiến hành đầu tư sản xuất, khiến công nhân viên trở thành cổ đông, thành người hữu sản. Theo tính toán của người, thiết kế đạo luật này, chỉ cần lãi suất của xí nghiệp từ 10 đến 15%, thì khoản chuyển sang “Quỹ đầu tư của người làm thuê” dưới danh nghĩa công nhân viên trong 20 đến 30 năm có thể chiếm một nửa cổ phần của xí nghiệp. Cùng với tỉ trọng “Quỹ đầu tư của người làm thuê” trong xí nghiệp ngày càng tăng, có thể từ thể chế kinh tế, làm thay đổi cơ cấu tư bản tư nhân chiếm vị trí thống trị, thực hiện lý tưởng của đảng Dân chủ Xã hội là xã hội hoá tư liệu sản xuất.

Thông qua cuộc “cách mạng thầm lặng”, giai cấp công nhân đã nắm một phần quyền sở hữu xí nghiệp. Đây không phải là những lời lẽ ngon ngọt lừa bịp công nhân nhằm tranh thủ phiếu bầu. Năm 1982, Đảng Dân chủ Xã hội thắng lợi trong tổng tuyển cử, trở thành đảng lớn nhất trong Quốc hội, Chủ tịch Đảng Palmer lên làm thủ tướng. Tuy các nhà tư bản phản đối, và ngày 4-10-1983 đã tổ chức cuộc biểu tình có 75.000 người tham gia, nhưng đến 12-12-1983, với đa số mong manh chỉ chênh lệch 6 phiếu, Quốc hội Thụy Điển đã thông qua “Luật quỹ đầu tư của người làm thuê” có hiệu lực từ 1-1-1984. Năm đầu tiên thu được 1 tỉ 524 triệu curon, năm thứ hai 1 tỉ 231 triệu, năm thứ ba (1986) 2 tỉ 710 triệu, cả 3 năm thu được 5 tỉ 465 triệu curon Quỹ cổ phần công nhân. Chính sách “khiến mọi người đều trở thành người hữu sản” mà Đảng Dân chủ Xã hội Thụy Điển thực hiện là chân thực, họ gọi đó là “chính sách chủ nghĩa xã hội quỹ”. Năm 1991, Chính phủ liên hợp của Đảng Bảo thủ và 3 đảng khác lên cầm quyền đã xoá bỏ Quỹ đầu tư của người làm thuê, phản ánh cuộc đấu tranh nghiêm trọng giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân, nhưng lúc đó phần lớn công nhân đã trở thành người nắm cổ phiếu của xí nghiệp, tuy chỉ là những cổ đông nhỏ. Trong cuộc tổng tuyển cử mùa thu 1994, với 45% phiếu bầu, Đảng Dân chủ Xã hội Thụy Điển giành lại vị trí cầm quyền, nhưng không khôi phục Quỹ đầu tư của người làm thuê, mà đưa ra chủ nghĩa xã hội phúc lợi khoa học kỹ thuật. Họ cho rằng trong bối cảnh toàn cầu hoá, tri thức và giáo dục cực kỳ quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế việc làm và công bằng xã hội. Để xoá bỏ bất công xã hội đang tồn tại, phân phối công bằng cơ hội được giáo dục có hiệu quả hơn tái phân phối của cải xã hội về sau. Đảng Dân chủ Xã hội Thụy Điển đã đấu tranh bất khuất vì lợi ích của giai cấp công nhân và tuyệt đại đa số nhân dân.

Trong nhà trưng bày lịch sử Đảng Dân chủ Xã hội treo chân dung ba lãnh tụ quốc tế là Mác, Ăng-ghe-nen và Lassall, tôn họ là người thầy của chủ nghĩa xã hội dân chủ. Bức chân dung thứ 4 mới là người sáng lập Đảng Dân chủ Xã hội Thụy Điển Branting. Đảng trên cho rằng: *“Mô hình, phát triển của Mác và Ăng-ghe-nen là lý luận khoa học. Cũng như mọi lý luận khoa học khác, nó có đứng vững không, phải được thực tiễn kiểm nghiệm”*.

Năm 1920, Đảng Dân chủ Xã hội Thụy Điển và Đảng Nhân dân liên minh cầm quyền, thành lập một loạt xí nghiệp quốc doanh, do hiệu suất thấp dẫn đến khó khăn kinh tế, năm 1924 mất chính quyền. Bởi lẽ về chính trị có cơ chế bầu cử dân chủ lựa chọn cái hay, đào thải cái dở, cho nên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất do khuyết tật nội tại “hiệu suất thấp, dẫn đến khó khăn kinh tế” đương nhiên bị đào thải. Cơ chế chính trị dân chủ có thể đảm bảo kịp thời uốn nắn sai lầm.

Trong thất bại, Đảng Dân chủ Xã hội Thụy Điển đã tổng kết bài học kinh nghiệm, cho rằng không thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội trong tình trạng hiệu suất sản xuất thấp, của cải xã hội suy giảm. Then chốt của chủ nghĩa xã hội, mấu chốt để thực hiện công bằng xã hội, không phải chế độ sở hữu, mà là phương thức phân phối. Họ rút ra kết luận: tư liệu sản xuất phải tư hữu hoá, chế độ tư hữu hoá về tư liệu sản xuất này mang đặc trưng công nhân có cổ phần, các cổ đông nhỏ và cổ đông lớn cùng chiếm hữu tư liệu sản xuất, để khuyến khích các xí nghiệp tư nhân tạo ra nhiều của cải hơn; phân phối của cải phải xã hội hoá, do chính quyền và công đoàn nắm giữ, có nghĩa là chính quyền (dưới sự giám sát của công đoàn) thông qua thu thuế, phân phối một phần lợi nhuận của xí nghiệp cho nhóm người yếu kém, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, xây dựng nhà nước phúc lợi. Nhận thức đó trở thành cương lĩnh cầm quyền mới, rất được lòng người khi họ trở lại cầm quyền vào năm 1932, vừa được công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động khác ủng hộ, vừa được các nhà tư bản ủng hộ, khiến họ liên tục cầm quyền tới 44 năm!

Đảng Dân chủ Xã hội Thụy Điển giải quyết vấn đề mâu thuẫn giữa chủ và thợ trong xí nghiệp theo phương thức mới. Sau khi từ bỏ chế độ công hữu về tư liệu sản xuất hoặc chính sách quốc hữu hoá, Đảng tập trung vào sự thoả hiệp giữa chủ và thợ. Năm 1936, Liên minh công đoàn (LO) và Liên minh giới chủ (SAF) đã ký “Thoả thuận Saltsjobaden”, qui định trình tự, cơ cấu giải quyết tranh chấp giữa chủ và thợ, hạn chế đặc quyền quản lý của chủ xí nghiệp. Văn bản trên qui định đại diện hai bên thương lượng, cuối cùng đi đến thoả thuận hai bên cùng tuân theo, thời hạn 1 đến 3 năm. 2 tháng trước ngày hết hạn, nếu cả hai bên đều không có ý kiến khác, thì thoả thuận trên tiếp tục có hiệu lực; nếu một bên đưa ra ý kiến khác, tranh chấp không dứt, không đi đến nhất trí, thì Chính phủ sẽ cử một nhân viên hoà giải tham gia đàm phán, thúc đẩy giải quyết vấn đề, thoả thuận trên được coi là bước ngoặt trong quan hệ giữa chủ và thợ ở Thụy Điển, mở ra thời đại mới phối hợp và hợp tác giữa hai bên, có vai trò quan trọng để nước này ổn định xã hội và phát triển kinh tế từ đó về sau: Năm 1976. Thụy Điển lại thông qua “Luật cùng giải quyết đời sống lao động”, xoá bỏ khoản 32 trong Điều lệ Liên minh giới chủ, tức là từ giới chủ một mình giải quyết vấn đề trước đây đòi thành chủ và thợ cùng quyết định, công đoàn có quyền tham gia những vấn đề trước đây do phía chủ quyết định, như chiến lược đầu tư, sản xuất. Nội dung chủ yếu là:

1. Chủ xí nghiệp phải thương lượng với công đoàn trước khi quyết định những thay đổi lớn trong kinh doanh của xí nghiệp và quyết định điều kiện làm việc của người làm thuê. Công đoàn có thể yêu cầu tổ chức thương lượng cấp địa phương hoặc cấp trung ương về bất cứ vấn đề gì, khi yêu cầu này được đưa ra, phía chủ phải hoãn ra quyết định hoặc hoãn thi hành quyết định, cho đến khi kết thúc thương lượng.

2. Yêu cầu chủ xí nghiệp thường xuyên thông báo với công đoàn về thông tin kinh tế kỹ thuật và nguyên tắc chính sách.

3. Công đoàn có quyền xem xét sổ sách và các văn bản liên quan đến quản lý kinh doanh của xí nghiệp.

Đạo luật trên đã nâng cao vị trí của công nhân trong xí nghiệp lên rất nhiều.

Đội ngũ giai cấp công nhân Thụy Điển có 4,2 triệu người, chiếm một nửa dân số cả nước, trong đó có 3 triệu công nhân công nghiệp, 90% số người lao động chân tay tham gia Liên minh công đoàn; 70 vạn nhân viên cổ trắng thành lập riêng “Tổ chức nhân viên trung ương”. Liên minh công đoàn trung ương là tổ chức công đoàn lớn nhất, có 25 chi nhánh, 2,5 triệu hội viên. Trong các cuộc tổng tuyển cử hơn 30 năm qua, 70% công nhân công nghiệp bỏ phiếu cho Đảng Dân chủ Xã hội, đây là cơ sở giai cấp và hậu thuẫn vững chắc của đảng này. Phần lớn các nhà lãnh đạo của Đảng ra đời trong phong trào công nhân, 1/2 số nghị sĩ của Đảng xuất thân từ gia đình công nhân công nghiệp, 1/3 số nghị sĩ của Đảng bản thân trước đây là công nhân công nghiệp. Các tỉ lệ trên đều lớn hơn tỉ lệ tương quan của các đảng dân chủ xã hội Tây Âu.

So với tỉ trọng dân số Thụy Điển trong dân số thế giới, tỉ trọng sản xuất công nghiệp của nước này trong sản xuất công nghiệp thế giới nhiều gấp 4 lần, xuất khẩu 9 lần, thiết bị cơ khí 14 lần. Xuất khẩu của Thụy Điển chiếm 35% giá trị tổng sản phẩm quốc dân. 92% số xí nghiệp công nghiệp ở Thụy Điển là tư nhân. Tỉ trọng xí nghiệp quốc doanh không ảnh hưởng đến tính chất của chủ nghĩa xã hội dân chủ. Toàn bộ sự nghiệp công cộng như giao thông, năng lượng, y tế, giáo dục, phần lớn các ngành khai khoáng, luyện thép, đóng tàu, một ngân hàng lớn nhất, đã tổ chức thành Hội đồng xí nghiệp toàn quốc với 1,4 triệu công nhân viên. Trên các mặt giáo dục, y tế, môi trường và phúc lợi xã hội, Đảng Dân chủ Xã hội không quản lý bằng biện pháp kinh tế thị trường, mà do các ngành công cộng quản lý. Tất cả các trường học ở Thụy Điển đều là quốc lập, không có trường tư thục, cũng không có bệnh viện tư nhân, các ngành giáo dục, y tế không có nghĩa vụ kiếm lợi nhuận.

Cơ sở của nông nghiệp Thụy Điển là 11 vạn nông trang gia đình, mà chỉ có 12.000 công nhân nông nghiệp làm thuê, gánh nặng chủ yếu đặt lên vai các chủ nông trang và các thành viên gia đình họ. Nhân khẩu tham gia sản xuất nông nghiệp ở Thụy Điển chỉ chiếm 3,8% tổng nhân khẩu cả nước, còn số người gia công, bảo quản nông sản và sản xuất thực phẩm nhiều gấp 3 lần thế. Thụy Điển dư thừa từ 30% đến 50% lương thực, thịt, hạt có dầu, xuất khẩu sang các nước Ban tích. Thụy Điển cũng có tổ chức hợp tác xã phục vụ các nông trang gia đình, như hợp tác xã con giống, hợp tác xã nghề sữa hợp tác xã lâm nghiệp, xã viên tự bầu cơ quan lãnh đạo. Nông dân có tổ chức riêng là Liên minh chủ nông trang Thụy Điển. Nhà nước và Liên minh chủ nông trang bàn bạc các vấn đề quan trọng như giá nông sản, trợ giá, tín dụng, thuế. Nhà nước và các hợp tác xã ký hợp đồng kinh tế. Khi cần nâng cao lợi nhuận sản xuất nông nghiệp hoặc giảm chi phí cho người tiêu dùng, nhà nước mới can thiệp vào việc hình thành giá cả. Khi ấy, nhà nước phải trích ra vài tỉ curon từ ngân sách quốc gia để trợ giá. Thông qua chính sách kinh tế, nhà nước nâng đỡ các chủ nông trang nhỏ, “ràng buộc” các chủ nông trang lớn.

GDP bình quân đầu người của Thụy Điển năm 2002 là 25.400 USD. Đã thiết lập chế độ phúc lợi xã hội toàn dân “từ lúc lọt lòng tới khi rời khỏi cõi đời”. Một công dân Thụy Điển từ lúc ra đời đến khi 16 tuổi được hưởng trợ cấp vị thành niên của chính phủ, ốm đau được hưởng bảo hiểm y tế đi học

từ giáo dục nghĩa vụ 9 năm đến đại học đều không phải trả học phí, sau khi trưởng thành đi làm lại được đưa vào hệ thống bảo hiểm xã hội, cho đến khi già vào viện dưỡng lão, đi hết chặng đường cuối cùng của đời người.

Thụy Điển là nước có khoảng cách giàu nghèo nhỏ nhất trên thế giới. Trong 10% số dân thu nhập cao nhất và 60% số dân thu nhập thấp nhất. Khoảng cách thu nhập trước khi nộp thuế có trường hợp gấp 144 lần, đòn bẩy cân bằng của chính phủ khiến khoảng cách thu nhập bình quân tuyệt đối sau thuế là 3 lần. Lương tháng của công nhân công nghiệp hiện nay là 2.000 USD, lương giáo sư trên 4.000 USD, diện tích nhà ở bình quân đầu người 40 m², 3/4 số gia đình có ô tô. Thụy Điển thực hiện chế độ thuế lũy tiến siêu ngạch, nghĩa là thu nhập càng cao, thuế càng nặng, thu nhập càng thấp, thuế càng nhẹ, thấp hơn rất nhiều phúc lợi mà người nghèo được hưởng. Thuế cao ở Thụy Điển là một chế độ có lợi cho nhân dân lao động, nó đảm bảo toàn thể các thành viên trong xã hội đều có thể sống đàng hoàng và tôn nghiêm, tránh có hiệu quả mọi hiện tượng bất công do khoảng cách giàu nghèo quá lớn tạo ra, tránh có hiệu quả mâu thuẫn xã hội gay gắt, thực hiện toàn thể các thành viên xã hội đều giàu có và xã hội hài hòa.

Thụy Điển là một trong những nhà nước liêm khiết nhất, trong 32 năm không có vụ quan chức tham ô, ăn hối lộ nào, năm 2002 được tổ chức "Minh bạch Quốc tế" xếp hàng thứ 5 thế giới về mức độ liêm khiết của chính phủ. Thụy Điển đặc biệt nhấn mạnh công bằng xã hội, quan chức cho đến thủ tướng đều không có đặc quyền. Thủ tướng sống trong khu dân cư, lúc thường không có bảo vệ, đi về không có tùy tùng, trong nhà không có căn vụ và đầu bếp do nhà nước cử đến, hàng ngày đi làm ngồi xe bus hoặc tự lái xe riêng, không được sử dụng xe công, trừ khi thực hiện công vụ nhà nước. Cả xã hội hài hòa, an ninh, là một trong những nước. Cả xã hội hai hoà, an ninh, là một trong những nước có tỉ lệ tội phạm thấp nhất. Nền kinh tế hỗn hợp chủ yếu là kinh tế thị trường, chế độ phúc lợi xã hội và chính sách hợp tác giai cấp của Thụy Điển thật độc đáo và thành công. Học giả Anh Lommel đánh giá: "Người ta thường coi Thụy Điển là đất nước khác thường, bởi nước này có mức sống rất cao, có chính sách phúc lợi phát đạt, thị trường lao động ổn định và hài hoà, chính sách hoà bình, nhất trí và thoả hiệp, một đất nước như bài thơ đồng quê êm đềm, dịu ngọt".

Mô hình Thụy Điển bao gồm mấy điểm chủ yếu sau:

A. Đảng dân chủ Xã hội Thụy Điển nghiêm khắc tuân thủ hiến chính dân chủ, nhưng dựa vào chính sách đúng đắn và sự ủng hộ của nhân dân, liên tục tranh cử và thắng cử, cầm quyền lâu dài, chủ đạo bước tiến xã hội, thực hiện cương lĩnh của mình. Đảng thành lập năm 1889, sau cuộc tổng tuyển cử năm 1917 tham gia chính phủ liên hiệp, đến năm 1920 một mình cầm quyền. Từ khi lên cầm quyền đến nay, thông qua các cuộc tranh cử, Đảng liên tục được cử tri chấp nhận, liên tục nắm quyền 44 năm liên từ 1932 đến 1976, sau một thời gian ngắn rơi vào vị thế đảng đối lập, lại trở lại cầm quyền, xây dựng Thụy Điển từ một nước nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu thành một nước giàu có nhất, công bằng nhất, liêm khiết nhất, ổn định nhất trên thế giới.

B. Kinh nghiệm của Thụy Điển trong việc giải quyết cặp mâu thuẫn công bằng và hiệu suất là: phải tư hữu hoá tư liệu sản xuất (đây là chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất với đặc trưng công nhân nắm cổ phần và toàn dân nắm cổ phần cùng các cổ đông lớn chiếm hữu tư liệu sản xuất), đề khuyến khích các xí nghiệp tư nhân làm ra nhiều của cải hơn; phải xã hội hoá phân phối của cải, do chính phủ và công đoàn quản lý. Sai lầm lớn nhất của lý luận mác xít là lấy tiêu diệt chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất làm tiền đề xây dựng chủ nghĩa xã hội. Không thể xây dựng nổi chủ nghĩa xã hội trong

tình hình hiệu suất sản xuất thấp, của cải xã hội giảm. Dựa vào ba chính sách lớn có đầy đủ việc làm, phân phối công bằng và phúc lợi xã hội do chính phủ thực hiện, để xoá bỏ nạn thất nghiệp, nghèo nàn và bất công trong xã hội tư bản chủ nghĩa, xây dựng xã hội hài hoà chủ và thợ cùng thắng lợi.

C. Cơ sở lý luận của Đảng Dân chủ Xã hội Thụy Điển là đa nguyên; nhưng chủ yếu là chủ nghĩa Mác, cơ sở giai cấp rộng rãi, nhưng chủ yếu là giai cấp công nhân. “Đảng Dân chủ Xã hội ra sức xây dựng một xã hội dựa trên cơ sở lý tưởng dân chủ và mọi người đều bình đẳng. Mục tiêu của Đảng là những người tự do, bình đẳng sống trong một xã hội đoàn kết. Trong cuộc xung đột giữa chủ và thợ, đảng luôn luôn đại diện cho lợi ích của người lao động. Đảng Dân chủ Xã hội hiện nay và mãi mãi là chính đảng phản đối chủ nghĩa tư bản, mãi mãi là người phản đối nhà tư bản thống trị đời sống kinh tế, chính trị”. (Cương lĩnh Đảng Dân chủ Xã hội Thụy Điển do Đại hội Đảng thông qua 6-11-2001)

Kinh nghiệm cầm quyền của Đảng Dân chủ Xã hội Thụy Điển tập trung vào một điểm là thực hiện chính sách đúng đắn vừa đoàn kết vừa đấu tranh với giai cấp tư sản: khi đoàn kết không quên tìm kiếm phúc lợi cho công nhân và toàn xã hội, không cho phép nhà tư bản thống trị xã hội; lúc đấu tranh không làm hại chế độ tư hữu, bảo hộ lợi ích chính đáng của nhà tư bản, bảo hộ sự phát triển của lực lượng sản xuất tiên tiến. Phần trên đảm bảo tương đối công bằng, xã hội hài hoà; phần dưới đảm bảo hiệu suất tuyệt đối, kinh tế phát triển. Từ một xí nghiệp cho đến cả nước, mỗi bước phát triển kinh tế đều là kết cục hai bên cùng thắng.

Đó là con đường chủ nghĩa xã hội dân chủ “mô hình Thụy Điển”.

“Núi không cần cao, có tiên là nổi tiếng. Nước không cần sâu, có rồng là linh thiêng”. (“Lậu thất mình” - Lưu Vũ Tích đời Đường). Tuy Thụy Điển là nước nhỏ, Đảng Dân chủ Xã hội Thụy Điển là đảng nhỏ, nhưng là mẫu mực của chủ nghĩa xã hội dân chủ, kinh nghiệm của Thụy Điển có giá trị bao trùm thế giới, là công hiến vĩ đại cho nền văn minh của loài người. Trong khuôn khổ hiến chính dân chủ, Đảng Dân chủ Xã hội Thụy Điển dựa vào chính sách đúng đắn của mình, đại diện cho lợi ích của đông đảo nhân dân, đã liên tục trúng cử khoá này sang khoá khác, cầm quyền lâu dài; trong xây dựng kinh tế đã thống nhất giữa hiệu suất và công bằng, thực hiện phân hoá đồng hướng, cùng trở nên giàu có; xử lý đúng đắn quan hệ giữa chủ và thợ, phát huy vai trò tích cực của công nhân và chủ doanh nghiệp, thực hiện chủ và thợ cùng chung; ngăn chặn có hiệu quả sự xuất hiện của tầng lớp đặc quyền, chặn đứng tệ quan chức dựa vào chức quyền mưu lợi riêng, tham ô, hối lộ, giữ gìn liêm khiết lâu dài. Những kinh nghiệm trên đã cho chúng ta mẫu mực thành công để giữ gìn phương hướng xã hội chủ nghĩa trong cái cách-mở cửa, đi theo con đường chủ nghĩa xã hội dân chủ.

Chủ nghĩa xã hội dân chủ có nguồn gốc sâu xa ở Trung Quốc. Xã hội dân chủ mới mà ĐCSTQ thiết lập chính là hình ảnh thu nhỏ của chủ nghĩa xã hội dân chủ. Tháng 1-1940, Mao Trạch Đông công bố tác phẩm “Bàn về chủ nghĩa dân chủ mới”, về chính trị chủ trương chính phủ liên hiệp, phản đối nền chuyên chính một đảng; về kinh tế bảo hộ chế độ tư hữu, nhiều thành phần kinh tế cùng tồn tại, quan tâm cả công hữu và tư hữu, chủ thợ cùng có lợi, thực hiện chính sách vừa đoàn kết, vừa đấu tranh với giai cấp tư sản. Khi ấy, Mao Trạch Đông đã có khái niệm chủ nghĩa tư bản mới và chủ nghĩa tư bản cũ, cho rằng chủ nghĩa dân chủ mới chính là chủ nghĩa tư bản mới. Ông nói:.

“Hiện nay chúng ta thiết lập xã hội dân chủ mới, vừa mang tính chất tư bản chủ nghĩa, vừa mang tính chất quần chúng nhân dân, không phải chủ nghĩa xã hội, cũng không phải chủ nghĩa tư bản cũ, mà là chủ nghĩa tư bản mới, hoặc gọi là chủ nghĩa dân chủ mới”.

Một thành viên Tổ quan sát quân sự Mỹ tại Diên An hồi đó nhớ lại: Tháng 8-1944, Mao Trạch Đông nhiều lần nói với nhà báo Mỹ Snow: *“Chính sách của ĐCSTQ chỉ là chính sách tự do. Ngay thương nhân Mỹ bảo thủ nhất cũng không phát hiện trong cương lĩnh của chúng tôi điều gì mang ý nghĩa khác”*. Để hợp tác với người Mỹ, những người cộng sản Trung Quốc còn nghĩ tới vấn đề có cần đổi tên đảng hay không. Tất cả nói cho cùng đều nhằm mục đích “Trung Quốc phải công nghiệp hoá”, bởi hồi ấy họ tin rằng việc này chỉ có thể thực hiện thông qua các xí nghiệp tự do và viện trợ của nước ngoài.

Đến Đại hội 7 ĐCSTQ, Mao Trạch Đông đề ra “xây dựng nước Trung Hoa mới độc lập, tự do, dân chủ, thống nhất và giàu mạnh”. Phóng viên Reuter hỏi:

- Ngài định nghĩa thế nào về Trung Quốc tự do dân chủ?”

Mao trả lời:

- “Trung Quốc tự do dân chủ” là một nước chính quyền các cấp cho đến chính phủ trung ương đều ra đời qua cuộc bỏ phiếu kín phổ biến và bình đẳng, và chịu trách nhiệm trước nhân dân bầu ra họ. Nhà nước đó sẽ thực hiện Chủ nghĩa tam dân của Tôn Trung Sơn, ba nguyên tắc dân có, dân trị, dân hưởng của Lincoln, 4 tự do lớn của Roosevelt, và sẽ đảm bảo đất nước độc lập, đoàn kết, thống nhất, hợp tác với các cường quốc dân chủ.

Chủ nghĩa dân chủ mới của Mao Trạch Đông mang đậm màu sắc tự do, trong thời gian ngắn đã lôi kéo được thế lực trung gian mở rộng do giai cấp tư sản dân tộc làm chủ thể, đây là nguyên nhân quan trọng khiến cách mạng Trung Quốc nhanh chóng giành được thắng lợi. Lý luận kiến quốc dân chủ mới là tinh hoa của Tư tưởng Mao Trạch Đông.

Đặng Tiểu Bình kế thừa lý luận này, tham khảo kinh nghiệm thành công của chủ nghĩa xã hội dân chủ châu Âu, đã hình thành lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường cải cách-mở cửa mang màu sắc Trung Quốc, mở ra con đường chủ nghĩa xã hội dân chủ Trung Quốc.

Tháng 3-2004, kỳ họp thứ 2 Quốc hội khoá 10 đưa Tư tưởng quan trọng “Ba đại diện” và điều khoản bảo hộ chế độ tư hữu vào hiến pháp, đó là cải cách chính trị quan trọng nhất ở Trung Quốc từ ngày cải cách-mở cửa đến nay. Chế độ tài sản tư hữu là cơ sở của chính thể dân chủ, đánh dấu Trung Quốc từ đây đi lên con đường chủ nghĩa xã hội dân chủ. Từ tiêu diệt giai cấp tư sản để xây dựng chủ nghĩa xã hội chuyển sang đoàn kết giai cấp tư sản để xây dựng chủ nghĩa xã hội, bởi qua nhiều lần so sánh, lấy liên minh công nông làm cơ sở, đoàn kết giai cấp tư sản cùng xây dựng chủ nghĩa xã hội đem lại cho công nhân, nông dân và toàn xã hội lợi ích vật chất lớn hơn nhiều so với tiêu diệt giai cấp tư sản. Đoàn kết giai cấp tư sản không phải là ủng hộ họ “bóc lột” mà sử dụng họ vào việc quản lý kinh tế, để nâng cao hiệu suất sản xuất, góp phần tăng thêm tổng lượng của cải xã hội. Nguyên nhân căn bản dẫn đến thất bại toàn diện mang tính thể chế ở Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu cuối thế kỷ 20 là do không đại diện cho yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất tiên tiến, thực hiện chính sách sai lầm đối với giai cấp tư sản. Đối với các chủ xí nghiệp tư nhân ra

đòi sau cải cách-mở cửa, Hiến pháp Trung Quốc không gọi họ là “nhà tư bản”, mà gọi là “những người xây dựng sự nghiệp xã hội chủ nghĩa, là bỏ chiếc mũ “bóc lột” trên đầu các chủ doanh nghiệp tư nhân. Thay đổi tận gốc rễ chính sách đối với giai cấp tư sản, định vị lại thuộc tính của họ là sự tổng kết sâu sắc nhất của các nhà lãnh đạo Trung Quốc thế hệ thứ 3 và thế hệ thứ 4 về bài học thất bại của Phong trào cộng sản quốc tế, là sự phát triển trọng đại đối với Lý luận Đặng Tiểu Bình. Từ nay về sau, đối với giai cấp tư sản, ĐCSTQ thực hiện chính sách vừa đoàn kết vừa đấu tranh. Khi dân kết không quên điều tiết phân phối, tìm kiếm lợi ích cho công nhân, nông dân và toàn xã hội; lúc đấu tranh vẫn nhớ bảo hộ chênh độ tư hữu, để thúc đẩy lực lượng sản xuất tiên tiến phát triển. Như vậy. Đảng ta đã tìm được một điểm tựa đúng đắn để xử lý n hệ giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân, mọi chính sách quá “tả” hoặc quá “hữu” đều không thể đạt mục đích vừa phát triển sản xuất, vừa thực hiện công bằng xã hội, vừa phồn vinh kinh tế, vừa cải thiện đời sống nhân dân. Phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân, làm cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trở thành quá trình tiến hòa hài hoà, lý tính, trong tình hình lực lượng sản xuất tiên tiến phát triển, tổng lượng của cải xã hội không ngừng tăng lên, điều tiết phân phối, thực hiện phân hoá đồng hướng, cùng trở nên giàu có. Cùng giàu có không phải là tước đoạt người hữu sản, mà là làm cho công nhân, nông dân giàu lên, đảm bảo quần chúng nhân dân cùng hưởng thành quả phát triển cải cách. Đảm bảo phúc lợi xã hội cho công nhân và nông dân là nguyên tắc cao nhất của chủ nghĩa xã hội dân chủ. Đây là then chốt để chính trị ổn định lâu dài, cũng là then chốt để kinh tế tăng trưởng liên tục. Một nước lớn như Trung Quốc không thể đi theo con đường phát triển kinh tế dựa vào thị trường quốc tế mà không phải là thị trường dân tộc. Tổng lượng xuất khẩu của Trung Quốc chỉ chiếm 20% GDP, còn 80% GDP phải do nhu cầu tiêu dùng trong nước. Nếu không có nhu cầu của vùng nông thôn rộng lớn trong nước đối với hàng công nghiệp, thì thị trường dân tộc của công nghiệp Trung Quốc chỉ là câu nói trống rỗng. Trong lịch sử không có nước nào có thể vươn lên trong khi hàng loạt nông dân nước mình phá sản, đời sống liên tục xấu đi. Bởi vậy, nhà nước đặc biệt quan tâm vấn đề “tam nông” (nông dân, nông nghiệp, nông thôn). Tư duy mới của những người cộng sản Trung Quốc trong xây dựng chủ nghĩa xã hội là kiên trì lấy dân làm gốc, thay đổi quan niệm phát triển, đổi mới mô hình phát triển, tạo dựng xã hội hài hoà, vươn lên trong hoà bình.

Cuộc sửa đổi hiến pháp lần này gắn với “Cương lĩnh chung của Hội nghị Hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc”, có ý nghĩa lớn. Trước đây mỗi lần uốn nắn sai lầm “tả” khuynh đều làm chắp vá, trên cơ sở thừa nhận quan điểm “tả”, không thể giải quyết vấn đề tận gốc rễ. Chỉ có cuộc sửa đổi hiến pháp lần này đã uốn nắn tận gốc rễ sai lầm của chủ nghĩa xã hội bạo lực, trở lại cơ sở chính trị thời kỳ dựng nước: hợp tác với giai cấp tư sản. Tại cuộc họp trụ bị Hội nghị Trung ương 3 khoá 7 tháng 6-1950, Mao Trạch Đông nói:

- Hợp tác với giai cấp tư sản là điều khẳng định, nếu không “cương lĩnh chung” trở thành trang giấy trắng, không lợi về chính trị, cũng thiệt thòi về kinh tế. Không nể su cũng phải nể phạt, duy trì công thương nghiệp tư doanh một là duy trì sản xuất, hai là duy trì công nhân, ba là công nhân còn có thể được hưởng một số phúc lợi. Đương nhiên trong đó cũng phải dành cho nhà tư bản phần lợi nhuận nhất định. Nhưng nói một cách tương đối, hiện nay phát triển công thương nghiệp tư doanh, tuy có lợi cho nhà tư bản, nhưng còn có lợi hơn cho công nhân và nhân dân.

Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khoá 10 sửa đổi hiến pháp theo Lý luận Đặng Tiểu Bình và Tư tưởng quan trọng “Ba đại diện” là đã kế thừa và phát triển “cương lĩnh chung”, biểu hiện ở chỗ:

1. Khôi phục cơ sở chính trị kiến quốc, thừa nhận và bảo hộ chế độ tư hữu. khôi phục chính sách hợp tác với giai cấp tư sản.
2. Thừa nhận chủ xí nghiệp tư nhân (giai cấp tư sản) là người xây dựng sự nghiệp xã hội chủ nghĩa, chứ không phải giai cấp bóc lột tạm thời được phép tồn tại, vài năm sau lại bị tiêu diệt.
3. Thừa nhận lực lượng sản xuất do phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tạo ra là lực lượng sản xuất tiên tiến, các xí nghiệp tư nhân đại diện cho quan hệ sản xuất tiên tiến, đối với cho không còn là lợi dụng, hạn chế và cải tạo nữa, mà là khuyến khích, ủng hộ và hướng dẫn.

Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc là sản phẩm kết hợp giữa tư tưởng chủ nghĩa xã hội dân chủ của Mác-Ăng-ghe-n và thực tiễn cụ thể trong công cuộc cải cách-mở cửa ở Trung Quốc, nó sẽ xây dựng Trung Quốc thành một nước xã hội chủ nghĩa dân chủ giàu có, văn minh, công bằng, hài hoà, như châu Âu ngày nay. ĐCSQT chuyển hướng sang chủ nghĩa xã hội dân chủ là thuận theo di huấn của Mác-Ăng-ghe-n những năm cuối đời, kế thừa truyền thống cách mạng dân chủ mới, triệt để thoát khỏi mô hình Liên Xô, quay lại với chủ nghĩa Mác tiến cùng thời đại. Đó là định vị lịch sử của chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc.

Đã đến lúc đánh giá lại Mao Trạch Đông.

Sai lầm lớn nhất của Mao sau ngày dựng nước là đã từ bỏ lý luận kiến quốc dân chủ mới, vội vã thực hiện giấc mơ xây dựng xã hội đại đồng. Mao tự nhận mình là Mác + Tần Thủy Hoàng, dựa vào tuyên truyền và bạo lực để cải tạo xã hội.

Lý luận chủ nghĩa xã hội không tưởng trong “Tuyên ngôn Đảng cộng sản” kết hợp với truyền thống phong kiến Trung Quốc đã hình thành mô hình chủ nghĩa xã hội bạo lực “lấy đấu tranh giai cấp làm then chốt” của Mao. Hai mươi năm kể từ 1956 khi hoàn thành cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, đến 1976 khi Mao qua đời, Đại cách mạng văn hoá kết thúc, là 20 năm văn minh vật chất và văn minh tinh thần của chủ nghĩa xã hội dân chủ lớn mạnh vượt bậc, cũng là 20 năm chủ nghĩa xã hội bạo lực Mao Trạch Đông vội vã hình thành, phát triển ác tính, và hoàn toàn tan rã.

“Nghị quyết về một số vấn đề lịch sử từ ngày dựng nước đến nay” do Đặng Tiểu Bình chủ trì định ra tháng 6-1981 đã có vai trò lịch sử và công lao vĩ đại trong việc uốn nắn sai lầm của Mao sau ngày dựng nước, xoay chuyển phương hướng lịch sử của Trung Quốc, đưa nước ta đi lên con đường cải cách-mở cửa, nhưng do những hạn chế lịch sử tức nhu cầu sách lược đấu tranh, nó cũng để lại vấn đề uốn nắn sai lầm “tả” khuynh không triệt để.

Ngày 15-1-1993, Hội nghị Thường vụ Bộ Chính trị mở rộng họp tại Thượng Hải. Đến dự ngoài các uỷ viên Thường vụ Bộ chính trị khoá 14 Giang Trạch Dân, Lý Bằng, Kiều Thạch, Lý Thụy Hoàn, Chu Dung Cơ, Lưu Hoa Thanh, Hồ Cẩm Đào, còn có Đặng Tiểu Bình, Trần Vân, Bành Chân, Vạn Lý, Bạc Nhất Ba, Dương Thượng Côn, Vương Thụy Lâm.

Tại cuộc họp, Đặng Tiểu Bình đã phát biểu về một số năm sau cần đánh giá khoa học và toàn diện vị trí lịch sử, công lao và sai lầm của Mao Trạch Đông. Giang Trạch Dân đề nghị coi kỹ yếu phát

biểu của Đảng và một số đồng chí khác là chủ đề của Hội nghị Thường vụ Bộ chính trị mở rộng. Hội nghị biểu quyết, nhất trí thông qua. Đặng Tiểu Bình thẳng thắn nói:

- Do những hạn chế của tình hình trong đảng và ngoài xã hội lúc đó, đánh giá của Hội nghị Trung ương 6 khoá 11 đối với vị trí lịch sử, công lao và sai lầm của Mao Trạch Đông có phần không đúng sự thật lịch sử. Nhiều đồng chí gương ép tiếp nhận. Lịch sử do chúng ta tạo ra, không thể đảo ngược, không thể thay đổi. Vẫn có những cuộc tranh luận về công lao và sai lầm của Mao, tôi đã nói với các đồng chí Bành Chân, Đàm Chấn Lâm, Lục Định Nhất: ý kiến của các ông đúng, nhưng phải từ từ, xét tình hình, có thể lùi đến đầu thế kỷ 21, để thế hệ sau đánh giá toàn diện. Công tội của Mao còn sờ sờ ra đó, không thể di dời, cũng không thay đổi được. Có người lo ngại đánh giá toàn diện Mao Trạch Đông sẽ dẫn đến việc phủ định công lao lịch sử của Đảng cộng sản Trung Quốc, làm hại vị trí lãnh đạo của Đảng. Tôi thấy chẳng có gì đáng ngại. Tôi kiến nghị có thể đánh giá toàn diện cuộc đời Mao Trạch Đông sau khi thế hệ chúng ta ra đi. Đến lúc ấy, môi trường chính trị có lợi hơn, những ý kiến cổ chấp sẽ giảm bớt. Đảng viên cộng sản là những người theo chủ nghĩa duy vật, việc sửa đổi những sai lầm, những việc làm trái với lòng mình và những nghị quyết không hoàn chỉnh thể hiện đáng Cộng sản tự tin, có sức mạnh, phải tin rằng tuyệt đại đa số đảng viên và nhân dân sẽ thông cảm và ủng hộ.

Mười ba năm qua đi, trong và ngoài Đảng đều vang lên tiếng hô dữ dội: thời cơ đánh giá lại Mao đã chín muồi. Di chứng lớn nhất của “Nghị quyết về một số vấn đề lịch sử” là đã khẳng định cuộc “cải tạo xã hội chủ nghĩa” đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, và công thương nghiệp tư bản tư doanh, dành cho nó địa vị chính thống trong lịch sử, từ đó khiến công cuộc cải cách-mở cửa ngay từ đầu đã mang tội “phục hồi chủ nghĩa tư bản”. Từ thực hiện “khoán sản tới hộ” đến đưa vấn đề bảo hộ chế độ tư hữu vào hiến pháp, lịch sử cải cách mở cửa là lịch sử phá vỡ sự ràng buộc tiến tới hoàn toàn phủ định lịch sử của “ba cuộc cải tạo lớn”. Để giữ sự nhất trí với nghị quyết, cải cách-mở cửa mỗi bước đi lên đều phải “bật tín hiệu rẽ trái, bẻ tay lái sang phải”, bước đi loạng choạng, Đặng Tiểu Bình và những người kế tục ông phải thận trọng từng bước lãnh đạo đất nước này trong những tiếng công kích họ “phục hồi chủ nghĩa tư bản”.

Phòng nghiên cứu văn kiện trung ương căn cứ vào “Nghị quyết” trên viết ra cuốn “Truyện Mao Trạch Đông”, vẫn khẳng định “ĐCSTQ cải tạo công thương nghiệp tư bản và các nhà tư bản là một sáng tạo chưa từng có trong lịch sử loài người”, tạo căn cứ lý luận cho việc quay trở lại đường lối “tả” khuynh và tiến hành “cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa” lần thứ hai. Theo phái “tả”, chỉ cần anh thừa nhận “sáng tạo chưa từng có” này, thì cải cách-mở cửa đã “phản bội con đường xã hội chủ nghĩa do Mao Chủ tịch mở ra, phục hồi chủ nghĩa tư bản”. Việc đó đã cổ vũ mạnh mẽ và tăng thêm niềm tin cho họ lật đổ chính sách mới cải cách mở cửa.

Thanh kiếm sắc đó treo lơ lửng trên đầu các doanh nghiệp tư nhân. Nhiều doanh nghiệp tư nhân lớn chuyển trụ sở chính ra Hồng Kông hoặc nước ngoài, chứng tỏ họ nghi ngại và hoảng hốt, rất không lợi cho sự phát triển kinh tế của Trung Quốc. Những năm gần đây, nhiều xí nghiệp Trung Quốc đã mượn đường sang các nơi miễn thuế như Virgin thuộc Anh để chuyển thành vốn nước ngoài, lách mình biến thành xí nghiệp bên ngoài, rồi mua các xí nghiệp trong nước. Quần đảo Tây Ấn Độ Dương diện tích chỉ có 154 km2 này đã liên tục mấy năm vượt các nước phát triển Âu Mỹ, trở thành nguồn vốn nước ngoài lớn thứ hai ở Trung Quốc, sau Hồng Kông.

Ngày 16-4-2005, Lý Thành Thụy và 72 nhân vật “phái tả” khác gửi thư cho Tổng Bí thư ĐCS TQ, đưa ra “kiến nghị về xây dựng tư tưởng trong đảng” họ dùng sách lược lôi kéo Hồ Cẩm Đào, đề cao Mao Trạch Đông, hạ thấp Đặng Tiểu Bình, phê phán Giang Trạch Dân, chia rẽ đường, mưu toan khôi phục toàn diện lý luận và đường lối cực tả Mao Trạch Đông. Phối hợp với đòi hỏi trên, phái “tả” ồ ạt tung lên mạng nhiều bài dối trắng thay đen, bóp méo lịch sử, miêu tả những năm tháng bi thảm làm mấy chục triệu người chết đói thành thế giới thần tiên. Họ nói cải cách-mở cửa làm hỏng hết mọi việc, cổ động quay lại thời đại Mao.

Trong tim óc những người Trung Quốc 50 tuổi trở lên, chủ nghĩa xã hội bạo lực Mao Trạch Đông đã sớm mất hết thanh danh, hoàn toàn phá sản; điều quan trọng nhất hiện nay là phải cho lớp trẻ biết bộ mặt thật về thời đại Mao.

Công cuộc cải cách-mở cửa là phủ định chứ không kế thừa đường lối cực tả “Ba cuộc cải tạo lớn”, Đại tiến vọt và Đại cách mạng văn hoá. Vạch rõ ranh giới này, cải cách-mở cửa mới có địa vị lịch sử chính thống uốn nắn cái sai, trở lại cái đúng, mở ra con đường mới. Bảo vệ những sai lầm của Mao thì không thể tăng cường vị trí cầm quyền của ĐCS cũng không thể mang lại tính hợp pháp cho cải cách-mở cửa.

Từ khi hoàn thành “Ba cuộc cải tạo lớn” đến đêm trước cải cách-mở cửa, kết quả tiêu diệt chế độ tư hữu là làm cho toàn bộ đất nước và nhân dân tuyệt đối bần cùng hoá. Trong 20 năm ấy. Trung Quốc đã tiến hành các cuộc vận động “năm khâu cách mạng, thúc đẩy sản xuất”, mỗi cuộc vận động đều nói nhằm giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất. Vậy lực lượng sản xuất Trung Quốc phát triển đến mức nào? Đời sống nhân dân được cải thiện bao nhiêu? Về ăn, năm 1956, bình quân tiêu dùng lương thực mỗi người 204 kg, năm 1976 còn 190 kg, giảm 14 kg; dầu thực vật năm 1956 mỗi người 2,565 kg, năm 1976 còn 1,595 kg, giảm 0,97 kg. Về mặc, năm 1959 bình quân mỗi người gần 9,72 mét vải các loại năm 1976 còn 7,85 m, giảm 1,87 m, riêng năm 1968 mỗi người chỉ được phát 3 mét phiếu vải. Trong 20 năm từ 1958 đến 1978, lương công nhân các xí nghiệp sở hữu toàn dân chẳng những không tăng, mà thực tế còn giảm 5,7%, từ 582 NDT giảm xuống còn 549 NDT/năm. Theo thống kê của Bộ Nông Lâm năm 1973, có 72 huyện sản lượng lương thực dừng lại ở mức thời kỳ đầu giải phóng, gần một triệu đội sản xuất (chiếm 20% tổng số đội sản xuất trong cả nước) bình quân phân phối cả năm mỗi người dưới 40 NDT - Các đội này cơ bản không có phân phối tiền mặt. Có đội thậm chí ngay duy trì tái sản xuất giản đơn cũng rất khó khăn.

Ông Vạn Lý nói: “Tháng 6-1977. Trung ương Đảng cử tôi làm Bí thư thứ nhất Tỉnh uỷ An Huy. An Huy hồi đó là một tỉnh nông nghiệp lớn, đồng thời là trọng điểm tai hoạ của sai lầm “tả” khuynh. Đại diện của -”Lũ bốn tên” tại An Huy rất tích cực triển khai phong trào “học tập Đại Trại”, tình hình nông thôn đặc biệt nghiêm trọng, đời sống nông dân vô cùng khó khăn, ăn đói, mặc rét, nhà ở không ra nhà, “bàn ghế” cũng đều bằng đất, tìm không ra thứ đồ gỗ nào. Tôi thật không ngờ giải phóng mấy chục năm rồi mà nhiều vùng nông thôn vẫn nghèo như vậy. Tôi không thể không tự hỏi mình: Do nguyên nhân nào? Có thể gọi đây là chủ nghĩa xã hội sao? rốt cuộc công xã nhân dân có vấn đề gì? Vì sao nông dân không tích cực? Năm tôi vừa đến An Huy, 28 vạn đội sản xuất trong toàn tỉnh, chỉ có 10% giữ được mức ăn no mặc ấm, 60% thu nhập bình quân đầu người hàng năm dưới 60 NDT, 40% dưới 40 NDT. Sau “Công xã nhân dân hoá” nảy sinh 3 năm khó khăn, khắp nơi đầy rẫy người mắc bệnh phù thũng và chết đói. Theo thống kê tương đối chuẩn xác, trong 3 năm “Đại tiến vọt”, 73 huyện ở An Huy có 6,33 triệu người chết đói, đứng đầu cả nước về tỷ lệ này.

Đại tiến vọt và Đại cách mạng văn hoá là sự phát triển ác tính của chủ nghĩa xã hội bạo lực Mao Trạch Đông. Ba năm Đại tiến vọt, cả nước có 37,55 triệu người chết đói, thiệt hại kinh tế khoảng 120 tỉ NDT. Mười năm Đại cách mạng văn hoá, theo lời Diệp Kiếm Anh tại lễ bế mạc Hội nghị công tác trung ương ngày 30-12-1978, có 100 triệu người bị đầu tở 20 triệu người chết, lãng phí 800 tỉ NDT. Cộng thêm thu nhập quốc dân thiệt hại 500 tỉ (lời Lý Tiên Niệm tại Hội nghị kế hoạch toàn quốc 20-12-1977) thì lãng phí và thất thu 1.300 tỷ NDT. Từ năm 1949 thành lập CHND Trung Hoa đến năm 1976 khi Mao qua đời, không có nội chiến, không có thiên tai nghiêm trọng, mà có trên 57,55 triệu người chết không bình thường, thiệt hại kinh tế 1.420 tỉ NDT. Đầu tư xây dựng cơ bản của nhà nước trong gần 30 năm đó là 650 tỉ NDT. Những thiệt hại trong hai sự kiện trên lớn gấp hơn hai lần tổng đầu tư xây dựng cơ bản trong 30 năm ấy. Có nghĩa là Mao Trạch Đông đã thiêu sạch 2/3 khoản tiền vốn quý giá lẽ ra có thể dùng để xây dựng đất nước và cải thiện đời sống nhân dân. Đó là bản kê tổng thành tích của Mao trong xây dựng đất nước theo đường lối lấy đầu tranh giai cấp làm then chốt.

Có người mù quáng gây rối đã liệt kê những số liệu phát triển kinh tế quốc dân được thổi phồng trong thời kỳ kinh tế kế hoạch để tô điểm cho thời đại Mao, phủ nhận kinh tế quốc dân hậu kỳ Đại cách mạng văn hoá đã đứng bên bờ vực sụp đổ. Câu chuyện do Chương Hàm Chi kể dưới đây đã bác bỏ mạnh mẽ những kẻ gây rối trên. Ngày 25-10-1971, với đa số áp đảo, Đại hội đồng LHQ đã thông qua nghị quyết số 2758, “thừa nhận đại diện Chính phủ CHND Trung Hoa là đại diện hợp pháp duy nhất của Trung Quốc tại THQ, nước CHND Trung Hoa là 1 trong 5 uỷ viên thường trực Hội đồng Bảo an, Tháng 4-1975, Trung Quốc cử Đặng Tiểu Bình dẫn đầu Đoàn đại biểu dự Kỳ họp đặc biệt thứ 6 LHQ. Mọi việc sắp xếp xong xuôi, đột nhiên phát hiện sang Mỹ phải dùng USD, không thể dùng NDT, liền khẩn cấp lệnh cho các ngân hàng trong cả nước tập hợp USD. Được bao nhiêu 38.000 USD, đó là toàn bộ dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc hồi ấy. Tôi không tin, tra “Tổng biểu dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc những năm qua”, số liệu trong biểu năm 1974 là 0000 (vì dưới 100.000 không tính, nên là 4 con số 0). Đặng Tiểu Bình dẫn Đoàn đại biểu sang New York với toàn bộ dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc, ở trong khách sạn sang trọng, nảy sinh chuyện khó xử là Đoàn không có tiền “boa” nhân viên phục vụ. Trưởng đoàn Đặng Tiểu Bình đem toàn bộ kinh phí cá nhân của mình cho nhân viên phục vụ khách sạn, khi về nước chỉ có một thanh sôcôla làm quà cho cháu gái. Dự trữ ngoại tệ của nước ta hiện nay bao nhiêu? 1.200 tỉ USD, vượt Nhật Bản, đứng đầu thế giới. Cải cách mở cửa đã cứu vãn nền kinh tế quốc dân đang bên bờ vực thẳm, xây dựng kinh tế trong Đại cách mạng văn hoá đạt thành tựu lớn biết chừng nào, toàn là những lời lẽ làm như chữa lành vết thương rồi quên ngay những đau đớn đã qua.

Phân biệt chế độ tốt hay xấu, chính sách hay hoặc dở, một là xem việc cải thiện đời sống nhân dân, hai là xem tốc độ phát triển. Năm xưa Mao Trạch Đông phát động “Đại tiến vọt” nhằm đuổi kịp Anh, vượt Mỹ về tốc độ. Kết quả “đuổi và vượt” là: Giá trị tổng sản phẩm quốc dân của Trung Quốc năm 1955 chiếm 47% thế giới, đến 1980 tụt xuống còn 2,5% ; năm 1955 gấp 2 lần Nhật Bản, năm 1960 ngang nhau, năm 1980 chỉ bằng 1/4 Nhật Bản. Giá trị tổng sản phẩm quốc dân bình quân đầu người của Trung Quốc năm 1955 bằng 1/2 Nhật Bản, năm 1980 chưa đến 1/20.

Tổng sản phẩm quốc dân của Mỹ năm 1960 nhiều hơn Trung Quốc 460 tỉ USD, đến 1980 con số này là 3.680 tỉ USD. Khoác lác vô biên “đuổi kịp Anh, vượt Mỹ”, kết quả ngày càng tụt xa, “đại tiến” biến thành “đại thoái”. Lịch sử tuyên cáo đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội không tưởng

tiêu biểu là “ba ngọn cờ hồng” (đường lối chung, Đại tiến vọt, công xã nhân dân) của Mao Trạch Đông đã phá sản hoàn toàn.

Mao Trạch Đông muốn đất nước và nhân dân giàu lên, về kinh tế đuổi kịp và vượt các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, thường xuyên đưa ra khẩu hiệu “giải phóng lực lượng sản xuất”, vội vã muốn đẩy sản xuất lên, song biện pháp lại là “phê phán khuynh hướng tự phát tư bản chủ nghĩa”, “ngăn chặn phục hồi chủ nghĩa tư bản”, “túm lấy phái đường quyền trong Đảng đi theo con đường tư bản chủ nghĩa”, về chính sách cụ thể lại không chấp nhận những biện pháp có lợi cho lực lượng sản xuất phát triển, như phản đối “ba tự, một bao” (thị trường tự do, đất phân trăm, tự chịu lỗ lãi, và khoán sản tới hộ), cắt “cái đuôi” tư bản chủ nghĩa. Mao phản đối cả chế độ lương 8 bậc và việc phát tiền thưởng cho công nhân. Trong lĩnh vực kinh tế, khuynh hướng tự phát tư bản chủ nghĩa (tức những nỗ lực của mọi người theo đuổi làm nhiều hưởng nhiều, phát tài làm giàu) là linh hồn sống của lực lượng sản xuất tiên tiến. Diệt linh hồn này thì không bao giờ có lực lượng sản xuất tiên tiến. Muốn giàu lên phải khôi phục danh dự cho “khuynh hướng tự phát tư bản chủ nghĩa” bị phê phán bao nhiêu năm này. “Cấp tiêm diệt phú” (không cho ai giàu lên trước) là tử huyết của chủ nghĩa xã hội bạo lực, là nguồn gốc khiến Mao thất bại trong lãnh đạo kinh tế. Mao cho rằng đó là “chính đạo” mắc xít, quyết không thay đổi. Nhưng cho đến chết Mao cũng không hiểu nổi vì sao phát triển sản xuất theo lý luận của Mao, sản xuất không lên được? Cải tạo đất nước theo “tuyên ngôn Đảng cộng sản”, vì sao càng cải tạo, đất nước càng nghèo, nhân dân càng khổ? Đó là bi kịch của một người theo chủ nghĩa xã hội không tưởng muốn làm việc tốt cho đời.

Trong “Tuyên ngôn Đảng cộng sản”, Mác-Ăng-ghe-nơ đã có một số câu sai lầm (như tiêu diệt chế độ tư hữu), về sau “Tư bản luận” tập 1 (trang 832) đề ra “thiết lập lại chế độ sở hữu cá nhân, trên cơ sở cùng chiếm hữu tư liệu sản xuất”

Mác đưa ra chủ trương trên do được các công ty cổ phần gợi ý. Công ty cổ phần là tài sản chung của toàn thể cổ đông, là cơ sở chiếm hữu cộng đồng, cổ phiếu trong tay mỗi cổ đông trên cơ sở này là chế độ sở hữu cá nhân được tái thiết lập đó. Cổ phiếu trong tay cá nhân đương nhiên thuộc về cá nhân, đương nhiên là chế độ tư hữu. Đây là sự bổ sung và uốn nắn đối với “Tuyên ngôn Đảng cộng sản”.

Qua nghiên cứu, khảo chứng đến bậc đầu, các học giả “phải tả” một mực khảo chứng “chế độ sở hữu cá nhân” thành “chế độ công hữu”. Các học giả tương đối trung lập nói câu thách đố do Mác đề lại này có thể treo cao, nhưng không thể mang ra chỉ đạo cải cách-mở cửa, để tránh xa chế độ tư hữu, tránh xa chủ nghĩa tư bản, giữ vững con đường cách mạng chính thống. Cải cách-mở cửa phải uốn nắn cái sai, trở lại cái đúng, là uốn nắn sai lầm của Mao Trạch Đông “tiêu diệt chế độ tư hữu” và “cắt cái đuôi tư bản chủ nghĩa”, thiết lập lại chế độ sở hữu cá nhân, phát triển kinh tế tư doanh. Bác bỏ quyền sở hữu cá nhân là chủ nghĩa xã hội không tưởng, giả hiệu, lừa bịp dân chúng.

Đất phân trăm, tự chịu lỗ lãi, thị trường tự do và khoán sản đến hộ là “thiết lập lại” chế độ sở hữu cá nhân trên cơ sở “chiếm hữu cộng đồng tư liệu sản xuất” mà Mác nói.

Công cuộc cải cách-mở cửa ở Trung Quốc hiện nay đã kế thừa và phát triển “ba tự một bao”, khiến nó càng vẻ vang, rực rỡ. Từ chế độ khoán gắn với sản lượng ở nông thôn, đến chế độ khoán, cho thuê, bán cho cá nhân kinh doanh trong các xí nghiệp quốc doanh vừa và nhỏ ở thành thị, và chuyển đổi các xí nghiệp lớn sang chế độ cổ phần, “đều nhằm thiết lập lại chế độ sở hữu cá nhân trên cơ sở

cùng chiếm hữu tư liệu sản xuất”. Rõ ràng đây là chủ trương của Mác, mà phái tả cứ một mực khẳng định làm như vậy là phục hồi chủ nghĩa tư bản. Luận cứ của họ là những câu nói của Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông. Phái cải cách không còn sùng bái các miếu thần tạo ra những khốn khổ, nghèo nàn đến mạt hạng, mà trực tiếp thỉnh giáo Mác. Kết quả họ phát hiện: sau khi cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công, thiết lập lại chế độ sở hữu cá nhân mới đúng, mới là chủ nghĩa Mác thật sự, mới là con đường thẳng đi lên chủ nghĩa xã hội. Ngược lại, trong các tác phẩm của Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông, nhất là trong các vấn đề chủ nghĩa xã hội là gì, xây dựng chủ nghĩa xã hội như thế nào, có rất nhiều thứ mác xít giả hiệu, chống chủ nghĩa Mác. Ít nhất, họ đã hoàn toàn sai lầm trên vấn đề căn bản là phải thiết lập lại chế độ sở hữu cá nhân (tức chế độ tư hữu), thất bại mang tính chế độ của các nước xã hội chủ nghĩa đã chứng minh họ sai lầm rồi. Cái chủ nghĩa xã hội mà Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông thực hiện là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa Mác giả hiệu. Lý luận của họ không thể trở thành tiêu chuẩn đánh giá cái đúng, cái sai hiện nay. Công cuộc cải cách-mở cửa thu được thành công lớn bởi đã chấp hành chính sách mác xít lớn “thiết lập lại chế độ sở hữu cá nhân” này.

Trong cuốn sách nổi tiếng “Con đường đi tới nô dịch” xuất bản năm 1944, học giả người Áo Kharyek thiện chí nhắc nhở những người xã hội chủ nghĩa toàn thế giới: “Phải chăng đang tồn tại một bi kịch lớn hơn, khi chúng ta tạo dựng có ý thức tương lai của mình theo một lý tưởng cao thượng: có nhiều khả năng chúng ta đang đi ngược lại mục tiêu mình theo đuổi mà không biết”. Mao Trạch Đông là một con người lý tưởng chủ nghĩa như vậy, ông muốn đưa mọi người lên thiên đường, nhưng lại đẩy họ xuống địa ngục lúc nào không biết.

Mãi đến khi vị “đại cứu tinh” này chết đi, các công xã nhân dân bị giải tán, nông dân được làm chủ vận mệnh của mình, “khuyến hướng tự phát tư bản chủ nghĩa” của kinh tế tiểu nông được phát huy đầy đủ, nông dân mới thật sự được cứu thoát khỏi chiếc cùm công xã, những người nông dân làm ăn riêng lẻ đã thực hiện được giấc mộng sản lượng 450 triệu tấn lương thực mà Mao Trạch Đông tốn hết tâm sức cũng không làm nổi. Năm 1996, sản lượng lương thực vượt trên 500 triệu tấn, bông trên 4,2 triệu tấn. Từ đó, cung cấp lương thực và các nông sản chủ yếu khác của Trung Quốc đã từ thiếu thốn kéo dài chuyển sang tổng lượng cơ bản cân bằng, năm được mùa có dư. Trung Quốc chiếm gần 10% đất canh tác trên thế giới, nuôi sống 20% dân số toàn thế giới, và từ năm 1997, hàng năm xuất khẩu nông sản đạt 5 tỉ USD. Huyện Thượng Thái (Hà Nam) trong Đại tiền vọt chết đói hơn 4 vạn người. Đêm giao thừa năm 2006, có hơn 40 chiếc ô tô con sang trọng đậu ở thôn Lý Kiều, thị trấn Dương Tập, một thôn chỉ có hơn 700 nhân khẩu ở huyện này, chủ xe đều là những nông dân trong thôn ra ngoài làm ăn và trở nên giàu có. Chỉ cần trả lại quyền lợi và tự do cho nông dân, tự họ sẽ lựa chọn con đường phát triển và sáng tạo tương lai xán lạn cho mình.

Cần thực sự cầu thị rút ra kết luận: Các cuộc “cải tạo xã hội chủ nghĩa” đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, cùng các cuộc Công xã hoá, Đại tiền vọt, Đại cách mạng văn hoá do Mao Trạch Đông chủ đạo là chủ nghĩa xã hội không tưởng, chủ nghĩa xã hội bạo lực, gây thiệt hại hết sức đau lòng cho tính mạng và tài sản của nhân dân Trung Quốc, khiến sự phát triển của xã hội trì trệ, làm chậm tiến trình hiện đại hoá, là bài học đau đớn con cháu ngàn vạn đời phải ghi sâu.

Công cuộc cải cách-mở cửa do Đặng Tiểu Bình, Giang Trạch Dân, Hồ Cẩm Đào lãnh đạo đã giành được thành tựu lớn lao cả thế giới đều công nhận, đây là “đạo lý cứng” đủ để thống nhất tư tưởng toàn đảng, toàn dân. Tại Đại hội giúp nghèo toàn cầu của Ngân hàng Thế giới ngày 26-5- 2004, thủ

tướng Ôn Gia Bảo tuyên bố: “*Từ khi cải cách-mở cửa đến nay, kinh tế quốc dân Trung Quốc liên tục phát triển nhanh, từ 1979 đến 2003, giá trị tổng sản phẩm quốc dân từ 362,4 tỉ NDT tăng lên tới 11.690 tỉ NDT, trừ nhân tố giá cả, tăng trưởng 8,4 lần. Trong thời gian này, mức tiêu dùng bình quân của cư dân cả nước bình quân hàng năm tăng 7%, tính theo tỉ giá hối đoái hiện hành, giá trị tổng sản phẩm quốc dân tính theo đầu người năm 2003 đạt 1.090 USD, đời sống nhân dân về tổng thể đã đạt mức khá giả*”.

Từ 1979 đến 2003, thu nhập bình quân của người dân thành thị Trung Quốc tăng gấp 25 lần, từ 400 NDT lên trên 10.000 NDT; thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng gần 20 lần, từ 150 lên 2.800 NDT. Năm 1999, căn cứ vào mức tăng trưởng thu nhập bình quân tính theo đầu người, Ngân hàng Thế giới đã nâng cấp Trung Quốc từ “nước thu nhập thấp” lên “nước thu nhập thấp vừa phải”.

Lực lượng sản xuất như ảo thuật này từ đâu tới? Từ sự phát triển chung của nền kinh tế hỗn hợp, chủ yếu là kinh tế tư nhân. Cũng chính là kinh tế tư bản chủ nghĩa mà chúng ta muốn xoá sạch trước cải cách-mở cửa. Có người nói thành tựu ngày nay hoàn toàn dựa vào cơ sở được tạo dựng trong thời đại Mao Trạch Đông. Chúng ta hãy xem xét một sự thật giản đơn: Năm 1958 phát động 90 triệu nông dân luyện gang thép, lãng phí 2,3 tỉ NDT, làm ra 6 hiệu tấn gang phế liệu, gom cho đủ 10,7 triệu tấn gang, thoả mãn thể diện Mao Trạch Đông. Sản lượng thép cả nước năm 1976 khi Mao qua đời chỉ có 26 triệu tấn, song năm 2003 đã đạt 220 triệu tấn, 8 năm liền đứng đầu thế giới. Rốt cuộc, cuộc cách mạng công nghiệp vĩ đại được hoàn thành khi nào, chẳng lẽ còn phải luận chứng hay sao? Tô Cương là nhà máy gang thép quốc doanh cỡ lớn có 12.000 công nhân viên, tổng tài sản 5,3 tỉ NDT, Tập đoàn gang thép Vĩnh Cương (Giang Tô) là một trong 10 xí nghiệp tư nhân lớn nhất Trung Quốc có 2.000 công nhân viên, tổng tài sản 1,5 tỉ NDT. Lợi nhuận và thuế Tô Cương đóng góp cho nhà nước không bằng một nửa Vĩnh Cương. Theo điều tra, năng suất lao động của các xí nghiệp tư nhân ít nhất gấp hơn 4 lần xí nghiệp quốc doanh. Năm 1993, nhân dân Trung Quốc chia tay thời đại kinh tế tem phiếu. Thị trường trong nước vật giá ổn định, hàng hoá dồi dào, xuất hiện cảnh tượng phồn vinh chưa từng thấy. Chúng ta vào các gia đình dân thường nhìn xem, ti vi màu, tủ lạnh, máy điều hoà nhiệt độ, máy giặt, điện thoại bàn, điện thoại di động, máy vi tính, có thứ nào được làm ra trong thời đại Mao Trạch Đông?

Chủ nghĩa xã hội bạo lực Mao Trạch Đông đã cản trở và trì hoãn công cuộc phát triển kinh tế và hiện đại hoá Trung Quốc là sự thật không thể tranh cãi. Công cuộc cải cách-mở cửa đã tạo nên hàng loạt chủ xí nghiệp tư nhân, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ. Ngày 30-6- 2005, cuốn sách xanh “Báo cáo về sự phát triển của các xí nghiệp tư nhân Trung Quốc” đầu tiên ra đời. Theo kết quả điều tra, nghiên cứu của Hội liên hiệp công thương toàn quốc xét từ góc độ phân chia sản nghiệp, các xí nghiệp tư nhân qui mô lớn chủ yếu tập trung ở sản nghiệp thứ hai (79%) và sản nghiệp thứ ba (20%), số xí nghiệp ở sản nghiệp thứ nhất chỉ có 1%. Trong sản nghiệp thứ hai, các xí nghiệp tư nhân chủ yếu tập trung trong ngành chế tạo (74%) và xây dựng (3%); trong sản nghiệp thứ ba chủ yếu tập trung trong các ngành thương nghiệp, ăn uống, tổng hợp, nhà đất. “Sách xanh” dự báo dưới tiền đề kinh tế vĩ mô Trung Quốc không ngừng được cải thiện, kinh tế tư nhân trong 5 đến 10 năm tới sẽ tiếp tục tăng trưởng cao trên 4 mặt sau: Một là sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm trên 10%, tỉ lệ đóng góp vào sự tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế quốc dân cũng giữ ở mức trên 60%. Hai là tốc độ tăng giá trị công nghiệp trong lĩnh vực kinh tế tư nhân cũng ở mức trên dưới 15%. Ba là kinh tế tư nhân mỗi năm sẽ tiếp nhận khoảng 10 triệu lao động mới. Bốn là xuất khẩu của kinh tế tư nhân sẽ giữ tốc độ tăng trưởng 30%. Kinh tế tư nhân đã trở thành chủ lực xuất khẩu, thay thế quốc doanh truyền thống.

Biện pháp chính trị có lợi nhất cho đông đảo nông dân là miễn thuế nông nghiệp. Trên 20% lượng nông sản chủ yếu tăng lên trên thế giới trong 25 năm qua đến từ Trung Quốc.

Bộ trưởng Nông Lâm Đỗ Thanh Lâm nói hiện nay, Trung Quốc dẫn đầu thế giới về sản lượng lương thực, bông, hạt có dầu, rau tươi, hoa quả, thịt, trứng, thủy sản. Sản lượng lương thực hàng năm của Trung Quốc từ 300 triệu tấn tăng lên 500 triệu tấn, thực hiện bước chuyển biến lịch sử cung cấp nông sản phẩm chủ yếu từ thiếu thốn triền miên sang tổng lượng đại thể cân bằng, năm được mùa có dư.

Theo tư liệu do Bộ Tài chính cung cấp, từ khi cải cách-mở cửa đến nay, công tác giúp nghèo đã thu thành tựu lớn lao, số dân cực nghèo ở nông thôn từ 250 triệu năm 1958 (di sản Công xã hoá của Mao) giảm xuống còn 29 triệu cuối năm 2003, giảm 88,4% trong 25 năm, tỉ lệ phát sinh dân nghèo từ 30% giảm xuống còn trên dưới 3%, vấn đề ăn no, mặc ấm của người nghèo đã cơ bản được giải quyết.

Báo cáo về sự phát triển của loài người và chỉ tiêu phát triển trên thế giới do Liên Hợp Quốc và Ngân hàng Thế giới công bố năm 2005, nêu rõ Trung Quốc là mẫu mực thành công xoá nghèo trên toàn cầu.

Theo Báo cáo công tác năm 2007 của thủ tướng Ôn Gia Bảo, chính phủ đã tăng đầu tư giải quyết vấn đề giáo dục phổ cập 9 năm. Tài chính trung ương 3 năm liền đầu tư tổng cộng 9 tỉ NDT cho các công trình xây dựng trường nội trú ở nông thôn, 7.651 trường được lợi, Công trình giáo dục từ xa hiện đại dành cho các trường trung tiểu học ở nông thôn đã được đầu tư 8 tỉ NDT, các trường nằm trên 80% khu vực Miền Trung, Miền Tây và trên 100 triệu học sinh trung tiểu học có thể cùng được hưởng nền giáo dục chất lượng cao.

Đã cơ bản xây dựng xong hệ thống phòng-chống các bệnh hiểm nghèo công năng tương đối hoàn thiện bao phủ thành thị và nông thôn, và hệ thống cứu chữa các sự kiện y tế đột phát. Đã khởi động xây dựng hệ thống dịch vụ y tế nông thôn, tài chính trung ương đã điều 2,7 tỉ NDT từ quỹ công trái để xây dựng các công trình cơ sở khám chữa bệnh ở ba cấp huyện, xã, thôn.

Phạm vi thí điểm hợp tác chữa bệnh kiểu mới ở nông thôn đã được mở rộng ra 1.451 huyện và đơn vị hành chính tương đương, chiếm 50,7% số huyện trong cả nước, có 410 triệu nông dân tham gia; tài chính trung ương chi 4,27 tỉ NDT, tài chính địa phương cũng chi tương ứng, nâng cao khá nhiều tiêu chuẩn hỗ trợ nông dân tham gia hợp tác chữa bệnh. Đẩy mạnh xây dựng hệ thống dịch vụ y tế ở thành thị lấy khu làm cơ sở. Công tác cứu trợ y tế ở thành thị và nông thôn được tăng cường. Tài chính trung ương chi 5,1 tỉ NDT để giúp các địa phương tăng cường dịch vụ y tế công cộng. Công tác phòng chống các bệnh hiểm nghèo như AIDS có tiến triển rõ rệt.

Tóm lại, khuôn khổ hệ thống bảo hiểm xã hội mang màu sắc Trung Quốc đã cơ bản hình thành. Thực sự cầu thị mà nói, có được tài lực, vật lực như vậy là kết quả đoàn kết giai cấp tư sản xây dựng chủ nghĩa xã hội, sản xuất vươn lên một nấc thang cao.

Các chuyên gia Mỹ dự báo: “Đến năm 2030, tổng lượng kinh tế của Trung Quốc đại thể đạt mức Mỹ và châu Âu. Thu nhập của mỗi người dân Trung Quốc có lẽ chỉ bằng 1/5 thu nhập của người Mỹ, nhưng mức sống của người dân sẽ được nâng cao rõ rệt so với hiện nay, hàng trăm triệu người

Trung Quốc sẽ cảm nhận được thống thay đổi của đất nước mình trên các mặt du lịch, giáo dục, văn hoá và nhà ở”.

Trong vấn đề chủ nghĩa xã hội là gì và xây dựng chủ nghĩa xã hội như thế nào đi con đường kiểu Liên Xô, thực hiện chủ nghĩa xã hội bạo lực, tiêu diệt chế độ tư hữu, càng làm càng nghèo, thất bại rồi; đi con đường Thụy Điển, thực hiện chủ nghĩa xã hội dân chủ, bảo hộ chế độ tư hữu, đoàn kết giai cấp tư sản, đã thành công lớn. Thành công này biểu hiện ở năm 2003 đã sáng tạo năng suất lao động gấp 33 lần (theo tính toán của Cục Thống kê nhà nước, năng suất lao động cả năm 1978 bằng 11 ngày năm 2003). Năng suất lao động rất cuộc là cái quan trọng nhất, chủ yếu nhất để chế độ mới chiến thắng chế độ cũ, đường lối đúng đắn chiến trung đường lối sai lầm, chủ nghĩa xã hội dân chủ chiến tranh chủ nghĩa xã hội bạo lực.

Cải cách-mở cửa bắt đầu từ lĩnh vực kinh tế. Trước sự thách thức của ý thức hệ “tả” khuynh, thực hiện đối sách “không tranh luận” trong một thời kỳ nhất định là đúng đắn. Phát triển là đạo lý cứng, rất nhiều việc phải đến khi kinh tế phát triển rồi, mới nói rõ được. Qua hơn 20 năm phát triển, nay đã có đủ “đạo lý cứng” để nói rõ ràng. Hồ Cẩm Đào đã kịp thời đề ra nhiệm vụ lịch sử giải quyết triệt để vấn đề ý thức hệ, thực thi công trình nghiên cứu và xây dựng lý luận mác xít. Phần cốt lõi trong công trình nghiên cứu, xây dựng lý luận này là phải từ trong di sản của chủ nghĩa Mác, loại bỏ những cặn bã của chủ nghĩa xã hội bạo lực (tức chủ nghĩa xã hội không tưởng và chủ nghĩa xã hội phong kiến), rút ra tinh hoa chủ nghĩa xã hội dân chủ, thanh lý Tư tưởng Mao Trạch Đông, phát huy rạng rỡ lý luận dân chủ mới. Loại bỏ đường lối, chính sách của chủ nghĩa xã hội bạo lực thì không thể không dụng chạm đến lý luận tả khuynh đề ra và bảo vệ những đường lối và chính sách này.

Phải tiến hành một cuộc chuyển đổi ý thức hệ sâu sắc, tuyên bố công khai và rõ ràng trước toàn đảng, toàn dân: từ bỏ những giáo điều “tả” khuynh từ Mác, Ăng-ghe-n, Lenin, Stalin đến Mao Trạch Đông - những lý luận đã mấy chục năm đưa Trung Quốc vào con đường sai lầm, đem lại cho Trung Quốc nghèo nàn, rối loạn và chuyên chế, đến nay vẫn cản trở và phủ định công cuộc cải cách-mở cửa. Tháng 6-2005, phát biểu tại lớp nghiên cứu chuyên đề nâng cao năng lực xây dựng xã hội hài hoà của cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh và bộ, Hồ Cẩm Đào đã đề ra kiên trì quan điểm phát triển khoa học lấy con người làm gốc, xây dựng xã hội hài hoà. Ông nói:

“Lấy con người làm gốc là kiên trì phát triển vì nhân dân, phát triển dựa vào nhân dân, thành quả phát triển do nhân dân cùng hưởng, luôn luôn coi lợi ích căn bản của đông đảo nhân dân làm mục tiêu và điểm xuất phát căn bản trong công tác của Đảng và Nhà nước, ra sức giải quyết những vấn đề lợi ích quần chúng quan tâm nhất, trực tiếp nhất, hiện thực nhất.

Trong khi thúc đẩy phát triển, đặt bảo vệ công bằng xã hội vào vị trí nổi bật hơn, vận dụng tổng hợp nhiều biện pháp, dựa vào luật pháp, từng bước thiết lập hệ thống đảm bảo công bằng xã hội, với nội dung chủ yếu là công bằng về quyền lợi, công bằng về cơ hội, công bằng về quy tắc, và công bằng trong phân phối, khiến toàn thể nhân dân cùng được hưởng thành quả cải cách và phát triển, công vững bước tiến lên theo hướng giàu có.

Lấy con người làm gốc là tinh túy của chủ nghĩa xã hội dân chủ. Trong cuộc cải cách ý thức hệ, phải lấy quan điểm phát triển khoa học “con người là gốc” của Hồ Cẩm Đào làm cương lĩnh chung, dựa trên cơ sở chủ nghĩa xã hội dân chủ của Mác và Ăng-ghe-n những năm cuối đời, chủ nghĩa dân

chủ mới của Mao Trạch Đông, lý luận của Đặng Tiểu Bình, tư tưởng quan trọng “Ba đại diện”, tiếp thu kinh nghiệm quản lý đất nước của các đảng dân chủ xã hội: cầm quyền dân chủ, cầm quyền liêm khiết, thu hẹp ba sự chênh lệch lớn (giữa thành thị và nông thôn, công nhân và nông dân, lao động trí óc và lao động chân tay), tạo dựng ý thức hệ hài hoà với trào lưu dân chủ thế giới, hình thành lý luận cầm quyền hoàn chỉnh, thích nghi tình hình đất nước. Lý luận này đặt tên là lý luận chủ nghĩa xã hội dân chủ, đưa vào điều lệ đảng và hiến pháp. Từ nay không đưa tên bất cứ ai vào tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, để loại bỏ di chứng và ảnh hưởng của tệ sùng bái cá nhân, thiết lập quyền phát ngôn của phái cải cách. Đổi tên ĐCSTQ thành Đảng Dân chủ Xã hội, tham gia Quốc tế xã hội, để kế tục cội nguồn lịch sử của Đảng Dân chủ Xã hội do Mác-Ăng-ghe-nen sáng lập, xác lập vị trí lịch sử chính thống của phái cải cách, để người trong nước và thế giới thấy hoàn toàn mới mẻ. Đi bước này sẽ ảnh hưởng lớn lao tới việc thống nhất Trung Hoa, cải thiện quan hệ giữa Trung Quốc với EU, Mỹ, Nga và các nước dân chủ, tạo môi trường quốc tế tốt nhất cho Trung Quốc cất cánh bay cao. ■

